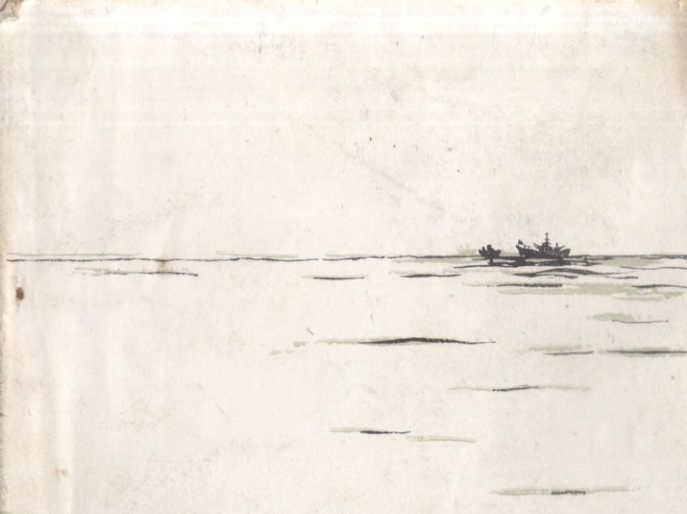

VÍCH-TO MI-KHAI-LỐP

Biển lạnh

(Truyện phản gián của Liên-xô)

LAO ĐỘNG

VICH-TO MI-KHAI-LỐP

BIỂN LẠNH

(Truyện phản gián của Liên-xô)

ĐỨC THUẦN *và* ĐÀO MAI *dịch*

NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG
HÀ NỘI – 1972

1

BUỔI SÁNG CỦA MỘT NHÀ KINH DOANH

Đúng chín giờ sáng, người bồi của quán ăn nhỏ « Mây-xen » đặt lên chiếc bàn con một bộ đồ pha cà-phê, ít bánh bích-quy, một ly rượu hồi [1] và mấy tờ báo mới.

– Chào ngài A-đam phôn Vi-nếc ! – Người bồi chào ông khách ăn thường xuyên của mình.

– Ngày hôm nay đẹp lắm, ông Méc-ke cố tri và tín cẩn của tôi ạ ! Phôn Vi-nếc đáp lại vẫn cái kiểu không thay đổi như vậy trong suốt chín năm nay.

Cả khách đến ăn và người bồi đều mỉm cười. Méc-ke ân cần nhấc chiếc ghế bành đặt dưới cặp mông tròn trĩnh của khách và phầy chiếc khăn lên mặt bàn một cái y như nhà họa sĩ đưa bút lông quệt một nét cuối cùng.

Phôn Vi-nếc rút từ trong túi ra mấy bức thư vừa nhận được ở trạm bưu điện, chiếc bút máy « Pê-li-can » và một cuốn sổ nhỏ.

Buổi sáng của nhà kinh doanh bắt đầu.

Chiếc bàn con này có một hàng chậu gỗ trồng trúc đào đang ra hoa ngăn cách nó với chỗ ngồi của những người khách khác mà thường thường A-đam phôn Vi-nếc vẫn đến chiếm. Sáng nào cũng đúng chín giờ Vi-nếc lại cho chiếc

(1) Một thứ rượu mạnh thơm như mùi hồi, người Âu hay uống.

« Phôn-xva-ghên » của mình đỗ bên cạnh quán ăn « Mây-xen ». Ông ta cứ vừa làm việc vừa thỉnh thoảng nhấp từng ngụm cà-phê pha đặc. Đến mười hai giờ, Méc-ke mang lại bữa ăn trưa và chiếc máy điện thoại có dây cắm ngay tại chỗ, bên cạnh bàn, tiếp theo là những câu chuyện đàm thoại về kinh doanh. Đúng một giờ, sau khi để lại cho người bồi một đồng mác, phôn Vi-nếc lái xe về Khác-bua, nơi E-va đang chờ ông ta trong ngôi nhà « Pa-ra-đi » xinh xắn, đầy đủ tiện nghi.

Phạm vi hoạt động của A-đam phôn Vi-nếc chẳng phải là một điều bí mật đối với ai cả: ông ta là người môi giới trong những vấn đề buôn bán tình yêu và việc kết hôn. Tiếng Đức, cái đó gọi một cách vắn tắt là « ây-nơ-khây-rát ».

Nhà buôn đang trầm ngâm tư lự, mặc dầu vốn dĩ là người lúc nào cũng sôi nổi và hiếu động. Ly rượu hồi thường vẫn dủ dùng đến bữa ăn trưa, thì hôm nay Vi-nếc đã uống cạn ngay một hơi.

« Đã có chuyện gì xảy ra với Vi-nếc rồi đây » — Méc-ke nghĩ bụng và đặt ly rượu đầy khác thay thế cho ly rượu đã cạn. Người bồi già này quả là có óc quan sát và hiểu biết về con người.

Phôn Vi-nếc bao giờ cũng giở tờ báo ra xem ở trang đăng những tin báo kết hôn. Nhưng không biết đọc đã đến lần thứ mấy rồi, giữa những đề nghị « ây-nơ-khây-rát » thuộc về kinh doanh, vẫn chỉ thấy hiện ra có mỗi cái thông báo nó khiến cho Vi-nếc cứ như người mất trí.

Vi-nếc cầm lấy tờ báo « Đi-ven-tơ » (1) mở trang thứ ba ra một cách thận trọng như đang bê một liễn xúp nóng. Cặp mắt ông ta đã thành thói quen, dừng lại ở hàng chữ thông báo kết hôn:

(1) « Thế giới » (Tiếng Đức)

Một bà đứng tuổi, dễ thương,

Đề nghị « ây-nơ-khây-rát »

Vốn cố định một cơ sở sản xuất xúc-xích và giăm-bông.

(50 công nhân). Vốn tiền mặt có 100.000 Mác.

Năm chiếc xe hơi riêng.

– Không biết người bán thịt lợn góa vợ, mình gặp ở đâu nhỉ ? – Vi-néc thầm nghĩ và kéo cuốn sổ lại gần. – Hình như bắt đầu bằng chữ « B »... Phải, phải, Bơ-la-u-man... Phơ-rít Bơ-la-u-man... »

Vi-néc đưa đầu ngón tay giữa nhọn chạy theo bảng chữ cái, nhưng, trái với ý muốn, sự chú ý của Vi-néc lại bị thu hút vào hàng thông báo xếp bằng chữ in cỡ lớn kiểu Gô-tích :

HỘI CHIẾN HỮU CỔ TRUYỀN ĐỨC TRONG SƯ ĐOÀN BỘ BINH SƠN CHIẾN SỐ 6 « E-ĐÊN-VÂY » !

Yêu cầu tất cả chiến sĩ tiền tuyến anh dũng

SĨ QUAN VÀ BINH LÍNH CỦA SƯ ĐOÀN

hãy đáp lời hưởng ứng !

Phó Chủ tịch hội Chiến hữu – bác sĩ Mác-khốp-phê Éc-pha-tan-lê-ê, 46, Hăm-bua, d. t 37.521.

Như cái máy, Vi-néc mở cuốn sổ ra, chỗ dán tấm ảnh người bán thịt lợn Bơ-la-u-man đang nhìn Vi-néc. Đó là một người có cái dáng vuông, bè, với hai hàng ria mép xoắn vểnh lên, vầng trán thấp và cặp mắt sắc như dao [1], nằm lọt sâu trong hố mắt.

(1) Nguyên văn : Sắc như cái dùi khâu giầy.

« Kiều đàn ông như thế này sẽ làm vừa lòng mấy « bà dễ thương » đây ! — Vi-néc nghĩ bụng, cầm lấy một tờ giấy sạch và bắt đầu viết lời xưng hô :

« Thưa bà rất kính mến, khả ái...»

Nhưng sự chú ý của ông ta lại bị phân tán, và Vi-néc một lần nữa, trong trí tưởng tượng, lại quay trở về với cái hội chiến hữu « E-đên-vây ». Ta có thể đoán được nỗi băn khoăn vướng mắc của nhà kinh doanh vốn rất điềm tĩnh ấy nếu biết rằng kế hoạch đột nhập của Hít-le vào bán đảo Côn-xki, được gọi theo mật hiệu « Cáo xanh », dáng lẽ phải được thực hiện không thể không có sự tham gia của Vi-néc, lúc bấy giờ còn là Cơ-la-út Vin-cơ-le — một đại úy lỗi lạc của Áp-ve (1).

Cơ-la-út Vin-cơ-le, quê ở Mây-xen. Điều đó đủ nói lên lý do tại sao hắn có thiện cảm đối với quán ăn « Mây-xen ». Cái thị trấn nhỏ ấy của miền Xắc-xông đã từng nổi tiếng với xưởng sản xuất đồ sứ cổ, nhà thờ thế kỷ XVI kiến trúc kiểu Gô-tích, lâu đài An-bơ-rét-xbua bên bờ dốc cao sông En-bơ và xưởng làm bánh kẹo Các Vin-cơ-le. Nghe nói, những người ưa thích loại bánh kem va-ni hình ống vẫn thường không quản ngại đường sá xa xôi, từ Đơ-re-xden đi xe đến Mây-xen. Chính trên tầng hai của xưởng làm bánh kẹo, giữa những mùi nghệ, quế và va-ni quện vào nhau nồng nặc, Cơ-la-út — người nối dõi độc nhất của dòng họ Vin-cơ-le, đã sinh ra và lớn lên ở đây. Rồi về sau đứa bé trở thành người lớn, đội chiếc mũ sinh viên và cuối cùng đã tô điểm lên mặt mình vết sẹo đầu tiên của trận đấu súng với bọn đồng học. Nhưng đến năm 1931, làn sóng « nâu » của những đội xung kích đã cuốn hắn đến tận Muy-ních. Khi bọn xung kích chuẩn bị cho Hít-le lên nắm chính quyền, Cơ-la-út Vin-cơ-le có mặt trong số những kẻ được tin cậy, hắn đã

(1) Áp-ve : cơ quan tình báo và phản gián trong quân đội Hít-le (Chú thích của tác giả).

lấy kem viết lên những lá phiếu bầu cử [1] và nhờ thủ đoạn đó mà hắn phát hiện được phái đối lập, hắn liền tham gia vào việc tiễu trừ những người trong phái đối lập một cách hứng thú. Năm 1944, do vượt lên trước sư đoàn của mình quá xa mà hắn đã phải vội vã tháo chạy trước tiên khỏi Triê-rơ-nai-a Bra-ma và sau đó, khỏi Pi-ê-trên-ga. Nhưng bè bạn ở cơ quan S.S [2] đã không bỏ quên Vin-cơ-le, nên sau một cuộc nghỉ ngơi ít ngày ở Mây-xen hắn liền trở thành Ga-up-stua-phuy-re, tức là phó chỉ huy trại tù binh trên đảo Rin-ghên. Nhận được bản mệnh lệnh « Cu-ghên »[3], Vin-cơ-le đã nổi bật hơn người bằng việc làm giảm bớt đúng một nửa số tù binh bị giam. Về thành tích này hắn được khen thưởng huân chương chữ thập sĩ quan hạng hai. Song huân chương chưa được trao cho tên phó chỉ huy trại: mặt trận sắp lan đến đảo Rin-ghên. Ban đêm Vin-cơ-le đã chạy trốn trên một chiếc xuồng tuần phòng khỏi mũi đất Ác-côn và đổ bộ lên bờ vịnh Ma-cơ-len-bua.

Cơ-la-út Vin-cơ-le xuất hiện ở Hăm-bua dưới danh nghĩa là A-đam phôn Vi-nếc một người dân tản cư từ miền Xắc-xông đến. Cuộc kết hôn tốt đẹp với vợ góa viên đại tá Slốt-xe — một người đàn bà gầy còm, bẳn tính, tuy chưa già nhưng sắc hương đã tàn phai, đã đưa lại cho hắn một số vốn lưu động, biệt thự « Pa-ra-đi » ở vùng Khắc-bua và E-va Slốt-xe.

---

(1) Lấy kem sữa viết số thứ tự của các cử tri lên lá phiếu để theo dõi xem ai bầu cho Hít-le, ai không bầu. Sau khi kiểm phiếu, bọn mật vụ sẽ lấy những lá phiếu có gạch tên Hít-le đi và căn cứ vào số thứ tự viết bằng kem mờ đó rồi đối chiếu với danh sách cử tri mà tìm ra người đối lập

(2) Tức tổ chức bọn lính xung kích cảm tử rất mực trung thành với chế độ Hít-le.

(3) « Cu-ghên » là bản mệnh lệnh bộ chỉ huy tối cao Hít-le về việc xử bắn những tù binh có ý định chạy trốn — V.M.

Khi những tên SS trước kia từ dưới «cõi chết» bắt đầu xuất đầu lộ diện, A-đam phôn Vi-nếc liền quyết định không tội gì phải làm lại từ đầu. Hắn cứ yên lặng sống. Cái nghề hắn đã chọn đang đem lại cho hắn một khoản thu nhập chắc chắn, nhất là mọi sự còn chưa được ổn định và những cơn gió lạnh tiêu diệt tàn tích phát-xít hãy còn có thể nổi lên với một sức mạnh ghê gớm như trước đây đã thấy. Nhưng khi hắn hiểu rằng lịch sử đang lặp lại và cưỡi lên con ngựa quốc xã cũ vẫn có thể làm nên công chuyện thì đã muộn mất rồi. Trên sân khấu chính trị không những cần phải rút lui đúng lúc, mà còn phải biết kịp thời xuất đầu lộ diện.

Giờ đây, là những điều thông báo của cái hội chiến hữu trong quân đội. Mọi sự sẽ rõ trắng đen nếu không phải là bác sĩ Mác-khốp-phê ! Năm 1943, khi những đơn vị của sư đoàn «E-đen-vây» trên bán đảo Ru-ba-tri bị mắc lại ở Mu-xta Tun-tu-ri, thì viên thiếu tá Khốp-phê đến thanh tra Áp-ve. Mệnh lệnh của Khốp-phê do cục «Những quân đoàn ngoại quốc phương Đông» cấp, có chữ ký của Ghéc-ga Vép-be. Mà Vép-be thì chẳng ai còn lạ gì là người của tướng Ghê-len [1]. Vép-be hiện giờ đang chỉ huy một trong những phòng tình báo trong Bộ Chiến tranh của Chính phủ Bon [2].

«Cái vòng đang tự khép kín lại: Khốp-phê làm việc ở chỗ Vép-be, A-đam phôn Vi-nếc kết luận, — vậy Khốp-phê có liên quan tới những công việc của Áp-ve... Ờ, chỉ cần Khốp-phê lần đến gặp mình là cái công việc buôn bán của mình sẽ bị hắn ta cho đi «tong» ngay !...»

Cái gì đúng, bao giờ cũng vẫn đúng ! Phòng tình báo bất

---

(1) Tướng Ghê-len tức Rây-gác Ghê-len, nguyên đại tướng của Hít-le và bây giờ là người cầm đầu «bun-đét-na-khơ-rít-ten-đinh» tức Cục tình báo Liên bang Tây-Đức — V.M.

(2) Tức chính phủ Tây — Đức.

đắc dĩ lắm mới chịu chia ly với những tay chân của nó. Những điệp viên ít khi, rất ít khi được chết một cách tử tế bình thường như mọi người, lại càng ít thấy hơn nữa là bọn chúng đi nhận tiền trợ cấp và sống nốt quãng đời của mình đâu đó ở Sác-xvan-đê, ngày ngày dùng bình tưới tưới lên các khóm hoa sen đất, trồng trong vườn. Vi-nếc biết rõ điều đó, cùng nhiều điều khác nữa, và vì biết quá nhiều nên hắn vẫn giữ được thái độ bình thản.

Vốn thông thạo thể văn viết thư văn hoa bay bướm, Vi-nếc liền viết một lá thư cho nữ chủ nhân cơ sở sản xuất xúc-xích, giăm-bông với một đoạn kết rất tao nhã, chải chuốt. Nhưng cái tình cảnh không có tin tức vẫn cứ giằn vặt hắn như cũ. Hắn phải được biết Khốp-phê đang cần gì, có điều gì đang ẩn giấu đằng sau cái thông báo đó của hội chiến hữu sư đoàn « E-đên-vây ».

Năm ly rượu hồi pha đặc đã giúp cho Phôn Vi-nếc lấn át được cái tính dằn đo thận trọng vốn có ở hắn. Hắn quay số 37.521 thay cho số điện thoại của Phơ-rít Bơ-la-u-man, và với cái ưu thế của một kẻ vô danh biết rõ mình đang nói chuyện với ai, hắn hỏi:

– Bác sĩ Khốp-phê?

– Xin chờ cho một phút! – Một giọng bồng của người đàn bà vang lên nửa như đáp lại nửa như hát, rồi sau là một giọng nói quen thuộc nghe như tiếng chó sủa:

– Mác Khốp-phê nghe đây!

– Thưa ngài bác sĩ, xin ngài vui lòng nói cho biết, – Vi-nec bắt đầu một cách mềm mỏng, lễ độ, – nếu tôi không nhớ nhầm, có phải năm 1943, trên bán đảo Rư-ba-tri thiếu tá Khốp-phê đã đến thanh tra Áp-ve của sư đoàn « E-đên-vây »...

– Ai nói đấy? ! – Khốp-phê gào lên.

– Tôi thật không muốn quấy nhiễu những cái bóng của dĩ vãng... – Hắn cảm thấy vui sướng vì thấy nói ra mà không hề ngại bị vạ miệng.

Nếu Vi-nếc biết rõ điều gì đã xảy ra tiếp theo câu trả lời lấp lửng của hắn thì hắn giọng nói của nhà buôn sẽ phải thay đổi.

Khốp-phê đã ấn tay vào nút một máy tín hiệu đặc biệt, và người phụ nữ có cái giọng bổng bèn bắt liên lạc bằng một máy điện thoại khác với phòng công tác mật của trạm điện thoại rồi nói khẩu lệnh.

Trong khi Khốp-phê từ phòng làm việc của mình tìm mọi cách kéo dài cuộc đối thoại vô nghĩa với Vi-nếc thì một tin báo cụ thể đã nhận được như sau: « Theo đường dây, máy số 74.315. Quán ăn nhỏ « Mây-xen ». Vét-tơ-stơ-rát-xê, 22 ».

Làm xong các công việc của mình, A-dam phôn Vi-nếc trở nên dễ tính và vui vẻ, hắn đặt lên bàn năm đồng mác — Một sự hào phóng xa phí thường không thấy ở hắn — và đã sắp sửa đi ra thì khi ấy, tên bác sĩ Mác Khốp-phê xuất hiện, để rời người đánh phịch xuống chiếc ghế bành bên cạnh. Khốp-phê ngửi chiếc cốc, nhăn mũi lại tỏ vẻ kinh tởm và hét tướng lên với Mác-ke đang chạy đến:

— Hai cô-nhắc!

Sau mười bốn năm, Khốp-phê già hắn đi, da thịt hắn đã bắt đầu mềm nhẽo. Cái nghề nghiệp bắt buộc luôn luôn phải lo lắng đã in lại dấu vết của nó. Còn nhà buôn Vi-nếc thì tên điệp viên già đời đã nhận thấy một cách dễ dàng ở ông ta có cái kiểu cách quý tộc, màu mè của chính Cơ-la-út Vin-cơ-le mà trước đây hắn đã đến kiểm tra công tác ở Mu-xta Tun-tu-ri.

— Này Vin-cơ-le, mới qua những năm đó mà anh đã từ một con thỏ bằng da biến thành con sư tử đủ lông đủ lá rồi đấy! — Khốp-phê nhận xét với vẻ bao dung.

Người bồi đưa đến hai cốc rượu cô-nhắc lớn và hai chiếc cốc quai dựng chanh có rắc đường.

Hai người lặng lẽ uống.

Khốp-phê bẻ gấp đôi múi chanh lại, mút lấy những thớ mềm rồi vứt miếng vỏ xơ xác lên cái khay.

Không hiểu sao Vin-cơ-le lại tự ví mình với múi chanh đó ở trong bàn tay Khốp-phê, và hắn liền cảm thấy buốt lạnh suốt sống lưng mình.

Vẫy tay gọi người bồi, Khốp-phê lại bảo mang thêm cô-nhắc đến.

– Vin-cơ-le ạ, nếu anh biết chúng tôi tìm kiếm anh bao nhiêu lâu, lận đận vất vả như thế nào! – Hắn bắt đầu. – Thậm chí tôi đã đi đến tận Mây-xen, nhưng tới nơi thì đã chậm mất rồi. Người bán mứt kẹo già đã chết, còn người kế tự ông ta thì không hề biết một tí gì về người con trai. Tiếng chuông điện thoại đáng yêu của anh quả là một thành công lớn! Uống đi, Vin-cơ-le, tôi thết anh đấy!

Hai ly cô-nhắc và năm ly rượu hồi trước đó dẫu sao cũng đã gây được tác dụng của chúng. Vin-cơ-le mỉm cười một cách giảo hoạt, vừa hỏi:

– Tôi đùa anh trên dây nói có cừ không?

– Cừ lắm! – Khốp-phê sẵn lòng tán thành. Hắn nói thêm có ý đe dọa: – Vép-be sẽ kể lại chuyện này với bác sĩ Snây-de, thủ trưởng sẽ cười đến vỡ bụng mất.

«Bác sĩ Snây-de» là biệt hiệu của tướng Ghê-len, điều đó Vin-cơ-le biết rõ lắm, và hắn liền nhớ lại mấy đoạn đã đọc trong tờ «An-ghê-mây Xay-tung». «... Con người nguy hiểm nhất của phương Tây!»... «Đức hồng y giáo chủ xám của vị cựu tổng trưởng»[1].

Thế là toàn nhà buôn bán thịnh vượng mà phải mất bao nhiêu công sức mới xây dựng lên được trong nháy mắt đã sụp đổ... Vin-cơ-le đưa mắt nhìn Khốp-phê, và khi đã đề

(1) Cựu tổng trưởng là nói về Côn-rát A-đê-nao-ơ, thủ tướng Cộng hòa liên bang Đức (Tây — Đức) sau đại chiến thứ hai — V. M.

mất hết chút can đảm cuối cùng, hắn liền bảo bồi mang cô-nhắc đến.

Khoảng bốn mươi phút sau, hai người bước ra con đường Vét-ten-stơ-rát yên tĩnh.

Lấy cớ Vin-cơ-le đứng không được vững, Khốp-phê khoác tay dìu Vin-cơ-le đi. Ít ra thì người ngoài có nhìn thấy cũng cứ tưởng đúng là như vậy. Nhưng dù cảm thấy cánh tay nặng của Khốp-phê đang đè trĩu lên khuỷu tay mình, Vin-cơ-le vẫn cố bước về phía chiếc « phôn-xva-ghên » của mình, định thoát khỏi sự giám hộ của con người đó.

Khốp-phê bèn dẫy Vin-cơ-le tới chỗ chiếc « méc-xê-déc » đen, vừa giải thích:

— Anh say rồi, Vin-cơ-le ạ, hãy đến nhà tôi uống một tách cà-phê đã.

Chiếc « méc-xê-déc », dừng lại bên cạnh dãy hàng rào xám xịt màu sắt! Tận phía trong khu vườn, cây cỏ mọc um tùm, hiện ra một ngôi biệt thự nhỏ.

Khốp-phê đưa Vin-cơ-le vào một căn phòng làm việc rộng thênh thang, bày biện toàn những thứ đồ đạc cồng kềnh bằng gỗ sồi. Một người phụ nữ duyên dáng, nhưng với tư cách là người hầu phòng thì có vẻ quá tự tin, mà là người vợ thì lại quá hèn mọn tầm thường, đem cà-phê lại cho họ rồi đi ra ngoài, sau khi đã đóng chặt cánh cửa phía sau lưng mình lại.

Khi còn lại hai người với nhau, Khốp-phê nói:

— Anh biết đấy, Vin-cơ-le ạ, đừng lẩn tránh làm gì. Tình hình viên phó chỉ huy trại tù binh Cơ-la-út Vin-cơ-le biến thành nhà buôn A-đam phôn Vi-nếc như thế nào, điều đó không làm cho chúng tôi quan tâm tới. Nhưng anh phải nhớ lại tất cả những biến cố xảy ra trước ngày mồng bảy tháng mười năm 1944. Những câu trả lời của anh đều được ghi âm, anh hãy cố nói thật gọn gàng, chính xác. — Khốp-phê ấn cái nút tín hiệu. — Thiếu tá thủ trưởng Áp-ve sư đoàn

« E-đen-vây » Cơ-li-úc-ghê bị giết ngày mồng sáu tháng mười. Áp-ve đã tiếp nhận đặc ủy Vin-cơ-le, – Khốp-phê gợi nhắc. – Sáng mồng bảy tháng mười quân Nga bắt đầu tấn công. Trong thời gian đó, những tài liệu lưu trữ của Áp-ve để ở đâu?

Vin-cơ-le rút chiếc khăn sực nức mùi nước hoa ra lau cặp kính. Hắn muốn tranh thủ thời gian.

– Cơ-la-út Vin-cơ-le, tôi báo anh biết trước là, vấn đề này có liên quan tới riêng cá nhân bác sĩ Mu-re và toàn bộ công tác tình báo của bộ tham mưu NATO (1), – Khốp-phê nhấn mạnh.

– Tài liệu lưu trữ của Áp-ve đóng trong hai cái hòm bằng kim khí, để trong một căn hầm thiên tạo trên cao điểm 412...

Với cặp mắt trân trân không hề rời khỏi Vin-cơ-le, Khốp-phê hỏi ngay:

– Tên địa phương gọi là Tri-ô-rơ-nai-a Bra-ma;

– Có lẽ...

– Nói tiếp đi!

– Khi bọn Nga cắt đứt chúng tôi với mặt bể, chọc thủng miền Tây Kri-nhít-xa và bám chắc lấy bờ biển, thì tôi ra lệnh đốt những tài liệu lưu trữ...

– Đốt ra sao?! – Khốp-phê nắm lấy hai vai Vin-cơ-le.

Vin-cơ-le đã hiểu câu hỏi đúng từng chữ:

– Thượng sĩ Béc-man đổ hỗn hợp chất nhiên liệu lên các hòm và...

– Đồ ngu! Anh đã đốt hết sạch số tài liệu lưu trữ à?!

– Không, thưa ngài thiếu tá, chiếu theo chỉ thị « OS/15 », chiếc hòm con bọc kẽm tôi đã ra lệnh...

– Anh có theo dõi việc thi hành không? – Khốp-phê ngắt lời hắn.

– Tôi đã ra lệnh, nhưng khi đó những tài liệu trữ bốc

(1) NATO = khối Bắc Đại-tây-dương.

cháy, tỏa khói dày đặc khắp hầm nên bị ngạt, tôi đã ra ngoài để thở...

– Thế còn chiếc hòm...

– Mấy phút sau thượng sĩ Béc-man báo cáo là mệnh lệnh đã được thi hành.

– Nói tiếp đi!

– Khi chúng tôi xuống tới chân cao điểm, tôi mới nhớ đến căn hầm. Bọn Nga đang điều chỉnh xạ kích, song tôi đã hạ lệnh cho Béc-man chọn người, leo lên cao điểm lấy đá bịt kín lối vào trong hầm và ngụy trang thật kỹ... Khi đó tôi hãy còn tin rằng, chúng ta sẽ có ngày trở lại...

– Những cảm xúc của anh không liên can gì tới tôi! – Khốp-phê thốt lên, giọng cay độc. – Kể tiếp đi!

– Bọn Nga đã chiếm được hầm và chống cự lại rất điên cuồng. Nhưng tiểu đội của thượng sĩ Béc-man đã hoàn thành nhiệm vụ một cách vinh quang!

– Béc-man còn sống không?

– Ít lâu sau, trong thời gian mặt trận chuyển sang thế cầm cự, Béc-man đã bị giết ở vùng Pê-chên-ga...

Nhìn qua cửa sổ, Vin-cơ-le thấy một chiếc xe hơi lớn, nhãn hiệu lạ, chạy thẳng vào lối đi trong vườn.

Khốp-phê đứng phắt dậy, tắt máy ghi âm đi. Chỉ đến khi đó hắn mới văng ra một câu rủa tục.

Người phụ nữ mang vào thêm một tách cà-phê nữa.

– Béc-ta, có phải cô đã báo cho đại tá biết không? – Khốp-phê hỏi, giọng gắt gỏng.

Đáp lại lời hắn là một nụ cười và một giọng nữ cao:

– Vâng, thưa ngài trung tá.

Ghéc-hai Vép-be bước vào phòng làm việc.

Vin-cơ-le nhổm ngay người dậy khỏi chiếc ghế bành và, đã thành thói quen, tung tay lên:

– Hai-lơ! (1).

(1) Tiếng hô « Hít-le muôn năm » của bọn sĩ quan phát xít Đức.

2

NGOÀI BIỂN

Chiếc tàu biên phòng «Vi-u-ga» đang làm nhiệm vụ tuần tiễu.

Đằng chân trời, vừng dương buổi sớm đã nhuốm vàng một dải mây nhỏ, nhưng ở trên tàu thì bóng tối của đêm Bắc cực vẫn còn dày đặc.

Hạm trưởng I-van Ác-xen-chi-ê-vích Pô-li-va-nốp từ trên đài chỉ huy đi xuống.

Pô-li-va-nốp vừa rít chiếc tẩu đã tắt ngấm từ lâu, vừa rẽ vào trong buồng hoa tiêu rồi đưa mắt quan sát khắp tủ sách do anh ta coi giữ. Trên một ngăn tủ, giữa hàng chục cuốn sách về những nguyên lý hàng hải, thấy có một cuốn nhỏ đã cũ của Tuốc-ghê-nhi-ép. Cuốn này có ở trên tàu khi nào và nó ra làm sao, không ai biết cả, nhưng tập « Bút ký của người đi săn » thì, như lời phó chính ủy, đã đến đây hồi viên hoa tiêu nhập ngũ.

I-van Ác-xen-chi-ê-vích cầm một cuốn sách mỏng trong ngăn tủ và mở ra ở chỗ có cái dây vải đánh dấu trang sách.

Cùng lúc đó, trong ca-bin (1) trên boong thượng, thiếu tá phó chính ủy Phu-tô-rốp cũng đang cúi đầu trên một cuốn sách.

(1) Phòng nhỏ trên tàu thủy.

« ... Bộ máy dặt bên ngoài giữ một vai trò quan trọng trong việc bảo dảm sự thăng bằng của thân tàu khi đứng yên cũng như khi chạy... » — Phu-tô-rốp đọc và suy nghĩ. Thật khó mà hiểu tường tận nổi một vấn đề nó đòi hỏi phải có những kiến thức về chuyên môn. Khó thật, nhưng cần thiết! Ghê-ra-xim Rô-di-ô-nô-vích Phu-tô-rốp, một con người có kinh nghiệm về cuộc sống rất phong phú: chiến tranh đã ập đến với đồng chí tại mỏ dầu lửa Xta-rô Gơ-rê-dơ-nhen-xki. Lúc bấy giờ đồng chí đang làm thợ nguội của ban khai thác dầu. Ngày ngày đồng chí vẫn xách cái giỏ nhồi nhét đầy dụng cụ và những bộ phận thay thế, đi hàng mấy véc-xtơ (1) đường trên những quả gò của cao nguyên Téc-xcô Xun-gian-xki. Trên mỏ dầu không một bóng người. Chỉ có tiếng ve sầu và tiếng cót két buồn tẻ phát ra từ bộ phận truyền lực của những cái cần lắc. Khắp gò phi liên mọc lá xoăn tít, những đám xương rồng bị dãi nắng đã ngả màu vàng úa. Trên trời những giải mây thưa thớt như ngừng đọng lại. Oi bức và hoang vắng.

Cuộc sống hiu quạnh đã khiến Ghê-ra-xim trở thành một người hay mơ ước. Có một bận, đồng chí đã đến gặp ban quản lý mỏ đưa ra dự án nâng cao công suất của các giếng bằng cách bơm nước, nhưng... Thế đấy, đồng chí rất có thể phát minh ra một cỗ xe ngựa bốn bánh với sự thành công đại loại là như vậy! Thì ra, cái gì mà đồng chí đạt được bằng cả sự nỗ lực lớn lao thì người ta đã sáng chế ra và đã thử thách trên thực tế từ lâu cả rồi! Sự thất bại không làm cho Ghê-ra-xim nản lòng, đồng chí hiểu rằng kiến thức là điều rất cần thiết, nên đã quyết định tìm hiểu khoa học một cách thấu đáo bằng bất cứ giá nào. Song, chiến tranh nổ ra như một cơn bão lửa, đã tung mọi người ra khắp dải đất

(1) Véc-xtơ = 1.06 C.S.

Liên-xô. Ghê-ra-xim [1] được điều tới một đoàn tàu nhỏ trên sông A-mua, rồi sau đó chuẩn úy Phu-tô-rốp [2] phục vụ trên một hạm đội ở Thái-bình-dương nhưng khi kết thúc cuộc chiến tranh thì lại ở một đơn vị lính đánh bộ trên những cánh đồng Mãn-châu. Sau chiến tranh thì theo học Trường hải quân cao cấp ở Lê-nin-grát, năm năm phục vụ ở Ban-tích, sau đó lại học tập, những khóa bổ túc, và bây giờ đây... biển Ba-ren.

Có tiếng gõ cửa.

Được phép, một sĩ quan đứng tuổi, da mặt đỏ và rám, bước vào ca-bin. Viên sĩ quan báo cáo:

– Tôi, thượng úy Va-rê-nốp, đã đến theo lệnh của đồng chí.

Phu-tô-rốp đứng dậy bước ra đón, chào hỏi và niềm nở nói:

– Ngồi xuống, I-a-cốp Phi-líp-pô-vích [3], chúng ta hãy nói chuyện một cách tự nhiên.

Phu-tô-rốp cũng ngồi xuống phía đối diện, hai tay tì lên bàn, mắt chăm chăm nhìn Va-rê-nốp tưởng chừng như mới gặp lần đầu.

Trông thấy một quyển bách khoa đã mở sẵn ở trên bàn, viên y sĩ liền hiểu câu chuyện nói «một cách tự nhiên» sẽ là vấn đề gì, nên anh ta cứ luôn luôn nháy mắt, vừa liếc nhìn sang bên cạnh.

Va-rê-nốp đã phục vụ trên hạm đội gần hai mươi năm trời và tự cho mình là một người thầy thuốc giỏi. Một bận, trên tàu «Vi-u-ga» người ta đã nhận được tín hiệu cấp cứu của chiếc tàu đánh cá Na-uy – «Tờ-rôm-xơ». Chuyện đó

---

(1) (2) Ghê-ra-xim là tên «cúng cơm» của Phu-tô-rốp (Phu-tô-rốp là tên họ, thường gọi có đệm thêm chức vụ).

(3) Tên «cúng cơm» của Va-rê-nốp (Va-rê-nốp là tên họ, thường gọi có đệm thêm chức vụ).

đã xảy ra ở vịnh Va-ran-ghe. Khi đến gần « Người Na-uy », sự thể mới rõ ra là ở trên tàu có thuyền trưởng Gun-déc-xen đang ốm nặng. Y sĩ Va-rê-nốp đã chẩn đoán rất đúng: bệnh nhân bị viêm ruột thừa cấp tính. Không thể chậm trễ được, và, mặc dầu thời tiết giông bão, Va-rê-nốp đã tiến hành mổ có kết quả tốt. Từ dạo đó, mỗi khi gặp chiếc « Vi-u-ga » ở men đường vạch ranh giới mười hai hải lý là chiếc « Tơ-rôm-xơ » của Gun-déc-xen lại kéo cờ chào. Va-rê-nốp được nổi danh là một Ét-cu-láp [1] đầu tiên của biển lạnh, cho nên, trong thái độ, anh ta đã có đôi chút làm ra vẻ quan trọng, nếu không nói quá hơn thì đã tỏ ra là kiêu căng ngạo mạn.

— I-a-cốp Phi-líp-pô-vích, đồng chí có mang theo thẻ đảng viên không đấy?

Phu-tô-rốp hiện thay thế người bí thư Đảng, đang nghỉ phép.

— Sao ạ? Ghê-ra-xim Rô-đi-ô-nô-vích, tôi chỉ mới chưa đóng đảng phí có tháng vừa qua thôi, — Va-rê-nốp nói. Anh ta tháo chiếc kim băng gài túi áo trong, lấy ra tấm thẻ, đặt lên bàn và thò tay vào túi lấy tiền.

Phu-tô-rốp cầm lấy chứng minh, thong thả lần giở từng trang, nhận số tiền đảng phí, bảo Va-rê-nốp ký vào mục thanh toán và đặt tấm thẻ đảng viên lên bàn.

— I-a-cốp Phi-líp-pô-vích, tôi có theo dõi đồng chí và lấy làm ngạc nhiên: danh tiếng đã làm hư hỏng đồng chí, — phó chính ủy nói. — Đồng chí đã trở thành, biết nói điều ấy ra sao nhỉ... một ông quan của nghề thuốc thì phải... Đáp lại bộ điệu phản kháng của Va-rê-nốp, phó chính ủy ngửa lòng bàn tay thô to, chằng chịt dầy những mạch máu đen của mình lên: — Khoan đã, I-a-cốp Phi-líp-pô-vích, đồng chí đừng cãi lại vội. Tôi nói điều ấy với đồng chí một cách nghiêm túc đấy. Tôi nhận xét thấy lòng nhiệt tình của đồng

(1) Vị thần của nghề thuốc, theo thần thoại Hy-lạp.

chí đã nguội lạnh đi rồi. Đối với một người thầy thuốc, điều đó rất không đúng, đối với một người cộng sản thì tôi xin nói thẳng ngay ra là: không thể dung thứ được. Sự nghiệp của chúng ta sẽ bị tiêu ma đi mất nếu thiếu những con người có lòng nhiệt tình chân chính.

– Ghê-ra-xim Rô-đi-ô-nô-vích, tôi không hiểu đồng chí muốn nói về điều gì? – Vừa hỏi, Va-rê-nốp vừa luôn luôn nháy mắt và đưa chiếc khăn áp vào gần hai mắt. Mí mắt Va-rê-nốp hơi đỏ: y sĩ đã bị lên lẹo mắt.

– I-van Ác-xen-chi-ê-vích đã đưa cho tôi xem bản báo cáo của đồng chí. Tôi đã đọc và rất sửng sốt. Con người đang phát hiện thấy những vì sao mới, nhưng thượng úy quân y Va-rê-nốp thì lại phát hiện được một căn bệnh không điều trị nổi...

– Ghê-ra-xim Rô-đi-ô-nô-vích, không phải tôi đã phát hiện ra đâu, mà trước tôi đã có người cố gắng tìm rồi Aitialogos và pathologos (1) của chứng say sóng... – cũng như nhiều người làm nghề thầy thuốc, y sĩ Va-rê-nốp thích «trưng» những chữ la-tinh ra.

– Khoan đã, ông thầy thuốc ạ, – Phu-tô-rốp ngắt lời Va-rê-nốp. – Bây giờ xin nói đến vấn đề của An-đơ-rây, La-út-skin và Tu-lu-pốp mà đồng chí đã đề nghị xóa tên khỏi danh sách những thủy binh trên tàu.

– Trong trường hợp này có sự lấn át của tình trạng dễ bị kích thích do hiện tượng luôn luôn dập dềnh gây ra! Ngoài ra lại còn tình trạng bộ máy đặt bên ngoài... – viên y sĩ toan chêm thêm vào.

– Đến trường huấn luyện người ta khắc kiểm tra bộ máy đặt ở ngoài, còn say sóng thì ai mà chẳng bị. Thật thế, với thời gian mọi người sẽ quen dần và...

---

(1) Atialogos và pathologos, nguyên gốc tiếng Hy-lạp, nghĩa là: những thuyết về các nguyên nhân phát sinh và phát triển của quá trình đau yếu trong cơ thể — V.M

– Đô đốc Nen-xơn [1] chả suốt đời vẫn không chịu đựng được bè đấy sao?! – Va-rê-nốp gợi nhắc.

– Nhưng đô đốc vẫn không mất khả năng làm việc và là một vị tư lệnh hải quân lỗi lạc kia! – Phu-tô-rốp bác lại và mỉm cười với vẻ giễu cợt... Đồng chí Va-rê-nốp ạ, nếu năm 1770 mà đồng chí làm thầy thuốc trên chiến thuyền thì đồng chí đến xóa tên đô đốc Nen-xơn không để ở hạm đội vì cái «ca» say sóng ấy mất, và người Anh thì chỉ vì lỗi lầm của đồng chí mà có thể không thắng trận A-bu-kia cũng nên.

– Vậy đồng chí ám chỉ Nen-xơn nào ở đây kia? Chẳng hạn, La-út-skin? – Va-rê-nốp nhếch mép cười.

– Con người ta mỗi người biểu hiện tài năng ra một vẻ, – phó chính ủy làm ra vẻ không hiểu ý mỉa mai của viên y sĩ. – Mỗi người một vẻ, – đồng chí nhắc lại. – Có điều cần phải giúp đỡ họ trên những con đường đời có nhiều khó khăn trở ngại.

Phó chính ủy dừng lại. Va-rê-nốp cầm lấy tấm thẻ đảng viên của mình ở trên bàn bỏ vào túi và lấy kim băng gài lại.

– Trong phòng sĩ quan có treo bức chân dung của Vơ-la-đi-mia Na-goóc-nưi...

– Tôi có biết Vơ-la-đi-mia, – Va-rê-nốp sôi nổi hẳn lên. – Một thanh niên thật anh dũng!

– Vơ-la-đi-mia không phải ngay một lúc mà trở thành anh hùng đâu. Đảng, tập thể đã giáo dục đồng chí đó lập chiến công... An-đơ-rây Na-goóc-nưi đã thay thế vị trí của người anh. Đó là một thanh niên tốt, chính trực và chân thành. Đoàn viên thanh niên cộng sản đấy. Tất cả chúng tôi đều tin tưởng rồi đây An-đơ-rây sẽ trở thành một thủy thủ, một chiến sĩ. Chàng trai đó hiện gặp khó khăn,

(1) Hô-ra-xơ Nen-xơn (1758 — 1805) — thủy sư đô đốc Anh, đã thắng những trận A-bu-kia, Tơ-ra-phan-ga.

biển đang quật cậu ta gục xuống. Nhưng, I-a-cốp Phi-líp-pô-vích ạ, một người như vậy sẽ không chịu thua đâu, chính tôi nói với đồng chí như thế đấy. Tôi khuyên đồng chí: hãy đi gặp đồng chí chỉ huy xin lỗi về bản báo cáo, hãy nói rằng mình đã quá nóng nảy vội vàng và lấy lại mảnh giấy đó. Đối với con người nên có thái độ thận trọng của một người cộng sản.

Phu-tô-rốp đứng dậy và chìa tay ra cho viên y sĩ bắt:

– Bảo giùm hộ chuẩn úy I-a-xát-nưi đến gặp tôi. Va-rê-nốp tìm thấy đội trưởng thủy binh, bèn truyền đạt lời gọi của phó chính ủy. Sau đó, quyết định chấm dứt ngay lập tức cái chuyện khó chịu ấy, anh leo lên cầu thang, hé mở cánh cửa và nhìn vào trong buồng lái – đồng chí chỉ huy đang ngồi bên bàn hoa tiêu, đầu cúi xuống cuốn sách. Y sĩ khẽ khép cánh cửa lại, thầm nghĩ: « Không nên quấy rầy đồng chí chỉ huy. Ta sẽ báo cáo sau vậy ».

Quả vậy, I-van Ác-xen-chi-ê-vích (1) đang say sưa đọc. Ở đây, trong vòng đai Bắc-cực, bão tuyết vẫn còn đang hoành hành. Những mảnh nhũ băng phủ kín cả sân boong đằng mũi tàu. Hơi thở của biển cả, vừa lạnh vừa ẩm ướt, thấm qua những vách ngăn mỏng. Nhưng từ những trang sách của Tuốc-ghê-nhi-ép đang tỏa ra một làn hơi ấm khô, thường chỉ cảm thấy vào lúc nửa đêm, và một mùi thơm ngải cứu, ô-mạch và lúa mì nâu đã gặt, bay đến, ngào ngạt một cách lạ thường.

Pô-li-va-nốp bỏ cuốn sách sang một bên, mở máy thu thanh và lắng nghe:

«...Nhiệt độ buổi sáng ở Muốc-măng là ba mươi độ dưới không, ở A-pa-ti-tơ – bốn mươi độ dưới không, ở Môn-trê-goóc – bốn mươi ba độ dưới không. Trên khắp bán đảo Cơn-xki trời lạnh buốt vì có những khối không khí của Bắc-cực từ vùng bể Các-xki tràn xuống...».

(1) Tên của Pô-li-va-nốp.

« Phải chờ sương mù » I-van Ác-xen-chi-ê-vích nghĩ, mặt nhăn lại có vẻ không hài lòng.

– Báo cáo đồng chí thiếu tá, bên phải hướng đi mười, có một chiếc tàu! – Sĩ quan trực ban báo cáo.

Pô-li-va-nốp áp trán vào vành cao-su của máy ra-đa và nhìn thấy đằng phía sau có vết sáng, chạy lan rộng ra, hình bóng lờ mờ chấm lấp lánh của mục tiêu. Từ đây tới chiếc tàu lạ, đi theo một hướng song song với chiếc « Vi-u-ga » cách bảy mươi hai liên (1).

Pô-li-va-nốp ra lệnh đổi hướng đi, và chiếc « Vi-u-ga » liền tiến lại gần.

Đã động gió. Điều đó gây nên một mối lo ngại : sự chênh lệch rất lớn về nhiệt độ giữa mặt bể và bầu không khí có thể đưa đến hiện tượng bốc hơi.

– Báo cáo đồng chí chỉ huy, khoảng cách đang tăng lên! – Viên hoa tiêu báo cáo.

– Mở hết tốc độ tiến lên! – Pô-li-va-nốp hạ lệnh.

Trên mặt bể, từng làn hơi vàng bệch bốc lên, hòa lẫn rất nhanh vào những đám mây trải ra dày đặc. Mấy phút sau, màn sương mù như một bức thành không nhìn thấu qua được, dựng đứng ngay trước mũi con tàu.

Sau khi đi ngang qua mũi Đông-bắc của bán đảo, chiếc tàu lạ rẽ ngoặt rồi tiến vào vạch ranh giới mười hai hải lý của hải phận Liên-xô.

« Thế nghĩa là thế nào? – Pô-li-va-nốp nghĩ bụng. – Chiếc tàu đánh cá đi vào Muốc-măng hay là « người ngoại quốc » đã chọn con đường ngắn nhất để vào cảng? ».

Cần phải nhận rõ chiếc tàu lạ. Nhưng, trên màn ảnh ra-đa đột nhiên xuất hiện những đám nhiễu loạn.

Pô-li-va-nốp châm lửa vào chiếc tẩu và trở lại đài chỉ huy. Hai tay bị lạnh cóng thọc sâu trong túi áo khoác, đồng chí vừa đi nhún nhảy trên đầu bàn chân theo thói quen, vừa

(1) Liên (encablune) = 185,m^2.

chăm chú nhìn vào màn sương mù dày đặc như bức thành.

Viên hoa tiêu đi lên đài chỉ huy:

– Thưa đồng chí thiếu tá, tầm nhìn tụt xuống số không. Có lẽ nên giảm bớt tốc độ (1)?

– Không! – Pô-li-va-nốp đáp cụt lủn và kiên quyết gạt tay chuông vào chỗ «Tốc độ lớn nhất» rồi nói thêm: – Truyền lại với hạm phó: báo về Ban tham mưu là chúng ta đang tiến đến gần chiếc tàu lạ, hướng đi của ta X tọa độ và tầm nhìn Z...

Sau khi nhắc lại mệnh lệnh, viên hoa tiêu từ trên đài chỉ huy đi xuống.

– Trên ra-đa thế nào? – Pô-li-va-nốp mở cái nắp bịt ống nói ra, hỏi.

– Trên màn ra-đa có những nhiễu loạn.

Mấy phút nữa trôi qua.

Thiếu tá phó hạm trưởng Đê-vi-a-tốp, một người cao lớn, lưng gù, mình mặc áo bông ngắn có mũ trùm đầu, đi lên đài chỉ huy đứng bên cạnh hạm trưởng.

Đê-vi-a-tốp nhìn khuôn mặt trông nghiêng của đồng chí chỉ huy với chiếc tẩu «muôn thuở» ngậm bên cạnh miệng, nhìn cái mũi thẳng dọc dừa với những lỗ mũi nở rộng luôn động đậy và cặp mắt màu nâu nhạt, có cái nhìn rất sắc. Đó là khuôn mặt của một người có sức mạnh, có nghị lực, rất ít nói, khi cần phải quyết định thì nhanh chóng, dứt khoát.

Bảy năm trước đây, Đê-vi-a-tốp tốt nghiệp trường hải quân cao cấp ở Lê-nin-grát. Đồng chí đã trải qua nỗi cay đắng của một tâm trạng bị vỡ mộng sau khi nhận được quyết định điều đến các đơn vị biên phòng. Mơ ước được phục vụ trên một chiến hạm lớn thế là sụp đổ tan tành. Đê-vi-a-tốp hình dung một chiếc tàu bé nhỏ đang chờ mình, một toán thủy binh dăm ba người, những chuyến đi ven biển

(1) Nguyên văn: giảm bớt số vòng quay của chân vịt.

buồn tẻ và những cuộc khám xét các con tàu buồm đánh cá bằn thiu.

Có thể nói rằng chính với nỗi lòng ấy Đê-vi-a-tốp đã đi đến căn cứ, nơi chỉ có một cái cầu tàu dựng lên trên mặt nước cho tàu bè cặp bến và chừng hai chục mái nhà gỗ nhỏ mọc sát bờ vịnh như những nấm gờ con: Chiếc « Vi-u-ga » đã trở thành trường học gian khổ đầu tiên của Đê-vi-a-tốp, còn Pô-li-va-nốp là một cấp chỉ huy nhẫn nại và nghiêm khắc của đồng chí. Tất cả những gì mà bây giờ đồng chí hiểu biết đều là kết quả của cả một quá trình công tác lớn, có suy nghĩ chín chắn của con người tưởng như khắc khổ, khô khan ấy. Và hiện giờ thì Đê-vi-a-tốp đã hiểu, một cách thấu đáo, tất cả bề sâu trách nhiệm của một người chỉ huy trong tình huống đã xảy ra.

Con tàu lạ chạy hết tốc độ trong sương mù mà không chịu báo hiệu. Không đáp lại những lời chất vấn, nó lẩn trốn sau bức màn trắng không thể nhìn thấu qua...

Bỏ chiếc tầu trong mồm ra, Pô-li-va-nốp quay người về phía hạm phó rồi lặng lẽ chỉ tay về hướng Bắc.

Đê-vi-a-tốp lắng nghe và nhận thấy một làn gió thổi yếu ớt. Nếu gió Bắc mà tăng mạnh lên, sương mù cũng sẽ tan đi mau chóng như khi nó xuất hiện.

Những hôm thời tiết tốt, khi từ ngoài bể có thể nhìn thấy bán đảo, dải bờ của nó có vẻ như hoang vu. Những nấm gò dốc thoai thoải bị phủ kín dưới một lớp tuyết dày dặc đã nén chặt xuống. Nhưng ấn tượng đó chẳng qua là lừa dối mà thôi. Trong trạm gác phủ tuyết có đặt một đài quan sát. Được trang bị bằng ống nhòm đi bể và viễn vọng kính, người quân nhân biên phòng, đang đứng canh gác, cảnh giác nhìn đăm đăm về đằng xa.

Và đây, một cơn gió nổi lên. Nó khẽ nâng những dảm sương mù trên mặt bể lên tựa hồ như vén một bức màn che vậy. Rồi sau đó gió lại ập xuống với tất cả sức mạnh hung hãn hơn, và trên những đợt sóng dựng đứng bắt đầu

thấy có những vết sáng vàng óng ánh của buổi rạng đông. Bất chợt, trên một quãng cách rất xa, về phía đông-nam trạm gác, người quân nhân biên phòng nhìn thấy một chiếc tàu buôn.

Mười lăm phút sau, người sĩ quan trực ban trên tàu « Vi-u-ga » trao cho hạm trưởng bức điện nhận qua đài vô-tuyến-điện :

« Chiếc tàu không treo cờ, không nhận rõ là tàu nào, đã đi theo hướng một trăm sáu mươi, theo máy nhắm phương vị xác định là bốn mươi ba, cách PN — 5 ba hải lý về phía đông-nam ».

Pô-li-va-nốp đi xuống buồng hoa tiêu, và sau khi dò theo bản đồ xác định được vị trí của chiếc tàu lạ, đồng chí liền hô hướng đi mới.

Chiếc « Vi-u-ga » lao hết tốc độ về phía vịnh Tơ-rê-gu-bưi. Gió mỗi lúc một thổi mạnh hơn, hớt tung đám bọt trắng trên đầu những ngọn sóng nhô lên dựng đứng rồi lại tan đi rất mau.

Những nấm gò thoai thoải trên bán đảo hiện ra cách bên phải mạn tàu hai mươi bảy liên. Chiếc tàu « Vi-u-ga » càng ở xa chiếc tàu lạ hơn nữa.

Ngọn hải đăng đã khuất hẳn phía sau tàu.

Mấy phút khắc khoải nữa qua đi. Tín hiệu viên báo cáo :

— Mục tiêu bên phải hướng đi ba mươi! Khoảng cách bốn mươi liên!

Thiếu tá phó chính ủy Phu-tô-nốp đi lên đài chỉ huy.

Đê-vi-a-tốp vừa quan sát con tàu bằng ống nhòm vừa báo cáo :

— Tàu không treo cờ. Loại tàu chở hàng hóa khô gọn. Có hai cột buồm. Hai trục kéo. Đang đi với một ít hàng hóa.

Hạm trưởng hỏi :

— Có những dấu hiệu gì?

– Ống khói màu vàng. Những vạch dài đen, xanh và đỏ chạy dọc thân tàu.

– Lối ghi dấu trên những con tàu của Công ty tàu biển « Can-be-ra Lan-doóc-phơ Hăm-bua », – viên hoa tiêu nói rõ thêm.

– Đánh tín hiệu theo luật quốc tế: « Hãy treo cờ nước mình lên » ! – Pô-li-va-nốp hạ lệnh.

– Không trả lời, – viên hoa tiêu hồi hộp nói.

– Đánh « moóc » (1) cho nó ! – Pô-li-va-nốp ra lệnh.

Chiếc đèn chiếu bật lóe lên, và một tia sáng hẹp chói lóa chĩa vào chiếc tàu lạ: Chú ý ! Chú ý ! Chú ý ! Tôi đánh ký hiệu theo luật quốc tế ! Hãy kéo cờ nước mình lên ! Chú ý ! Chú ý ! Chú ý !

Một sự ngừng dọng căng thẳng.

Nhưng kìa, trên chiếc cột chéo của cột buồm lớn « nhà buôn », lá cờ ba sắc đen-đỏ-vàng từ từ leo lên như miễn cưỡng...

Hai con tàu tiến lại gần nhau đến nỗi có thể đọc được qua ống nhòm hàng chữ « Gan-xơ Vét-xen Hăm-bua » đằng phía đuôi tàu.

– Báo cáo đồng chí thiếu tá, quãng cách hai mươi ba liên, – viên hoa tiêu báo cáo.

– Báo về Ban tham mưu phân đội: tôi đang giữ lại ở trong hải phận của ta để khám xét chiếc tàu « Gan-xơ Vét-xen » có lượng giãn nước sáu nghìn tấn, nó thuộc số những tàu của cảng Hăm-bua, – Pô-li-va-nốp ra lệnh.

Đê-li-a-tốp từ trên đài chỉ huy đi xuống.

– Thưa đồng chí thiếu tá, – viên hoa tiêu nói một cách thận trọng, – hoàn toàn rõ ràng là « nhà buôn » đang đi theo

---

(1) Tức những ký hiệu « tạch tạch, tè tè... » cấu thành những chữ cái, dùng trong điện tín và vô tuyến điện. « Moóc » là tên một nhà vật lý người Mỹ (1791 — 1872) đã phát minh ra máy điện tín và bảng chữ cái « Moóc ». (ND)

con đường ngắn nhất, nó có quyền làm như vậy. Ta giữ tàu lại, e rồi về sau không tránh khỏi những chuyện lôi thôi...

– Sợ những chuyện lôi thôi thì đã không đi ra bể, đồng chí thượng úy ạ! – Phu-tô-nốp mỉm một nụ cười giễu cợt.

Nhận thấy mặt viên hoa tiêu ửng đỏ lên, Pô-li-va-nốp dàn hòa:

– Không hề chi, I-đi-u-mốp ạ, tôi không phản đối một người hoa tiêu thận trọng đâu! – Và kết thúc: – Tín hiệu viên kéo lá cờ hiệu trên cao và tín hiệu «Yên lặng» lên, nhưng bật hai ngọn đèn xanh cho họ không thể vin vào có nhìn thấy không được tốt nữa.

Để đáp lại những hiệu báo của chiếc «Vi-u-ga», chiếc tàu buôn càng chạy nhanh hơn.

Chuông báo động vang lên lanh lảnh. Đoàn thủy binh trên tàu chiếm các vị trí của mình theo đúng mệnh lệnh chiến đấu.

Lại mấy phút nữa trôi qua. Tín hiệu viên trực ban báo cáo:

– «Nhà buôn» đã hãm máy!

Chiếc «Vi-u-ga» chạy hết tốc lực; đoàn thủy binh trên tàu dõi theo chiếc «Gan-xơ Vét-xen» đang lớn dần lên dăng trước mặt trong khi hai chiếc tàu mỗi lúc một tiến lại gần nhau.

Đó là một chiếc tàu biển loại lớn, chuyên chở những hàng hóa khô gọn. Thủy thủ trên tàu chở hàng có khoảng chừng ba mươi người, đều đứng tụ tập cả ở hàng lan can bên trái thành tàu.

Một vài phút với những vòng lượn tròn, sau đó bàn tay của hạm trưởng đặt trên cái cần tay chuông – và lập tức tiếng ầm ầm của các động cơ ngừng bặt.

– Tổ khám xét chuẩn bị! Bắt đầu thả xuồng số 1 xuống! – Hạm trưởng ra lệnh.

Khi giữa hai tàu chỉ còn cách nhau không quá sáu liên, Pô-li-va-nốp đi xuống sàn boong ở giữa tàu, nơi tổ khám

xét đặt dưới quyền chỉ huy của thiếu tá Đê-vi-a-tốp đã đứng xếp thành hàng.

– Các đồng chí hãy kiểm soát các danh sách thủy thủ, người và hàng hóa! Phải đặc biệt cảnh giác vì tàu thì lớn, mà tổ kiểm soát lại có ít người, – hạm trưởng giao nhiệm vụ.

Chẳng mấy chốc chiếc xuồng đã rời khỏi chiếc « Vi-u-ga » tiến đến gần chiếc tàu buôn. Nó vượt qua một ngọn sóng lớn rồi áp mạn sát vào chiếc tàu đó. Mọi người leo lên thành tàu bằng một cái thang dây dùng trong khi có bão biển.

Thuyền trưởng tàu « Gan-xơ Vét-xen », một người béo xị tự giới thiệu:

– Thuyền trưởng tàu buôn Van-te Slích-tơ. Chúng tôi đi từ Kin đến Muốc-măng, chở thuê những bộ phận dự bị của các máy ướp lạnh, – hắn nói bằng tiếng Đức, điếu thuốc lá vẫn vắt vẻo trong miệng.

– Ngài có biết tiếng Nga không? – Đê-vi-a-tốp hỏi.

Slích-tơ nhún vai.

– Được, – Đê-vi-a-tốp thỏa thuận, – chúng ta sẽ nói chuyện bằng tiếng Anh vậy.

– Tôi sẽ khiếu nại! – Slích-tơ nói bằng tiếng Anh. – Chiếc « Gan-xơ Vét-xen » đi đúng theo con lạch! Mà rốt cuộc rồi chúng tôi cũng sẽ đưa hàng vào một hải cảng Nga kia mà! Thật là quá quắt! – Hắn kết thúc, giọng đột nhiên rít lên.

– Thưa ngài Slích-tơ, đấy không phải là con lạch đâu, – Đê-vi-a-tốp nhận xét. – Ngài đang ở trên vạch ranh giới mười hai hải lý chệch sang bên cạnh con lạch. Ngài hãy nhìn vào bản đồ của Ngài, mở cuốn hướng dẫn dưỡng ra mà xem rồi tự mình khắc thấy rõ điều đó.

Trong buồng hoa tiêu, hai người đã xác định được vị trí của con tàu trên một tấm bản đồ Anh vẽ rất tốt.

Rút gói thuốc « Ca-men » ra với thái độ rất lịch thiệp, Slích-tơ mời « khách » hút một điếu. Đê-vi-a-tốp cảm ơn, từ chối.

– Vâng, bây giờ thì tôi thấy rằng chúng tôi đã nhầm lẫn hướng đi, – Slích-tơ thừa nhận một cách miễn cưỡng. – Nhưng điều đó chẳng có gì đáng ngạc nhiên cả. Chắc là la-bàn chỉ sai.

– Vâng, đôi khi la-bàn cũng chỉ sai, – Đê-vi-a-tốp nói với vẻ thông cảm và hạ lệnh cho chuẩn úy Kha-ba-nốp đang theo mình kiểm tra lại la-bàn.

Đê-vi-a-tốp nhìn thấy những ngón tay ngắn ngủi. Trên phủ một lớp lông tơ hung hung đỏ của Slích-tơ, run run có vẻ hoảng sợ. Nhưng trong cặp mắt màu sáng nhợt, ẩn dưới vầng trán ngắn, với những lòng trắng đỏ ngầu của hắn, không thể đọc thấy một điều gì: chúng rất bí ẩn, khó mà biết được.

– Tôi đề nghị cho xem những giấy tờ chứng chỉ của tàu, – Đê-vi-a-tốp yêu cầu.

– Giấy tờ của tàu ư? – Slích-tơ hỏi lại và vừa chỉ đường, hắn vừa tiến lên trước – Thưa ngài đại úy, tôi xin mời ngài vào trong căn ca-bin giản dị của tôi.

Căn «ca-bin giản dị» có một lớp gỗ đào-hoa-tâm lót xung quanh chân vách và được bày biện toàn bằng những loại đồ đạc bọc da và có đệm. Liền sát với phòng giấy là phòng ngủ, trang hoàng bằng gỗ chanh, có kê một chiếc giường rộng đến nỗi tưởng như ngài Slích-tơ cùng đi du lịch với cả phu nhân nữa. Trên một chiếc bàn tròn nhỏ có mấy chai cô-nhắc, rôm và một liễn dựng hoa quả.

– Theo tập quán ở biển, xin mời ngài! – Slích-tơ vừa rót cô-nhắc vừa mời. – Chính hiệu «Mác-ten» của Pháp đấy ạ!

– Xin cảm ơn, tôi không uống, – Đê-vi-a-tốp khước từ.

– Ngài làm bẽ lòng tôi quá!

– Ngài thuyền trưởng, tôi yêu cầu cho xem giấy tờ của tàu, – Đê-vi-a-tốp khăng khăng đòi hỏi.

Slích-tơ rút ra một chùm chìa khóa móc vào quần bằng một sợi dây chuyền nhỏ dài, thong thả chọn lấy một cái

chìa có đường rãnh kỳ dị, mở két sắt rồi trao cho Đê-vi-a-tốp một tập hồ sơ kiểu giấy tờ văn phòng...

Vừa làm ra vẻ nghiên cứu các bảng danh sách thủy thủ, Đê-vi-a-tốp vừa chú ý nhận kỹ những vật dụng trong cái gạt tàn thuốc lá – mấy điếu thuốc lá ngoại đã cháy hết và hai mẩu thuốc lá Nga « Bê-lô-mô-ca-nan » hút dở, ở đầu có bót bằng giấy. Cả hai cái bót đều bị vò nhàu như nhau.

« Những điếu thuốc lá ngoại là của Slích-tơ. Vậy ai đã hút thuốc « Bê-lô-mô » ? – Đê-vi-a-tốp nghĩ bụng và đưa mắt nhìn chiếc bàn con, loại bàn đẩy lưu động được để phục vụ người dùng ; trên bàn la liệt những bát đĩa ăn xong chưa rửa. – Có quá nhiều đĩa cho một người ăn đấy ! Một chi tiết đáng chú ý nữa là trong tách cà-phê cũng thấy có một đầu mẩu thuốc lá Nga như thế nữa ! ».

Trong khi đó, trên chiếc « Vi-u-ga », tất cả các khẩu đội vẫn sẵn sàng trong tư thế chiến đấu. Tín hiệu viên trực ban đang dõi qua đài quan sát xem có gì xảy ra trên chiếc tàu buôn. Hạm trưởng và phó chính ủy đều đứng trên đài chỉ huy. Hai người tỏ vẻ hoàn toàn điềm tĩnh, viên hoa tiêu ít ra cũng phải cảm thấy như vậy.

Cái vẻ bề ngoài bình thản đó, Pô-li-va-nốp phải cố gắng lắm mới giữ được. Phân tích những nguyên nhân khiến mình đã quyết định ngăn giữ chiếc tàu buôn ngoại quốc đó lại, Pô-li-va-nốp thầm quay trở lại với những sự việc ở trong ý nghĩ của mình.

« Cho dù sử dụng đến quyền được đi theo hướng đi ngắn nhất của luật pháp quốc tế, – Đồng chí nghĩ, – « nhà buôn » cũng vẫn không được rẽ vào vịnh Tơ-rê-gu-bưi. Mưu toan dùng một mạng nhiễu loạn ra-đa cực mạnh hòng làm cho chiếc « Vi-u-ga » không biết đâu mà lần mò ra dấu vết nữa chứng tỏ rằng ở đây, trong hải phận của ta, tàu « Gan-xơ Vét-xen » đang thực hiện một nhiệm vụ nhất định nào đó.

– Trên ra-đa thế nào ? – Pô-li-va-nốp hỏi.

– Ra-đa làm việc bình thường. Mục tiêu ở về bên phải hướng đi bốn mươi. Khoảng cách sáu liên, – người phụ trách ra-đa báo cáo.

Pô-li-va-nốp đưa ống nhòm lên mắt. Đồng chí nhìn thấy thượng sĩ không biết đang báo cáo điều gì với Đê-vi-a-tốp sau khi leo lên khoảng sân boong đằng mũi tàu buôn. Sau đó, từ ở sân đèn chiếu Kha-ba-nốp truyền về chiếc «Vi-u-ga»:

«Thuyền trưởng không nhận việc cố ý đi vào vịnh Tơ-rê-gu-bưi. Hướng đi của tàu được vạch đúng theo con lạch. Vị trí thực tế và mức sâu đảm bảo của tàu lại không phù hợp với đường đi. Ra-đa xác định vị trí Gan-xơ Vét-xen hiện ở trong vịnh Tơ-rê-gu-bưi. Trong hộp la-bàn có một miếng nam châm phụ không nắp cố định».

Hạm trưởng gạt tay chuông vào chỗ «tiến một» sang một bên, và chiếc «Vi-u-ga» tiến gần lại.

Toàn thể thủy thủ của tàu «Gan-xơ Vét-xen» đều đã bị tập trung trong căn phòng lớn của thủy thủ. Khẩu đội trưởng An-đơ-rây Na-goóc-nưi cầm tiểu liên đứng ngoài cửa. Con tàu không ai lái dập dềnh trên mặt nước. Gió mát rượi. Tàu lắc và chòng chành khác thường, với những đợt kéo dài, khiến cho An-đơ-rây choáng váng cả mặt mày. Anh ráng hết sức, cố không để lộ ra một chút yếu đuối nào của mình trước những con người xa lạ đó.

Khi Đê-vi-a-tốp và thuyền trưởng đi theo sau bước vào trong phòng, các thủy thủ đã tụ tập cả ở gần cái bàn lớn được phủ một miếng vải dầu không thấm nước.

– Thưa ngài đại úy, mong ngài tin cho, – Slích-tơ nói với vẻ như thành thật – Đoàn thủy thủ của tôi gồm hai mươi tám người. Trên tàu không có thừa lấy một người nào nữa đâu! Ngài có thể không phải bận lòng đi kiểm soát làm gì.

– Chỉ mới đây thôi, ngài Slích-tơ ạ, ngài đã quả quyết với tôi là la-bàn bị hỏng kia mà – Đê-vi-a-tốp nhếch mép cười.

– Tới tận giờ tôi vẫn không hiểu tại làm sao lại xảy ra như vậy... Một ác ý đấy! Chả là ở Kin tôi có nhận lên tàu một số người theo giấy giới thiệu của ủy ban công đoàn...

Đê-vi-a-tốp căn cứ theo danh sách ghi số người trên tàu và những tấm ảnh dán trong các cuốn sổ hàng hải kiểm tra thật tỉ mỉ tất cả các thủy thủ của tàu. Tất cả gồm hai mươi tám người, kể cả thuyền trưởng, đều có mặt.

– Có người nào trong các ông hút thuốc không? – đột nhiên Đê-vi-a-tốp nói với các thủy thủ.

Một vài người đưa thuốc lá ân cần mời Đê-vi-a-tốp.

– Cám ơn, nhưng tôi không quen hút thuốc lá ngoại, – Đê-vi-a-tốp từ chối.

– Thật tiếc, chúng tôi lại không ai hút thuốc lá Nga cả, – viên thuyền phó đáp thay mọi người.

Vừa đi theo Slích-tơ lên boong thượng, Đê-vi-a-tốp vừa suy nghĩ: « Cần phải cho rằng người đã hút những điếu thuốc lá Nga trong bữa ăn sáng dễ thường đang ở trong hầm tàu... »

– Hàng hóa được đóng gói như thế nào? – Đê-vi-a-tốp hỏi Slích-tơ.

– Đóng trong các hòm gỗ...

Thiếu tá đi đến gần chiếc thang dây dùng trong khi có bão và gọi anh em lính thủy dưới xuồng lên.

– Ngài muốn khám hàng hóa? – Slích-tơ trở nên lo lắng.

Đê-vi-a-tốp không đáp, ra lệnh mở các cửa nắp hầm lên.

– Xin lỗi, – Slích-tơ bắt đầu phản đối. – Nhưng mà các bộ phận máy đều do nhà máy đóng hòm cả! Theo hợp đồng ký kết với Công ty, tôi có trách nhiệm giao hàng...

– Ngài Slích-tơ, chúng tôi bảo đảm sẽ không một sự kêu ca khiếu nại nào đối với người giao hàng tất cả! – Đê-vi-a-tốp ngắt lời hắn trong khi bước trên chiếc cầu thang hẹp dẫn xuống hầm tàu.

« Tại sao lại cần phải thuê một chiếc tàu to lớn như thế này để chở có mấy chục tấn hàng? – Đê-vi-a-tốp suy nghĩ và nhớ lại: – Theo như số hàng chính, chở cho Công ty Đan-mạch « Gan-den và Bếch », thì lẽ ra tàu phải nhận ở Muốc-măng năm nghìn tấn a-pa-tít ».

– Chúng ta sẽ kiểm soát một số hòm thôi, Đê-vi-a-tốp quyết định... Tất cả những hòm thứ ba từ phải sang trái!

Cởi những dây buộc ra xong, các chiến sĩ biên phòng nhấc chiếc hòm đầu đặt xuống sàn hầm tàu và dựng đứng nó lên, sau đó họ lật ngửa chiếc hòm thứ hai sang bên cạnh và mở nắp chiếc thứ ba. Trong hòm thấy xếp những bộ phận của máy ướp lạnh, bọc rất cẩn thận trong giấy dầu.

– Ngài đại úy! – Slích-tơ nói với Đê-vi-a-tốp. Thật là lộn xộn, chẳng còn trật tự gì nữa! Các hòm đã đặt như thế nào nên đặt đúng như thế cho. Việc chất hàng xuống tàu đã được tiến hành có mặt người thầu bán hàng...

– Ngài Slích-tơ ạ, tôi không thấy trên một hòm nào có ghi chữ « không chuyền lật » kia mà! – Đê-vi-a-tốp bẻ lại. – Tôi yêu cầu ngài không được cản trở công việc khám xét!

Khi sắp kiểm soát xong, Đê-vi-a-tốp nhìn đồng hồ: các quân nhân biên phòng thế là đã ở trên tàu hơn hai tiếng rồi. Đồng chí biết rõ là đồng chí chỉ huy trên chiến hạm đang rất băn khoăn lo lắng nên đã định giao việc khám nốt số hàng còn lại cho thượng sĩ và đi lên boong thượng để liên lạc với Pô-li-va-nốp, thì chợt...

– Thưa đồng chí thiếu tá, – thượng sĩ khẽ báo cáo. – Có tiếng rên rỉ không biết của ai vẳng ra từ trong chiếc hòm đầu mà ta đã dựng đứng lên ấy.

Với dáng điệu của một người đã quá mệt mỏi vì cái nghi thức chán ngắt, Đê-vi-a-tốp đi đến gần chiếc hòm dựng ngược, đứng tựa lưng vào đó rồi rút cuốn sổ tay ra, làm ra vẻ như đang đếm lại số kiện hàng.

Cặp mắt Đê-vi-a-tốp bắt gặp cặp mắt Slích-tơ. Trên bộ mặt viên thuyền trưởng không còn thấy cái vẻ dờ dại của một con cá vược ở bề dang thiu thiu ngủ nữa. Cái nhìn của hắn đã trở lên sắc sảo, gườm gườm đề phòng; còn cái thân hình béo phị trước đây tưởng như mềm nhẽo yếu ớt thì nay bỗng co lại như lò xo, dường như sắp sửa nhảy bổ ngay ra.

Thiếu tá chờ đợi, vừa kiên nhẫn chăm chú lắng nghe. Với vẻ bên ngoài vẫn điềm đạm, đồng chí điểm lại số kiện hàng và ghi vào sổ tay. Chợt Đê-vi-a-tốp nghe thấy rất rõ một tiếng rên khàn khàn, ngân dài từ trong hòm lọt ra.

Trong hầm tàu ẩm ướt và lạnh lẽo. Nhưng trên trán viên thuyền trưởng Slích-tơ, mồ hôi rỏ xuống từng giọt lớn. Hắn rút gói thuốc lá ra. Mấy ngón tay hắn run run.

– Mở hòm! – Đê-vi-a-tốp hạ lệnh.

– Tôi phản đối! – Slích-tơ hung hăng xen xấn vào. Ngài đã nói là tất cả những hòm thứ ba...

– Nhưng bây giờ tôi ra lệnh khám tất cả những hòm đầu! – Đê-vi-a-tốp cười và nói thêm: – Hơn nữa, ngài Slích-tơ ạ, tôi ra lệnh cho cấp dưới của tôi bằng tiếng Nga thứ tiếng mà ngài không biết...

Bỏ cái nắp trên ra, các quân nhân biên phòng trông thấy hai bàn chân di loại ủng có bọc một lớp vải dày để ngăn hơi ẩm.

Mọi người lật cái hòm nằm xuống, lôi ra được một người đã mê man bất tỉnh nhân sự. Rõ ràng là do nằm lâu suốt mấy tiếng đồng hồ trong hòm nên vị hành khách đó đã bị ngạt thở, ngất xỉu đi.

Môi tên Slích-tơ xệ xuống, điếu thuốc lá vẫn còn dính ở đó. Hắn đưa khăn lên lau trán và bất lực dang hai tay ra tỏ vẻ sửng sốt, vừa nói lắp bắp:

– Tôi không hiểu... Tôi không biết làm sao lại xảy ra như vậy... Tôi chưa từng gặp người này trước đây bao giờ... Lần đầu tiên...

– Ngài Slích-tơ, có phải ngài khẳng định rằng trong năm ngày đi từ Kin, người này đều nằm trong hòm không ăn uống gì cả? – Đê-vi-a-tốp hỏi.

– Không, tôi không khẳng định thế, nhưng... – Nhìn thấy Đê-vi-a-tốp lấy trong hòm ra một cái xẻng bộ binh và một cái túi đựng đồ, Slích-tơ im bặt.

Trong túi chiếc áo vét ấm bằng da của người hành khách «đã giồng cây chuối» không được thành công cho lắm đó, thấy có một gói thuốc lá «Bê-lô-mô-ca-nan» của nhà máy thuốc lá U-rít-xki, một giấy chứng minh do Viện địa chất cấp cho đội trưởng đội thăm dò địa chất Va-xi-li Va-xi-li-ê-vích Bơ-la-gốp và một hộ chiếu cùng tên.

– Căn cứ theo các giấy tờ, Bơ-la-gốp là một công dân Liên-xô, – Đê-vi-a-tốp không che giấu vẻ mỉa mai. – Chúng tôi sẽ đưa anh ta ra khỏi tàu của ngài. Nhất là anh ta hiện đang cần phải cấp cứu ngay.

Slích-tơ khoát tay với vẻ bất lực.

Người ta lấy một chiếc thừng gai to buộc xung quanh mình «nhà địa chất» rồi kéo từ dưới hầm tàu lên trên boong như kéo một cái bao vậy.

– Ngài Slích-tơ, chúng ta hãy ký tên vào tờ biên bản khám xét! Đê-vi-a-tốp mời.

Hai người im lặng đi đến cầu thang. Đê-vi-a-tốp nhìn thấy khẩu súng ngắn nặng chịch dộn phồng cả nắp túi quần sau của tên Slích-tơ lúc ấy đang bước lên thang phía trước mặt đồng chí.

Khi họ đi ra boong thượng, thì ở đằng sau đuôi tàu «Gan-xơ Vét-xen», từ phía có gió thổi tới, chiếc «Vi-u-ga» đang dập dềnh trên mặt sóng ở một quãng cách hai tầm sải. Nhưng về phía bên trái theo hướng mũi tàu, Đê-vi-a-tốp trông thấy cái bóng dáng quen thuộc đang tiến gần lại của một chiếc tàu nhỏ.

Chiếc xuồng máy có tốc độ nhanh của Ban tham mưu đang vội vã đi tới nơi đã xảy ra biến cố.

3

COÓC-GA-Ê-VA XAN-MA

Nhận được chỉ thị của Ban tham mưu, chiếc « Vi-u-ga » liền quay về căn cứ.

Sáng sớm ngày hôm sau, nó tới gần Coóc-ga-ê-va Xan-ma. Biển đã lặng thay thế cho cảnh gió bão. Sương mù đang bốc hơi trên vịnh. Những con sóng lớn ùa dâng lên từng đợt nhịp nhàng. Mũi tàu khi thì nhô lên trên ngọn sóng, khi thì hạ xuống giữa lòng hai đợt sóng.

Anh lính thủy An-đơ-rây Na-goóc-nưi đứng bên cột cờ nhìn thẳng phía trước mặt. Sự lắc lư đều đặn khiến An-đơ-rây có một cảm giác buồn nản không sao kìm chế nổi. Sau khi thắt thật chặt chiếc dây lưng và nghiến răng lại với một vẻ ngoan cường, An-đơ-rây nhìn chằm chằm vào màn sương mù trắng dục.

Hồi còn ở đơn vị huấn luyện, đôi khi An-đơ-rây vẫn thường bị đại đội trưởng chỉnh anh về tính nết chênh mảng.

— Coi chừng đấy, An-đơ-rây, đồng chí sắp mãn khóa ra trường đến nơi, sẽ đến công tác ở Coóc-ga-ê-va Xan-ma cho mà xem! Rồi khắc biết một việc làm không tốt sẽ phải trả bằng một giá đắt như thế nào!

Về sau, An-đơ-rây đã được chuẩn úy I-a-xát-nưi nói cho biết về Coóc-ga-ê-va Xan-ma. Chả là I-a-xát-nưi đã từ Da-pô-li-a-ri-ê đến để đưa anh em lính nghĩa vụ đến địa điểm công tác. Trong óc An-đơ-rây lại hiện ra cái ấm trà màu

xanh, nóng bỏng tay dùng trong khi đi dường của đồng chí chuẩn úy, hụm nước trà đựng trong chiếc cốc quai tráng men và cuộc nói chuyện giữa những tiếng lách cách đơn điệu của các bánh toa xe trên đường sắt.

Tự nhiên An-đơ-rây thấy thèm muốn một cách da diết được một ấm trà, được áp hai bàn tay lạnh cóng vào cốc nước trà để sưởi ấm.

Khi đó, ngồi trên tàu, với một cảm giác e dè của tình trạng xa lạ chưa quen biết nhau, anh được biết rằng Coóc-ga nghĩa là hòn đảo nhỏ lởm chởm những đá, còn Xan-ma là tên mà mọi người ở Da-pô-li-a-ri-ê vẫn gọi một eo biển ngăn cách hòn đảo với đất liền.

Những hồi còi phát ra một âm thanh trầm rền rĩ báo hiệu trong sương mù. Còi trên tàu liền đáp lại. Chiếc « Vi-u-ga » men quanh Coóc-ga tiến vào trong vịnh, chậm chạp tưởng chừng như mò mẫm.

Từ trong màn sương hiện ra cái hình nón đó của chiếc phao chỉ hướng Bắc.

Sau khi báo trước bằng hai hồi còi, An-đơ-rây truyền qua loa phóng thanh lên đài chỉ huy:

– Tôi trông thấy một chiếc phao ở bên trái theo hướng mũi tàu!

Tiếng còi báo hiệu có phao vang lên.

Chiếc tàu từ từ tiến đến gần con lạch hẹp dẫn vào Coóc-ga-ê-va Xan-ma.

Phó hạm trưởng ra lệnh:

– Tất cả đứng vào vị trí! Chuẩn bị cập bến.

An-đơ-rây chiếm vị trí của mình trên khoảng boong gần mũi tàu.

Có ánh lửa xanh nhấp nháy ở dằng đầu phía Nam cầu tàu nổi. Vừa tắt động cơ bên phải, con tàu vừa từ từ ghé vào thành cầu. Trên mũi tàu, bay vọt ra một đầu dây mồi, và cái nút thòng lọng cản dây tàu đã móc vào trục tàu trên

bến. Mạn tàu áp nhè nhẹ lên lượt gỗ đệm dọc thân tàu. Chiếc « Vi-u-ga » đã cặp từ phía lái vào bến tàu...

Coóc-ga-ê-va Xan-ma !

Hồi ở đơn vị huấn luyện, An-đơ-rây đã mường tượng Coóc-ga-ê-va Xan-ma như một cái gì bí hiểm và đáng sợ, nhưng bây giờ thì anh nóng lòng mong đợi từng chuyến một trở về căn cứ. Ở Coóc-ga-ê-va Xan-ma, mới đây hình như trong sinh hoạt của người lính thủy không thấy có gì thay đổi cả. Nghĩa là vẫn ở lại trên tàu, vẫn sống như trong căn phòng thủy thủ, lao động như ở ngoài khơi và hít thở mãi cái thứ không khí ấm lạnh mằn mặn hơi muối ấy. Thế nhưng, ở trong căn cứ dẫu sao An-đơ-rây Na-goóc-nưi vẫn cứ cảm thấy cái mối liên hệ của mình với con người, với gia đình nhiều hơn. Nguyên nhân của tâm trạng như vậy chính là sự bực bội khó ở nó làm cho hao mòn sức lực mà anh thường cảm thấy mỗi khi ở ngoài khơi. Và tất nhiên, còn một nguyên nhân nữa là trạm bưu điện. Đó là một căn buồng nhỏ cửa sắt đóng kín, sặc những mùi xi, mùi mực dấu và mùi hoa quả, – ở đây có những bưu kiện tặng phẩm của miền Nam đã nằm ròng rã hàng tuần lễ, chờ đợi những người nhận từ ngoài khơi trở về.

Ở trạm bưu điện, An-đơ-rây thường nhận được dưới hình thức thư lưu – những bức thư của gia đình gửi đến, những chiếc phong bì xanh của Xvét-la-na...

Lẽ tất nhiên, bây giờ thì ngay cả đến Coóc-ga-ê-va Xan-ma cũng không còn là một khu trấn mà cách đây bảy năm lần đầu tiên Đê-vi-a-tốp đã thấy. Mới chừng ấy năm mà ở đây đã mọc lên những ngôi nhà lớn đầy đủ tiện nghi, câu lạc bộ, nhà máy làm bánh mì, một vài đường phố nhưng toàn là những đường phố sạch sẽ đến nỗi, châm điếu thuốc lá xong mà nhỡ ném que diêm xuống đường thì quả thật là vụng về, thiếu lịch sự. Khu thị trấn bám vào các quả đồi như một diễn đài quây tròn rất đẹp của thời cổ xưa. Trên

vịnh có những chiếc xuồng máy liên lạc và tàu kéo đi đi lại lại với vẻ bận rộn.

Khi cho phép An-đơ-rây lên bờ, phó chính ủy hỏi:

– Khẩu đội trưởng, sức khỏe của đồng chí ra sao?

– Thưa đồng chí thiếu tá, sức khỏe tôi bình thường, – An-đơ-rây đáp. Trên gương mặt anh hiện ra cái vẻ trẻ em, ương bướng.

Chàng thanh niên đã phấn đấu một cách ngoan cường để đạt tới mục đích của mình.

Ở trên bến An-đơ-rây có cảm tưởng như đang đi trên boong tàu trong khi có giông bão.

Anh vừa lênh đênh ở trên bè tám ngày. Bè đã chẳng nề nang gì: những cơn gió lạnh quất bỏng da mặt, thứ lao động nặng nhọc mà người lính thủy chưa quen chịu đựng đã làm cho mệt lử cả người, nhưng đồng thời cứ sau mỗi chuyến đi bè về An-đơ-rây lại biết rõ thêm về sức lực của mình.

Một người phụ nữ cùng với đàn con vui tươi đang đi về phía An-đơ-rây. Anh nhận ra những người trong gia đình Phu-tô-rốp. Vợ phó chính ủy và bốn đứa con ra bến tàu để đón người chủ gia đình. An-đơ-rây lùi tránh vào bên đống tuyết và chào.

Tuyết đã trở màu xám và bắt đầu lỗ chỗ tổ ong như thường thấy vào mùa xuân. Trong một năm, cứ đến thời gian này, ở Mát-xcơ-va, người ta đem bán những cây tuyết điểm hoa.

«Liệu có thư của Xvét-la-na không? Mấy bức? Một hai, mà có thể là ba?» An-đơ-rây nghĩ.

An-đơ-rây hồi tưởng lại mùa thu năm kia. Một chiếc xe hơi chở khách đợi ở gần phòng quân vụ. Anh đi theo con đường hẹp trong công viên, vừa thỉnh thoảng đưa mắt nhìn đồng hồ với vẻ sốt ruột, chân bước làm xáo lộn cả những đám lá vàng khô. Xvét-la-na đến, bối rối và xúc động. Lúc từ biệt, nàng đã kéo An-đơ-rây lại sát người và hôn lên môi anh. Cảm giác của cái hôn đầu tiên ấy ngay đến

bây giờ vẫn đang còn đọng lại. Đi qua cửa, bên ngoài hàng rào An-đơ-rây mới ngoảnh lại, anh nhìn thấy Xvét-la-na cầm chiếc khăn vuông ở trong bàn tay bỏ thõng xuống một cách bất lực.

Sương mù tan dần. Từ ngoài vịnh vọng vào tiếng kêu thảm thiết của những con chim hải âu. Chúng đang tranh chấp với những âm thanh hùng mạnh của chiếc đàn dương cầm mà nhà truyền thanh của câu lạc bộ đang truyền đi một bài thể dục. Một điều dường như kỳ lạ là, cũng trong ngày này, giờ này, cả ở Mát-xcơ-va lẫn ở Ca-si-ra, quê hương anh, cũng như ở đây, ở Da-pô-li-a-ri-ê, vẫn chỉ vang lên những âm thanh đó của chiếc đàn dương cầm... Mãi lúc này, An-đơ-rây mới nhận thấy hãy còn sớm quá, mà trạm bưu điện thì đến mười giờ mới mở cửa.

Anh đi thong thả về phía bến tàu cũ. Ở đây, những chiếc sà-lan chuyên chở các loại hàng khô gọn, những con tàu kéo, những chiếc xuồng máy mang biệt danh là « những con nhạn Nga » vì có tốc độ lớn của chúng đã được kéo buộc lại chắc chắn.

An-đơ-rây đứng tựa lưng vào chồng gỗ. Phía bên kia vịnh, trong màn sương mù đang tan dần, nổi bật lên hình dáng chiếc « Vi-u-ga ». Những lỗ hổng trên bờ thành chắn sóng trông nhỏ và hẹp như những lỗ châu mai. Mũi tàu hếch lên với một vẻ kiêu hãnh. Ống khói trên tàu hơi ngả về phía sau. Dù ở đây, bên cạnh cầu tàu cái thân hình con tàu tuần phòng vươn dài ra nom vẫn có cái tư thế chuẩn bị, sẵn sàng để lao lên phía trước.

An-đơ-rây thầm nghĩ rằng đó là con tàu của anh, nó và anh gắn bó với nhau bằng cả một mối tình keo sơn, đã trải qua nhiều thử thách.

Trời càng trở nên rét buốt, cái giá lạnh như luồn vào bên dưới lớp áo bông; đôi chân cóng dại hẳn. An-đơ-rây quyết định quay trở về tàu. Anh đi thật nhanh, và trong khi bước lên cầu thang, anh cảm thấy như đang đi về nhà

mình, ở đó có cái hơi ấm của căn phòng thủy thủ thân thuộc, những tiếng ồn ồn nghe quen tai, các thứ mùi vị, nhưng chủ yếu là những con người đang chờ đợi anh. Đó là những người, cũng như anh, đi tìm hiểu những quy luật của các vùng bể trên miền Bắc.

Trên tàu đang dọn dẹp: các chiến sĩ người đập băng, người lau chùi những bộ phận bằng đồng, người dùng bàn chải kỳ cọ sàn, boong và lớp muối bể đã bám vào những thiết bị nổi.

An-đơ-rây cầm lấy mớ giẻ rồi đi lên sân boong mũi tàu. Thượng sĩ Kha-ba-nốp hỏi anh:

— Sao cậu đi chóng thế?

— Trạm bưu điện hãy còn đóng cửa, — An-đơ-rây đáp lại.

— Cậu lại nhớ nhà rồi — Kha-ba-nốp nói ra vẻ hiểu biết. — Gia đình mình ở gần ngay đây mà cũng không khỏi nhớ nữa là... Mình vốn là người miền bể, ở Mê-đen đấy. Cậu có tin không, ban đêm ngủ trên tàu, hễ nghĩ tới cảnh gia đình lúc nào là lòng mình như được sưởi ấm...

Chiếc tàu kéo kéo một chiếc sà-lan chở nhiên liệu đến gần sát mạn chiếc «Vi-u-ga». Một lúc sau, một nhân viên hậu cần chở lương thực đến bằng xe cam-nhông. Và mãi đến sau bữa ăn trưa, người trực nhật trên tàu mới lại cho phép An-đơ-rây lên bờ một lần nữa.

An-đơ-rây nhận được bốn bức thư: một của mẹ, một của Phô-ma Lô-ba-đơ-nốp, người bạn thân của anh hiện đang đóng ở một đồn biên phòng, và hai của Xvét-la-na.

Bao giờ cũng thế, bức thư của mẹ chứa đầy những nỗi lo âu về An-đơ-rây. Tại nơi đây, năm bốn mươi tư, trong những trận chiến đấu bảo vệ Đại Cơ-ri-nhít-xa người con dầu lòng Vơ-la-đi-mia của mẹ đã hy sinh Mẹ như không bao giờ nhận thấy các con của mẹ đã trở thành những người lớn. Đối với mẹ, An-đơ-rây vẫn còn là một đứa bé con. Có những đêm trường, đơn độc và thao thức, mẹ đã ngồi

viết kể lại cho An-đơ-rây biết về tất cả những gì đang khiến lòng người mẹ phải lo lắng băn khoăn.

« An-đơ-ri-u-sa[1], nơi mẹ đã có gió ấm và ngoài phố tuyết đã tan. Trên những cây bạch dương, búp non đã trổ dầy, mẹ viết. — Ở những nơi con đang phục vụ, mùa xuân cũng sắp đến, nhưng con chớ vội tin vào cái dấu hiệu đầu tiên của mùa xuân, nó dễ làm cho người ta bị nhầm lẫn, con hãy giữ đôi chân cho khô và ấm. Mẹ đã đan cho con một đôi tất len ngắn, mai mẹ sẽ chuẩn bị bưu phẩm và đưa đi gửi. Tiền thì, con trai bé bỏng ạ, mẹ có đủ. Hôm nay, Xvét-la-na đến thăm mẹ. Thật là một cô gái ngoan nết. Nó yêu con. An-đơ-ri-u-sa, con hãy gìn giữ lấy mối tình đẹp đẽ, trong sáng đó... ».

Đêm yên tĩnh khác thường. Nguồn điện năng do trên căn cứ cấp cho tàu. Các động cơ của tàu đều nghỉ, tựa hồ như chúng đang lấy lại hơi sức. Chỉ nghe thấy tiếng sóng vỗ vào thành kè. Người khẩu đội trưởng không ngủ. Chiếc võng của anh treo ở phía trên cùng; một ngọn đèn điện nhiều nến, có cái chao bằng thủy tinh màu trắng đục như sữa, chiếu sáng trưng ngay sát bên đầu võng. Sau khi đắp chăn lên người, An-đơ-rây xoay nằm nghiêng và đọc lại những lá thư, không biết đã mấy lần rồi!

« Bạn An-đơ-rây thân! — Lô-ba-đơ-nốp viết. — Sự thề đã là như thế này rồi đấy. Mình chẳng còn mấy nỗi nữa là đã phục vụ được một năm ở biên giới, còn cậu — kẻ đầu têu thì chỉ mới được có hơn năm tháng thôi đấy. Mới ngày nào mình với cậu hãy còn là những chú « nhóc » cả và đã thề nguyền với nhau rằng, dù ở nơi đâu chúng ta cũng sẽ luôn luôn sống bên nhau như thế nào, còn nhớ không? Bây giờ đã là chuyện thuộc về quá khứ rồi, nhưng khi ở phòng quân vụ, mình được biết tin cậu sẽ đi đến đơn vị huấn luyện, còn mình thì đến Muốc-măng, mình tủi giận quá, suýt nữa

1) Tên thân yêu gọi An-đơ-rây.

thì phát khóc lên đấy. Bây giờ mình với cậu gần nhau mà lại hóa ra xa cách nhau. Chúng ta cùng phục vụ trên một dải biên giới, nhưng khi nào sẽ lại gặp nhau thì xin chịu, không làm sao biết được. Cậu viết thư kể với mình về những nỗi khó khăn, nhưng ở đâu mà không có khó khăn kia chứ? Phải chăng khi mơ mộng về tương lai, mình với cậu đã đi tìm kiếm những con đường quá dễ dàng? Chúng ta đã nói đến những chuyện lãng mạn, đến thứ công tác biên phòng đầy rẫy những sự việc mạo hiểm, cậu còn nhớ cả chứ? Chúng ta đã tưởng tượng ra những cuộc săn đuổi, vật lộn, bắn nhau và giáp chiến chí mạng với quân thù. Nhưng trên thực tế? Trong suốt một năm công tác mình chưa lần nào trông thấy kẻ phá hoại cả. Và nếu chịu động não một chút thì khắc thấy là, trong công tác này lại càng cần phải có nhiều tinh thần dũng cảm hơn trong cuộc giáp chiến với quân thù kia. Nhiệm vụ của mình và cậu thì nhỏ bé, nhưng sự nghiệp mà chúng ta đang phục vụ lại rất to lớn. Lập được kỳ công còn dễ dàng hơn là cứ luôn luôn và bất kỳ ở đâu cũng sẵn sàng đón chờ kỳ công đó. Cậu sẽ nói: «Chà, đây này, lại cái anh chàng Phô-ma của chúng ta, một kẻ đang đau khổ vì quá nhiều trí tuệ!» Cậu sẽ làm gì, An-đơ-ri-u-sa, «cậu có một trái tim, nó như một con ngựa đã bị thắng vào càng xe, song cái đầu to khỏe của nó cứ vươn lồng lên phía trước kia, còn cái đầu hạng bét của mình thì nó cứ từ tốn, lắc lư theo nhịp đi y như một chú ngựa ngoan ngoãn...».

Nghe tiếng những bước chân nặng nề của đội trưởng đằng sau lưng mình (đêm nay chuẩn úy trực trên tàu), An-đơ-rây giấu ngay lá thư xuống dưới gối.

Chuẩn úy đi xem xét quanh phòng, thấy một tấm chăn buông thõng từ trên võng xuống, liền vắt lên. Đồng chí dừng lại bên cạnh An-đơ-rây, hỏi:

– Sao không ngủ đi, khẩu đội trưởng?

An-đơ-rây nhỏm người dậy để trả lời, khiến lá thư rơi ngay xuống chân người đội trưởng. I-a-xát-nưi bỗng trông thấy chiếc phong bì xanh, liền nhặt lên, để nó xuống dưới chiếc gối của khẩu đội trưởng:

— Chắc là của Xvét-la-na. Dù sao, sau hiệu kèn thì người chiến sĩ hải quân phải đi ngủ.

I-a-xát-nưi tắt các đèn sáng đi. Dưới ánh sáng xanh mờ của ngọn đèn chong đêm, An-đơ-rây nhận thấy nét mặt đội trưởng như có vẻ dịu dàng và niềm nở hơn. Đó là một con người có thể lực dồi dào và một niềm lạc quan vô tận với cuộc đời.

Đội trưởng, dường như do dự, đứng dừng lại một lát ở cầu thang chạy từ trên phòng thủy thủ xuống, sau đó đồng chí quay trở lại nơi An-đơ-rây và nói rất khẽ để khỏi làm thức giấc người đang ngủ bên cạnh, tay rút ở trong túi ra một ve thuốc viên:

— Cầm lấy, An-đơ-rây! Sinh tố C đấy. Thượng úy quân y bảo đưa cho đồng chí. Ở ngoài bè, khi nào thấy trong người khó chịu thì lấy một viên nhai vụn ra, ngậm ở bên má, sẽ đỡ ngay.

— Cảm ơn đồng chí chuẩn úy! — An-đơ-rây nói.

— Khẩu đội trưởng, còn một điều này nữa. Chắc là cậu đã nghe nói, — đột nhiên đội trưởng chuyển sang «cậu», cái tiếng bao giờ cũng được coi như một dấu hiệu cảm tình của I-a-xát-nưi đối với người cùng nói chuyện, — biển ưa những kẻ mạnh. Ở đây là nói về sức mạnh tinh thần của con người kia. Hiểu chứ? Mà cậu, An-đơ-rây ạ, cậu lại có đầy đủ đức tính ngoan cường, rồi cậu sẽ trở thành một thủy thủ thực sự.

Đội trưởng đã ra khỏi phòng, nhưng An-đơ-rây không tài nào ngủ được. Điều mà I-a-xát-nưi vừa nói với anh xong hoàn toàn phù hợp với bức thư của Xvét-la-na — nàng cũng tin tưởng ở anh.

Cách đây ba năm, lần đầu tiên hai người gặp nhau ở lớp chín trường trung học. Xvét-la-na có thân hình mảnh dẻ như một cây non gặp gió, với hai bím tóc vàng óng như sợi lanh, cái mũi hếch lên và cặp môi mỏng hé mở, khiến cho An-đơ-rây không thấy ưa chút nào. Anh đã đặt biệt danh cho cô gái là « người một mầu », và cái tên gọi giễu cợt ấy đã bám theo cô gái như một cái kẹo dính chặt vào hàm ếch trong miệng. Với An-đơ-rây, cô gái có một giọng nói lộ rõ vẻ bao dung. Cô thường nhắc anh bài, đem đến cho anh những cuốn sách mà cô ưa thích, mặc dầu anh cũng chẳng hề yêu cầu cô làm cái việc đó. Cô lấy giấy màu rất đẹp bọc bìa những cuốn sách giáo khoa của anh, thay ngòi mới cho chiếc bút của anh. Cô chăm sóc anh một cách ân cần nhưng đồng thời cũng rất nghiêm khắc cho tới khi bị châm chọc bởi những lời chế giễu của bạn bè cùng một lứa tuổi. An-đơ-rây đã nổi cáu cưỡng lại. Thế là hai người giận nhau. Khi đó Xvét-la-na liền đem trút tất cả nỗi khao khát không sao chế ngự được của mình là muốn chăm nom săn sóc một người — anh Chi-khôn Giê-va-kin. Con người hiền lành, ngoan ngoãn mà người ta gọi tên anh ta là Chi-khô-nhi-a[1] không những đã kiên trì chịu đựng sự chăm sóc mà còn mau chóng thích ứng với hoàn cảnh mới bằng cách đòi hỏi Xvét-la-na đem bữa ăn sáng cho anh ta đến tận trường nữa. Một hôm, An-đơ-rây gặp Giê-va-kin trên sông Ô-ca — hồi ấy, vào mùa xuân, đang mùa đánh cá — và anh đã nện cho Giê-va-kin đau đến nỗi hai ngày liền Chi-khô-nhi-a không đi học được. An-đơ-rây bị kỷ luật, còn Xvét-la-na, để tỏ rõ thái độ của mình, cô đã đổi chỗ sang ngồi cùng bàn với Giê-va-kin.

Mùa đông năm sau, khi họ đã học ở lớp mười, cha An-đơ-rây qua đời.

---

(1) Chi-khô-nhi-a tiếng Nga nghĩa là người hiền lành ngoan ngoãn.

Va-xi-li I-va-nô-vích Na-gôóc-nưi là giáo viên dạy địa lý ở một trường học của thành phố Ca-si-ra. Ông chết trong khi đang giảng bài ở lớp – ông đi đến gần tấm bản đồ, giơ cái thước lên và... gục xuống, dường như bị một viên đạn bắn vào người.

An-đơ-rây tê tái đau đớn, đang ngồi một mình ở nhà thì Xvét-la-na đến. Đã hơn một năm kể từ ngày hai người giận nhau ; trong thời gian đó, không ai nói với ai một lời nào. Cô gái lặng lẽ cởi chiếc áo bông mặc ngoài màu hung hung đỏ của mình ra, treo lên mắc áo, đi rửa bát dĩa, dọn dẹp căn buồng, rồi cũng lặng lẽ như vậy, ngồi xuống bên cạnh An-đơ-rây và nắm lấy tay anh. Trời về chiều. Hoàng hôn bắt đầu, lạnh lẽo và xám ngắt. Các ô kính cửa sổ, lỗ chỗ đầy những hình vẽ như dường thêu do băng giá tạo nên, để lọt qua một chút ánh sáng nhờ nhờ.

– An-đơ-ri-u-sa, nếu anh hiểu được em yêu anh biết nhường nào... – Xvét-la-na đột nhiên nói, rồi gục lên vai An-đơ-rây, nức nở và khóc lên rất to.

Những lời nói đó cùng sự thú nhận một cách giản dị chân tình đã khiến An-đơ-rây cảm thấy dễ chịu và ấm áp trong lòng đến nỗi anh đã nói ra cái điều mà có lẽ chỉ mới cách đây mấy phút không đời nào anh chịu nói ra.

– Ông cụ để lại cho anh một bức thư. Xvét-la-na, em có muốn chúng ta cùng đọc lên không?

Lá thư của người cha được bắt đầu từ lâu, ngay từ trong năm bốn mươi sáu. Ông cụ đã viết nó suốt một thời gian dài, cho tới tận năm năm mươi. Lá thư được cất giữ trong một chiếc phong bì to làm lấy, ở một góc phong bì ghi :

« Gửi đứa con trai út An-đơ-rây của tôi vào ngày nó đến tuổi trưởng thành ».

Đó là một lá thư lớn, nói cho đúng ra thì cũng chẳng phải là thư nữa, mà là một loại hồi ký vắn tắt về cuộc đời của Vơ-la-đi-mia Na-gôóc-nưi, anh trai lớn của An-đơ-rây. Trong phong bì còn thấy có cả một bản pháp lệnh về

việc truy tặng Vơ-la-đi-mia, một tấm ảnh chụp đài kỷ niệm trên đó có thể đọc được : « Để tưởng nhớ những chiến sĩ Xô-viết — những người giải phóng Pi-ê-tren-ga ».

Hai người ngồi bên nhau gần cửa sổ, vừa đọc vừa chờ cho đến khi mỗi người đều đọc xong dòng chữ cuối cùng mới lật sang trang.

Từ độ đó, họ không bao giờ nói với nhau về những tình cảm của mình, nhưng chính trong buổi chiều hôm ấy, cả hai người đều đã trưởng thành, đã già dặn lên...

Để khỏi làm thức giấc người bên cạnh, An-đơ-rây thận trọng tụt từ trên võng xuống, xỏ chân vào đôi ủng ẩm ướt và lạnh ngắt, khoác áo ca-pốt, đội mũ và đi lên boong thượng.

Trời giá rét. Trên bầu trời quang đãng đầy sao, làm ánh sáng Bắc cực bị phân tán ra thành muôn vàn tia sáng màu ngọc bích.

An-đơ-rây cảm thấy lạnh, anh bèn đi xuống phòng thủy thủ. Chăn đệm trên võng, hơi ấm chưa kịp giá đi. Ngay trước mặt anh, ngọn đèn chong đêm rọi sáng những chiếc hòm gỗ con trông tựa như những cái ngăn của một hộp dựng phiếu trong thư viện vậy. Cuộc gặp gỡ với Xvét-la-na tại thư viện thành phố hiện lên trong óc An-đơ-rây « Khi ấy chúng mình tìm hiểu cái gì trong hộp phiếu nhỉ? Cuốn sách gì ? » An-đơ-rây cố thử nhớ lại, nhưng, cũng chẳng nhớ được nữa, anh đã ngủ thiếp đi.

4

CHIẾC PHONG BÌ MÀU XÁM

Ngày chủ nhật ở trên tàu bắt đầu chậm hơn những ngày thường, nhưng theo thói quen, An-đơ-rây thức giấc lúc sáu giờ. Căn phòng thủy thủ được ngọn đèn chong đêm soi sáng giờ đã lẫn vào trong ánh xanh nhờ nhờ, tranh tối tranh sáng. Chỉ có Phê-đi-a Tu-lu-pốp, dậy từ khi trời mới rạng, đang đứng là chiếc áo đồng phục màu trắng của người cần vụ ở phòng sĩ quan. Chả là ngày hôm trước anh ta bị thu cờ La-út-shin nên bây giờ mới phải là áo dề đền lại.

An-đơ-rây nằm nghiêng, sờ tay tìm lá thư dưới gối. Anh nhắm mắt lại, cố hình dung xem hôm nay Xvê-ta [1] sẽ làm gì. Mùa đông, vào những ngày nghỉ, Xvét-la-na và anh vẫn thường đi trượt tuyết. Hai bên bờ sông Ô-ca là nơi mà hai người ưa thích đi chơi. Nhưng bây giờ là mùa xuân. Vậy thì, chiếc mũ thể thao xinh xắn màu xanh và cái áo săng-đay tạm thời được xếp vào trong hòm của bà nội và có bỏ băng phiến; còn hai thanh gỗ trượt tuyết thì để trong cái tủ ở phòng ngoài. Ánh sáng ở đấy thật kỳ dị, vì những miếng kính sặc sỡ nhiều màu lắp vào cái khung ở phía trên cánh cửa. Ở khoảng cao trên tường, ngay sát trần nhà, treo lủng lẳng những chùm lá bạc hà, cam cúc và sơn lựu, làm

(1) Tên gọi một cách trìu mến của Xvét-la-na.

cho khắp cả gian nhà cỏ của gia đình Ra-toóc-gu-ép lúc nào cũng có cái hương vị đặc biệt. Cái mùi vị ấy, An-đơ-rây như cảm thấy ngay cả lúc này đây, chẳng khác nào tấm áo bông mặc ngoài màu hung hung đỏ của Xvê-ta đang sướt chạm vào mặt anh vậy.

Mở mắt ra, An-đơ-rây trông thấy Tu-lu-pốp. Anh ta đang cẩn thận đưa đi đưa lại cái bàn là trên chiếc áo đồng phục trải giăng ra trên mặt bàn với tất cả sự cần cù nhiệt tình đến nỗi lưỡi lè cả ra ngoài miệng. An-đơ-rây lại nhắm mắt lại... Xvê-ta đang lau cửa sổ – Mùa xuân! Một đám mây trắng bị gió xua đuổi, lao vùn vụt trên bầu trời tối om. Mớ giẻ lau lướt trên mặt kính, lên xuống, lên xuống... Nhưng đây, chiếc khăn vuông nhàu nát bằng nhiễu vương trong bàn tay buông thõng xuống với một vẻ bất lực. Công viên. Mùa thu. An-đơ-rây đi chầm chậm dọc theo con đường hẹp trong công viên, chân xới lộn cả những đám lá vàng khô. Khi chia tay từ biệt anh, Xvê-ta giơ tay, và một con chim con ngộ nghĩnh nào đó tin cậy đậu trên lòng bàn tay nàng, hót véo von...

Tiếng còi tàu không đập ngay vào trí giác An-đơ-rây. Bắt chước chuẩn úy I-a-xát-nưi, trực nhật kéo còi đánh thức cũng cho âm thanh cuối cùng ngân nga thật dài ra. Còi tàu rít réo rắt.

– Toàn thể thủy binh, đứng dậy! Cất dọn hết các võng!...

Chín giờ. Kèn thổi bài « Tập hợp toàn đội ». Đoàn thủy binh xếp thành hàng dọc theo thành tàu bên phải.

Những phút yên lặng trang nghiêm.

– Chuẩn bị kéo cờ, nghiêm! – Khẩu lệnh vang lên.

Nghe thấy tiếng tim điềm nhịp từng giây.

– Kéo cờ!

Và đây, lá cờ biên phòng màu trắng và xanh phần phật bay trước làn gió mát lạnh.

Sau khẩu lệnh «giải tán», trở lại với bản thân mình, An-đơ-rây lại cảm thấy một lần nữa sự không vững chắc ở đôi chân mình và thấy hơi chóng mặt. Anh đi xuống sân boong đằng lái tàu. Anh em chiến sĩ đang hút thuốc bên cái thớt gỗ — một chiếc thùng ton-nô cưa ra làm đôi — và lắng nghe câu chuyện của Đan-nhin Pan-cốp, vốn là một tay hay pha trò nhất hạng ở trên tàu. Họ nghe anh ta nói và mỉm cười hoài nghi, nhưng vẫn cứ thích nghe: đó là một anh chàng tán dóc, rất nhộn!

Đan-nhin vung cánh tay trái lên để mô tả cảnh biển động, bàn tay phải của anh thì cầm bao diêm, tượng trưng cho con tàu gặp bão.

— Gió bạt vào mũi tàu như thế này này! — Pan-cốp kể.— Sóng thế này này, cứ là coi chừng! Con tàu với khẩu thần công chúc hẳn xuống, chỉ còn trông thấy đài chỉ huy — nó cứ ỳ ra không xê dịch được... Lùi lại sau! — Hạm trưởng ra lệnh. — Tàu rút mũi ra khỏi con sóng và chu...ồn! Phải chăng như thế mới là bão biển?! Đấy, ngày trước bão ra bão chứ lị!

Không nghe Pan-cốp nói hết, An-đơ-rây mở cánh cửa bước vào trong buồng. Từ dưới lòng tàu lừng lên mùi cá thu rán thơm ngon, An-đơ-rây đi tới phòng thủy thủ đằng mũi tàu, anh cởi áo ca-pốt và mũ rồi đi xuống cầu thang. Một cách thận trọng, để khỏi làm nhầu chiếc áo sơ-mi thủy binh đã là, anh lấy ở trong hòm ra chiếc phong bì màu xám.

Cứ mỗi khi biển tác oai tác quái và cảm giác khó ở gieo vào lòng An-đơ-rây một nỗi dao động không tin tưởng ở sức mình là anh lại cầu cứu tới bức thư đó, khơi thác ở đấy ra được sức mạnh và lòng quả cảm.

Trong phòng thủy thủ, cảnh tượng thật là ồn ào náo nhiệt: ban biên tập tờ báo tường đang chuẩn bị cho số báo kỳ tới; Tu-lu-pốp thì còn cay cú cố gỡ cờ với La-út-shin, có thượng sĩ Kha-ba-nốp và anh thợ máy ngồi tham gia mách nước.

Nhìn thấy chiếc phong bì trong tay An-đơ-rây, Kha-ba-nốp hỏi :

– Cậu làm gì thế, khẩu đội trưởng, muốn viết thư không ?

– Vâng, cũng định... – An-đơ-rây lưỡng lự đáp.

– Có muốn mình cho vào buồng máy không ? – Anh thợ máy hỏi, vẻ mời mọc.

– Thế thì tốt quá...

– Vậy thì ta đi – Anh thợ máy nói và bỏ đi lên cầu thang.

Trong căn buồng máy im lặng một cách khác thường. Ở cạnh cái giá sách, một ngọn đèn điện nhỏ thắp thường trực chiếu sáng, có một ống thông hơi. Nó được phủ lên một lượt hạt bấc vụn và sơn trắng nên trông chẳng khác nào một thân cây bị bọc trong một lớp băng mỏng.

Yên lặng.

An-đơ-rây mở phong thư. Trên trang đầu có dán một tấm ảnh : bức tượng đồng một quân nhân mang tiểu liên, tay đang chỉ về phía Tây. Người lính thủy có cái dáng điệu đang bước đi, gió thổi tung bay hai vạt áo ca-pốt và mấy dải băng trên chiếc mũ nồi. Đó là tượng kỷ niệm những người trong máu lửa của các trận chiến đấu đã giải phóng Pi-ê-trên-ga – mảnh đất Nga thần thánh – khỏi cái bọn sâu bọ phát-xít, kỷ niệm những người còn sống và những người đã ngã xuống trong cuộc đấu tranh đó.

« Gửi đứa con trai út của tôi... » – An-đơ-rây đọc. Ngay cả lúc này đây, những dòng chữ của bức thư vẫn còn làm cho anh xúc động như trong buổi chiều gió lạnh đáng ghi nhớ đó, khi anh và Xvét-la-na lần đầu tiên bóc chiếc phong bì màu xám ra.

« Con trai yêu quý, khi Vơ-la-đi-mia đi tòng quân thì con mới lên hai, – Va-xi-li I-va-nô-vích viết. – Sẽ tới cái ngày, mà cả con nữa, An-đơ-rây-ca ạ, con cũng sẽ rời

khỏi gia đình, với tờ giấy gọi đi nhập ngũ của phòng quân sự.

Chiều hôm qua ba đi xuống sân hút thuốc. An-đơ-rây ạ, con và Phô-ma, bạn thân của con, đã leo vào thùng xe cam-nhông. Cả hai đứa các con khi đó đã nói ra những mơ ước về tương lai của mình. Tất nhiên cái giới hạn ước mơ trẻ thơ của các con chính là chiếc xe tải cũ kỹ gần như bẹp nát ấy. Các con muốn lái chiếc xe sao cho « gió rú rít bên tai » kia... Cả hai đứa các con đều lên chín tuổi. Trước mắt các con có nhiều con đường, nhưng, An-đơ-rây-ca, khi lựa chọn con đường của mình, con đừng nên tìm kiếm con đường đi dễ dàng, đã được khai dọn sẵn. Đừng có e sợ khó khăn. Niềm vui sướng lớn nhất của một con người là khi nào người đó vượt được những trở ngại trên đường đi của mình để đạt đến mục đích to lớn!

An-đơ-rây, ba bây giờ đã nhiều tuổi rồi, cho nên ba không biết liệu ba có thể giúp đỡ con lựa chọn con đường đời được hay không ? Nhưng, không chỉ vì thế mà ba quyết định để thư lại cho con. Còn một điều nữa : người bạn thân của Vơ-la-đi-mia đã viết thư báo cho ba biết là, chiếc tàu tuần phòng « Vi-u-ga » hiện đã nằm trên dốc đà của xưởng đóng tàu Lê-nin-gơ-rát. Chiếc tàu mang tên như vậy là, theo như truyền thống hải quân, tỏ rõ lòng tôn trọng và tưởng nhớ chiếc tàu tuần tiễu đã bị đánh đắm trong năm Bốn mươi hai mà ở trên đó có khẩu đội trưởng Vơ-la-đi-mia, anh trai lớn của con phục vụ. Vài năm nữa sẽ trôi qua, và một chiếc tàu mới sẽ bắt đầu đảm đương công tác tuần phòng ở vùng biển Ba-ren, duy có điều là trong đoàn thủy binh của nó sẽ không có người khẩu đội trưởng Vơ-la-đi-mia Na-goóc-nưi.

Ba vốn thích suy nghĩ. Con biết đấy, mẹ con thường đùa gọi ba là « nhà triết học tại gia », nhưng theo ba thì hình như sức mạnh bất diệt của sự sống tồn tại ở trong một số

truyền thống. Con trai yêu quý của ba, con hãy suy nghĩ kỹ điều đó.

Khi con nhận được thư, có lẽ đã có nhiều điều đổi thay trong đời con. Con hãy đọc hết tất cả những gì ba đã thu thập được qua những bức thư, những bài hồi ức của các bạn đồng đội cùng một trung đoàn của Vơ-la-đi-mia, và qua những tờ báo của mặt trận mà chính ủy trung đoàn đã gửi cho. Vô-lô-đi-a [1] thường luôn luôn gửi thư về, nhưng ba chỉ lựa lấy những bức thư nào là những cái mốc trên con đường đi của anh con. Những bức thư ấy như thế này đây:

« Ngày 17 tháng ba năm 1941 Coóc-ga-ê-va Xan-ma.

Ba thân yêu!

Bức thư này con gửi thẳng đến trường cho ba, để khỏi làm mẹ con buồn. Ba ạ, con cần phải hỏi ý kiến ba. Ba có biết không, một ý định đã đến với con: con muốn ở lại phục vụ thêm một thời hạn.

Hôm qua, kèn báo giờ ngủ đã thổi mà con mãi không sao chợp mắt được. Chúng con bèn nói chuyện với nhau. Một cậu – cậu ta người ở gần Ri-a-dan, có bộ mặt giống như thi sĩ ấy, nói: « Chẳng còn mấy nữa là hết thời hạn phục vụ trong quân đội, mình sẽ đi Ri-a-dan. Cho quỷ nó tha cái miền Muốc-măng này đi! Rặt những đồi với bãi cỏ khô cằn, những đồng lầy với đầm nước tù, cây thanh hương trà thì khẳng khiu, cây bạch dương thấp lè tè! ».

Con nghe cậu ta nói, nhưng tự bản thân mình thì lại nghĩ: « cái miền này là của chúng ta, chính là của chúng ta đấy! ».

Ba ạ, ba cũng biết đấy, con yêu thích vùng Ca-si-ra quê hương lắm: yêu những mái nhà cỏ của nó với những đường phố trên lưng chừng đồi, những đầm sen mọc xanh rờn che kín mặt nước, những bờ sông nhiều cát, những mùi hắc ín ở các sà-lan, những tiếng còi ngân dài của những con tàu kéo. Nhưng con có cảm tưởng sẽ không trông thấy ở đâu

(1) Tên gọi một cách thân yêu của Vơ-la-đi-mia.

những buổi hoàng hôn đỏ rực màu ngọc tía như ở đây, trên vùng biển Ba-ren ! Cảnh thiên nhiên hà khắc nhưng tuyệt đẹp, những màu sắc rực rỡ trên đồng cỏ, bãi đất đầy nấm mọc, những trận bão hung dữ và sự yên tĩnh lạ thường trên mặt biển bát ngát !

Công tác ở đây quả không phải dễ dàng, nhưng cái miền đất đai này là của ta, vậy ai sẽ phải dấn dương công tác ở đây nếu không phải là chúng con, những người trai trẻ khỏe mạnh !

Thưa ba, ba sẽ có ý kiến gì về ý định của con ?

Con nóng lòng mong đợi thư ba.

Con hôn ba. Vơ-la-đi-mia »

« Ngày 29 tháng sáu năm 1941.

Ba thân yêu !

Con đã nhận được thư của ba. Con đọc mà không hiểu sao cảm thấy xao xuyến trong lòng, mỗi dòng chữ là cả một sự ngẫm nghĩ nó gây nên một cảm giác ớn lạnh mặc dầu nòng súng của con còn chưa kịp nguội đi – Chúng con vừa bắn vào bọn địch.

Chiến tranh.

Bây giờ thì chẳng cần phải suy nghĩ làm gì. Vị trí của con là ở đây.

Con đang ngắm nhìn các bạn đồng đội, cũng cùng lứa tuổi hai mươi như con. Mới qua vài ngày đó thôi mà tất cả chúng con đã thay đổi hẳn, đã trở nên nghiêm khắc với mình hơn. Chúng con hiện đang ở ngoài tiền tuyến. Tổ quốc là của chúng con. Tổ quốc ! Cái tiếng mới tuyệt diệu làm sao ! Tổ quốc trước đây chúng con vẫn thường nói đến, nhưng chỉ đến bây giờ tất cả chúng con mới cảm thấy thật sâu sắc, mỗi người theo một cách nghĩ của mình, và mới hiểu được tất cả những gì chứa đựng trong khái niệm đó.

Con viết vội : vài phút nữa chiếc xuồng máy bưu điện sẽ rời bến.

Ba viết thư cho con theo địa chỉ mới.

Ngày mai con sẽ gửi cho mẹ con một bức thư viết thật tỉ mỉ chi tiết, con biết rõ là mẹ con đêm đêm không ngủ được vì lo lắng cho con.

Con hôn ba. Vơ-la-đi-mia của ba

Nhật báo « Vì Tổ quốc » của mặt trận Ca-rê-li-a, số ra ngày 15 tháng chạp năm 1941.

« Sự dũng cảm của anh chiến sĩ hải quân Vơ-la-đi-mia Na-goóc-nui.

Trên tàu nhận được mệnh lệnh cho một tổ trinh sát đổ bộ sâu trong lòng địch.

Ban đêm, lợi dụng thời tiết xấu – cơn bão tuyết nổi lên từ sáng – tàu chúng tôi bí mật lẻn vào trong vịnh. Một chiếc xuồng con được thả xuống nước không có một tiếng động. Yên lặng. Không nghe thấy cả tiếng mái chèo khua, tiếng hơi thở của những người chèo.

Trong màn tuyết rơi dày đặc, bờ bể lởm chởm đá lờ mờ hiện ra. Sóng xô vào các mỏm đá rầm rầm. Có cảm tưởng như chiếc xuồng chở quá nặng nên đứng yên tại chỗ, và đến bây giờ tất cả chúng tôi mới trông thấy những tảng đá tiến gần lại một cách nhanh chóng.

Bỗng xô một cái thật mạnh – đó là chiếc xuồng đang lao vun vút thì đâm ngay vào một bãi cát. Còn chừng mười thước thì tới bờ. Tuyết bắt đầu rơi thưa thớt. Nghe thấy bọn Hít-le trò chuyện với nhau trong bóng tối. Những quả pháo sáng cứ cách từng khoảng thời gian đều nhau lại bay vọt lên. Chúng bùng sáng lên một thứ ánh sáng dùng dục rồi tắt ngấm trên mặt tuyết.

Thời gian trôi đi. Chiếc xuồng chở nặng quá nên đáy xuồng bị mắc kẹt giữa đám đá trên bãi cát. Anh em trinh sát không thể bước xuống nước: phía trước là một con đường dài, mà bàn chân họ thì lại cần phải giữ cho thật khô.

Một phút bối rối.

Không đợi lệnh, anh lính thủy Vơ-la-đi-mia nhảy ngay

xuống dòng nước lạnh buốt như băng, rồi vừa đưa chân dò dáy vừa tiến về phía bờ. Có những nơi nước ngập tới thắt lưng. Chẳng mấy chốc, Vơ-la-đi-mia đã quay trở lại xuồng. Anh cõng một trinh sát viên vào bờ. Bảy lần Vơ-la-đi-mia quay lại xuồng, bảy người trinh sát được anh cõng đưa lên bờ.

Mệnh lệnh của Bộ chỉ huy được thi hành

Năm 1942 đã qua.

Thường cứ mấy tháng liền chúng tôi không có tin tức gì của Vơ-la-đi-mia, rồi sau cùng một lúc lại nhận được mấy bức thư gấp hình tam giác vô cùng thân thiết.

Để làm yên lòng mẹ, những lá thư Vô-lô-đi-a [1] viết gửi về nhà đều là những tin tức vui vẻ và may mắn tốt lành cả. Với tôi thì Vơ-la-đi-mia lại chia sẻ những gì đương khiến nó băn khoăn lo lắng.

Chúng tôi đã chuẩn bị tinh thần đón chờ điều không hay nhất, nhưng cái tin Vơ-la-đi-mia bị thương nặng đối với chúng tôi quả là một đòn rất bất ngờ. Tháng tư năm 1943 chúng tôi nhận được một bức thư từ Muốc-măng gửi đến «Ba mẹ thân yêu của con!

Con biết liệu ba mẹ có đọc được những nét chữ viết nguệch ngoạc của con không, chả là con viết bằng tay trái: tay phải đang bị bó thạch cao.

Dù ba mẹ nói gì đi nữa, con vẫn còn may mắn lắm: con bị đắm tàu ngoài bể mà lại không chết đuối, chấn động hơi nồ quật con vào một tảng đá, chắc ba mẹ đã nghĩ là con sẽ nát ra như cám [2] – không dâu, con vẫn còn sống! Bây giờ thì con tin ở ngôi sao bản mệnh may mắn của mình lắm. Con sẽ sống một trăm tuổi, không kém dâu!

Con sẽ không chịu nằm lâu ở quân y viện, kha khá lên là con sẽ trở về đơn vị ngay. Hãy viết thư cho con về Muốc-măng. Nếu có sự gì, người ta sẽ chuyển đi. Ở đây có cô y

(1) Tên gọi một cách thân yêu của Vơ-la-đi-mia

(2) Nguyên văn: sẽ thành một chiếc bánh mì tròn và dẹt

tá Đa-sa. Thật là một cái tên Nga nghe mới hay làm sao — Đa-ri-út-sca (1)! Không hiểu vì sao mà trước đây con lại không biết đến một cái tên gọi dịu dàng như thế được? Vậy chính là cô ta, Đa-ri-út-sca, sẽ chuyển thư của ba mẹ cho con, dù con có ở tận đâu đâu chăng nữa.

Hôn ba mẹ, những người thân yêu của con, chào An-đơ-rây-ca!

Vơ-la-đi-mia của ba mẹ»

«Ngày mùng 8 tháng tám năm 1943. Mặt trận Ca-rê-li-a. Dọa thì dọa, con cũng sẽ trốn thôi. Đã hai lần hội đồng xét công tác cho thương binh, hồi hộp, cuối cùng thì con cũng thoát ra được.

Con lại được sống giữa đám bạn bè của mình, và anh chiến sĩ hải quân Ô-bơ-lê-pi-khin, ba mẹ còn nhớ chứ, con người quê ở Ri-a-đan, người bạn nằm bên cạnh con ấy mà, anh ta hiện cũng đang ở đây. Hai đứa chúng con cùng ở trong một căn hầm.

Tiết trời ấm áp. Biển lặng, màu xanh ngắt. Bầu trời quang, không gợn một đám mây, những con hải âu lượn vòng, là là mặt nước. Trên bờ một con sông con, những cây cẩm chướng vàng hãy còn ra hoa, tiêu bách diệp thì làm vui mắt với những đóa hoa màu hồng, lưu ly thảo vùng Bắc cực lại có sức hấp dẫn nhờ những bông hoa màu xanh lam!

Thật khó mà tin được rằng lúc này đây, mặt đất lại đang rung chuyển lên bởi những tiếng nổ và có những người bị giết chết đang ngã xuống.

Ba mẹ thân yêu của con, không hiểu vì sao lòng con như đã giũ được hết cái băng giá. Cái chính là nếu mà Đa-ri-út-sca có viết thư cho ba mẹ, ba mẹ hãy trả lời như trả lời với một người thân ấy. Đa-ri-út-sca hiện không còn ai

(1) Tên gọi một cách trìu mến của Đa-sa.

ngoài chúng ta ra, tất cả những người thân của cô đều đã bỏ mình ở Xmô-len-si-na cả rồi.

Hôn ba mẹ. Vơ-la-đi-mia.

«Ngày 21 tháng chín năm 1944. Mặt trận Ca-rê-li-a.

Ba mẹ thân yêu của con!

Đã hiu hiu gió mát! Tất cả mọi cái đều khiến cho người ta cảm thấy đang có sự chuẩn bị cho một cuộc tấn công to lớn và quyết định. Những ngày chiến tranh trong hầm hố theo lối trận địa phòng ngự đang kết thúc, và chúng con có cảm tưởng như chính mình đã được nhìn thấy ngày hội mừng thắng lợi rồi ấy!

Mỗi một ngày lại có thêm tin vui chiến thắng. Các đạo quân của các mặt trận Ca-rê-li-a và Lê-nin-gơ-rát đã tiêu diệt quân đoàn Phần-lan. Cách đây hai ngày nước Phần-lan đã ký vào bản hiệp định đình chiến. Trong từng căn hầm, ở khắp mọi nơi, đâu đâu dù chỉ là hai ba người tụ tập với nhau, các câu chuyện cũng chỉ xoay quanh vấn đề tấn công mà thôi.

Tiến về phía trước! Về phía Tây! Điều đó lúc này nó dường như là «lẽ sống» của quân đội chúng ta. Đa-ri-út-sca đã gửi cho con một tấm ảnh, thế Đa-ri-út-sca có gửi cho ba mẹ không?

Hôn tất cả nhà, những người thân yêu của con!

Ba mẹ nói lại với An-đơ-rây-ca: con sắp về và sẽ đem cho nó một thanh lưỡi lê chiến lợi phẩm, Phô-ma Lô-ba-đơ-nốp sẽ đến chết thèm thôi!

Vơ-la-đi-mia của ba mẹ».

Nhật báo «Vì Tổ quốc» của mặt trận Ca-rê-li-a, số ra ngày 11 tháng mười năm 1944.

«TRÔ-RƠ-NAI-A BƠ-RA-MA (cao điểm 412).

Sáng ngày mùng 7 tháng mười, bắt đầu cuộc tấn công

quyết định của đội quân thuộc mặt trận Ca-rê-li-a vào Da-pô-li-a-ri-ê.

Sư đoàn bộ binh đánh núi số 6 «E-đen-vây» của bọn Hít-le phụ trách phòng ngự trên khu vực sông Tây Cơ-ri-nhít-xa. Bộ chỉ huy Hít-le vẫn cho rằng việc xây dựng trận địa phòng ngự bố trí có chiều sâu trên dải đất đó đã phải trải qua bốn mươi tháng trong chiến tranh mới hoàn thành, hết sức kiên cố, không thể ai đánh chiếm được. Nó có thể đánh lui bất cứ một cuộc tấn công nào.

Mũi chủ công của quân ta nhằm vào phía Nam hồ Rô-pát. Những đơn vị của đại tá Ra-ven-xki thì tấn công ở sườn bên phải, về phía Đại tây Cơ-ri-nhít-xa.

Nhiệt độ đã tụt xuống mười lăm độ dưới không. Suốt đêm, gió Đông-bắc thổi mạnh, xua bay tung những dăm tuyết bụi, lạnh buốt như kim châm. Lợi dụng trời tối và thời tiết xấu, ta đã tập trung được trên các tuyến xuất phát những phương tiện lội nước cần thiết, khí cụ và các đội quân đã được huấn luyện riêng về tấn công.

Sau đợt pháo bắn chuẩn bị mãnh liệt, các đơn vị quân ta đã vượt qua sông Tây Cơ-ri-nhít-xa. Song hỏa lực súng cối và pháo binh địch rất mạnh đã ép các chiến sĩ ta phải nằm bẹp dí xuống đất. Cuộc tấn công không thành.

Phải yêu cầu pháo binh của ta phát huy hỏa lực áp đảo các đội pháo của địch.

Sư đoàn bộ binh đánh núi số 6 của bọn phát-xít chiếm cao điểm 412 có công sự kiên cố khống chế cả một khu vực. Khối đá hoa cương nhô ra đằng trước như một trái núi lớn và trông chẳng khác nào cái mũi sà-lan hếch lên ấy được gọi là Trô-rơ-nai-a Bơ-ra-ma.

Thượng sĩ Vơ-la-đi-mia Na-goóc-nưi và nhân viên điện đài Ô-bơ-lê-pi-khin tình nguyện xung phong đi trinh sát pháo binh địch. Nhiệm vụ đặt ra cho các trinh sát viên là: men quanh khu công sự, từ trên cao điểm 412 dò xét các

khẩu đội pháo và súng cối hạng nặng của địch rồi chỉ thị mục tiêu và tầm hướng cho pháo binh của ta.

Thượng sĩ Vơ-la-đi-mia bò đến gặp tổ trưởng Đảng trong đại đội và im lặng trao mảnh giấy đã được gấp lại một cách cẩn thận. Sau đó, Vơ-la-đi-mia tháo bỏ mũ sắt, đội mũ nồi lên, bò về phía hàng rào dây thép gai. Ô-bơ-lê-pi-khin bò theo sau anh.

Khi hai người trinh sát đã khuất sau màn tuyết, đồng chí tổ trưởng Đảng mở mảnh giấy Vơ-la-đi-mia vừa đưa cho và đọc:

« Nếu chúng tôi hy sinh, yêu cầu coi chúng tôi như những đảng viên Cộng sản.

Vơ-la-đi-mia Na-goóc-nưi
An-tôn Ô-bơ-lê-pi-khin ».

Những dòng chữ đó viết bằng bút chì hóa học trên một mảnh giấy xé lệch ở trong một quyển vở.

Trên đường đi của các trinh sát viên có chín hàng dây thép gai. Cần phải vượt qua bấy nhiêu hàng dây thép gai dưới làn hỏa lực dày đặc của địch, tiến ra bờ sông, lội xuống dòng nước lạnh buốt ngập tới ngực để vòng qua khu vực công sự, rồi từ phía khu vực đó lên tới chân Trô-rơ-nai-a Bơ-ra-ma.

Một tiếng đồng hồ đã trôi qua.

Các chiến sĩ của ta vừa đánh lui đợt phản công thứ ba hết sức hung hãn của bọn xạ thủ chuyên chiến đấu vùng rừng núi, thì khi đó, chỉ huy sở nhận được tín của tình báo:

« Chúng tôi đã chiếm lĩnh vị trí quan sát trên cao điểm 412. Sư đoàn súng cối hạng nặng: ô 187. Đại đội pháo: ô 191 – 193. Thứ năm (« Thứ năm » là dấu hiệu của Vơ-la-đi-mia):

Một cơn bão lửa đã nổi lên trong bốn mươi phút đồng hồ. Suốt thời gian đó, các trinh sát viên đã điều chỉnh hỏa

lực cho pháo binh ta. Những viên đạn pháo bắn trúng địch, cuốn tung lên những tảng đá hoa cương và những mảnh vũ khí bị vỡ tan tành của quân địch.

Các đội pháo của địch đã bị áp đảo!

Các chiến sĩ của đại tá Ra-ven-xki đã tấn công chọc thủng tuyến công sự thứ hai, liên lạc được với đơn vị đang tấn công ở phía Nam hồ Ra-pát, vừa truy kích bọn Hít-le, vừa vượt qua vịnh Chi-mô-phê-ép-ca một cách thắng lợi.

Còn ngày tấn công đầu tiên của các thủy binh hạm đội miền Bắc cũng được đánh dấu bằng một chiến quả rất to lớn.

Hai quân nhân đảng viên cộng sản Vơ-la-di-mia Na-goóc-nưi và An-tôn Ô-bơ-lê-pi-khin đã góp phần quan trọng vào thắng lợi của chiến dịch sau khi hoàn thành nhiệm vụ quân sự của mình.

«Vinh quang đời đời những người con trung thành của Đất nước đã ngã xuống trong các trận chiến đấu vì Tổ quốc!»

Mặt trận Ca-rê-li-a.

Ngày 20 tháng mười năm 1944.

Ông Bà Vác-va-ra Chi-mô-phê-ép-na và Va-xi-li I-va-nô-vích thân mến!

Người con trai Vơ-la-di-mia của Ông Bà đã anh dũng hy sinh trong khi chiến đấu vì Tổ quốc. Đồng chí đã được truy tặng huân chương Cờ đỏ.

Tôi không viết nêu lên những điều chi tiết, vì cách đây mấy ngày tôi đã gửi tới Ông Bà một bài báo cắt trong tờ báo của mặt trận.

Ngày hôm sau, sau trận đánh đáng ghi nhớ ấy; đúng hơn là ngày 8 tháng mười, một nhóm chiến sĩ đã quay trở lại cao điểm 412 để tìm lại thi hài các anh hùng đã hy sinh và làm lễ mai táng.

Thi hài An-tôn Ô-bơ-lê-pi-khin chúng tôi đã tìm thấy và đã an táng ở chân Trô-rơ-nai-a Bơ-ra-ma ; – nhân dân vùng bề phương Bắc vẫn thường gọi khối đá đó như vậy. Thi hài người con trai Ông Bà, Vơ-la-đi-mia Na-goóc-nưi thì không tìm thấy.

Toàn thể chiến sĩ và cán bộ chỉ huy trong đơn vị xin ngỏ lời chia buồn với Ông Bà. Kỷ niệm trong sáng của Vơ-la-đi-mia Na-goóc-nưi, chúng tôi trân trọng ghi nhớ mãi mãi.

Tổ trưởng tổ Đảng của đơn vị,
Thiếu tá I-đu-đô-rốp ».

An-đơ-rây, đến đây là kết thúc sự tích về đời sống và cái chết của người anh trai lớn của con đấy.

Ba tin chắc rằng nếu Vô-lô-đi-a còn sống và một lần nữa lại sắp phải giải quyết tương lai của mình thì nó sẽ một lần nữa lại chọn con đường đã đi trước đây, dù cho con đường đó có hứa hẹn với nó những khó khăn đến thế nào chăng nữa.

Anh con là một người khỏe mạnh và can đảm.

Con trai yêu quý, ba không muốn làm ảnh hưởng tới quyết định của con. Ba tin tưởng rằng khi lựa chọn con đường của mình trong cuộc đời, con sẽ được hướng dẫn bởi một mục đích cao cả.

An-đơ-rây-ca, chúc con may mắn.

Ba của con
Ca-si-ra – 1956 »

5

MẬT HIỆU GỌI: "GHÉC-MÉT"

Chiếc « Gan-xơ Vét-xen » bị dẫn về bến tàu, ở đó Slích-tơ đã ký tên vào tờ biên bản, nhưng trong điềm thứ mười bốn hắn có rào đón thêm.

« Tôi là thuyền trưởng tàu buôn, – Slích-tơ viết. – Công việc của tôi là chở thuê kiếm lời và thực hiện một cách ngay thật những điều cam kết trước Công ty. Tiếng tăm của người thuyền trưởng đi đường dài không thể bị chê trách vào đâu được! Miếng nam châm phụ trong hộp la bàn và người ở dưới hầm tàu mà tôi không hề quen biết đều là những mắt của cùng một chuỗi xích: tôi cũng như bất cứ một người lương thiện nào khác đều có nhiều kẻ thù! ».

Cần phải nhìn thấy « con người lương thiện » khi hắn ký tên vào tờ biên bản. Cặp mắt to màu sáng nhợt ẩn dưới cái trán ngắn của Slích-tơ bộc lộ ra cái vẻ « khá thiện ý ».

Sau khi khám xét những đồ vật chứa ở trong cái túi đeo và làm thủ tục tờ biên bản, « nhà địa chất » được chiếc xuồng máy có tốc độ nhanh đưa về sân bay. Một chiếc máy bay liền cất cánh bay về phía Đông Nam.

Theo như hộ chiếu thì Bơ-la-gốp bốn mươi tư tuổi, nhưng hắn lại có vẻ già hơn. Cái nước da ốm yếu xám xạm màu đất và những nếp nhăn hằn sâu trên khắp bộ mặt hắn chứng tỏ một đời sống bị vất vả cực nhọc và có nhiều thiếu thốn.

Một cánh tay Bơ-la-gốp rơi thõng xuống được cẩm dề lên cáng, đại úy Cơ-lê-ba-nốp nhìn thấy ở lòng bàn tay hắn những vết sẹo và những đám chai đã bồi lên qua những năm lao động nặng nhọc. Một vết xanh nhờ ở trán, trông vừa giống một hình trổ vẽ từ lâu lại vừa giống một vết bỏng thuốc súng, không hiểu sao đã gợi cho Cơ-lê-ba-nốp nhớ tới một cái gì quen quen...

« Trên mặt những người thợ mỏ thường có những vết sạm như thế, – Cơ-lê-ba-nốp nhớ lại, – khi bụi than rơi bám vào chỗ xây xát trong trường hợp bị va chạm làm xước da thịt. Cũng như hình trổ, vết sạm còn in lại suốt đời ».

Kiểm tra mạch của Bơ-la-gốp xong, bác sĩ sửa soạn kim tiêm.

Dưới cánh máy bay, những cánh đồng cỏ khô cằn miền Bắc cực đang lướt nhanh qua.

– Đồng chí thấy thế nào, – Cơ-lê-ba-nốp hỏi bác sĩ, ngay ở sân bay đã « cấp bách » rồi ư?

– Vừa hút long não vào ống tiêm, bác sĩ vừa gật đầu tỏ ý khẳng định.

Chiếc xuồng máy chở Bơ-la-gốp vừa mới rời khỏi « nhà buôn », thì đã có những điện tính đánh đi từ Muốc-măng đến Pi-ê-tơ-rô-đa-vốt và Lê-nin-gơ-rát để hỏi về Bơ-la-gốp rồi. Máy bay sau khi vượt qua vịnh Gu-đin liền bay về hướng Nam, nhưng trong thời gian đó ở Lê-nin-gơ-rát, trên đường phố Bi-ê-lin-xki, có một nhân viên tác chiến đang cưỡi mô-tô lao tới ngôi nhà số 5, nơi nhà địa chất đã ở theo như những điều trong hộ chiếu cho biết.

Sau khi lượn trở lại trên sân bay một vòng, máy bay hạ cánh. Bốn mươi phút sau, gọi dây nói từ phòng làm việc của bác sĩ chủ nhiệm, Cơ-lê-ba-nốp báo cáo với đại tá Ra-đơ-đôn-nưi thủ trưởng của mình về việc thi hành mệnh lệnh.

– Tình trạng của hắn ra sao? – Đại tá hỏi:

– Trầm trọng. Đã phải tiêm long lão hai lần trên máy bay. Hiện đang bất tỉnh nhân sự.

– Tôi đến ngay bây giờ! – Đại tá nói. Điều ấy có một ngụ ý như thế này: « Tôi sẽ làm cho hắn hồi tỉnh lại ngay bây giờ! ».

Chưa quá mười phút, xe hơi của đại tá đã rít phanh, dừng lại bên cạnh cổng vào quân y viện.

Ra-đơ-đôn-nưi – một người cao, béo đẫy – nhanh nhẹn từ trên xe bước xuống và cớ Cơ-lê-ba-nốp đi theo, leo lên tầng hai nơi phòng làm việc của bác sĩ chủ nhiệm, đại tá quân y Ga-xpa-ri-an.

– Đại úy, hãy báo cáo về những điều suy nghĩ của đồng chí, – đại tá nói khi Cơ-lê-ba-nốp vừa đóng cánh cửa lại.

– Thưa đồng chí đại tá, – đại úy bắt đầu, – tôi nghĩ rằng tên Bơ-la-gốp trước khi bị ném qua biên giới không bao lâu đã làm công việc nặng nhọc bằng chân tay. Có thể tạm cho rằng hắn đã làm việc ở mỏ than một thời gian dài...

Bác sĩ chủ nhiệm bước vào, bắt tay Ra-đơ-đôn-nưi – hai người vốn đã quen biết nhau – và gật đầu chào Cơ-lê-ba-nốp:

– Đây là một trường hợp thứ hai!

– Theo thực tiễn của đồng chí – Ra-đơ-đôn-nưi hỏi:

– Không, theo lịch sử nền văn minh, – Ga-xpa-ri-an cười, tay vê xoắn hai hàng ria mép ngắn đen sẫm. – Phải, phải, một trường hợp thứ hai. Năm ngoái, có một người Mỹ tháo vát đã ra ứng cử làm thống đốc bang. Để lấy lòng cử tri, anh ta đã « trồng cây chuối » ba tiếng đồng hồ liền ở giữa quảng trường thành phố.

– Thế rồi sao, người ta đã bầu anh ta – Ra-đơ-đôn-nưi muốn biết rõ, hỏi.

– Không, không bầu. Có lẽ mọi người sợ rằng khi đã trở thành thống đốc anh ta cũng sẽ đảo lộn ngược hết mọi công việc trong bang lên mất. Trường hợp xảy ra với tên Bơ-la-gốp này, như đồng chí thấy đấy, là trường hợp thứ

hai. Người Mỹ tỏ ra khỏe hơn. Sau khi « trồng cây chuối » ba tiếng đồng hồ, anh ta liền đưa các cử tri của mình đi uống bia. Bơ-la-gốp thì chẳng còn bàn gì đến bia được nữa, cho nên, Xéc-gây Vơ-la-đi-mi-rô-vích (1) ạ, về cuộc thăm vấn dành phải đợi đến mai vậy...

– Tôi cần phải hỏi dù chỉ trong năm phút...

– Một phút cũng không được. Hắn đang ốm...

– Ốm ư?! Ra-đơ-đôn-nưi ngắt lời bác sĩ.

– Phải, Xéc-gây Vơ-la-đi-mi-rô-vích ạ, hắn đang ốm nặng. Cơ thể bị hư hại, tim phình rộng to thêm bằng bốn ngón tay, vết nhăn cũ ở phổi và mọi thứ triệu chứng của bệnh bụi phổi – căn bệnh của nghề thợ mỏ...

Đại tá Ra-đơ-đôn-nưi đưa mắt cho Cơ-lê-ba-nốp rất nhanh.

– Ở nước ta, – Ga-xpa-ri-an nói tiếp, – hiện tượng này hiếm thấy, ở phương Tây thì bệnh bụi phổi là một tai họa. Ngoài ra, tôi nghĩ rằng dù sao chiếc hòm cũng đã bị lay động nên còn có những triệu chứng óc bị chấn thương nhẹ nữa kia.

– Chúng tôi sẽ cấp cho hắn một giấy phép đi nghỉ ở nhà an dưỡng do công đoàn đài thọ các khoản phí tổn kia mà! Ra-đơ-đôn-nưi nhếch mép cười.

– À phải! – Bác sĩ chủ nhiệm sực nhớ lại. – Này đồng chí đại úy, hình như đội trưởng bảo vệ đang tìm đồng chí thì phải?

– Cho phép tôi đi? – Cơ-lê-ba-nốp hỏi và, được đại tá cho phép, liền đi ra khỏi phòng làm việc.

Ga-xpa-ni-an theo viên đại úy ra tới ngưỡng cửa, đóng chặt cánh cửa sau lưng người sĩ quan đó lại, và chỉ đến lúc ấy ông ta mới đáp lại câu phản ứng mỉa mai của Ra-đơ-đôn-nưi:

---

(1) Tên của Ra-đơ-đôn-nưi.

– Xéc-gây Vơ-la-đi-mi-nô-vích, cậu có cái thói kỳ cục là cứ tỏ ra vẻ tồi tệ hơn trong cái thực trạng của cậu.

– Thí dụ?

– Mình biết cậu không phải là mới năm đầu tiên. Cậu là một người giàu lòng nhân đạo, cậu biết rõ Bơ-la-gốp đang ốm và...

– Vơ-gơ-ran A-na-xta-xô-vích[1], cậu có hiểu là nếu biết rõ nhiệm vụ và mục đích của chuyến tung người sau này thì sẽ có thể bảo toàn được bao nhiêu sinh mệnh không? Và nếu hắn không phải chỉ có một mình? Nếu cùng một lúc với hắn, nhưng bằng một con đường khác, dăm ba tên Bơ-la-gốp tương tự như vậy đã được tung sang hoặc đang được sửa soạn tung sang? Mỗi một phút đều quý giá. Cho nên tôi xin hỏi đồng chí, đồng chí đại tá quân y, khi nào thì có thể hỏi cung tên bị bắt – tên xâm phạm biên giới?

– Mai đồng chí sẽ có thể bắt đầu hỏi cung được? Ga-xpa-ri-an đáp – Như vậy có vừa ý đồng chí không?

– Một câu hỏi thật lạ lùng! – Ra-đơ-đôn-nưi nhún vai và đi ra cửa. – Mai ta sẽ gặp nhau! – Đã đứng ở ngưỡng cửa, Ra-đơ-đôn-nưi nói với lại gọn lỏn và bước ra khỏi phòng làm việc.

Sáng sớm ngày hôm sau, người ta nhận được những tin trả lời của Pi-ê-tơ-rô-da-vốt và Lê-nin-gơ-rát gửi tới.

– Trực nhật phòng gọi dây nói đến nhà ở đại tá Ra-đơ-đôn-nưi. Sau mấy phút, đại tá đi xe đến Cục và mở bức điện mật ra.

Pi-ê-tơ-rô-gát báo cho biết:

«Trong thành phố không có viện địa chất. Trong Phân viện hàn lâm khoa học Liên-xô ở Ca-rê-li-a (phố U-rít-xki, 92) có khoa địa chất, khoa này không có chức năng phái những đoàn thăm dò địa chất đi công tác. Việc hỏi ý kiến những cộng tác viên trong khoa địa chất của Viện hàn

(1) Tên của Ga-xpa-ri-an.

làm đã không giúp xác định ra được nhân cách của nhà địa chất Bơ-la-gốp. Va-xi-li Va-xi-li-ê-vích Bơ-la-gốp chưa bao giờ làm việc trong khoa và không một ai trong các nhà địa chất quen biết ông ta cả ».

Đại tá mở bức điện nhận được của Lê-nin-gơ-rát:

« Cuốn hộ chiếu số và loại mà đồng chí chỉ dẫn đúng là do đồn Công an khu 5 thành phố Lê-nin-gơ-rát cấp ngày 4 tháng 2 năm 1952 cho công dân Bơ-la-gốp Va-xi-li Va-xi-li-ê-vích, người Nga, sinh năm 1913.

Công dân Bơ-la-gốp V.V. sống 8 năm tại thành phố Lê-nin-gơ-rát theo địa chỉ: phố Bi-ê-lin-xki, ngôi nhà số 5, căn nhà 74.

Ngày 16 tháng Giêng năm ngoái, hồi 23 giờ 30, công dân Bơ-la-gốp V.V. đã được người ta thu nhặt trên đường phố Xen-nai-a và đưa tới bệnh viện bằng xe cấp cứu, ở đó Bơ-la-gốp không hồi tỉnh lại và đã chết vì chứng tắc mạch tim. Trên mình người chết không thấy có giấy tờ gì cả. Nhân cách của Bơ-la-gốp mãi mấy ngày sau khi chết mới được xác định bằng cách trưng cầu ý kiến.

Bà quả phụ Bơ-la-gô-va Vê-ra An-đơ-rê-ép-na và người con gái Bơ-la-gô-va Ta-chi-a-na hiện đang sống ở tại địa chỉ nêu trên.

Hai mươi năm gần đây, Bơ-la-gốp V.V. làm việc với tư cách là dược sĩ trưởng của một cửa hiệu bào chế thuốc theo phương pháp lấy bệnh trị bệnh.

Nhân thể, xin kèm theo đây một tấm ảnh của Bơ-la-gốp V.V...

Đại tá mở cuốn hộ chiếu của tên Bơ-la-gốp đã bị bắt giữ ở trang « Những đặc điểm » ra. Trên trang này có một vết in, của con dấu tròn nơi công tác: « Viện địa chất Pi-ê-tơ-rô-đa-vốt ». Soi nhìn trang giấy qua làn ánh sáng, bằng chiếc kính lúp, Ra-đơ-đôn-nưi phát hiện thấy vết tích con dấu cũ đã bị tẩy đi rất khéo léo tinh vi. Vết in của con dấu tròn cũng chính là cái vết in trên tờ giấy chứng

nhận phải đi công tác. Tấm ảnh của Bơ-la-gốp thật, dán trên hộ chiếu, đã được thay thế bằng một cách tinh xảo bằng một tấm ảnh của « nhà địa chất ». Hình in nổi của các con dấu nhỏ ở góc trên và góc dưới tấm ảnh và vết in bằng nhựa ma-tít các con dấu lớn vẽ hình quốc huy đều không gợi lên một chút nghi ngờ nào cả.

Đại tá ghi những điều nhận xét vào cuốn sổ tay rồi cầm lấy tờ biên bản khám xét các tang vật, đi xuống tầng dưới, bước vào căn buồng nơi đại úy Cơ-lê-ba-nốp đang chờ đợi đồng chí. Ở đây trên chiếc bàn lớn đã sắp đặt cẩn thận những quần áo, giày dép của tên bị bắt giữ cùng với những đồ vật đựng trong túi đeo.

– Có gì mới không ? – Ra-đơ-đôn-nui hỏi.

– Trong gót chiếc ủng chân trái tìm thấy một tập mật mã, nhưng cái đáng chú ý nhất là một bức thư ngắn, viết trên một mẩu nhật báo tiếng Đức trong lúc vội vã thì phải. Với một phần dầu đề còn nguyên vẹn, có thể giả định được rằng đó là tờ « Cúc-xkha-phên run-đơ-sao » (1). Bức thư viết bút chì, bằng tiếng Nga : « Người ta đang chuẩn bị đề tung sang... Biệt danh Lê-mô... Cũng như tôi, hắn đã trải qua một thời gian đào tạo ở đó... Một lần nữa cái máy tính đáng nguyền rủa... Sram-miu-le... Kinh-xbê-ri là Hi-sô-si-ma... ».

Rõ ràng là « Bơ-la-gốp » đã trải qua một khóa huấn luyện đặc biệt ở đâu đó gần Cúc-xkha-phên...

– Lý do ?

– Khó mà giả định được rằng người ta đã đặt mua tờ báo phát hành từ ở một thị xã nhỏ thuộc miền hạ Xắc-xông. Cúc-xkha-phên nằm ở cửa sông En-bơ. Một hải cảng. Bốn mươi bảy nghìn người, theo như thống kê dân số năm năm mươi.

– Đúng đấy, nói tiếp đi.

---

(1) Quan sát Cúc-xkha-phên (tiếng Đức)

– Xem ra thì Bơ-la-gốp đã quyết định đầu thú cho nên mới có chủ ý, để chứng minh cho lòng thành khẩn của mình, hắn báo cho biết tất cả những gì hắn biết về trường gián điệp...

– Hay là?

– Tôi không hiểu, thưa đồng chí đại tá.

– Hay bức thư chính là một thứ chứng minh thư bảo hiểm cho tính mệnh phòng khi bị thất bại chăng.

– Thưa đồng chí đại tá, «Bơ-la-gốp» đã từng làm việc trong hầm mỏ, lòng bàn tay hắn còn chưa mất hết những vết chai nghề nghiệp... Vị tất người ta đã kịp hủ hóa hắn đến mức như vậy...

– Lòng nhiệt tình đó thật đáng vinh dự cho đồng chí đấy, đại úy ạ, nhưng nó làm giảm sút tính chất khách quan của việc nhận định đi, – Ra-đơ-đôn-nưi ngắt lời Cơ-lê-ba-nốp, – Chúng ta sẽ còn trở lại vấn đề đó. Trong số quần áo và giày dép của kẻ bị bắt, không phát hiện được gì thêm?

– Không, thưa đồng chí đại tá.

– Được, ta hãy bắt đầu theo thứ tự. Khẩu phần lương khô?

– Khẩu phần lương khô theo như lượng ca-lô-ri là một khẩu phần bình thường cho một người ăn trong thời gian tám, chín ngày. Đấy là kết luận của chuyên viên. Đồ hộp – của Mỹ sản xuất, thực phẩm cô đặm – của Đức.

– Qua kinh nghiệm chúng ta đã biết mức khẩu phần lương khô để chuẩn bị cho mọi tình huống bất trắc thì được phát gấp đôi. Có thể giả định được rằng, với tính chất nhiệm vụ «Bơ-la-gốp» đã nhận, thì trong vòng bốn, năm ngày đêm hắn không thể nào bù đủ lại số thực phẩm dự trữ. Vậy, hắn phải ở tại một nơi xa các khu dân cư. Điều này được chứng thực bằng sự xuất hiện của chiếc «Gan-xơ Vét-xen» trong vịnh Tơ-rê-gu-bưi. Viết đi, đại úy, chúng ta sẽ diễn đạt một cách vắn gọn: việc đồ bộ «Bơ-la-gốp»

đã được dự định ở xa các khu dân cư, có thể là ở dọc bờ vịnh Tô-rê-gu-bưi. Đã ghi xong chưa?

– Đã, thưa đồng chí đại tá.

– Tiếp sau?

– Túi thuốc lưu động, – Cơ-lê-ba-nốp báo cáo – Những thứ thuốc để trong túi: phê-na-min, moóc-phin chế thành viên và đựng trong các ống thủy tinh có kim tiêm, khơ-lô-ra-min bông cầm máu và băng.

– Có thể rút ra một kết luận: nhiệm vụ đã đòi hỏi ở kẻ thừa hành một sự cố gắng rất lớn của thần kinh và thể lực. Chứng minh cho điều này là ở trong túi thuốc có chất Phê-na-min, một thứ thuốc kích thích có công hiệu mạnh. Chất moóc-phin làm bớt đau và bông cầm máu thì nói lên rằng việc hoàn thành nhiệm vụ có liên quan tới sự nguy hiểm và khả năng bị thương. Khơ-lô-ra-min là thuốc sát trùng. Viết đi, đại úy...

– Tôi đã ghi: nhiệm vụ mà «Bơ-la-gốp» đã nhận, có liên quan tới sự nguy hiểm đến tính mạng và đòi hỏi phải gắng sức rất nhiều.

– Biên bản của ban giám định về các dụng cụ quang học và máy ảnh đồng chí có giữ đấy không? Đọc lên.

– Bỏ qua phần mở đầu và đoạn mô tả đối tượng giám định, Cơ-lê-ba-nốp đọc phần kết luận:

Cái ống nhìn bên phải của ống nhòm dùng để:

a) Quan sát các mục tiêu ở cách xa; khuyếch đại 8 lần, đường tiếp của tiếp vật kính 40 ly với góc thị trường được tăng rộng; ly xác định tầm cách xa của mục tiêu căn cứ vào số tỷ lệ vạch trên bề mặt tiêu điểm của mục tiêu;

b) Hướng thị giác vào tiêu điểm của cái ống bên trái, ống này là một viện tiếp kính nhạy ánh sáng để chụp hình ở xa có quang cụ được soi sáng...».

– Như vậy là chiếc máy ảnh chỉ có một tiếp vật kính thôi? – Ra-đơ-đôn-nưi hỏi.

– Thưa đại tá, xuống dưới có một kết luận riêng về máy ảnh: « Kích thước hộp 10 × 7. Phim 16 ly. Khóa hãm hoạt động do một dây cót đồng hồ. Ngăn tối để phim cho phép chụp được 320 tấm ảnh mới hư hỏng. Khóa hãm có năm tốc độ. Buồng đen gắn hờ với tiếp vật kính nhờ có một đanh chốt. Có thể giả định rằng quang cụ và máy ảnh đều được sản xuất ở Tây Đức, nhưng nhãn hiệu của hãng sản xuất thì không thấy có », – Cơ-lê-ba-nốp đọc.

– Thật là bí mật với tất cả mọi người, – Ra-đơ-đôn-nưi cười với vẻ mỉa mai. – Cấu tạo của chiếc ống nhòm chụp ảnh cho phép tổng quát được một đôi điều đấy. Đồng chí nghĩ thế nào, đại úy?

– Việc không có một quang cụ thay đổi... – Cơ-lê-ba-nốp lưỡng lự nói, – theo tôi, việc lắp vào máy ảnh một ống kính chụp xa chứng tỏ rằng việc chụp những mục tiêu mà bọn chủ của « Bơ-la-gốp » rất quan tâm chỉ có thể thực hiện được từ đằng xa mà thôi.

– Có lý lắm. Đồng chí hãy diễn đạt cho ngắn gọn, – Ra-đơ-đôn-nưi nói và bắt đầu xem xét máy vô tuyến điện, được lắp cùng với bình cấp điện trong một cái hộp nhỏ, tầm thường – Một bộ thu phát cho việc liên lạc giữa hai bên. Máy sóng ngắn, công suất của nó nhỏ, âm vực hạn chế. Một cái hộp như thế này chúng ta cũng đã bắt gặp, nhớ chứ, ở trong chiếc va-li của « Xác-ma-tốp » rồi đấy! Chắc cũng sản xuất một loạt. Đây này, Cơ-lê-ba-nốp, nhìn xem, – đại tá chỉ tay vào cái vết nhãn hiệu của nhà máy sản xuất, – còn có thể đọc được: « Véc-ke... » Nói tóm là được sản xuất ở Tây – Đức. Và điều sau chót...

Sau khi gõ cửa, trực ban bước vào phòng làm việc:

– Thưa đồng chí đại tá, ở quân y người ta đã gọi dây nói cho biết là, có thể bắt đầu hỏi cung « Bơ-la-gốp ».

– Được, đồng chí gọi dây nói xuống ga-ra.

– Cho phép tôi đi?

– Đồng chí đi...

Trực ban đi ra.

– Chúng ta còn lại những gì nhỉ? – Đại tá Ra-đơ-đôn-nưi hỏi Cơ-lê-ba-nốp.

– La-bàn, bản đồ miền duyên hải, súng ngắn có bộ phận tiêu âm, bốn mươi nghìn rúp Liên-xô và những đồ lặt vặt thuộc về sinh hoạt: thuốc lá Nga, cốc quai tráng men, ga-men nhôm, lọ muối, cái thìa và nĩa liên hợp để dùng trong khi đi đường, con dao mở đồ hộp, xà-phòng, khăn mặt, – Cơ-lê-ba-nốp báo cáo.

– Hỏi cung xong, chúng ta sẽ trở lại những cái đó. Bản ghi của đồng chí đâu?

Cơ-lê-ba-nốp đưa cho đại tá tờ giấy đã ghi chép.

Vừa chăm chú đọc những điều ghi vắn tắt về kết quả khám xét các tang vật, đại tá vừa viết những nhận xét ngắn của mình vào cuốn sổ tay. Có nhiều vấn đề đang tùy thuộc vào lần hỏi cung đầu tiên kẻ bị bắt, thế mà thời gian rất cần thiết cho việc chuẩn bị cuộc hỏi cung thì lại không có: tình hình đương đòi hỏi những hành động tác chiến thật kiên quyết, mạnh bạo.

Cơ-lê-ba-nốp đề nghị cho phép, rồi hé mở cánh cửa con thông hơi và châm thuốc hút. Mấy con chim bồ câu lông xám nhạt, đứng trên bậu cửa sổ, bắt đầu gù ồn lên. Làn gió ấm, có vẻ chính mùa xuân, lay động những bức rèm cửa sổ. Đằng sau tòa nhà chính của Cục, mới mấy hôm nay đã mọc thêm tầng mới thứ tám của một ngôi nhà ở. Về phía bên trái, những cái mốc của dãy cần trục hình tháp lui dần xa mãi xa mãi tới rặng núi và mất hút trong làn khói mỏng mờ mờ như sương. Thành phố đang được xây dựng, nó cứ mọc lên trên những quả đồi nằm dưới chân các dãy núi, và mỗi năm một trở nên giàu đẹp hơn, thế mà ở đây... Cơ-lê-ba-nốp bất giác đưa mắt nhìn bao quát «toàn bộ các của cải» của tên gián điệp đang để cả ở trên bàn, và... đồng chí có cảm tưởng như một ngày đã mất hẳn đi cái trong sáng, cái tươi mát mùa xuân của nó:

Khi hai người tới quân y viện, bác sĩ trực nhật gặp họ ở phòng ngoài liền báo trước:

– Vì bệnh nhân đang ở trong tình trạng trầm trọng cho nên bác sĩ chủ nhiệm có yêu cầu đồng chí, thưa đồng chí đại tá, đảm bảo sử dụng đúng mười phút cho.

Đại tá sa sầm nét mặt lại và, không trả lời, tiến về phía người quản lý. Không có loại áo choàng cỡ lớn, Ra-đơ-đôn-nưi bị bó người trong một chiếc áo hẹp, gần bám tới bả vai, có hai cái dải thắt chặt đằng phía sau lưng lại, nên càng bực tức.

Khi Ra-đơ-đôn-nưi, có đại úy theo sau, bước vào phòng bệnh nhân, về bề ngoài đồng chí tỏ ra hoàn toàn điềm tĩnh và có đầy đủ quyết tâm trong vòng mười phút dành cho mình sẽ khơi thác được ở tên vi phạm tất cả những điều hiểu biết cần thiết.

Một nửa người được nâng cao kê trên mấy cái gối nên «Bơ-la-nốp» ở trong tư thế nửa nằm nửa ngồi. Hai bàn tay hắn to thô vì lao động nặng nhọc nhiều với những ngón ngắn ngủi, đặt trên tấm chăn. Cặp mắt khi xưa màu xanh da trời nay đã phai dạt, uể oải lướt nhìn lên mặt đại tá.

– Nếu có thể được hút... – hắn nói:

Được đại tá cho phép, Cơ-lê-ba-nốp chìa cho hắn bao thuốc «Ca-đơ-bếch».

«Bơ-la-gốp» cầm lấy một điếu, bóp cho mềm trong mấy ngón tay duỗi thẳng, châm lửa hút rồi, nuốt chửng hết làn khói thuốc, nhắm nghiền mắt lại.

Đại tá nói:

– Tôi muốn anh trình bày thật rõ ràng chính xác tình hình của mình ra. Anh bị bắt trên một chiếc tàu trong số những tàu của cảng Hăm-bua. Trong danh sách thủy thủ và hành khách trên tàu không thấy tên anh. Chứng minh thư đi công tác do viện địa chất Pi-ê-tô-rô da-vốt cấp là giấy giả: viện ấy không có ở Pi-ê-tơ-rô-da-vốt. Còn về hộ chiếu thì đúng là hộ chiếu thật, nhưng giá nó là của giả thì đối với

anh có lẽ đã tốt hơn. Hộ chiếu đó là đã đánh cắp của Bơ-la-gốp ngày 16 tháng giêng năm ngoái trong những điều kiện mà nó làm tăng thêm tính chất nghiêm trọng của hoàn cảnh anh ra. Đây là ảnh của Bơ-la-gốp Va-xi-li Va-xi-li-ê-vích thật, – đại tá giơ cho xem tấm ảnh. – Tôi cảnh cáo anh trước là, bất cứ một mưu toan nào hòng lẩn tránh sự thật và làm rối ren cuộc điều tra đều sẽ không ăn thua dâu, mà càng làm cho tội tệ hơn lên rất nhiều, tình thế của anh vốn không có điều đó cũng đã xấu xa lắm rồi. Anh sẽ trả lời?

– Tôi sẽ... tên tội phạm nói sau một lúc tạm ngừng.

– Họ và tên thật của anh?

– Nhê-pơ-rin-xép E-phim Da-kha-rô-vich. Còn một tên nữa những « vị ân nhân » đã đặt cho tôi... Tên ước định...

– Biệt danh à?

– Vâng... Biệt danh... như cho con chó. Tôi bây giờ thế nào cũng được cả. Họ đặt cho tôi biệt danh là Pa-un.

Cơ-lê-ba-nốp lập biên bản khẩu cung.

– Năm và nơi sinh?

– Làng Vư-xô-côi-ê, huyện Nhi-cô-la-ép-xki... Sinh năm một nghìn chín trăm mười tám...

– Anh ba mươi chín tuổi? – Đại tá hoài nghi hỏi lại vẻ tự hào – Đời sống... Chỉ mới qua sáu tháng gần đây ở trong trường của ngài Léc-man mà tôi đã tỉnh ngộ được phần nào. Tám năm trời tôi không trông thấy mặt trời. Khi tôi đi đến hầm mỏ, mặt trời còn chưa mọc. Khi tôi trở về, đã không còn mặt trời nữa. Tôi bắt đầu vào làm ở Sác-lê-ru-a, và, có lẽ, không còn một nơi nào mà tôi không làm việc qua ở đó.

Nhê-pơ-rin-xép nói hấp tấp vội vã như một kẻ sợ không có đủ thời gian để nói cái điều chủ yếu nhất, thầm kín nhất mà đến nay hắn không thể nào nín thinh thêm được nữa.

– Năm năm mươi bốn tôi bị ốm, Công ty liền đuổi tôi ra đường phố, ba năm tôi sống bằng những gì tìm kiếm được ở nơi đổ rác bẩn của thành phố hoặc ở trong các hố rác. Trong suốt mấy năm đó, ở đồng đất nước người, tôi chỉ nghĩ cách làm thế nào để trở về Tổ quốc. Tôi đã xin được sang mộ cũng chỉ vì muốn trở về Tổ quốc. Tôi biết, bây giờ các ông sẽ không tin tôi. Nếu người ta không tìm thấy tôi trong hầm tàu thì tự tôi cũng sẽ đến mà kể lại hết tất cả sự thật...

– Chúng tôi sẽ tin hay không, – đại tá nói, – điều đó còn thuộc vào sự thành khẩn trong những lời cung khai của anh. Anh đã nhận được nhiệm vụ gì của ai giao cho?

– Nhiệm vụ, tôi đã nhận được của bác sĩ Léc-man. Ở trường học, trong những ngày học tập, nhờ có một thiết bị vô tuyến truyền hình đặc biệt, Léc-man đã theo dõi từng bước đi của tôi, nhưng tôi thì không bao giờ trông thấy ông ta, chỉ có nghe thấy một giọng nói rin rít mà thôi. Thậm chí đến tên họ của ông chủ, tôi cũng do tình cờ mà được biết – Sram-miu-le đi theo tôi ra sân bay đã nói lộ ra. Tôi gọi ông chủ là bác sĩ, và đấy là tất cả những gì tôi biết về ông ta. Họ không tin cậy tôi lắm đâu. Nhê-pơ-rin-xép nhếch mép cười một cách tự hào. – Chính vì vậy mà nhiệm vụ tôi đã nhận, như lời ông chủ nói, là loại nhiệm vụ được tăng lên dần dần. Slích-tơ thì có trách nhiệm đồ bộ tôi lên vùng bờ vịnh Tơ-rê-gu-bưi. Tôi phải đi tới cao điểm 412 dưới sự chỉ dẫn của la-bàn và bản đồ. Cao điểm đó người ta gọi là Trô-rơ-nai-a Bơ-ra-ma.

Ra-đơ-đôn-nưi và Cơ-lê-ba-nốp đưa mắt cho nhau rất nhanh – trong một thời gian ngắn mà Trô-rơ-nai-a Bơ-ra-ma đã thu hút sự chú ý của chúng không phải mới một lần đầu!

– Ở đấy, vào hồi nửa đêm, – Nhê-pơ-rin-xép nói tiếp – tôi phải dùng điện đài suốt mười lăm phút, sau những khoảng thời gian không đều nhau, phát đi những tín hiệu

gọi « Ghéc-mét » của mình, rồi sau chuyển sang nghe nhận. Đó là nhiệm vụ thứ nhất. Nhiệm vụ thứ hai tôi phải nhận bằng điện đài. Làm nhiệm vụ thứ hai, tôi có thể nhận được nhiệm vụ thứ ba.

– Nhiệm vụ thứ hai và nhiệm vụ thứ ba là những gì?

– Tôi không biết. Một bận tôi có hỏi về điều đó, nhưng người ta đã trả lời tôi là, có lẽ tôi nhớ tiếc những bữa ăn sáng trên miệng hố rác thì phải. Tôi không hỏi thêm nữa...

– Người ta huấn luyện cho anh những gì?

– Người ta đã dạy tôi cách thu phát bằng điện đài, mật mã và luật giải mật mã. Tôi đã học lối viết chữ lóng, xác định phương hướng trong một vùng, chụp ảnh những mục tiêu ở xa bằng thứ máy ảnh đặc biệt. Tôi đã từng ngồi hàng giờ trong bụi cây bạch dàn tại một trong những hòn đảo ở Phơ-ri-xcơ và chụp tất cả các tàu đi qua. Có một lần người ta đưa tôi ra ngoài khơi trên một chiếc tàu đánh cá, và tôi, nằm trong chiếc xuồng treo dưới cái mỏ neo trục hàng có che một tấm vải bạt, đã chụp những nơi bắn tập của những chiến hạm. Lối huấn luyện này có được chú ý đến nhiều, song ông chủ đã đặt một ý nghĩa đặc biệt vào việc dạy cách sử dụng máy tính Gây-ghe-rơ...

– Anh hãy kể thật tỉ mỉ về máy tính Gây-ghe-rơ, – đại tá nói.

– Sau cuộc bắn tập của các chiến hạm ít lâu người ta đổ bộ tôi lên các hòn đảo. Tôi phải dùng máy tính Gây-ghe-rơ để xác định lượng phóng xạ còn lại. Cuộc tập dượt này do một người Mỹ hướng dẫn. Tôi được biết tên họ ông ta vào hôm cuối cùng... Tôi sẽ nhớ lại ngay bây giờ... Làm thế nào nghĩ ra – không thể quên đâu... quên mất thật... Tôi đã ghi...

– King-xbê-ri? Cơ-lê-ba-nốp hỏi.

Nhê-pơ-rin-xép ngạc nhiên nhìn đại úy.

– Hoàn toàn đúng – King-xbê-ri. Trong ý nghĩ tôi thầm gọi ông ta là « Hi-rô-si-ma ». Tôi có biết một số người

Ba-lan. Họ xây dựng những mô hình trên bãi thử vũ khí nguyên tử. Nạn thất nghiệp và đói kém đã xô đẩy họ đến công việc đó. Tôi đã nhiều lần mục kích cái chết của mọi người – chiến tranh, những trại tập trung giết người, những hầm mỏ, những dãy lều gỗ của dân bị di cư, nhưng những người Ba-lan... Họ chết về bệnh nhiễm phóng xạ... Cứ mỗi lần tôi cầm trong tay chiếc máy tính ma quỷ ấy là bỗng kinh sợ như một làn hơi giá buốt lại thấm vào người tôi đến tận xương tủy, tôi không thể thu nhận được tí gì, thế là cái thằng «Hi-rô-si-ma» dều cáng nó cứ nện bừa vào người tôi... Có một bận King-xbê-ri đã đánh trúng vào háng tôi...

Nhê-pơ-rin-xép ngả người ra gối và đưa tay lên lau những giọt mồ hôi lớn lấm tấm trên trán.

Máy tính Gây-ghe-rơ mà, với nó, anh đã phải làm việc là một cái máy như thế nào?

– Tôi có ghi được đôi chút qua những lời của King-xbê-ri... Máy tính có nguồn phóng điện độc lập và không tự động tắt đi; nó được lắp một bộ phận ghi. Trông hình dáng nó giống như một quả bom của máy bay, có điều là ở chỗ bộ cánh đuôi lại có một cái vòng để móc vào neo. Cần phải xác định độ sâu bằng dây quả dọi, liệu định chiều dài của dây neo và ném máy xuống bể. Chính cái máy tính đó cũng có thể đem sử dụng cả ở trên cạn...

– Lạ lùng thật, người ta đã dạy anh cách sử dụng máy tính mà trong khi đó lại không cho mang theo một cái nào cả.

Tôi cũng thấy điều đó là lạ lùng, nhưng trước câu hỏi của tôi, King-xbê-ri đã đáp lại một cách thô bạo: «Khi nào cần mày sẽ được biết!».

– Người ta huấn luyện anh ở đâu?

– Tháng cuối cùng, ở một nơi nào đó trên miền Bắc. Tôi được người ta cho biết là những điều kiện thiên nhiên ở

đây cũng giống như những điều kiện thiên nhiên của bán đảo Côn-xki.

– Anh đã đến tàu « Gan-xơ Vét-xen » bằng cách nào?

– Người ta cho máy bay chở tôi tới hải cảng Kin. Ban đêm, người ta đưa tôi lên tàu « Vét-xen ». Toàn thể thủy thủ trên tàu đều đã được nghỉ phép lên bờ hết. Suốt thời gian tàu đi, Slích-tơ không để tôi bước ra khỏi ca-bin của hắn. Chiếc hòm có các vật dụng để ở dưới hầm tàu là để phòng khi tàu bị giữ lại trong hải phận Liên-xô. Từ trên ca-bin của Slích-tơ có một chiếc thang bí mật dẫn xuống hầm tàu.

– Trong khi nhận nhiệm vụ, mật mã được thảo ra bằng thứ tiếng nước nào?

– Tiếng Nga. Tiếng Đức tôi biết rất kém. Bản mật mã hiện nằm trong gót chiếc ủng bên trái. Truyền tin trên tần số 12400 ki-lô-héc. Mật hiệu gọi: « Ghéc-mét ».

– Trong trường hợp thất bại, cần thêm chữ « tôi », « tôi » là « Ghéc-mét »...

Đại tá Ga-xpa-ri-an bước vào phòng bệnh nhân, kiểm tra mạch của Nhê-pơ-rin-xép và tạm đình chỉ cuộc hỏi cung lại.

Cơ-lê-ba-nốp sắp xếp những tờ biên bản, đọc to lên và bảo Nhê-pơ-rin-xép ký vào.

Trở về đến Cục, Ra-đơ-đôn-nưi gọi dây nói tới đại tá Lơ-ra-ma-ren-cô, là thủ trưởng bộ đội biên phòng.

– Chào Ô-xtáp Mác-xi-mô-vích! – Ông ta cất tiếng chào – Đến chỗ mình nhé, đã có một đôi điều mới lạ xuất hiện đấy.

Cơ-ra-ma-ren-cô bắt chợt Ra-đơ-đôn-nưi trong phòng làm việc.

Ra-đơ-đôn-nưi đặt trước mặt Cơ-ra-ma-ren-cô chiếc cặp giấy bên trong có tờ biên bản khẩu cung của Nhê-pơ-rin-xép.

– Đọc đi, Ô-xtáp Mác-xi-mô-vích.

Cơ-ra-ma-ren-cô mở cặp và mải miết đọc.

Ra-đơ-đôn-nưi gọi dây nói cho các phòng trong Cục, ra những mệnh lệnh ngắn gọn như bức điện tín vậy.

Đọc xong khẩu cung, đại tá đóng phập cái cặp giấy lại :

– Lại Trô-rơ-nai-a Bơ-ra-ma nữa ư ? !

– Phải, Ô-xtáp Mác-xi-mô-vích, lại hắn nữa đấy ! Theo tôi, qua những khẩu cung Nhê-pơ-rin-xép cần phải nhớ lại thật cặn kẽ vụ « Nhê-xtéc Xác-ma-tốp ».

– Đại tá Ra-đơ-đôn-nưi nói và mở chiếc tủ sắt, lấy ra một cái cặp giấy dày cộm.

Khi lần giở từng trang tập báo cáo đồng chí đã nhớ đến thuộc lòng và thỉnh thoảng lại dẫn ra những đoạn văn trích trong các văn kiện, đại tá đã nhớ lại tất cả sự thể vụ...

Chiếc tàu nhỏ « Kin-đin », chở hành khách và hàng hóa trên đường ven biển, lượng giãn nước là một trăm năm mươi tấn, vẫn thường xuyên đi lại giữa các bến cảng của bán đảo Côn-xki. Tàu cũng ghé vào cảng Ghê-oóc-ghi mỗi tuần lễ một lần. Khi nó tới, trong cảng náo nhiệt hẳn lên – những người đánh cá tụ tập nhau lại ở gần cầu tàu ; những người vốn « chôn rau cắt rốn » ở đây sau chuyến đi nghỉ phép ở Đại lục, liền trở về bằng tàu « Kin-đin » ; và đôi khi cũng xuất hiện cả những con người mới, họ đến Đa-pô-li-a-ri-ê, như người ta thường nói, để mưu cầu hạnh phúc.

Cho nên, không ai lấy làm lạ sự việc xảy ra lúc hai giờ : – tàu « Kin-đin » tới lúc mười hai giờ – một người không ai quen biết đang ngồi bên một chiếc bàn của khách sạn « Hải âu ». Người đó đeo kính gọng sừng, dáng vạm vỡ và cao hơn người trung bình, nom vào khoảng bốn mươi tuổi. Người mới đến đã cởi và trao chiếc áo vải bạt có mũ trùm đầu lên mắc áo. Cách ăn mặc có vẻ chững chạc, một áo khoác ngoài bằng dạ xám, một áo len cổ lọ và một quần len sợi to, ống luồn vào trong đôi ủng bồi đắm dầu chầu của dân chài. Chiếc va-li mới và to của ông ta dựng bên cạnh bàn, nói lên sự sung túc khá giả.

Phục vụ cho người khách mới tới là chị Ta-i-xi-a Ma-xla-cô-va, một phụ nữ xuân xanh đã quá độ và « thất thế » như chị ta tự nói ra, nhưng lại hay mê trai và cả tin người. Ta-i-xi-a trước đây do Ép-gơ-ráp Ma-xla-cốp, thợ máy của tàu đánh cá « Du-bát-ca », đưa đến vùng này. Hai người quen biết nhau trong phòng ăn tập thể của một nhà nghỉ ở Guốc-dúp, nơi Ta-i-xi-a đã làm người phục vụ cho các bàn ăn, nhưng hai năm sau thì Ép-gơ-ráp chết vì chứng bệnh sưng màng ruột. Ta-i-xi-a còn trơ lại một mình. Cuộc đời đối với chị ta như một nơi tạm dừng chân : chị ngồi bên các con đường sắt gặp nhau và chờ con tàu đi qua...

Người khách mặc áo khoác ngắn bằng dạ đặt ba suất trứng tráng với xúc-xích, năm suất chả cá và một ấm trà — thật là ngon tuyệt ! Người đó ăn ngốn ngấu, dường như đã nhịn đói suốt cả một tuần lễ không bằng. Khách nói luôn mồm, pha trò vui đùa và tuôn ra cả những câu khôi hài như hề. Chẳng bao lâu, tất cả mọi người, từ bà chủ khách sạn cho chí chị rửa bát đĩa, đều biết rõ lai lịch ông ta.

Người mới đến quê ở Ô-dét-xa. Tên gọi là Nhê-xtéc, họ Xác-ma-tốp. Ông ta làm thợ lái cần trục ở cảng Ô-dét-xa. Mọi sự lẽ ra đều tốt đẹp cả, nhưng tai họa đã xảy đến : người vợ đã bỏ ông ta đi theo một kỹ sư máy tên là « Xla-va » (1).

— Phụ nữ, họ là cái giống hám đuổi theo danh vọng (1) lắm, — Nhê-xtéc Xác-ma-tốp đùa với một vẻ chua chát. Tôi vơ quàng mấy cái xống áo bỏ vào va-li và « tếch » ngay lên miền Bắc, xây dựng lại cuộc đời, ở một nơi mới lạ sẽ dễ chịu hơn...

---

(1) Ở đây có một lối chơi chữ : tên người kỹ sư là « Xla-va » nghĩa tiếng Nga là danh tiếng, danh vọng, vinh dự... câu dưới ngoài cái nghĩa của nó ra còn được dùng để ám chỉ kẻ đã cướp mất vợ của Xác-ma-tốp.

Uống trà đã thỏa thê, Nhê-xtéc Xác-ma-tốp cởi cúc áo choàng ngắn và lấy khăn lau trán.

– Thị trấn của chị đẹp lắm, có điều là không có chỗ ở, trong ngôi nhà dành cho những người mới đến không có lấy một cái giường trống không nào. Thời gian đâu biết thu xếp nơi chốn nào đâu đây? Ta-ít-sca [1], chị hãy bày cách giùm tôi với nào, – Người khách mới đến nói, lòng bàn tay hộ pháp, nóng ướt nhơm nhớp ấp lên bàn tay khô giá có nhiều mạch máu nổi lên nhằng nhịt của người nữ phục vụ viên.

Ta-i-xi-a cảm thấy như nóng bừng cả người. Chị gài lại mớ tóc xõa vào trong chiếc mũ vải trắng hồ bột và, ửng đỏ mặt, hỏi:

– Ông có mang theo hộ chiếu không?

Như đã sẵn sàng, khách liền rút ra một tấm hộ chiếu, bọc trong một lớp da đen, và đặt lên bàn!

– Tôi hiểu, đây là vùng biên giới. Tin thì tin, chị cũng cứ kiểm tra cho.

Một giờ sau, người khách mới đến đã đi tới căn nhà của Ta-i-xi-a, và tiếp sau đó một chút, Ta-i-xi-a tới đồn công an với cuốn sổ hộ tịch và tấm hộ chiếu của Xác-ma-tốp. Nói cho đúng, Ta-i-xi-a cũng chỉ mới làm quen với người mới đến trong ngày hôm nay, cho nên chị có ngại ngùng và trước câu hỏi của đồn trưởng công an, đã trả lời:

– Tôi biết ông ta, Xác-ma-tốp, ngay hồi còn ở Guốc-dúp kia. Một người tốt!

Đồn trưởng công an cho phép đăng ký tạm thời «con người tốt», nhưng ngay hôm đó, đồng chí đã gửi bằng đường bưu điện hàng không, một bản chất vấn tới Ô-đét-xa.

Những biến cố phát triển một cách mau chóng.

Ngày hôm sau, Ta-i-xi-a làm phiên thứ hai. Buổi sáng chị dừng lại ở trước gương lâu hơn thường lệ, ngắm vuốt mãi rồi ra đi làm những công việc mà Xác-ma-tốp đã giao

(1) Tên gọi Ta-i-xi-a một cách thân mật suồng sã.

phó. Trong cuốn sổ tay nhỏ, hai địa chỉ do tay Ta-i-xi-a đã ghi vào. Những người này chị đều không quen biết nhưng cần phải mời họ tới nhà: Xác-ma-tốp đã đem đến những lời chào của một người bà con. Có điều lạ là những người được mời, qua sự nhận xét chung, đều là những người khác nhau cả, thế mà lại chỉ có một người bà con. – I-van Gơ-ri-gô-riê-vích Gu-ba-nốp.

Ngoài cảng Ghê-oóc-ghi, không có một chiếc xe vận tải nào, cả xe tắc-xi cũng không.

Nếu đi bộ từ đầu này đến đầu kia thị trấn, mà phải đi vòng quanh vịnh, đường đất dài không kém năm cây số.

Ta-i-xi-a tìm thấy phố Rư-ba-tri trong lòng một thung lũng hẹp. Những ngôi nhà ở đây đều là nhà cổ, được xây dựng ngay từ hồi mới lập cảng.

Ngôi nhà số 3 đây rồi – nhà thứ hai tính từ phía ngoài vào – một ngôi nhà kiên cố, có các nhà phụ, Ta-i-xi-a đập vào then cửa mấy cái. Đáp lại là tiếng dây xích kéo lanh canh, là tiếng chó sủa. Ta-i-xi-a lấy ở trong cái xắc cầm tay một cuốn sổ con và nhẩm lại « Đoóc-mi-đông Chi-khô-nô-vích Nô-ga-ép » – cái tên mới lố lăng làm sao! Một lúc sau có tiếng cửa vang lạch xạch. Một người đàn ông đứng tuổi, bận sơ-mi vải và quần len sợi to, chân đi đôi giày ủng của dân chài, bước ra. Người đó có bộ râu cằm hung hung đỏ và cặp mắt ti hí, nhìn chăm chú.

Ta-i-xi-a có cảm tưởng như có quen biết người đàn ông. Có lẽ ông ta thường đến tiệm ăn « Hải âu » thì phải, đàn ông thì có nhiều lắm, chả tài nào nhớ hết được bọn họ.

– Chào ông! Ta-i-xi-a chào và hỏi: – Ông có phải là Đoóc-ni-đông Chi-khô-nô-vích Nô-ga-ép không ạ?

Nét mặt người đàn ông có bộ râu cằm thậm chí đổi khác hẳn ngay đi.

– Chị gọi tên tôi là gì nhỉ? ông ta hỏi, có vẻ như nghễnh ngãng, lòng bàn tay áp vào một bên tai.

Ta-i-xi-a nhắc lại.

– Ra vậ... ậy... – người dàn ông kéo dài giọng và đưa tay vuốt vuốt bộ râu cằm. – Thế thì xin mời vào trong nhà! – Vừa mời ông ta vừa giữ lấy xích con chó.

Ta-i-xi-a bước lên bậc tam cấp, đi vào một lối cửa hẹp có măc treo đầy cá khô. Một tấm thảm nhỏ màu sắc sặc sỡ dẫn chị tới một căn phòng. Ở đây thấy có một máy thu thanh lớn, mấy giá sách và một hình mẫu tinh xảo của con tàu đánh cá ở vùng bể miền Bắc có cánh buồm dặt lệch nghiêng.

– Ta-i-xi-a, mời chị ngồi xuống, tôi không biết gọi chị theo quý danh cụ nhà như thế nào [1]... – chủ nhân nói và, ngồi vào bàn, ngay phía đối diện.

I-van Gơ-ri-gô-ri-ê-vích Gu-ba-nốp nhờ tôi chuyển tới ông lời chào trân trọng. Rất hân hạnh được mời ông đến dự bữa bánh ngọt với hoa quả, – Ta-i-xi-a nhắc lại từng chữ đúng như Xác-ma-tốp đã dạy chị. Chúng tôi ở phố bến cảng, nhà thứ 5 ạ. Chắc ông cũng biết đấy, ở đó hãy còn một hiệu bánh mì.

Chủ nhân rất xúc động, ông ta rút ở trong túi ra một cái lược con bằng xương con hải tượng, rồi để làm gì đó không biết, bắt đầu chải dám râu cằm hung hung đỏ của mình.

– Xin cảm ơn! Khi nào đấy ạ?

– Ngày mai, hồi chín giờ tối. Chúng tôi đề nghị không đến chậm, cho bánh trái khỏi bị nguội, – Ta-i-xi-a nói và lấy ở trong túi xắc ra cuốn sổ tay, liếc nhìn vào địa chỉ: – Đường phố Va-ta-giơ-nai-a này ở đâu vậy?

– Chị mời ai nữa thế? – Chủ nhân tỏ vẻ quan tâm.

– Còn bảo gọi Chê-rên-chi Ép-đô-ki-mô-vích Ma-lôi...

– Cũng vẫn là lời chào của Gu-ba-nốp cả sao?

– Đúng thế. Có lẽ ông và ông ta có cùng một người bà con thì phải.

---

(1) Theo phép lịch sự thì phải gọi cả tên riêng và tên gọi theo tên cha.

– Chị đừng đi đến phố Va-ta-giơ-nai-a. Sau chiến tranh không bao lâu, có lẽ mọi người đã nghe thấy nói rồi, tàu đánh cá « Bu-i-an » đã bị mìn nổ tung. Vậy là Chê-rên-chi Ma-lôi, làm đội trưởng thủy thủ trên tàu đánh cá, cũng đã chết rồi. Thế nào nhỉ, chính chị có mối liên lạc với Gu-ba-nốp ư? Hay ai đã tới?

– Xác-ma-tốp, người quen của tôi đã tới – Nhê-xtéc Xác-ma-tốp. Thôi, chúc ông mạnh khỏe! – Ta-xi-i-a đứng dậy chìa bàn tay khô mảnh ra bắt rồi, nhường chủ nhân bước lên trước, chị theo ra khỏi căn phòng.

Cánh cửa vừa đóng sập lại phía sau Ta-i-xi-a, chủ nhân đã vội vã đi đến đồn công an. Đồn trưởng mời ông ta vào phòng giấy rồi đóng chặt cửa lại:

– I-van Đoóc-mi-đôn-tô-vích, có gì mà ông quá xúc động đến thế? Chúng tôi biết ông không phải mới có ít lâu nay thôi. Ông hãy lần lượt kể lại xem.

– Khi bọn Hít-le cho quân đổ bộ, – ông ta bắt đầu, – cha tôi đang ở Pi-ê-trên-ga, chả là ông cụ đến để nhận các dụng cụ đánh cá cho hợp tác xã. Sau khi du kích của ta quấy rối hậu phương tụi phát-xít, cơ quan Gét-xta-pô của chúng bèn bắt các con tin, cha tôi cũng rơi vào trong số các con tin đó. Rồi sau chúng tra tấn cha tôi, ông lão mất tinh thần nên đã đầu hàng. Chúng nắm lấy tờ giấy cam đoan của cha tôi và bố trí một cuộc chạy trốn cho ông cụ và Chê-rên-chi Ma-lôi. Từ đạo đó, cha tôi sống trong trạng thái luôn luôn hoảng sợ. Ông cụ vốn có một sức khỏe khiến người khác phải thèm, thế mà lập tức đâm suy nhược trông thấy. Trước khi chết, cha tôi có gọi tôi đến đầu giường và thú ra hết cả: « ... Vào một ngày nào đó sẽ có một người tới nói: I-van Gơ-ri-gô-ri-ê-vích Gu-ba-nốp nhờ chuyển tới ông lời chào trân trọng. Rất hân hạnh được mời ông tới dự bữa ăn bánh ngọt với hoa quả ». Và đây, hôm nay...

Nô-ga-ép rút khăn lau bộ mặt mồ hôi toát ra ướt đẫm, xì mũi ầm ĩ và thuật lại tỉ mỉ việc Ta-i-xi-a đến.

Đồn trưởng công an bảo Nô-ga-ép tự mình viết tất cả những điều đã nói ra, còn trong khi chờ đợi sẽ có sự phân xét, đồng chí tiến hành việc thẩm tra.

Cũng trong ngày hôm đó, Xác-ma-tốp đi đến Trạm đánh cá để xin vào làm việc, nhưng hắn cứ làm bộ làm tịch, việc nào người ta đề ra cho hắn, hắn cũng từ chối, cũng cứ kén lựa mãi.

Gần về cuối buổi chiều thì có kỹ sư trưởng nhà máy cá gọi dây nói cho đồn trưởng công an. Kỹ sư trưởng vẫn có – điều này ai cũng biết cả – một chiếc ca-nô nhỏ có động cơ tháo lắp được. Duyên do là thế này: Xác-ma-tốp bỏ ra một số tiền lớn, nằn nì mãi mua bằng được chiếc ca-nô đó.

Đồn trưởng công an vừa đặt ống nói xuống thì Ta-i-xi-a Ma-xla-cô-va bước vào phòng làm việc, mặt cắt không còn hột máu, răng va lập bập vào nhau vì khiếp sợ...

Ta-i-xi-a làm xong công việc sớm trước giờ. Khi chị trở về nhà thì không thấy người ở thuê đâu. Ta-i-xi-a quyết định ngó vào trong chiếc va-li vốn từ lâu đã kích thích tính tò mò của chị. Các ổ khóa của va-li thuộc loại sản xuất hàng loạt. Ta-i-xi-a lục lọi trong cái tráp con đựng các đồ lặt vặt và tìm thấy chiếc chìa con cần thiết. Chị lôi chiếc va-li ở dưới gầm giường ra, mở. Trong va-li Ta-i-xi-a thấy ở giữa các quần áo lót có ba mươi lăm nghìn đồng Rúp, một khẩu súng ngắn, mấy băng đạn và một hộp con gì đó.

Đồn trưởng công an lập tức gọi dây nói tới Muốc-măng thỉnh thị. Người ta quyết định bắt ngay Xác-ma-tốp, không chậm trễ. Một cuộc phục kích được bố trí trong căn nhà Ma-xla-cô-va.

Xác-ma-tốp không hề nghi ngờ gì, bước vào trong buồng. Tối như bưng. Chỉ mới rờ tới cái bật hãm điện hắn đã bị hai người tóm ngay lấy hai tay... Cuộc đối thoại diễn ra nhanh gọn. Người ta liền khám xét những thứ dựng trong va-li, và lời khai báo của Ta-i-xi-a đã được xác minh. Lục

soát trên người hắn thì tìm được khẩu súng ngắn thứ hai có bộ phận tiêu âm, một tập tiền giấy, một chiếc đèn pin, một máy ảnh nhỏ bằng hộp thuốc lá.

Cho tới lúc ấy mọi sự đều tiến hành tốt, nhưng sau đó... Sau đó đã phạm phải sai lầm, hoặc, có lẽ là, trong những công việc như vậy, người cán bộ công an còn chưa có kinh nghiệm: Xác-ma-tốp tháo cái kính dang đeo ra, gập gọng lại và tựa hồ như dề gãi gãi vào thái dương, cử chỉ bên ngoài trông thật hồn nhiên, nhưng chưa quá đến một phút — Xác-ma-tốp ngã vật xuống sàn nhà, mép sùi bọt, người giật giật hai lần rồi im...

Trong chiếc gọng kính có gài một ống thủy tinh. Đó chính là một ống tiêm có thuốc độc.

Ngày hôm sau, có một bức thư từ Ô-đét-xa gửi tới:

« Phúc đáp lời chất vấn của đồng chí, chúng tôi xin báo: Nhê-xtéc An-đơ-rê-ê-vích Xác-ma-tốp sinh năm 1917 ở Ba-la-cơ-la-va. Ông ta làm thợ lái cần trục ở hải cảng, chưa đi đâu cả, hiện đang sống tại Ô-đét-xa, đường phố I-u-giu-nai-a, ngôi nhà số 17. Xác-ma-tốp là ủy viên trong ủy ban cảng, đảng viên Cộng sản.

Tấm hộ chiếu đồng chí nêu cho biết, là của Xác-ma-tốp đã bị mất cắp năm ngoái trong buổi mít-tinh kỷ niệm ngày mồng Một tháng Năm, trong khi leo lên boong một chuyến tàu buôn nước ngoài.

Đêm về khuya, đại úy Cơ-lê-ba-nốp đi trên một chiếc xuồng máy đặc biệt từ Muốc-măng tới và tiếp nhận vụ « Xác-ma-tốp » để tiến hành điều tra. Sau khi xem xét các đồ vật của hắn, Cơ-lê-ba-nốp quyết định, trước hết hãy xác định xem kẻ gọi là « Xác-ma-tốp » đã từ đâu và bằng cách nào tới được cảng Ghê-oóc-ghi.

Thật không phải mất công sức gì đặc biệt lắm cũng làm sáng tỏ ra được là, trong số hành khách của tàu « Kin-đin » không thấy có con người đã tự mạo nhận là « Xác-ma-tốp ». Trước hôm tàu đến cảng, ngay trước lúc cửa hàng đóng cửa,

một người đàn ông đứng tuổi, mặc chiếc áo tơi vải bạt có mũ trùm đầu kéo sụp xuống tận mắt, rẽ vào hợp tác xã đánh cá mua một chiếc va-li và ba bộ đồ lót bằng sợi đan. Va-li và quần áo lót đã được người bán hàng hợp tác xã nhận ra.

Sang đến ngày điều tra thứ hai, Cơ-lê-ba-nốp mới rút ra được một vài điều khái quát: « Xác-ma-tốp » — chúng ta sẽ gọi hắn như vậy — xuất hiện ở cảng Ghê-oóc-ghi bằng một con đường khác nào đó, nhưng điều quan trọng đối với hắn là tạo ra được một ấn tượng cho thấy rằng hắn đã tới bằng tàu « Kin-đin ». Vì mục đích đó mà « Xác-ma-tốp » đã mua vào hôm trước một chiếc va-li, và chỉ sau khi tàu « Kin-đin » đã tới cảng hắn mới lại một lần nữa xuất hiện trong thị trấn.

Khả năng lọt vào cảng trên một trong ba con tàu đánh cá từ ngoài khơi trở về căn cứ bị loại bỏ, vì rằng cả ba chiếc tàu đều đánh cá ở những vùng nước nông của bè Muốc-măng nên không rẽ vào một cảng nào cả. Mà từ trong đất liền đi đến Ghê-oóc-ghi thì lại càng không kém phần khó khăn: cảng được lập trên một hòn đảo bị cắt rời mọi phía với đất liền bởi một cái vịnh vừa sâu vừa rộng.

Nảy ra một giả thuyết là đã có một người nào trong số những người đánh cá ở vịnh Gu-đin chở « Xác-ma-tốp » tới hòn đảo. Một trong những người đánh cá đã cho biết rõ rằng cách đây chừng hai tuần lễ, khi đó trời đã ngả về chiều, bác ta có chở lên bờ phía Tây của đảo Gu-đin một người tự xưng danh là nhà địa chất. Người đó mặc áo tơi vải bạt có mũ trùm đầu, tay cầm một cái túi hầu như rỗng không. Trong khi họ lợi dụng dòng nước triều rút xuống mở động cơ tiến về phía đảo, người lạ mặt đã nói cho biết rằng trong đồng cỏ có một đội thăm dò địa chất đang làm việc. Công việc tiến triển tốt đẹp, nhưng ắc-quy máy phát tin hết điện và lương thực cũng sắp cạn, nên ông ta đành phải đến cảng Ghê-oóc-ghi để liên lạc bằng điện thoại với Muốc-măng

vậy. Khi Cơ-lê-ba-nốp đưa ra chiếc áo tơi vải bạt để lẫn với ba chiếc áo tơi khác để xác nhận, người đánh cá đã chỉ trúng ngay chiếc áo tơi của « Xác-ma-tốp ». Bác ta nhớ rõ những chiếc khuy trông tuồng như tết bằng da, và nhớ cả một điều chi tiết là, không thấy có chiếc khuy trên dầu hàng nên ở chỗ đó lòi ra một đoạn chỉ mộc.

Có thể rút ra một kết luận : « Xác-ma-tốp » đã từ ở phía Tây, từ trong đồng cỏ tới. Để hoàn thành nhiệm vụ, hắn cần phải có một chiếc xuồng máy, vì vậy mà hắn đã cố nài mua bằng được chiếc ca-nô có động cơ của viên kỹ sư nhà máy cá.

Cuộc điều tra được bắt đầu một cách có kết quả như vậy đã phải tạm dừng lại vì thiếu tang chứng, nhưng bỗng nhiên đã xuất hiện những tài liệu mới rất đáng chú ý. Số là trong khi xem xét chiếc áo choàng ngắn bằng vải của « Xác-ma-tốp », đại úy đã phát hiện thấy ở phía trong cổ tay áo những hạt cát xanh nhờ có lác dác ánh kính. Cơ-lê-ba-nốp bèn cẩn thận thu nhặt những hạt cát ấy bỏ vào một cái ống nghiệm, gắn đầu nó lại, rồi gửi vật tìm thấy của mình bằng một chuyến xuồng chạy cấp tốc về Muốc-măng để xét nghiệm. Sự phân tích bằng máy quang học phân tích những thứ dựng trong ống nghiệm đã cho thấy :

« ... Những hạt cát xanh nhờ đưa khảo nghiệm gồm có những lớp ô-li-vin và huy thạch đã bị nghiền nhỏ với một hàm lượng đồng và kền không đáng kể... ».

Nhận được kết luận như vậy, đại úy Cơ-lê-ba-nốp lập tức đi đến Muốc-măng hỏi ý kiến các nhà địa chất ; đồng chí đặt câu hỏi như thế này : ở đâu, trên phần đất nào của bán đảo Côn-xki về phía Tây vịnh Gu-din thì có những lớp ô-li-vin và huy thạch với một tỷ lệ hàm lượng đồng và kền như vậy ?

Ngay ngày hôm đó, các nhà địa chất trả lời :

« Ở bên cạnh vịnh Tây Cơ-ri-nhi-txa có cao điểm 412 Trô-rơ-nai-a Bơ-ra-ma, là một khối đá ba-dan ; dưới chân

cao điểm đó, cách đây chừng hai mươi năm, đã phát hiện thấy những lớp huy thạch và ô-li-vin xanh nổi lên trên mặt đất. Hàm lượng đồng và kền trong các quặng đó không có bao nhiêu, việc khai thác không có lợi, cho nên người ta đã mau chóng quên ngay khu mỏ đó ».

Đại úy Cơ-lê-ba-nốp cùng với một đội tác chiến đi đến Trô-rơ-nai-a Bơ-ra-ma. Cuộc sục tìm kỹ địa điểm đã có kết quả: tại một thung lũng sâu và hẹp, một chiếc dù chôn dưới lớp tuyết đã bị phát hiện, và trong các nếp gấp của vải dù có thấy cái khuy áo còn thiếu trên tấm áo tơi vải bạt của « Xác-ma-tốp » ;

Sự xuất hiện của những lớp ô-li-vin và huy thạch thì mọi người không thấy, chung quanh chỉ toàn là đá ba-dan đen và ở các khe núi có tuyết đã đóng nén lại. Vậy những hạt quặng xanh nhờ đã lọt vào trong lần cổ tay áo choàng ngắn như thế nào thì thật không sao giải thích nổi.

Có mỗi một điều là sáng tỏ : « Nhê-xtéc Xác-ma-tốp » được thả bằng dù xuống vùng Trô-rơ-nai-a Bơ-ra-ma, từ đây hắn cuốc bộ về phía Đông đến vịnh Gu-đin, rồi vượt qua vịnh bằng xuồng máy để vào cảng Ghê-oóc-ghi.

– Có thể giả định, – đại tá Ra-đơ-đôn-nui nói, – rằng Nhê-pơ-rin-xép phải hoàn thành cái công việc mà « Xác-ma-tốp » đã không làm được. Kẻ phải Nhê-pơ-rin-xép đi đã biết rõ sự thất bại của « Xác-ma-tốp » : trên một trong những tờ báo của ta, người ta đã vội vã viết về điều đó. Cậu nhớ chứ, quả là thêm được một dầu đề nó đập mạnh vào cảm giác người ta kia mà : « Con bọ cạp tự đốt nó »...

– Cậu định bắt đầu làm gì? – Cơ-ra-ma-ren-cô hỏi.

– Lợi dụng những tin tức lấy được của Nhê-pơ-rin-xép, thử bắt liên lạc với chủ hắn.

– Cậu định phát ngay từ nơi đây đi những mật hiệu gọi ?

– Không đời nào. Cậu sẽ tự xét đoán xem: theo như phần đầu của nhiệm vụ thì đáng nhẽ Nhê-pơ-rin-xép phải

đi tới cao điểm bốn trăm mười hai, và chỉ đến khi đó hắn mới được đánh mật hiệu gọi. Còn như ngộ chúng, để thăm tra điệp viên, sẽ tìm phương sự của điện đài? Thất bại! Không, không được làm liều. Một giờ nữa đại úy Cơ-lê-ba-nốp và trung úy A-va-cu-mốp sẽ đi máy bay trực thăng tới Trô-rơ-nai-a Bơ-ra-ma. Tiện thể mình hỏi cậu, Ô-xtáp Mác-xi-mô-vích, cậu biết rõ những địa điểm đó, vậy cái tên gọi kỳ quặc — Trô-rơ-nai-a Bơ-ra-ma nghĩa là thế nào?

— «Bơ-ra-ma», theo như lối gọi của người vùng bể có nghĩa là sà-lan. Khối đá đó quả là giống cái mũi sà-lan hất vềnh lên. Gọi «Trô-rơ-nai-a[1] là vì bị gió mài nhẵn nên khối đá nổi bật lên trên các nền những quả đồi và bãi cỏ phủ tuyết. Tên gọi rất đúng đấy. Nơi chúng mình ở, có một quả đồi các chiến sĩ biên phòng thường gọi là «Bu-khan-ca»[2] và, cậu cũng biết đấy, người ta đã thành thói quen, bây giờ thì không ai gọi quả đồi ấy theo cách khác nữa.

— Vậy thì, Ô-xtáp Mác-xi-mô-vích, ngay cả cậu cũng cho rằng phát súng nhắm bắn vào quả táo ư?[3] — Ra-đơ-đôn-nưi hỏi.

— Hoàn toàn đúng, giá là mình thì mình cũng hành động như vậy thôi, nhưng năng lực đánh hơi hiếm khi lừa dối mình... Van-te Slích-tơ là một con thú rất tinh quái, cho nên mặc dù điện đài trên tàu «Gan-xơ Vét-xen» đã bị niêm phong, hắn cố nhiên vẫn có một điện đài khác, giấu đâu đó trong lớp nẹp tàu. Mình nghĩ rằng vì sợ bị phát hiện nơi để điện đài mà Slích-tơ sẽ không truyền tin bằng điện đài dự bị đâu. Nhưng hắn có thể chuyển cho chủ một điện tín chữ quy ước với một vẻ hoàn toàn vô thưởng vô

(1) Tiếng Nga, nghĩa là đen

(2) Tiếng Nga, nghĩa là cái bánh mì tròn

(3) Ý nói: Làm một điều không đưa lại kết quả gì chắc chắn cả.

phạt bằng cách lợi dụng những phương tiện thông tin liên lạc của ta.

– Mọi biện pháp cần thiết đã được áp dụng. Không thấy một ai trong đoàn thủy thủ tàu « Vét-xen » đã chuyển điện tín đi cả, và chính điều đó đã làm cho mình lo lắng hơn cả...

– Tại sao? – Cơ-ra-ma-ren-cô ngạc nhiên.

– Có thể đánh đi một điện tín chữ quy ước, nhưng dễ dàng hơn cả là lặng thinh có tính cách quy ước.

Đập nắm tay xuống bàn, Cơ-ra-ma-ren-cô nói :

– Một câu đố đấy. Chúng cần cái gì ở Trô-rơ-nai-a Bơ-ra-ma kia nhỉ?

Một câu hỏi tương tự như vậy cũng cứ ám ảnh Ra-đơ-đôn-nưi. Dường như để hình dung ra thành lời, đồng chí cũng như Cơ-ra-ma-ren-cô, tìm hiểu cách giải câu đố ấy :

– Còn nhớ chứ, Ô-xtáp Mác-xi-mô-vích, trận tuyến chạy qua phía đông Trô-rơ-nai-a Bơ-ra-ma. Ba năm tám tháng trời ròng rã, bọn Hít-le đã tìm mọi cách cố thọc tới vịnh Côn-xki. Bị cầm chân ở đây là những đơn vị tinh nhuệ của Hít-le, sư đoàn bộ binh đánh rừng số sáu « E-đen-vây ». Theo mình, chính trong những sự kiện này, diễn ra cách đây ba mươi năm, đang ẩn giấu cái chìa khóa để mở toang điều bí ẩn ra đây. Nhưng chiếc máy tính Gây-ghe-rơ đã xuất hiện, nó làm rối loạn mọi nước bài đi. Tại sao lại phải cần đến cái máy đó trên dọc bờ vịnh Tơ-rê-gu-bưi? Tại sao lại cần huấn luyện cho Nhê-pơ-rin-xép một thời gian dài cách chụp ảnh những chiến hạm và đồng thời thả hắn lên một bờ biển hẻo lánh?!

– Mình biết rõ những nơi đó lắm. Cậu có tin không, nhiều đêm không ngủ, mình cứ suy nghĩ xem chúng cần gì trên miền bờ biển? Từ vịnh Tây I-ơ-ri-nhít-xa cho tới Chi-nô-phê-ép-ca chỉ toàn là những bãi cỏ hoang vu, những đồng lầy, hồ và những quả đồi dốc ngược lởm chởm đá, nối theo nhau liên tiếp. Họa hoằn mới thấy có nơi mọc lên một cây bạch dương thấp lè tè. Ở miền này ngay đến giống

cáo Bắc cực cũng chẳng thèm đến kiếm mồi. Có gặp được một con chuột chũi cũng là chuyện lạ thường. Thật là một miền hoang dại.

– Ô-xtáp Mác-xi-mô-vích, không nên quên rằng « Xác-ma-tốp » đã tìm mọi cách để mua bằng được chiếc xuồng có động cơ tháo lắp đấy... Vậy thì, nói cho đúng có thể coi cao điểm 412 như một căn cứ vậy. Mới trong một thời gian ngắn mà bọn chúng đã ném sang phía chúng ta hai điệp viên, đứa này thì bằng máy bay, còn đứa kia thì bằng tàu thủy chở hàng hóa, nhưng cả hai đều có cùng một cái đích Trô-rơ-nai-a Bơ-ra-ma. Sự kiên trì của việc làm đó chứng tỏ...

Đại úy Cơ-lê-ba-nốp gõ cửa rồi bước vào phòng làm việc; đồng chí báo cáo;

– Trung úy A-va-cu-mốp từ trung đoàn thông tin đã tới. Ngoài sân bay đã gọi dây nói: máy bay sẵn sàng cất cánh. Các chuyên viên về khí tượng dự báo thời tiết tốt.

– Gọi trung úy ở phòng mật mã đến gặp tôi! – Ra-đơ-đôn-nưi ra lệnh.

Nhắc lại mệnh lệnh xong, đại úy đi ra khỏi phòng làm việc.

– Mình đề nghị cậu, Xéc-gây Vơ-la-đi-mi-rô-vích, nếu có gì sáng tỏ, hãy gọi dây nói cho biết! – Cơ-ra-ma-ren-cô nói trong khi từ biệt.

Những người tham gia đội tác chiến đi ô-tô tới sân bay lúc mười ba giờ. Đúng mười bốn giờ, chiếc máy bay trực thăng nhẹ nhàng rời khỏi mặt đất, bốc lên cao và tiến về hướng Tây – Bắc. Bay được nửa giờ, viên phi công, sau khi quan sát thật cẩn thận tất cả mọi lối tới Trô-rơ-nai-a Bơ-ra-ma, chọn một nơi thuận tiện và cho máy bay đỗ xuống.

Tuyết phủ một lớp dày đặc trong các khe núi; ở nơi nào không có tuyết, các mỏm đá nổi bật lên một màu đen

ngòm. Trong bầu không khí đã cảm thấy mùa xuân sắp đến. Mặt trời sưởi nóng rực. Gió mát rượi, thổi từng đợt từ phía ngoài vịnh vào.

Sau khi nhìn đồng hồ, Cơ-lê-ba-nốp quyết định sẽ phải làm kịp việc quan sát địa thế.

Trèo lên tới đỉnh Trô-rơ-nai-a Bơ-ra-ma mất gần một tiếng đồng hồ. Từ ở nơi đây nhìn xuống, đường chân trời dường như lùi lại ít ra tới mười cây số. Một phong cảnh quen thuộc. Ở phía Bắc, dăng sau rặng núi đá đen đen, biển hiện ra xanh rờn. Xa hơn nữa, phía sau mảnh đất hẹp, chạy dài một dải bờ dốc thoai thoải của bán đảo. Về phía Tây và Tây – Nam có những đống đá chồng xếp lên lồm chồm. Nhìn thật chăm chú, Cơ-lê-ba-nốp nhận ra ở trong cái mớ hỗn độn ấy những di tích của các căn hầm đã bị xới lộn tung lên và những hố đạn đại bác. Chiến tranh đã diễn ra ở đây, những dấu vết của nó thời gian còn chưa xóa sạch hết. Đỉnh Trô-rơ-nai-a Bơ-ra-ma là một cao nguyên bằng phẳng, giống một hình tam giác không đều cạnh. Cái góc hướng về phía Đông, hơi nhô lên ở đằng đầu tựa như khung mũi tàu, chạy xuôi xuống phía dưới thành một cái chêm được mở rộng to ra mãi. Cái trụ hình tam giác của boong tàu độc đáo ấy, dựa vào một bức tường phẳng, dựng thẳng đứng, tựa hồ như một bộ phận dựng nổi cao lên thêm vài thước trên boong tàu. Áp sát với bộ phận nổi đó là một tảng đá hoa cương hình chữ nhật, trông thấy như cái mũi loại sà-lan tự di động vậy.

Cơ-lê-ba-nốp rút bao thuốc « Ca-đơ-bếch » đã bẹp nát, chọn mãi mới được một điếu lành lặn, châm lửa hút, rồi bắt đầu đi xuống. So với lúc leo lên, đi xuống khó khăn hơn rất nhiều. Chân cứ bị trượt tuột trên những mỏm đá phủ băng, các ngón tay bấm chặt vào những chỗ đá lồi và khe núi, vào những cành cây bạch hoa hiếm hoi ngả rạp xuống, đồng chí tụt xuống rất lâu và luôn luôn phải dừng lại nghỉ ở các chỗ vách nhô ra.

Dưới chân Trô-rơ-nai-a Bơ-ra-ma, một đống lửa bốc cháy: viên phi công đang hâm nóng món thịt hộp.

Càng gần đến điện đài truyền tin, đại úy Cơ-lê-ba-nốp lại càng cảm thấy hồi hộp hơn. Đúng hai mươi giờ những tín hiệu «moóc» đầu tiên vang lên trong không trung. Cứ cách từng quãng thời gian đều nhau, nhân viên điện đài A-va-cu-mốp lại phát đi mật hiệu gọi «Ghéc-mét», tên một vị thần buôn bán Hy-lạp. Mười lăm phút sau, A-va-cu-mốp chuyền sang nghe nhận.

Mọi người nín thở, vây quanh điện đài.

Một con chuột chũi tò mò bị lửa vì sự bất động của mấy người nên bò đến gần bọn họ một cách bạo dạn. Nó nhìn một lúc lâu vào cái đốm sáng xanh lè đương nhấp nháy: con mắt kiểm tra của điện đài. Sau đó, đã đánh hơi thấy mùi thịt hộp, con chuột tìm được một cái hộp rỗng, liền vớ lấy rồi vừa giật lùi bằng hai chân sau, vừa tha vật đã kiếm được đưa về hang. Chiếc hộp sắt tây vang kêu lanh canh. Nó dựng đứng lên trên đường gờ, không lọt được qua cái lỗ cửa hang chật hẹp. Con vật bé nhỏ giận dữ vì bất lực, rít lên the thé.

Cơ-lê-ba-nốp nhặt một hòn đá, bực bội liệng vào con chuột.

Điện đài đã sẵn sàng thu nhận. Thời gian kéo dài ra một cách nặng nề.

Trời trở lạnh. Trên bầu trời tối đen lấp lánh hằng hà sa số những vì sao. Đâu đó trên phía Bắc vùng chân trời, một làn cực quang xanh nhờ soi tỏ đường chân trời rồi tắt ngấm. Rồi lại bùng sáng, treo lơ lửng ngay trên đầu. Thật tựa hồ như có một bàn tay quán xuyến không biết của ai đã giăng lên sợi dây được kết bằng các vì sao những mảnh vải xanh còn ướt dẫm để phơi cho khô.

Ở nơi nào đằng xa, một con sói rú dài nghe rất thảm thiết. Và, bên cạnh cái vỏ đồ hộp, con chuột chũi lại hiện ra lần nữa. Cái chân nhỏ xíu của nó dụng vào chiếc hộp,

chiếc hộp lật ngả xuống làm vang lên một âm thanh lanh lảnh của kim loại.

Cơ-lê-ba-nốp rùng mình. Chiếc kim giây cứ khắc nghiệt chạy mãi trên mặt đồng hồ, khép dần cái vòng quay của phút thứ mười lăm cuối cùng lại.

Lại phát đi: « Ghéc-mét »... « Ghéc-mét »... « Ghéc-mét»... và rồi lại nghe nhận.

Sau sáu lần phát đi những mật hiệu gọi và chờ đợi nhận một cách không có kết quả, người ta bèn tắt bỏ điện đài. Qua điện đài của máy bay trực thăng Cơ-lê-ba-nốp chuyển về Muốc-măng một bản báo cáo bằng chữ quy ước.

Nửa giờ sau, Cơ-lê-ba-nốp nhận được trả lời.

Sáng ngày hôm sau, đại tá Ra-đơ-đôn-nưi hỏi cung Nhê-pơ-rin-xép thêm một lần nữa. Sau khi xác minh những lời khai đầu tiên của mình, Nhê-pơ-rin-xép nói cho biết một số chi tiết đáng chú ý về « Viện dược thảo » ở gần Cúc-xkha-phên. Hắn kể lại cuộc gặp gỡ của mình với một người lạ mặt, biệt danh là Lê-mô.

Trong đêm, rạng sáng ngày 18. Ra-đơ-đôn-nưi nhận được bản báo cáo quy ước thứ hai của Cơ-lê-ba-nốp. Sáng ngày 19 lại tiếp một báo cáo thứ ba: những hiệu gọi đã không được đáp lại.

Đại tá chỉ thị cho đội tác chiến quay trở về Muốc-măng.

Tín hiệu báo gặp nạn

Chiếc tuần hạm « Vi-u-ga » đi tuần tiễu đã năm ngày đêm.

Gió Đông Bắc thổi mạnh hơn. Những đám mây xám trĩu xuống, lờm xờm như những mớ tóc rối, lao vút là là trên con tàu, tưởng chừng như chúng dụng cả vào đầu cột buồm.

Khi máy đo gió chỉ tốc độ gió là mười lăm mét giây, hạm trưởng liền quyết định cho tàu ẩn nấp trong vịnh.

Mũi đất Xvi-a-tôi Rốc vẫn ở phía trên trái mạn tàu « Vi-u-ga ».

Tới lối vào trong vịnh Chi-khi, sĩ quan trực ban báo cáo:

— Mục tiêu ở về bên phải, hướng đi một trăm hai mươi, khoảng cách năm mươi nhăm liên!

Theo những tin tình báo mà hạm trưởng nắm được, thì trong vùng biển Ba-ren-xép này không có tàu đánh cá.

Trước sự thúc hỏi của chiếc « Vi-u-ga », chiếc tàu lạ đã không trả lời. Chiếc tuần hạm liền quành rẽ và tiến ra khơi.

.·.

Từ sau cuộc nói chuyện đáng ghi nhớ ở trong phòng ngủ của anh em lính thủy, đội trưởng đã không bỏ quên người khẩu đội trưởng. Nếu các anh em thủy binh khác đều có khá đủ thời gian rảnh rang để có thể viết một bức thư hoặc đọc một cuốn sách, thì An-đơ-rây Na-goóc-nưi lại không còn được một phút rỗi nào cả. I-a-xát-nưi đã « cắm rễ » vào người khẩu đội trưởng chẳng khác nào chất rỉ bám vào lỗ cửa buồng dây neo. Đội trưởng cho rằng cái thứ lao động đòi hỏi phải cố gắng không ngừng và phải bỏ hết sức lực ra, rồi đây sẽ gạt khỏi đầu óc An-đơ-rây nỗi lo nghĩ rầu rĩ về chuyện boong tàu dưới đôi bàn chân cứ rời ra như không biết có anh.

Cùng với hai người lính thủy, họ cũng giống như anh, đang bị chứng say sóng làm cho khốn khổ, An-đơ-rây ngồi bệt cái đệm tròn ở phía sau căn phòng bếp. Ở đây, đằng đuôi tàu, trên một hành lang ấm áp và sáng sủa, sự dung đưa lúc lắc có phần ít hơn so với trên khoang boong đằng mũi tàu.

An-đơ-ráy nghĩ đến lúc này, ở bên trên, những đợt sóng đang ùa tràn lên sàn boong đằng mũi tàu tới tận tấm chắn sóng... Không hiểu sao, mỗi khi nghĩ đến sóng, trong sự tìm kiếm những hình ảnh để so sánh, An-đơ-rây lại cứ

hình dung thấy cái lều vải của một dàn nhạc trong công viên thành phố. Cái lều vải đó, nơi mà dàn nhạc kèn vẫn thường chơi vào những ngày nghỉ, giống một cách kỳ lạ một con sóng lớn đang vọt tung lên.

Dòng suy nghĩ triền miên của An-đơ-rây bị đội trưởng thủy binh I-a-xát-nưi làm gián đoạn. Chân bước thong thả, nhún nhảy, đồng chí đến gần An-đơ-rây không một tiếng động. I-a-xát-nưi cầm lấy ở trong tay An-đơ-rây cái đệm tròn, xói mói kiểm tra lại cách bện, rồi đưa mắt nhìn khắp lượt các thủy binh, hạ lệnh:

— Khẩu đội trưởng An-đơ-rây, ra làm nhiệm vụ quan sát phía trước! Đứng canh trong phiên đầu! Mặc kiểu quần áo chống bão!

Nhắc lại mệnh lệnh xong, An-đơ-rây đi xuống phòng thủy thủ. Anh xỏ chân vào đôi ủng cao-su, mặc chiếc áo ấm ngắn có mũ trùm đầu rồi đi lên sân boong đằng mũi tàu.

Gió đang xua tan từng đợt sóng lớn của đại dương. Một cơn sóng cuộn dâng lên cao rồi đập vào mũi tàu, và vẫn còn chưa dứt cơn nó liền xô vào tấm chắn sóng nên bị vỡ tan ra, tưới lên khẩu đại bác và các thiết bị nổi ở sân boong mũi tàu những tia nước đã lạnh giá đi trong khi tung lên. An-đơ-rây dăm dăm nhìn dường chân trời rất khó nhận thấy, tay bấm chặt lấy cái dây chống bão. Từng đợt sóng mới sủi bọt gầm rít lên, ào ào đổ xuống nền boong rồi từ từ cuốn lui chảy qua những lỗ tháo nước rớt xuống dưới, và sau đó, một lần nữa, với một sức hung hãn cuồng bạo hơn nó lại lao vào con tàu.

An-đơ-rây đứng canh, chân ngập nước tới đầu gối, khắp người bị phủ một lượt băng do gió làm đọng lại. Lông mi và lông mày anh đều có sương băng bám dính vào.

Trong những khoảnh khắc, mỗi khi có một đợt sóng mới nhô cao lên trên khung mũi tàu, theo bản năng, anh lại nhắm mắt lại, và cái dòn giáng ập xuống của ngọn sóng lại

gây ra một cảm giác thị năng về sự bùng sáng rực. Sau đòn giáng tiếp theo, nó làm tắc ngạt cả hơi thở, anh mở mắt ra và thấy thoáng hiện lên giữa những con sóng cuồng loạn và những đám mây lơm xơm một ngọn lửa đỏ nhỏ.

«Hình như», — An-đơ-rây nghĩ bụng, nhưng ngay trong giây lát đó, ngọn lửa nhỏ lại bùng lên, và một đợt sóng mới nước lạnh như băng lại dồ xô vào người khẩu đội trưởng, cuốn phăng anh đi theo. An-đơ-rây trôi lăn trên sân boong, lướt bay qua tấm chắn sóng và bị đập người vào khẩu đại bác. Anh đứng phắt dậy, hai tay bám chắc lấy cái khuôn cửa thông gió, và, hoàn toàn chỉ còn bị thôi thúc bởi cái ý thức về nhiệm vụ, gào lên:

— Về bên trái hướng đi năm, tôi trông thấy ngọn lửa đỏ!...

Ngày hôm đó, chiếc «Vai-gát» — một chiếc tàu đánh cá bằng lưới nồi có động cơ thuộc Trạm đánh cá của cảng Ghê-oóc-ghi ra khỏi đề dò tìm luồng cá.

Vào hồi mười bốn giờ, nhân viên điện đài của tàu đi lên buồng lái và trao cho viên thuyền trưởng bức điện báo bão:

... «Năm hay sáu giờ nữa, ở khu vực bảy mươi tư, gió Tây bắc sẽ tăng lên tới cấp sáu, cấp bảy».

Mi-kha-in Gơ-ri-gô-ri-ê-vích Véc-gun, thuyền trưởng tàu đánh cá, là một người nhỏ nhắn mảnh dẻ, mặt đầy những vết nhăn với nước da tái xám vì những cơn gió bể hung bạo. Điều đáng chú ý nhất trong cái vẻ bề ngoài của Véc-gun là đôi mắt — đôi mắt màu xanh lam rất tươi và trong vắt như mắt trẻ thơ.

Véc-gun đọc bức điện rồi cúi xuống bàn hoa tiêu. Ông ta đứng lặng im trong mấy phút, vừa chăm chú nghiên cứu bản đồ, rồi chỉ ngón tay vào vùng Côn-tra-cốp-ca và nói với viên hoa tiêu:

— Chúng ta sẽ đợi đến hết gió. Cu-đơ-mích, xác định phương vị đi.

A-lếch-xăng Cu-dơ-mích Pơ-lit-xưn – một thủy thủ trẻ tuổi mới tốt nghiệp trường hàng hải ở Muốc-măng năm ngoái – đã hiểu lối nói cụt lủn của người thuyền trưởng của mình:

Véc-gun quyết định đợi cho ngớt cơn bão ở tại vùng nước lặng của vịnh Chi-u-lê-nhi-a, gần Côn-tra-cốp-ca.

Viên hoa tiêu dựng mấy phương vị tới những mũi đất lân cận, xác định vị trí của mình trên bản đồ và đặt hướng đi.

Chiếc «Vai-gát» quành rẽ và tiến về phía Chi-u-lê-nhi-a.

Lát sau, phó thuyền trưởng Sên-cu-nốp bước vào buồng lái. Sên-cu-nốp đứng do dự mãi và cuối cùng cũng quyết định:

– Mi-kha-in Gơ-ri-gô-rê-vích, đi đến Côn-tra-cốp-ca ư?

– Cậu biết đấy, việc gì còn phải hỏi? – Véc-gun lầu bầu trong miệng. Biển đã bắt đầu làm cho ông ta mỗi lúc một thêm lo lắng. Véc-gun đi ra đài chỉ huy, nhìn đăm đăm lên bầu trời đã tối sầm bằng con mắt dò đoán.

– Có lẽ chúng ta sẽ lên bờ? – Sên-cu-nốp bắt đầu.

– Lên bờ làm gì nữa?!

Véc-gun biết rất rõ rằng viên thuyền phó đã bổ sung dủ số rượu dự trữ của mình ở Côn-tra-cốp-ca.

– Chúng ta sẽ lấy bánh mì mới chứ, số bánh của ta đã rắn danh lại, anh em thủy thủ họ đương rủa cho đấy, – Sên-cu-nốp chống chế.

– Chúng ta sẽ dừng lại trong vũng tàu – Véc-gun buông xõng một câu.

Sên-cu-nốp khẽ thở dài và đi xuống. Đó là một người cao lớn với đôi vai tròn xuôi tuột xuống, bộ ngực lép, va cái bụng nhỏ nhưng lại nhô phình ra phía trước. Pơ-rô-kho Xtê-pa-nô-vích Sên-cu-nốp mang một bộ râu cằm nhọn hoắt và hai hàng ria mép dài lòng thòng rủ xuống. Nếu có

người nào cần gặp thuyền phó thì cứ ngửi thấy mùi rượu nồng nồng là có thể tìm ra ông ta. Sên-cu-nốp thường thanh minh cho cái mùi ấy bằng chứng đau răng kinh niên. Chả là cái răng đau day dứt chỉ dịu bớt đi khi nào ở chỗ kẽ sâu có nhét vào một miếng bông thấm rượu kia. Song thật ra, có lần một người thủy thủ đang đứng trên bàn quét sơn lên vỏ tàu, khi đưa mắt qua lỗ cửa ở mạn tàu đã trông thấy thuyền phó bước vào trong ca-bin riêng của mình. Ông ta đóng chặt cửa lại, đổ đầy rượu vào chiếc cốc con nhiều cạnh, nốc cạn thẳng một hơi và, kêu đánh khà một tiếng, khoái trá trợn ngược mắt lên. Chẳng bao lâu sau, kẻ đã được mục kích dành phải rời khỏi con tàu đánh cá « thề theo như nguyện vọng riêng » : Sên-cu-nốp đã luôn luôn làm rầy anh ta với những chuyện bẻ họe vụn vặt rất ác độc. Tính nết Pơ-rô-kho Xtê-pa-nô-vích rất xấu, và nếu Véc-gun chịu đựng nổi ông ta mà để ở trên tàu thì đó chẳng qua cũng chỉ vì Sên-cu-nốp nổi tiếng là một người rất lành nghề trong việc ướp cá mòi, và, như một chủ nhân cần mẫn, ông ta luôn luôn chăm nom gìn giữ các dụng cụ đánh cá cùng tất cả các đồ vật của tàu.

Trời lặng gió. Trên bể, những con hải âu dường như đã linh cảm thấy cơn bão, bay vút qua với tiếng kêu thảng thốt.

Đảo Cơ-li-u-ép đã in hình đằng chân trời khi những cơn gió mạnh đầu tiên thổi lên.

Gạt cái tay chuông sang chỗ « nhanh nhất » xong, Véc-gun bỏ cái nắp dậy ống nói ra :

— Chi-ma, tăng thêm tốc độ.

Trong chuyến đi này, Chi-ma, phó phụ trách máy, thay chân bác phụ trách đã được nghỉ phép đi Can-da-lắc-sa nhân dịp gả chồng cho con gái.

Vừa khẽ huýt sáo miệng, Chi-ma vừa đi tới gần chiếc máy tính tốc độ. Anh ta bao giờ cũng huýt sáo mỗi khi người phụ trách vắng mặt trong buồng máy. Chả là người

kỹ sư cơ khí đã nói rằng ở quê họ, chính bác ta cũng là người ở Cô-la, người ta đem nhốt những kẻ hay huýt sáo lại[1].

Chiếc kim của máy tính tốc độ đang nhảy nhót trên vạch đỏ, chỉ cho thấy số vòng quay đã tới mức tột cùng đối với một động cơ làm việc đã từ quá lâu đời.

Người thợ máy đã dùng chổi máy cọ sạch mặt sàn gỗ dây dầy những dầu ma-dút, vì vậy mà giờ mặt sàn trơn đến nỗi phải vất vả lắm mới đi lại trên đó được.

Chính cơn gió giật đầu tiên của trận bão đã đổ ập xuống chiếc « Vai-gát », lúc ấy đang chạy mạn tàu hướng vào ngọn sóng, với một sức mạnh đến nỗi người thợ máy tuy cố giữ thăng bằng, tư thế người dường như đang đứng vào vạch xuất phát trên con đường chạy có rắc phủ than xỉ, mà vẫn cứ bị lao về phía trước, hất lộn nhào cả người kỹ sư cơ khí. Chi-ma ngã xuống, gáy dập vào bao động cơ.

Khi người thợ máy đứng dậy, khạc máu trong miệng ra và đưa tay rờ hàng lợi bị vỡ thủng, thì anh ta thấy rằng Chi-ma còn bị đau hơn nhiều. Người thợ máy phải chật vật lắm mới xốc nách nâng được Chi-ma dậy và lôi đến đặt bên cạnh cái bàn gỗ đựng giẻ.

Giữa lúc đó, tất cả những vật gì không được đóng chắc đều bật rời khỏi chỗ và lao đi rầm rầm trong buồng máy, suốt từ mạn bên này sang mạn bên kia.

Sau khi vầy nước vào mặt Chi-ma, người thợ máy xét thấy là đã làm xong cái việc cấp cứu nên vội đâm bổ đến chỗ bộ máy đi-ê-den khi ấy đang xả ra mấy tiếng xì xì dáng nghi.

Cả người điều khiển bánh lái cũng đang gặp khó khăn lúng túng bên guồng lái.

---

(1) Nguyên văn : người ta tống những kẻ hay huýt sáo vào trong cái chai.

Chiếc « Vai-gát » chạy mà không thấy có sức nặng. Con tàu có một tầm nước ngập lườn không sâu ; hai bên thành mạn cao của nó nằm chắn lấy hướng gió nên đã phải chịu một diện hứng lớn. Mỗi một cơn gió táp đều khiến nó hầu như đưa một bên mạn ra đề đón lấy các ngọn sóng.

– Nào nào! – Véc-gun nói rồi đẩy người điều khiển ra, tự mình đứng trước guồng lái.

Ánh lửa báo hiệu của cây hải đăng, đặt ở lối vào trong vịnh Chi-u-lê-nhi-a, hiện ra. Chiếc « Vai-gát » vừa vật lộn với gió giật, vừa bắt đầu quành lại phía ánh lửa. Và khi ấy, Véc-gun liền cảm thấy con tàu không chịu tuân theo bánh lái.

Qua những tiếng gió gầm rít, lập tức ông ta nghe thấy rõ động cơ không chạy.

Véc-gun vẫn chưa biết có sự gì xảy ra trong buồng máy, nên mới rút cái nút bịt ống nói ra và điềm dạm hỏi :

– Chi-ma, ở chỗ cậu có chuyện gì thế ?

Không thấy trả lời, Véc-gun liền trao guồng lái cho hoa tiêu điều khiển rồi lần xuống buồng máy. Ở đây có một ngọn đèn điện bóng mờ dùng để rọi chiếu khi máy bị hỏng đang cháy sáng. Nhích bước một cách vất vả trên mặt sàn trơn như mỡ, Véc-gun đi đến bên chiếc hòm đựng giẻ, nơi người chuyên viên cơ khí đang nằm mê man bất tỉnh nhân sự, bọt sùi ra cả ngoài mép.

– Cậu ta làm sao thế ? Véc-gun hỏi người thợ máy lúc ấy đang cố tìm cách làm cho động cơ nổ lên, nhưng giữa khi đó anh ta bị hất văng sang phía bên. Vì không đứng vững chân nên Véc-gun cũng ngã vật ngay xuống, đồng thời bị đập người rất đau vào cái xà dọc bằng thép. Ông ta liền hiểu rằng một điều gì tương tự như vậy cũng đã xảy ra với Chi-ma.

Máy phát điện trên tàu hoạt động được là nhờ có động cơ đi-ê-den. Nếu động cơ đó ngừng chạy, thì ánh sáng trên tàu và điện dài đều phải dùng điện ở các bình ắc-quy.

Thoáng nhìn với vẻ lo ngại ngọn đèn điện dùng trong khi máy bị hỏng đang cháy mỗi lúc một yếu dần, thuyền trưởng đã mau chóng đánh giá được tình hình xảy ra.

– Cho động cơ chạy! – Véc-gun nói gọn lỏn với người thợ máy rồi đi nhanh lên buồng hoa tiêu. Sau khi phái Pô-lit-xưn mang túi thuốc xuống buồng máy, ông ta hạ lệnh cho nhân viên điện đài:

– Truyền đi: chúng tôi đang gặp nạn! Tọa độ...

– Mi-kha-in Gơ-ri-gô-ri-ê-vích [1], nguồn dưỡng điện dùng trong khi máy bị hỏng đã hết, điện đài không làm việc, nhân viên điện đài báo cáo.

Đã hơn bốn tiếng đồng hồ, chiếc «Vai-gát» trôi giạt theo hướng Đông Nam. Cơn bão đang tăng mạnh lên. Mọi cố gắng thử làm cho động cơ nổ đều không có kết quả. Bên cạnh cái điện đài đã trở nên vô dụng, người cán bộ vô tuyến điện ngồi cắn móng tay với một nỗi chán chường, thất vọng. Trong căn buồng của mình, dưới ánh sáng lờ mờ của ngọn nến, viên hoa tiêu đang xác định chiều hướng và tốc độ của sự trôi giạt. Véc-gun thì đích thân đứng trước guồng lái. Cứ cách từng quãng thời gian đều nhau, thuyền phó Sên-cu-nốp lại bắn một phát súng hiệu. Những quả pháo xanh đỏ kế tiếp nhau bay lên trời và tắt ngay trước cơn gió táp.

Viên hoa tiêu đi lên buồng lái, mặt tái nhợt; anh ta nói:

– Mi-kha-in Gơ-ri-gô-ri-ê-vích, chúng ta đang trôi đến những mỏm đá của Xvi-a-tôi Rốc. Ba hải lý một giờ... Còn bảy hải lý [2] nữa là tới các mỏm đá...

Từ dưới cầu thang lên, thuyền phó nhoài người ra khỏi cửa sập vào buồng lái rồi vừa vung khẩu súng ngắn bắn pháo hiệu vừa kêu tướng lên:

---

(1) Tên của Véc-gun.

(2) Hải lý = 1.852m.

– Mi-kha-in Gơ-ri-gô-ri-ê-vích, tôi đã bắn mất toi năm mươi quả pháo rồi, mà mỗi quả những gần bảy chục rúp kia đấy!

– Mặc thây cái đó! – Véc-gun văng ra một câu rủa – Cứ ra mà bắn đi!

Sên-cu-nốp thở dài và bước xuống cửa sập, vừa nói thêm:

– Thế là chúng ta đem bắn ráo tất cả số dự trữ, chẳng là còn lại được hai mươi quả mà.

Véc-gun trông thấy những quả pháo bay vụt lên rồi tắt, trông thấy cái hình dáng ngộ nghĩnh của Sên-cu-nốp được rọi sáng bởi những tia sáng bùng lên của những phát nổ, đang lăng xăng đi đi lại lại đằng mũi tàu.

Vài phút nữa trôi qua, và một lần nữa người thuyền phó lại nhoài người vào trong cửa sập và nói giọng than vãn:

– Không còn lấy một quả nữa, đã bắn hết tất...

– Lăn cái thùng hắc ín lên sân cao đằng lái tàu! Véc-gun hạ lệnh.

Tay nắm lấy cái dây bảo hiểm chống bão, thuyền phó Sên-cu-nốp lần đi đến chỗ sân cao. Anh em lính thủy lăn cái thùng hắc ín đến, buộc chặt nó vào cái đanh mấu trên sân boong, bật nắp trên ra và châm lửa đốt.

Ngọn lửa dấm những luồng khói đen mùi hăng hắc, bị gió đánh bạt và đè dí xuống ngọn sóng. Dưới ánh lửa nhấp nhoáng phản chiếu, có thể đọc được nỗi lo lắng hiện lên trên nét mặt từng thủy thủ. Tình thế bi đát của chiếc tàu đánh cá không phải là một điều bí mật đối với bất cứ một ai trong số những con người đó. Là những người làm nghề đi biển từng trải, họ biết rõ lắm cái hung danh của Xvi-a-tôi Rốc [1] và tất cả sự vô ích của ý đồ, trong trường hợp hỏng máy, định đổ bộ bằng xuồng lên những mỏm đá giữa những đợt sóng sủi bọt giội lại. Thật không phải vô duyên

(1) Xvi-a-tôi Rốc, nghĩa tiếng Nga là Sừng thánh.

cớ mà những người dân miền bể đã đặt thành câu ngạn ngữ về những nơi ấy:

Thuyền ai húc phải đá sừng,

Cuộc đời như vậy coi là đã xong!

Trên chiếc « Vai-gát », mọi người chỉ trông thấy chiếc tàu tuần phòng vào lúc mà chiếc « Vi-u-ga » đang lượn vòng quanh chiếc tàu đánh cá, để có từ phía có gió thổi chiếc « Vai-gát » tiến được đến gần nó.

Bị lóa mắt vì tia sáng đèn chiếu, viên hoa tiêu trên tàu đánh cá bèn đánh tín hiệu đèn sang chiếc « Vi-u-ga »: « Động cơ bị ngừng. Kỹ sư bị thương. Đề nghị giúp đỡ ».

Nhận được tín hiệu, Pô-li-va-nốp suy nghĩ rất lung xem có cách nào: dòng nước dồ xô đến lại rút đi ngay, gió bão cuốn giật từng hồi, sóng lớn biến hóa bất thường, tất cả những cái đó không cho phép đến gần con tàu đánh cá được thêm quá vài sải để có thể ném sang một đầu dây quăng rồi kéo nó đi. Trong khi đó lại không được chậm trễ một phút: chỉ hai giờ trôi giạt nữa là đã tới những mỏm đá sắc nhọn của Xvi-a-tôi Rốc rồi. Thả xuồng xuống và phái người đến ư? Nhưng ngay như nếu đang sóng nước thế này mà có thả được xuồng xuống thì vẫn có thể là xuồng sẽ xô vào thành tàu đánh cá mà vỡ tan tành ra mất.

Cơn bão vẫn cứ gào lên mỗi lúc một dữ dội hơn lên. Phải vất vả lắm Pô-li-va-nốp mới giữ cho con tàu tuần phòng đứng được ở một khoảng cách an toàn, không sợ bị xô chạm nhau.

Sau khi truyền tín hiệu đi, các thủy thủ trên tàu đánh cá dũng cảm chờ đợi sự trả lời. Tất cả bọn họ, từ thuyền trưởng cho đến người thủy thủ, đều hiểu rất rõ rằng việc cứu giúp họ có liên quan tới một mối nguy hiểm to lớn.

Ngọn đèn chiếu trên chiến hạm bùng sáng, nó báo: « Chú ý! Chúng tôi phái xuồng sang. Hãy bảo đảm việc đưa người lên boong tàu! ».

Trong cơn bão như vậy mà thả xuồng xuống rồi giữ nó đứng yên ở chân cầu thang để người bước xuống là không thể làm được rồi. Vì vậy, kỹ sư cơ khí I-u-cô-lốp, hai thợ máy, y sĩ, đội trưởng thủy binh và sáu lính thủy đã chiếm chỗ ngồi trong xuồng ngay khi nó đang còn treo lơ lửng dưới cái móc trục hàng. Chiếc « Vi-u-ga » tròng trành, bọn họ bị đung đưa khi thì ở phía trên boong tàu, khi thì ở trên đầu ngọn sóng. Muốn cho chiếc xuồng khỏi bị dập vỡ thì sau khi lượng tính thời gian một cách thật chính xác, trong khoảnh khắc phải hạ được xuồng xuống ngọn sóng, kịp trả lại móc cần trục và cho xuồng rời xa khỏi thành tàu. Chính hạm trưởng đã đích thân chỉ huy việc thả xuồng xuống nước.

Mỗi khi con tàu đảo nghiêng đi, làn nước lạnh buốt như băng lại tưới lên khắp người những anh em ngồi trong xuồng.

Rình được cái khoảnh khắc sau một đợt sóng lớn, khi mà chu kỳ tròng trành giảm bớt đi vài giây, Pô-li-va-nốp ra lệnh:

– Buông xuồng!

Anh em lính thủy gắng sức cố giữ cho chiếc xuồng đi đúng hướng.

Khẩu đội trưởng An-đơ-rây ngồi ở hàng ghế thứ ba. Cũng như mọi người, hai chân chống mạnh vào giống sạp, anh lia đôi mái chèo một cách nặng nhọc. Ngọn đèn chiếu vừa soi cho bọn họ thấy hướng đi, vừa làm lóa mắt những người chèo xuồng. Mỗi khi sa xuống đáy hai đợt sóng, họ lại bị nhấn chìm vào trong bóng tối. Chỉ còn thấy luồng đèn chiếu qua đầu ngọn sóng sủi bọt, hắt lên những tia nước.

Thân tàu đánh cá đen ngòm đã sừng sững ở trước mặt những người chèo xuồng.

– Chèo ngược...ơ...ơc !!! – I-a-xát-nui cố sức gào lên.

Hai tay ấn mạnh vào hai cán mái chèo, vừa xoáy vặn dây chúng rời xa khỏi người, những người chèo phải vất vả lắm mới giữ cho chiếc xuồng dừng lại trên mặt sóng.

Kỹ sư cơ khí I-u-cô-lốp bắt được chiếc thang dây dùng trong khi có bão từ trên chiếc « Vai-gát » ném xuống. I-u-cô-lốp liền bám chắc vào một gióng thang, và lập tức người anh đã lửng lơ trên mặt bể. Con tàu đánh cá chao nghiêng sang phía bên kia. Chiếc thang dây với con người treo trên đó liền bị văng vào thành tàu. Gióng thang dập như cắt ngang hàng lông mày I-u-cô-lốp. Tuy vậy, sau ba lần nhoài, anh cũng leo được tới boong, ở đó đã có những bàn tay thủy thủ ở trên tàu đánh cá nắm lấy cánh tay anh, kéo lên.

Cả hai người thợ máy và viên y sĩ leo được lên tàu cũng không kém phần khó khăn.

Viên hoa tiêu trên chiếc « Vai-gát » đã viết vào cuốn nhật ký của tàu:

« 21 giờ 30 phút. Vĩ độ 39°35' Bắc, kinh độ 68°12 Đông, bão cấp 9. Tàu không có sự điều khiển, động cơ không chạy. Chúng tôi tiếp tục bị trôi giạt với tốc độ 3 hải lý một giờ. Còn 5 Anh lý (1) nữa là tới những mỏm đá của dãy Xvi-a-tôi Rốc. Đã đón lên boong tàu các chuyên viên của chiếc tàu biên phòng sang giúp đỡ ».

Chừng nào mà người kỹ sư cơ khí và các thợ máy còn ở trên chiếc tàu đang lâm nạn, thì ở dưới xuồng vẫn cứ phải chèo chống thật cật lực. An-đơ-rây có cảm tưởng chỉ làm thêm một động tác mái chèo nữa thôi là sẽ cạn hết sức lực... Nhưng... người cúi về đằng trước, một lần nữa anh lại đẩy mái chèo ra và với một sức mạnh mới kéo cái cán mái chèo vào lòng mình.

Trong khi y sĩ Va-rê-nốp khám cho Chi-ma, I-u-cô-lốp và hai người thợ máy đi xuống buồng máy.

---

(1) Anh lý = 1.870m.

Dưới ánh sáng của mấy cây đèn lồng rực cháy bằng ắc-quy, được mang theo từ bên tàu tuần phòng sang, I-u-cơ-lốp xem xét kỹ bộ máy di-ê-den và chăm chú lắng nghe từng mối dao động, từng phần máy liên hợp. Trước đây I-u-cô-lốp đã từng đi trên một chiếc tàu « Con nhạn », ở đó cũng có loại động cơ đi-ê-den nhãn hiệu « Zđ – 6 » đúng như thế này, và điều đó bây giờ sang làm cho nhiệm vụ của anh trở nên dễ dàng hơn.

Sau khi đặt một người thợ máy đứng trước cái bơm tay, I-u-cô-lốp thử ép dồn số hơi nén trong máy bơm chất đốt, nhưng, mặc mọi cố gắng, tiếng phào phào quen thuộc vẫn không thu được cái tiếng lanh canh đặc biệt của kim loại ở trong xi-lanh. Chất đốt của động cơ đi-ê-den đã không tới các máy bơm. I-u-cô-lốp mau lẹ tháo và xem xét cặn kẽ máy bơm phụt, bộ lọc sạch sơ bộ, rồi đến máy bơm có áp lực cao. Tất cả hệ thống đưa chuyền chất đốt đều ở trong tình trạng hoàn toàn tốt.

Hai chiếc kim đồng hồ đeo tay của I-u-cô-lốp chỉ hai mươi mốt giờ năm mươi tám phút. I-u-cô-lốp cảm thấy chóng mặt và mỏi chân. Hàng lông mày bị bửa nứt đang chảy máu, và chứng phù thũng nặng của đồng chí che lấp hẳn một bên mắt.

Các thủy thủ của tàu đánh cá tụ tập cả ở chỗ cầu thang đi vào buồng máy. Với một niềm hy vọng và một nỗi lo lắng mỗi lúc một tăng lên, họ im lặng dõi theo từng cử động của người kỹ sư cơ khí.

Vừa đứng bám tay một cách khó nhọc vào thanh chắn của máy đi-ê-den, I-u-cô-lốp vừa suy nghĩ rất lung: « Vấn đề là ở đâu ? Tại sao trong các xi-lanh lại không tạo ra được một áp lực cần thiết ? ».

Một lần nữa, I-u-cô-lốp lại xem xét toàn bộ hệ thống máy và một lần nữa anh lại không phát hiện thấy gì.

Nhưng bão táp vẫn hoành hành với một sức hung bạo như cũ. Ở trên xuồng, anh em linh thủy đã vật lộn với sóng

biển hơn một tiếng đồng hồ. Chỉ cần họ kém nỗ lực một phút là mạn xuồng quay ngay về hướng gió, sóng sẽ ùa lên và đưa xuống lao thẳng tới con tàu đánh cá.

Giữa lúc đó, trong căn buồng máy, sau khi dỡ lớp ván sàn ra, I-u-cô-lốp cứ xem đi xét lại mãi toàn bộ hệ thống đưa chuyền chất đốt và bất chợt phát hiện thấy một vũng nhỏ nhiên liệu của máy đi-ê-den ở cạnh cái vòng nối. Chắc là ở đây, máy bơm đã hút không khí vào.

Việc thay miếng đệm của cái vòng nối mất không quá mười phút. Khi bơm nhiên liệu lên, bộ máy phun thành bụi nước, I-u-cô-lốp nghe thấy tiếng lanh canh quen thuộc — một tiếng, một tiếng nữa...

Đồng chí hồi hộp ấn vào cái nút máy phát một cái. Động cơ phì hơi rồi gầm lên và mấy giây sau đã bắt đầu nhịp nhàng chạy hết tốc lực

Nghe thấy tiếng động cơ chạy, Sên-cu-nốp liền đi lên buồng lái và đưa cái bụng dồn ép Véc-gun vào một góc, miệng phả vào mặt ông ta toàn mùi rượu nồng nặc, khẽ thì thào, giọng nói cứ liến đi:

— Mi-kha-in Gơ-ri-gô-ri-ê-vích, tôi biết rõ anh lắm, con người tốt bụng ạ, xin anh hãy chú ý là đừng có lấy cá tươi mà làm quà cho các chiến sĩ biên phòng đấy nhé! Đương nhiên, người ta thường đãi họ sô-cô-la, nhưng chúng ta ở đây không làm cái trò đó cũng chẳng chết ai đâu...

— Đồ bần tiện! — Véc-gun khinh bỉ thốt lên với Sên-cu-nốp. — Tôi sẽ nói với anh em thủy thủ là, người ta đang bòn dần hết cả chì lẫn chài của anh kia đấy! (1) Xéo đi cho rảnh mắt! — Véc-gun văng một câu rủa rồi, gạt Sên-cu-nốp ra, đi đến cái cửa sập. Sau đó, ông ta bỗng đứng dừng, suy nghĩ và quay lại: — Tất cả mẻ cá đánh được tôi cũng chẳng

(1) Nguyên văn: từng sợi một người ta đang bứt dần hết cả bộ râu cằm kiểu ngoại quốc của anh đấy!

tiếc, nhưng người ta sẽ không lấy đâu, mà sẽ còn bực giận... Họ mới thật là những con người chứ!

Véc-gun đi xuống sân boong. Gặp người kỹ sư cơ khí từ dưới cửa sập buồng máy đi lên, ông ta liền ôm chầm lấy và nói:

– Xin hãy chuyển tới người chỉ huy của đồng chí... Chúng tôi đã biết mà... Chúng tôi đã tin chắc rằng các đồng chí sẽ không bỏ chúng tôi trong cơn hoạn nạn... Điều đó chúng tôi sẽ không bao giờ quên đâu, các đồng chí ạ!

Trong suốt cả cuộc đời dài đầy những biến cố của mình, thuyền trưởng Véc-gun chưa bao giờ nói ra những lời lẽ dài dòng và xúc cảm như vậy.

Chiếc xuồng đón lấy một cách thuận lợi các chiến phòng từ trên con tàu đánh cá và đưa họ về chiếc « Vi-u-ga ».

Sau khi kéo cờ hiệu chào lên, chiếc « Vai-gát » quay mũi rẽ ngược ngọn sóng, lẹ làng tiến vào vĩnh Chi-khi.

V

ĐỒNG ĐÔ-LA MỚI TOANH

Một sớm tinh sương. Trong các khu phố buôn bán của thành phố Hăm-bua hãy còn yên lặng và vắng vẻ. Trên đường bến tàu thuộc khu Nội An-xte-rơ, một chiếc « Rôn-xơ-rôi-xơ » màu xanh sẫm đang lăn bánh êm như ru tiến đến gần cổng một ngôi nhà. Nó phá tan cái yên tĩnh bằng một hồi còi điện trầm ngân dài. Đáp lại hiệu còi, cánh cửa nặng trịch các khe trét kín bằng đồng, được mở ra, và một người đầu không mũ, mình mặc áo bành-tô nhẹ, tay cắp một chiếc cặp lớn, bước xuống đi đến chiếc xe hơi.

Không ngừng tăng thêm tốc độ, chiếc « Rôn-xơ-rôi-xơ » chạy ngang qua Bin-véc-đe Au-xơ-slác và rẽ vào một cái cầu bắc qua sông En-bơ. Ở phía cao trên bức tường một trong những tòa nhà của xưởng đóng tàu thấy có một dòng chữ đề dập ngay vào mắt:

MỘT LẦN NỮA, CŨNG NHƯ NĂM BA MƯƠI NHĂM, HÃNG « BƠ-LOM — PHỐT-XƠ » LẠI SẢN XUẤT NHỮNG TẤM THIẾT GIÁP CHO XE TĂNG ! HỠI NGƯỜI ĐỨC, HÃY CẢNH GIÁC !

Cả mấy đơn vị chữa cháy và một đội cảnh sát đang dùng nạo và vòi nước vội vã xóa sạch lời hiệu triệu đầy ý thức lành mạnh đó đi.

Chiếc « Rôn-xơ-rôi-xơ » bỏ lại phía sau những tòa nhà công kềnh của xưởng đóng tàu, trườn ra con đường trải nhựa Hăm-bua – Cúc-xkha-phên.

Xưa kia, phần cảng ngoài của Hăm-bua – Cúc-xkha-phên đã từng nổi tiếng một thời về những bãi tắm biển, ngày nay, nơi đây là căn cứ của hải quân Anh-cát-lợi.

Hăm-bua được nối liền với vịnh Hen-gô-lan nhờ có một con đường xe hơi to rộng.

Người tài xế lái chiếc « Rôn-xơ-rôi-xơ » thỉnh thoảng lại đưa mắt nhìn vào chiếc gương soi đặt ở trước mặt, thầm vụng quan sát người hành khách của mình. Nét mặt người đó dều đặn, tóc bạc nhẵn bóng, trên đôi môi hình thành cái miệng nhỏ còn ngưng đọng một nụ cười nhạt vẻ mỉa mai. Tay phải ông ta đặt trên cái cặp, bàn tay trái mà trên ngón đeo nhẫn có đeo một chiếc nhẫn kim cương, đề luồn qua cái vòng dây da treo cho người khỏi bị lắc. Hôm trước, người lái xe đã gặp người đó trên cầu tàu của Công ty vượt Đại-tây-dương Mỹ – Đức. Một con tàu biển chở hành khách rất lớn và thanh lịch đã đưa người đó tới Hăm-bua. Hắn là ai, cái con người từ bên kia đại dương ấy – một nhà buôn đang phát tài lớn trong nghề kinh doanh hay là một nhà ngoại giao gặp nhiều may mắn?

Một chiếc ô-tô chở xăng có kéo rơ-moóc chạy ngược lại đã thu hút sự chú ý của người lái chiếc « Rôn-xơ-rôi-xơ ».

Đi ngang qua Cúc-xkha-phên, chiếc xe không giảm tốc độ, lao vút trên con đường bến cảng. Phía bên trái chạy dài một cánh đồng lầy than bùn, bên tay phải là một thảm nước mênh mông màu xám của vịnh Hen-gô-lan, còn dăng chân trời, qua làn khói, thấp thoáng những hòn đảo Phơ-rít-xcơ.

Chẳng mấy chốc, bức tường gạch xây cao, bên trên lởm chởm những mũi chông sắc nhọn, đã hiện ra. Chiếc « Rôn xơ-rôi-xơ » dừng lại bên vòm cổng vắng lặng, có tấm biển đồng ghi mấy chữ.

Người mang cặp bước ra khỏi xe. Cánh cửa sắt ở hàng rào được mở ra êm không một tiếng động rồi lập tức đóng lại ngay sau lưng ông ta.

Đằng cuối một con đường hẹp, hai bên trồng những bụi mận dại được cắt xén gọn gàng, hiện ra một ngôi nhà gạch đỏ. Ngôi nhà đã được xây theo đúng với tinh thần chủ nghĩa cổ điển khắc khổ của người Đức, nên trông nó lạnh lùng và buồn bã. Đợi đón khách ở buồng trước là một người thân hình vạm vỡ, cường tráng như lực sĩ, với cái cổ to bạnh. Người đó mặc bộ quần áo màu xám, cắt theo kiểu bán quân sự, trên ngực điểm mấy dải băng huân chương sĩ quan thời đệ tam đế chế.

– Sram-miu-le! – Người đó tự giới thiệu một cách vắn gọn với người mới vào, giúp cởi áo bành-tô và nói thêm: – Bác sĩ Léc-man đang đợi ngài. Xin mời vào!

Nhận được tín hiệu báo có khách đến (bóng điện nhỏ trên cánh cửa phòng giấy rực sáng lên hai lần), bác sĩ Léc-man mở tủ sắt, kéo cái ngăn chữ «M» ra, rồi lướt nhanh mấy ngón tay trên tập phiếu, lấy ra tấm phiếu cần thiết. Trên tấm phiếu này có ghi:

Phơ-ren-cơ Méc-phi

(Sinh năm 1892 ở Lit-tơn Rốc, bang Ác-can-dát) Từ năm 1925 điều khiển phòng mật vụ riêng của công ty «Xtan-đác ôi-lơ óp Niu Jớc-xây» (1)

Năm 1926, đến tham quan nhà máy «Phác-ben in-đút-tơ-ri» ở Li-ut-vích-ga-phen, tại đó đã nghiên cứu phương pháp của Béc-ghi-út (lấy dầu xăng từ trong các loại than xấu ra). Do kết quả báo cáo của Phơ-ren-cơ Méc-phi mà một hiệp định nổi tiếng giữa các công ty đã được ký kết.

---

(1) Một công ty độc quyền dầu lửa của tư bản lũng đoạn Mỹ. Nguyên văn nghĩa là công ty «Dầu Xtan-đác ở Niu Jớc-xây»

Hiện nay Phơ-ren-cơ Méc-phi đương phối hợp lợi ích riêng của « Xtan-đác ôi-lơ » với lợi ích công của cơ quan phản gián hải quân.

Ngoài ra, Méc-phi còn gắn bó với Công-soóc-xi-om hàng không « Bơ-lê-ni L. Các-tin Côm-pa-nhi » – đạn pháo tầm xa « Ti-táp ».

Bỏ tấm phiếu vào tập lưu phiếu, Léc-man khóa tủ sắt lại và bước ra đón khách.

– Phơ-ren-cơ Méc-phi, nếu tôi không nhầm?

Khách đi vào phòng giấy, đề chiếc cặp lên bàn, vươn hai tay ra trước lò sưởi và mỉm cười một cách niềm nở.

– Bác sĩ ạ, thật rất tốt là tôi và ngài, chúng ta được gặp nhau. Sự quen biết giữa chúng ta đã có cách đây trên hai mươi năm, một sự quen biết không gặp mặt nhau thật đấy, nhưng nó lại dựa trên một cơ sở vững chắc về công việc. Bản hiệp định của « Xtan-đác ôi-lơ » và IG Phác-ben in-đút-xtơ-ri » có lẽ là một sự kiện buôn bán quan trọng nhất thời bấy giờ. Bác sĩ ạ, tôi rất sung sướng thấy rằng tôi và ngài, chúng ta đã đại diện cho các bên của bản hiệp định đó.

– Một cốc rượu nho? – Léc-man đề nghị.

– Tôi ưa thích một thứ gì mạnh hơn kia, buổi sáng chả ẩm ướt mà.

Lão bác sĩ đẩy cái bàn phục vụ đến gần chiếc ghế bành mà Méc-phi đã ngồi xuống và đề nghị chọn lấy thứ đồ uống thích hợp với khẩu vị.

Méc-phi cầm lấy chai rượu mạnh uýt-ky. Hắn rót rượu vào cái cốc nhỏ, vừa vụng lén quan sát Léc-man.

Cái sọ hói nhẵn bóng chẳng khác nào một hòn bi-a, đôi mắt tí hí màu ánh thép sắc như dao cau và hai hàng râu mép nhuộm đen lộng lẫy, che lấp mất cái nét miệng thanh tươi, đã khiến cho bộ mặt Léc-man có vẻ duyên dáng đặc biệt.

– Vì tình bạn cố tri đã được thử thách qua thời gian của chúng ta! – Méc-phi trịnh trọng nói.

Léc-man giơ cốc rượu lên.

Câu chuyện mang tính chất chung chung một hồi lâu. Hai người đối chuyện vì cứ thăm dò lẫn nhau cho nên đều tránh nói đến những vấn đề nó đã khiến họ phải gặp nhau. Sau đó Méc-phi mỉm cười hỏi:

– Ta bắt đầu vào công việc chứ?

– Xin mời ngài, – lão bác sĩ tán thành với vẻ nhã nhặn và, kín đáo ấn cái nút ẩn ở dưới mặt bàn giấy, mở cho máy ghi âm chạy.

Cử chỉ của Léc-man không thoát khỏi sự chú ý của vị khách. Méc-phi đưa mắt soát kỹ khắp bàn rồi kéo bức tượng đồng nhỏ Ghéc-mét lại phía mình, tìm ra sợi dây của ống thu thanh.

– Bác sĩ ạ, ngài sẽ không phải phật lòng nếu chúng ta nói chuyện không có máy ghi âm chứ? – Hắn hỏi và lấy trong túi ra cái cặp cắt, bấm đứt phăng sợi dây. – Giữa những đồ vật chuyên nghiệp vẫn có tục lệ là hàng năm gặp nhau một lần ở Hăm-bua, trong căn phòng đóng kín cửa, để đấu vật một cách ngay thật chính đáng. Cái đó hình như gọi là cuộc thanh toán ở Hăm-bua?

– Vâng, đó là cuộc đấu vật ngay thật trên tinh thần thể thao, – Léc-man xác nhận.

– Bác sĩ ạ, thật không thể nói rằng ngài đang tiến hành một trò chơi ngay thẳng đâu. Bằng vào ý đồ định sử dụng máy ghi âm đó, có thể phán đoán «thái độ chu đáo» về lòng hiếu khách của ngài được kia đấy, – Méc-phi không giấu giếm vẻ mỉa mai.

– Cái đó chúng tôi đã học được ở các ngài, bạn đồng nghiệp thân mến ạ! – Léc-man chống chế lại.

– Thái độ thiếu tin tưởng ở người cùng hội cùng thuyền với mình đã trở nên một truyền thống đáng buồn phiền. Các ngài, những người Đức, các ngài bảo thủ một cách lạ lùng ở trong cái chủ nghĩa quốc gia hẹp hòi của mình.

– Chủ nghĩa bảo thủ là sự tiến hóa cao quý của các truyền thống, – Léc-man đưa ra một nhận định.

– Đi-dơ-ra-ê-li, một người Anh bẩn tính, đã bình giải chủ nghĩa bảo thủ như một thói giả nhân giả nghĩa có tổ chức, – Méc-phi nói, nhưng chú ý đến cái nhìn bén nhọn như mũi kim của người đối chuyện, hắn liền thêm: – Chúng ta sẽ không tranh cãi nữa, bác sĩ ạ. Nếu đã nói thì nói theo kiểu thanh toán ở Hăm-bua!

– Thế thì, bạn đồng nghiệp, tôi đề nghị tắt cái máy ghi âm của ngài đi! Léc-man chỉ tay vào cái cặp lớn màu vàng nằm ở trên bàn.

Ngài Méc-phi mỉm một nụ cười dễ làm cảm xiêu lòng người do cái vẻ chân thành của nó. Méc-phi kéo cái túm khóa ở phía cạnh cặp, tắt máy ghi âm, rồi vừa mỉm cười, vừa giải thích:

– « Mi-đơ-giét » là một cái máy hết sức tiện lợi! Nó chạy bằng pin khô đấy. Hai ống thu thanh được gài trong hai ổ khóa của chiếc cặp. Trong thế kỷ chúng ta, thế kỷ của chứng hóa cứng sớm các tế bào, thì sự giúp đỡ không thể thiếu được cho trí nhớ là một ưu điểm vậy.

– Chúng tôi đã nhận từ Si-ca-gô tờ cáo bạch của công ty « Mi-đơ-giét » rồi, – Léc-man nói xẵng giọng.

– Thế thì tôi xin chuyển sang công việc vậy. Chiến dịch « Gốp-xơ »... tiện thể xin hỏi, tại sao lại là « Gốp-xơ » Méc-phi hỏi.

– Bạn đồng nghiệp, như ngài biết đấy, trước mắt chúng ta đã được đề ra một nhiệm vụ phức tạp, nhưng mục đích khác biện hộ cho phương tiện, lão bác sĩ nhấn mạnh. Cái câu nói đã trở thành ngạn ngữ này có một bận, cách đây chừng ba trăm năm, đã được Tô-mát Gốp-xơ nói lên. Vì vậy, chiến dịch đã nhận cái tên ước lệ « Gốp-xơ ». Chúng tôi, có lẽ cũng như ngài, chúng tôi quả đã có nhận xét, ta hãy vận dụng mọi phương tiện có thể được...

– Song, những phương tiện đó cũng không loại bỏ khả năng thất bại đâu, – Méc-phi nói xen vào.

– Lẽ dĩ nhiên, – Léc-man đồng ý. – Tôi xin chúc ngài gặp may mắn, bạn đồng nghiệp ạ, nhưng... trong công việc của chúng ta, tính ngẫu nhiên đóng một vai trò không phải dã là tột cùng đâu.

– Phải công bằng mà nói, bác sĩ ạ, chiến dịch 412 và chiến dịch 214 đều đã được chuẩn bị một cách đặc biệt kỹ lưỡng. Cho nên sự thất bại của hai chiến dịch ấy lại càng trở nên khó hiểu. Ngài đã phân tích những nguyên nhân chưa?

– Tin tức ít ỏi quá. Về chiến dịch 412, mọi sự đã diễn ra một cách rất tốt đẹp. Rút đã được thả xuống ô chỉ định. Hắn hạ xuống đất được yên ổn. Chúng tôi nhận được một bức điện của hắn vào đúng giờ ấn định. Bản dịch mật mã như thế này: «Phần nửa thứ nhất của nhiệm vụ đã hoàn thành». Vài ngày sau được chuyền về một báo cáo như sau: «Công việc đang tiến hành tốt. Rút». Sau đó lại ngừng lặng đi hai tuần lễ, và đây... bài đăng trong tờ báo – «Con bọ cạp tự đốt nó»...

– Tôi đã đọc, – Méc-phi đáp, dường như là đang bàn chuyện về một cuốn tiểu thuyết hợp thời vậy. – Dẫu sao ngài cũng đã không cân nhắc tới một tình huống nào dấy.

Giọng nói của Méc-phi làm cho lão bác sĩ bực bội, hắn nổi cáu lên.

– Tôi nghĩ rằng đó không phải là «tình huống», mà là những con người mà thực ra chúng tôi hoàn toàn không biết rõ!...

– Ngài không rõ? Cái trường huấn luyện cự phách của ngài...

– Những người đã học ở trường chúng tôi ra nếu bị thất bại đều tự rút ra khỏi cuộc chơi. Còn con người ưu tú của trường các ngài thì lại ra đầu thú với bọn trấn áp phản cách mạng...

– Chúng ta không tranh cãi nữa, bác sĩ ạ, – Méc-phi nói,

vẻ dàn hòa. – Mọi sự đều rõ ràng: Rút đã bị ngã gãy cổ ở hàng rào thứ hai. Thế còn giô-kê số hai?

– Phân cục của chúng tôi ở Côn-nơ không nhận được điện. Theo ngôn ngữ ước lệ, điều đó có nghĩa là chiến dịch đã thất bại. Ba ngày liền chúng tôi nhận được những hiệu gọi « Ghéc-mét », nhưng đã không trả lời.

– Rõ. Cần tiến hành gấp, bác sĩ ạ. Trong cặp tôi hiện có mấy tờ báo Liên-xô. Chúng báo trước cho các tàu bè được biết sự nguy hiểm của việc đi lại trong một số khu vực thuộc bể Ba-ren và bể Ca-ra nhân việc hạm đội của chúng tiến hành những cuộc thao luyện về hải quân. Chúng đã viết không cần giấu giếm: « ... có áp dụng những loại vũ khí mới ».

– Theo tôi hiểu, cái làm cho ngài chú ý hơn hết là chất đốt của tên lửa thì phải? – Léc-man hỏi.

– Tôi chẳng giấu, đúng là chất đốt của tên lửa. – Méc-phi trả lời.

« Tất nhiên, Méc-phi đại diện cho lợi ích của « Xtan-đác ôi-lơ ». Nhưng chất đốt của tên lửa lại đang làm cho Ram-mơ-khu-be quan tâm, – Léc-man nghĩ bụng. – Tướng Ram-mơ-khu-be, theo sự ủy nhiệm của quân đội, hiện đang tiếp nhận các trang bị về tên lửa của Mỹ ».

Dường như đã đoán ra những ý nghĩ của kẻ đối chuyện Méc-phi nói thêm:

– Tôi nghĩ rằng « Viện dược thảo » không phải chỉ quan tâm suông đến việc này đâu.

– Cho phép hỏi ngài, tại sao ạ?

Méc-phi lặng lẽ rút ở trong cái túi cạnh sườn ra tờ « Phơ-răn-phua-te nây-e nơ-rét-xơ » (1) đã gấp, mở nó ra và chỉ ngón tay vào cái đầu đề bài báo in chữ to, đã gạch dưới bằng vạch bút chì đỏ:

---

(1) « Tân văn thời báo tỉnh Phơ-răng-phơ » (tiếng Đức)

CÁC NHÀ BÁC HỌC ĐỨC ĐANG NGHIÊN CỨU CHẾ TẠO NHỮNG TÊN LỬA TẦM XA

« Trên bờ Bắc hải, về phía Tây nam Cúc-xkha-phên, các chuyên viên về kỹ thuật tên lửa đã tiến hành một loạt thử... » — Léc-man đọc xong và, với một vẻ thờ ơ giả tạo, trả lại tờ báo:

— Những bước đầu...

— Tất nhiên là cần phải có một thời gian, nhưng các ngài có thể trông đợi vào sự giúp đỡ của chúng tôi.

— Sự giúp đỡ của các ngài thì ít ra nó cũng có cái vẻ ngược đời lắm! — Nét mặt Léc-man điềm đạm, bình thản, chỉ có đôi mắt là bộc lộ ra một nỗi căm ghét nó đang day dứt lòng hắn.

— Bác sĩ, ngài nói là ngược đời ư? Méc-phi hỏi lại.

— Trước đây ở Pê-nhê-mi-un, — Léc-man giải thích thêm, — sau cuộc thử tên lửa, Quốc trưởng bắt tay nhà chế tạo Bơ-rao. Vài tháng sau, những quả V — 2 đầu tiên vượt qua bể Măng-sơ. Mới có mười hai năm trôi qua thôi, và đây là nhà chế tạo người Đức Véc-ne phôn Bơ-rao đã trở thành nhân vật của Cục tên lửa tầm xa Mỹ. Còn chúng tôi, những người Đức, thì lại nhận một thứ vũ khí mới, do các nhà chế tạo Đức làm ra, với tính cách là « sự giúp đỡ » từ bên kia đại dương sang. Phải chăng điều đó không phải là chuyện đời hay sao, thưa ngài Méc-phi?

Méc-phi không vội trả lời ngay. Hắn đổ uýt-ky vào chiếc cốc vại, lần này lại pha nước xô-đa vào cho loãng bớt, rồi hớp một ngụm nhỏ và, vừa chăm chăm nhìn Léc-man hồi lâu với một vẻ dò xét vừa nói:

— Những con đường đi của chúng ta trong đời đã nhiều lần giao chéo nhau. Trước đây tôi cứ tưởng ngài, bác sĩ Léc-man ạ, là một tay cự phách trong nghề do thám là một

trong những đồ đệ ưu tú của Ca-na-rít [1] kia đấy. Bây giờ thì tôi thấy rằng mình đã lầm. Ngài quả là một Gơ-rết-khen [2] đức hạnh và đa cảm! Trên trái đất có một vị thánh, con trai hoang đường thần Dép-xơ [3], tức là ông cha của nó đây, – Méc-phi cợt nhả búng vào mũi bức tượng đồng Ghéc-mét [4]. – Vị thánh đó người ta gọi là Bi-đi-nét[5]! Hiệp định của « IG Phác-ben in-đút-xtơ-ri » và « Xtan-đác oi-lơ » là một phát hiện mới ra các tông đồ của vị thánh đó! Những máy bay Mỹ đã thả xuống « Pha-téc-lan »[6] những trái bom, được chế tạo theo các bằng chứng nhận về phát minh của người Đức. Những tàu ngầm Đức chạy bằng nhiên liệu của Mỹ thì lại đánh đắm trên Đại-tây-dương những con tàu treo cờ có sao [7]. Các dân tộc đã hiến dâng những vật hy sinh lên bàn thờ của một vị thánh – cha đẻ ra Bi-đi-nét – và của con trai vị thánh đó, tên là Chiến tranh! Ngôi biệt thự ở Cúc-xkha-phên, trên đại lộ Béc-li-ne-stơ-rát là của ngài phỏng, bác sĩ? Đó là món tặng phẩm của vị thánh – cha đẻ ra Bi-đi-nét – về cuộc đời chính trực của ngài đấy. Vậy khi nào ngài đã trở nên đối trá thế? Khi nào ngài đã

---

(1) Ca-na-rít (1790 — 1877): thủy thủ Hy-lạp. Nổi danh trong cuộc chiến tranh giành độc lập dân tộc. Đã nhiều lần làm thượng thư.

(2) Gơ-rết-khen: nữ nhân vật trong vở kịch Fau-xtơ của Gớt-xtơ.

(3) Dép-xơ: vị thần cao nhất của những người Hy-lạp thời cổ đại. Được coi như « thủy tổ của các thần thánh và loài người ».

(4) Ghéc-mét: theo thần thoại cổ Hy-lạp, là thần chăn nuôi, buôn bán, thể dục, tài hùng biện, và là sứ giả của các thần thánh.

(5) Bi-đi-nét (tiếng Anh business) nghĩa là buôn bán, nghề kinh doanh, việc...

(6) Pha-téc-lăng (tiếng Đức) nghĩa là Tổ quốc.

(7) Tức là tàu của Mỹ.

khóc than nhà chế tạo Bơ-rao hoặc khi nào ngài đã nhận được cái phần xác và máu của mình? Méc-phi minh họa câu nói sau cùng bằng một bộ điệu mà qua tất cả các ngôn ngữ trên thế giới, có nghĩa là tiền.

Léc-man đưa mấy ngón tay thon nhỏ được chăm chuốt kỹ sờ lên cằm, vừa cố nén một cái gì tựa như một nụ cười:

– Méc-phi, điều ngài nói thật là vô liêm sỉ!

– Tôi không giấu giếm điều đó đâu, bác sĩ ạ. Tôi là kẻ vô liêm sỉ... một kẻ vô liêm sỉ vui tính! Và nếu nói trắng ra, mà chúng ta ngài hãy nhớ cho, chúng ta đã thỏa thuận chơi theo kiểu thanh toán ở Hăm-bua kia mà, thì ngài, Léc-man, ngài cũng là một kẻ vô liêm sỉ! Phải, phải, một kẻ vô liêm sỉ, – hắn lắp lại – Ngài tưởng tôi không biết rằng, chúng tôi bỏ tiền trả cho các trang bị và việc tung bọn điệp viên đi dề chúng trước hết do thám cho các ngài sao? Chúng tôi nhận được những tin tức qua những bàn tay thứ hai, những tin đó thật không đáng giá một đồng xu, thế mà chúng tôi lại trả cho các ngài những món tiền khá lớn kia đấy. Thôi được, ta hãy thay cái dĩa hát đi vậy. Hãy cho xem con «chủ bài» ở Viện của ngài! Méc-phi kết thúc một cách đột ngột.

Bác sĩ Léc-man mở máy. Trong khi bộ bóng máy truyền hình đang nóng dần lên, Méc-phi rót đầy uýt-ky vào chiếc cốc nhỏ.

Trên màn ảnh hiện ra toàn cảnh bên trong một căn phòng lớn với chiếc xà kép thể thao kiểu Thụy-điển. Một người thân hình cân đối, bắp thịt nổi cuồn cuộn đang dún tay rướn người lên.

– Lê-mô, xuống đi và quay mặt lại phía chúng tôi! Lão bác sĩ ra lệnh. Bóng đèn điện kiểm tra của ống thu thanh tắt.

Con người mà lão bác sĩ gọi là Lê-mô đương từ trên màn ảnh nhìn họ, hai mắt nheo lại vì chói ánh sáng. Đó là một người có lẽ vào trạc tuổi ba mươi. Với nước da rám

nắng, bộ mặt anh ta trông dũng cảm và đẹp, cái vẻ đẹp riêng của mình – đôi gò má nhô nhọn, trán cao, mớ tóc xoăn đen sẫm, hai con mắt nâu sáng, cái mũi dọc dừa, cặp môi dầy, hám nhục dục.

Bóng đen kiểm tra của ống thu thanh lại rực sáng.

– Lê-mô, anh có sẵn sàng hoàn thành chiến dịch không? Méc-phi hỏi.

– Có, tôi sẵn sàng. – Lê-mô đáp. Âm thanh tiếng nói của anh ta, được khuếch đại bởi cái loa phóng thanh, vang to khác thường.

– Anh biết rõ khu vực chiến dịch?

– Trong khu vực đó, tôi biết rõ từng quả đồi, từng cái vịnh...

– Để giải quyết nhiệm vụ thứ hai, nhiệm vụ chủ yếu của chiến dịch, điều quan trọng nhất là mượn số một làm. Anh có vững tin ở người đó không? – Méc-phi hỏi.

– Tôi vững tin ở người đó, – Lê-mô đáp vẻ rắn rỏi.

– Sự vững tin của anh dựa trên cơ sở nào?

– Tôi biết rõ người đó như chính bản thân mình vậy, Lê-mô mỉm cười.

– Nhưng đã quá nhiều năm...

– Ở vùng đó, – Lê-mô ngắt lời hắn – người ta trước thế nào sau vẫn cứ thế. Những con người vững mạnh không hay thay lòng đổi dạ đối với những đối tượng đã gắn bó đâu.

Tắt ống máy thu thanh đi, Méc-phi nói:

– Một câu nói rỗng tuếch đã trở thành ngạn ngữ! Chính hắn đã phụ bạc những người yêu của mình kia mà.

– Nhược điểm là lãng mạn. Tất cả những người Nga với mức độ này hay mức độ khác, đều là những kẻ lãng mạn ráo cả, – Léc-man nhận xét.

– Đã phản bội một lần, hắn có thể lại phản bội lần nữa. Ngài có thể tắt bộ máy truyền hình đi được đấy.

Màn ảnh tắt, một cái chấm sáng rực vụt chói lên rồi rớt xuống như một thiên thạch.

– Ngài có ưa Lê-mô không? – Lão bác sĩ hỏi.

– Ưa như một đồng đô-la mới toanh ấy! Ngài đã lượm được hắn ở đâu?

– Trong trại những người di cư. Ngài có quan tâm đến các chi tiết không?

– Tôi muốn biết chúng tôi trả tiền vì cái gì chứ.

– Có phần nào trái với Cựu ước, người ta đã tạo ra chàng A-đam đó bằng xương sườn [1] của E-vơ đấy...

– Lại cứ phải dùng đến những tích truyện có ngụ ý của Cựu ước mới được hay sao?

– Ngài có biết đến tiếng tăm của Mác-ta Pơ-li-séc?

– Lần đầu tiên tôi nghe thấy.

– Ngài không đọc tờ tin vắn hình sự của Hăm-bua đây. Ở cảng, Mác-ta Pơ-li-séc đã nổi tiếng là một người đàn bà đem gieo rắc những sự bất hạnh. Từ lâu, chúng tôi đã chú ý đến anh chàng đó, chúng tôi bèn phái Mác-ta tới ve vãn anh ta. Cô nàng đòi hỏi các tiện nghi, và chàng trai đã thò vào cái tráp đựng các vật quý của bà quả phụ tướng Răm-ke. Chúng tôi đã lôi hắn ra khỏi nhà tù. Mất một thời gian thằng bé cứ khăng khăng không chịu, nhưng rồi được biết rằng Mác-ta đang làm việc ở chỗ chúng tôi, hắn liền đồng ý. Người đàn bà đó có thể bện hắn thành một cái dây thừng được kia. Hắn có yêu cầu chúng tôi chuyển tiền vào tài khoản của mụ ta.

– Hắn dự tính quay trở về Hăm-bua thì hay lắm. – Méc-phi nhìn đồng hồ. – Ngày mai ngài cứ Lê-mô đi Na-uy. Máy bay cất cánh lúc chín giờ ba mươi. Đảo Vác-đơ, thành phố Nu-rơ-vô-ghên, khách sạn « Phơ-ran ». Hộ chiếu mang tên Hu-gô Xvên-sơn đây. Khẩu lệnh xuất diện vẫn như cũ.

---

(1) Theo Cựu ước thì sau khi tạo ra A-đam, người đàn ông đầu tiên, chúa liền lấy một cái xương sườn của người này làm ra E-vơ, là người đàn bà đầu tiên của loài người.

8

TẤM LƯỚI SỢI CA-PƠ-RÔNG

Những quả đồi dốc đứng bao bọc lấy cảng Ghê-oóc-ghi. Những tảng đá hoa cương chênh vênh nghiêng bóng xuống mặt vịnh... Trên bờ phía Nam, gần ngay lối vào vịnh, trong cái hang nhỏ lởm chởm đá người ta đã đặt một kho nhiên liệu. Phía sau kho là văn phòng của Trạm đánh cá bằng phương tiện có động cơ; về bên phải là một cái kè nổi lớn; ở các bến đã thấy có những chiếc tàu đánh cá bằng lưới vét và lưới rà đang đậu. Và viền quanh suốt dải bờ vịnh thẳng đứng ở phía Nam và Tây nam là những chiếc cầu gỗ nhỏ có tay vịn hai bên, bắc ngay trên mặt biển có tay vịn nối liền văn phòng của Trạm đánh cá và cầu tàu chính với nhà máy cá và khu thị trấn.

Đối thẳng với lối vào vịnh, một chiếc cầu thang có năm chục bậc vừa trơn vừa dốc, trông gần như thẳng đứng, nhô cao lên vào phía trong núi. Trong khe hẻm, những ngôi nhà của khu thị trấn bám lấy nhau thành những hàng san sát, không đều đặn. Về đại thể mà nói, những ngôi nhà ở đây đều dựng lên bất cứ nơi nào có thể được, dù chỉ có một khả năng xây dựng nào đó, nhưng, khi người ta lắp xong bộ khung nhà của thuyền trưởng « Véc-gun » thì khả năng như vậy cũng không còn nữa. Cho nên có thể nói là, Véc-gun đã bám chắc vào một khối đá và « gắn » cái « tổ én » của mình ở trên một khoảng cao dằng sườn phía Tây trái núi.

Dẫn tới ngôi nhà thuyền trưởng là một chiếc cầu thang gỗ bốn mươi sáu bậc, hai bên, cũng giống như trên thang tàu thủy, có hàng dây vịn bảo hiểm.

Trong nhà Véc-gun, mọi người đang dự « bữa cơm tiễn biệt ». Sáng sớm mai, chiếc « Vai-gát » sẽ ra bể. « Bữa cơm tiễn biệt » là một tục lệ cổ của địa phương đó. Nó được duy trì từ những hồi xa xưa, khi mà những người miền bể thường đi ra vùng biển Ba-ren hung dữ bằng con thuyền mỏng manh có một cánh buồm vát chéo. Hồi ấy đã có nhiều người trong bọn họ không quay trở về, và « bữa cơm tiễn biệt » không những là một cái lễ mừng sự dũng cảm trong nghề nghiệp, mà còn là một sự từ biệt độc đáo với những người mà có thể đoán chắc sẽ không trở về. Bây giờ thì những người dân chài đi đánh cá trên một con tàu rất tốt, chạy bằng động cơ đi-ê-den, vừa vững chắc, vừa không sợ những cơn gió táp Tây-Bắc lẫn cả sóng lớn của đại dương. Tuy nhiên, cái tục lệ từ thời cha ông thì vẫn còn được giữ lại, nó chỉ bị bỏ đi những ấn tượng đã có trước đây về nỗi tai họa do số mệnh định sẵn.

Buổi vui mừng trong nhà Véc-gun sở dĩ mà có không phải chỉ vì, đến sáng ra là ông ta ra biển. Biển đối với một người dân miền bể thì có khác chi ruộng đồng đối với một nông dân, – đó là một điều bình thường quá quen thuộc rồi. Là một tàu đánh cá tiên tiến, chiếc « Vai-gát » là chiếc trước tiên đã nhận được của Trạm đánh cá những tấm lưới lụa – một bộ lưới đánh nổi bằng sợi ca-pơ-rông. Hiện đã có mấy tấm lưới đang nằm ngay tại đây, trên một chiếc bàn con riêng biệt đặt ở một góc trang trọng nhất của gian buồng.

Khách khứa đã ngồi tụ tập cả vào chiếc bàn dài phủ khăn thêu.

Ông phó giám đốc Trạm đánh cá bằng phương tiện có động cơ, một người đàn ông bộ dạng oai nghiêm, có hai hàng ria mép đen nhánh, ngồi phía bên phải nữ chủ nhân.

Bên cạnh ông ta là bà vợ của Sên-cu-nốp, béo tròn béo trục với cặp mắt to, trán ngắn, cổ đeo một vòng hột hổ phách. Những người ngồi tiếp liền với bà ta là : chủ tịch Xô-viết trấn Ta-chi-a-na, một phụ nữ khiêm tốn và duyên dáng, mặc toàn đồ đen, thuyền trưởng tàu đánh cá « A-cu-la » mình bận áo săng-đay màu hung hung đỏ, chân đi đôi giày da kiểu nông dân, và người phó kỹ sư máy Chi-ma. Thuyền trưởng tàu đánh cá « Xam-xôn », một thủy thủ từng trải có hai hàng ria mép ám khói thuốc lá, phó thuyền trưởng Sên-cu-nốp và hoa tiêu Pơ-lit-xưn cùng với người vợ trẻ Va-li-a của mình, một phụ nữ vui tính, ngồi ở phía bên kia bàn, phía bàn mà nhóm chủ trì là chủ nhân Mi-kha-in Gơ-ri-gô-ri-ê-vích và Gơ-la-phi-ra. Chị, vóc người cân đối, cao hơn anh một đầu, dẹp và có uy lực ; anh thì lại bé nhỏ, với bộ mặt nâu sẫm đầy những nếp nhăn và một cặp mắt tươi sáng trẻ trung.

Gơ-la-phi-ra là người làng Côi-đa.

Có một làng nổi tiếng ở cửa bể Bạch-hải, ngay trên bờ vịnh Mê-đen. Côi-đa đã cung cấp cho miền Bắc nhiều người săn thú bể và thủy thủ nổi tiếng. Vô-rô-nhin, người thuyền trưởng chuyên đi các bể miền Bắc cực, thường coi những người ở Côi-đa như những bậc thầy của mình trong khoa học hàng hải.

Chính Gơ-la-phi-ra cũng bất đắc dĩ lắm mới kể lại chuyện quá khứ của mình. Thật thế, nếu chỉ riêng mấy chị em phụ nữ ngồi ăn cơm tối với nhau và trong những câu chuyện tâm tình, thì chị mới nói về bản thân mình.

« Mình không hồi nhớ được mẹ mình. Mình sống với cha, cha mình là người lái tàu. Ở trong hợp tác xã, chắc cậu cũng thấy dấy, cha mình bị một chuyện xúc phạm cho nên đã ra làm ăn riêng lẻ một mình. Mình đã lớn, mình thường giúp việc cha mình, mình mắc mồi vào lưỡi câu, mạng vá lại các tấm lưới. Mình cùng đi với cha mình đến Đông Lít-xa đánh cá thu, hai cha con mình vẫn thường lui tới Ca-

nhìn để đánh loại cá thu na-va-ga. Sau đó thì mình cũng đã mười sáu tuổi, mà cứ làm ăn cá thề mãi thì không kiếm được bao nhiêu, nên cha mình đã ước thuận với người ta và đi đến Moóc-giô-vét săn thú. Một mối hàn trong xuồng bị bong ra, chỗ nước lại sâu, cha mình bị một tảng băng lớn dâm thủng đầu và chìm xuống đáy. Người ta đã tìm xác, nhưng không thấy. Mình sống đơn độc một mình. Không có cha, cuộc sống rồi sẽ ra sao ? Mình lấy ván đóng kín nhà lại và bỏ lên Ác-khan-ghen-xcơ, xin vào làm trong xưởng đóng tàu. Chẳng sao cả. Mình làm việc. Mình nghĩ là, như vậy đời mình sẽ đỡ cái cảnh vất vả sương gió, mà con thuyền từ nay cũng buông neo lại, không còn phải phiêu bạt lênh đênh trên biển cả. Mình cũng đã có... người yêu...».

Những hồi ức của Gơ-la-phi-ra bao giờ cũng kết thúc ở đoạn ấy. Dù có tin cậy các bạn gái đến đâu chăng nữa, Gơ-la-phi-ra vẫn không chịu kể ra cái điều kín ấp ủ trong lòng mình.

Và điều ấy đã xảy ra vào tháng sáu năm bốn mươi mốt.

A-lếch-xăng Côn-da-cốp, thợ máy, từ cảng Ghê-oóc-ghi tới Ác-khan-ghen-xcơ. Anh ta được hợp tác xã giao cho nhiệm vụ đi đến xưởng đóng tàu để lĩnh một chiếc xuồng máy rồi lái đưa về cảng Ghê-oóc-ghi. Côn-da-cốp là một anh chàng trẻ đẹp. Anh ta nhận được xuồng, liền đặt tên xuồng là « Vì sao nhỏ » và chở Gơ-la-phi-ra đi, bởi vì :

Con cá nó không đi trên cạn,

Thiếu nước cá không sống nổi ;

Chàng trai thương yêu cô gái,

Không có nàng chàng sống làm sao?

Và « Vì sao nhỏ » đã trở thành vì sao dẫn đường của Gơ-la-phi-ra, còn ba ngày đêm của cuộc hành trình đến Ghê-oóc-ghi thì trở thành một chuyến đi dong chơi trong tuần trăng mật sau ngày cưới.

Họ rời khỏi Ác-khan-ghen-xcơ vào một ngày thanh bình lặng gió, nhưng khi họ tới cảng Ghê-oóc-ghi thì tờ giấy triệu tập của phòng quân vụ đã đang đợi chờ A-lếch-xăng Côn-da-nốp ở đây rồi.

Họ chỉ mới chung sống với nhau vẻn vẹn có một ngày, và Gơ-la-phi-ra cũng chỉ nhận được của Xa-sa (1) có ba lá thư tất cả.

Gơ-la-phi-ra bây giờ chẳng còn là một cô gái, cũng chẳng ra một thiếu phụ, mà thuộc vào loại phụ nữ, không biết nên gọi là thế nào nữa. Đã tám năm ròng, chị chờ A-lếch-xăng.

Hồi ấy vào mùa xuân. Một hôm trước « U-dát-li-vưi » là một trong số những chiếc tàu đánh cá thuộc cảng Muốc-măng, rẽ vào trong vịnh để tránh bão. Thuyền trưởng Véc-gun đã lên bờ chơi và bắt gặp Gơ-la-phi-ra Côn-da-cô-va.

Chính cuộc gặp gỡ đó đã quyết định số phận của Véc-gun. Ông ta đã rời khỏi cảng Muốc-măng và nhận lệnh lên phụ trách tàu « Vai-gát ».

Trong hai năm liền, như những người đánh cá thường nói, Véc-gun cứ bám diết lấy Gơ-la-phi-ra. Véc-gun năng đến chơi nhà chị mà không hề để cho tình cảm của mình gây nên những sự phiền nhiễu. Ông ta cứ yên lặng ngồi uống ngụm nước chè đặc chát xong thì đặt úp chiếc tách xuống dĩa rồi... bỏ về.

Cả hai người đều đang ở trong cảnh cô đơn. Đã được hơn hai năm kể từ khi Gơ-la-phi-ra xách chiếc xắc con đựng quần áo của mình đến sống chung với Véc-gun.

Ngôi nhà nhỏ, xinh xắn của Côn-đa-cốp đứng tách hẳn một mình trong lũng hẹp gần khe núi sau trấn. Mỗi tuần hai lần, Gơ-la-phi-ra lại về ngôi nhà cũ lau sàn, giũ bụi ở giá để giày dép, xếp dọn chăn đệm, đặt tấm thảm chùi giày

(1) Tên gọi một cách trìu mến của A-lếch-xăng Côn-đa-cốp.

đã nát ở ngưỡng cửa ra vào, xong đâu đấy chị đi ra thềm, móc chiếc khóa to nặng nề, kiểu khóa ở nhà kho vào cánh cửa lớn, khóa lại rồi giấu chìa khóa xuống tấm đệm chùi chân.

Véc-gun biết rõ những điều đó, nhưng vẫn làm thinh: ông rất yêu người phụ nữ ấy.

Bữa « tiệc tiễn biệt » đang vào phút sôi nổi nhất thì ông phó giám đốc từ sau bàn tiệc đứng dậy, phát biểu ý kiến:

— Đồng chí Mi-kha-in Gơ-ri-gô-ri-ê-vích ạ, đồng chí và toàn thể anh em thủy thủ trên tàu « Vai-gát » đã được mọi người rất tin cậy — ông phó giám đốc nói. — Trạm đánh cá của chúng ta đã bỏ ra hai vạn rúp để mua bộ lưới đánh cá nổi bằng sợi ca-pơ-rông này đây. Một trăm năm mươi cân sợi ca-pơ-rông đấy các đồng chí ạ, cần phải nhớ lấy điều đó! Đã năm năm nay, chúng ta yêu cầu Cục đánh cá biển cấp cho ta loại lưới bằng sợi ca-pơ-rông, và đây, bây giờ chúng ta đã nhận được. Đó là một sự kiện lớn trong đời sống chúng ta đấy, điều đó ta cần phải biết đánh giá cho đúng, các đồng chí ạ. Đồng chí Mi-kha-in Gơ-ri-gô-ri-ê-vích, chúng tôi xin giao bộ lưới sợi ca-pơ-rông đầu tiên này cho đồng chí, người thuyền trưởng và người đánh cá cừ khôi nhất. Điều đó tức là, ai đã được biệt đãi nhiều thì cũng phải trả lại thật nhiều kia đấy!

Mụ vợ Pơ-lit-xưn cố nhịn cười, vừa nhẩm đếm xem ông phó giám đốc đã nói hai tiếng « điều đó » được bao nhiêu lần.

Khi nói, bộ ria mép đen ông của ông cứ luôn ngọ nguậy, khi thì vểnh lên, lúc lại cụp xuống.

Sen-cu-nốp thì, hai tay chắp trước bụng, đầu hơi cúi xuống, đang lắng nghe ông phó giám đốc nói với một vẻ mặt biểu lộ rõ sự tôn kính.

Không cần biết có ai nghe không, nhưng ông phó giám đốc vẫn say sưa nói:

– Và, mặc dầu sợi ca-pơ-rông rất bền nhưng khi dùng nó phải rất nhẹ tay. Điều đó tức là, phải giữ gìn nó cho cẩn thận. Nhà nước rất tín nhiệm đồng chí, vậy đồng chí hãy tỏ ra xứng đáng với điều đó...

– Ua ra! – Chim ca hét lên rồi, chạm cốc với thuyền trưởng của mình, uống cạn ngay một hơi.

Uống bia thì bao giờ chả dễ dàng, nó không làm cho say ngay lập tức, mà cứ từ từ ngấm dần vào người.

Trong khi đó, Sên-cu-nốp cứ lượn quanh chiếc lưới, như một chú gà trống ghẹ quanh «người bạn tình» và chặc chặc lưỡi:

– Chà, chà cái lưới! Đáng của thật! Tất cả các bạn chài khác đến phải chết thèm thôi! Nào, cá mòi, hãy liệu hồn đấy! Giờ thì chỉ cần quét một mẻ là đủ cả dàn. Thế này mới là lưới chứ! Chà, ông phó giám đốc, con người mới hay giúp đỡ và tôn trọng lời hứa làm sao! Sên-cu-nốp cứ sờ vuốt tấm lưới, tay dứt dứt xem có đứt hay không, ông ta thật chỉ còn thiếu có mỗi nước là ghé răng vào mà cắn thử nữa thôi.

Khi bữa tiệc gần tan, mọi người bèn mở một cuộc liên hoan nhỏ, ca hát, nhảy các điệu vũ cổ truyền của người Nga.

Mọi người giải tán ra về lúc đêm dần về khuya: sáng sớm mai, tàu «Vai-gát» ra khơi. Tuy nhiên, do uống bia vào đã ngà ngà say nên các vị khách phải lần bước xuống các bậc thang một cách thận trọng.

Sau khi đưa tiễn khách ra về, Véc-gun cởi quần áo ngoài và nằm lăn ra trên giường đệm. Làm ra vẻ như đã ngủ, ông kín đáo quan sát Gơ-la-sa. Xưa nay Véc-gun vốn thích ngắm nhìn Gơ-la-sa, mỗi khi chị dọn dẹp trong nhà.

* * *

Trời vừa hửng sáng, Sên-cu-nốp đã cùng với một thủy thủ đến lấy lưới. Ông ta ôm tấm lưới để ở bàn lên, còn

người thủy thủ thì đứng ở ngưỡng cửa đốt một bó cây dỗ tùng mang theo cho cháy bùng lên. Một làn khói dày đặc bay vào trong nhà. Sên-cu-nốp hơ tấm lưới trên ngọn lửa, miệng lầm bầm điều gì một mình.

– Cậu thộn lắm, Sên-cu-nốp ạ ! Véc-gun vừa sửa soạn đồ đi biển vừa nói, với một vẻ tự nhiên không có gì là ác ý cả.

– Được, để rồi xem ai thộn, ai khôn nhé ! – Sên-cu-nốp làu bàu trả lời.

Hiểu cái nhìn trách móc của Gơ-la-phi-ra, Véc-gun nói như để bào chữa cho mình :

– Gơ-la-phi-ra ạ, em cũng biết đấy, cái này có ý nghĩa riêng của nó trong dân chài đấy. Người ta xông khói cho lưới là vì nó đan bằng sợi trắng. Làm như vậy là để cá không trông thấy lưới. Còn cái lưới này thì người ta đã nhuộm rồi. Như vậy rõ ràng là thộn chứ còn gì nữa...

– Đấy là phong tục chứ có phải là cái áo lót sọc vằn của người thủy thủ đâu, để mà mỗi chốc cởi bỏ ra ngay được, – Gơ-la-phi-ra trách móc một cách dịu dàng.

Sên-cu-nốp cùng người thủy thủ mang lưới đi ra. Véc-gun còn đứng lại ở cửa.

Gơ-la-phi-ra sửa soạn thức ăn khô, chị gói tất cả vào một tờ báo, lấy một sợi dây buộc lại rồi để xuống cạnh mép bàn, đoạn chìa tay tiễn biệt anh.

Họ từ biệt nhau. Véc-gun cầm gói thức ăn trên bàn, bước ra khỏi nhà và cắm cúi đi xuống bến tàu không hề quay nhìn lại.

Ông biết rằng : dầu sao thì Gơ-la-phi-ra cũng sẽ không đứng nhìn qua cửa sổ, không bước ra hiên nhà hoặc ra bến tàu để tiễn biệt ông, như những người khác thường vẫn làm. Gơ-la-phi-ra vốn là một con người kiêu kỳ. Những người ở Côi-đa họ đều như vậy cả. Họ thường nói : « Nếu như người Côi-đa chúng ta không có bánh mì, không có cá, không có muối thì người Côi-đa sẽ chỉ sống bằng tinh thần vậy ».

Đấy, những con người vùng Côi-đa đều như thế đó !

9

DẢI MŨ THỦY BINH

Quanh năm tại vùng bờ biển Ba-ren đều có gió mùa thổi: Về mùa Đông thì gió từ trong đất liền thổi tới, mùa hè thì từ ngoài biển thổi vào. Về mùa xuân các luồng gió thay đổi luôn, và, như những người dân miền biển thường nói, bữa cơm trưa còn là gió Đông-Nam, nhưng đến nửa đêm đã thấy gió Đông-Bắc ập đến.

Lần này xảy ra một hiện tượng thật lạ lùng đối với mùa xuân: gió mùa Đông-Bắc nổi lên dữ dội suốt ba ngày đêm liền.

Chiếc tàu tuần phòng « Vi-u-ga » gội mưa bão tiến vào trong vịnh « Giê-lê-dơ-nưi » rồi thả neo tại đây.

Toàn đơn vị bị mệt lử sau ba ngày đêm vật lộn, kiệt sức vì bão biển, giờ đây đều thở dài ra một cách nhẹ nhõm.

Pô-li-va-nốp đi xuống ca-bin của mình, — mấy ngày đêm vừa qua đồng chí không hề rời khỏi đài chỉ huy. Sau khi cởi chiếc áo choàng dính đầy tuyết và treo nó lên mắc áo, cạnh chiếc túi cao-su đựng nước nóng, Pô-li-va-nốp mệt mỏi tháo ủng và, không cần cởi bỏ bộ quần áo quân phục ra nữa, nằm lăn ngay ra trên giường đệm...

Khi Đê-vi-a-tốp gõ cửa, và không đợi trả lời, nhẹ nhẹ bước vào ca-bin, thì hạm trưởng đang ngủ, nhưng dưới cái nhìn của người hạm phó, đồng chí liền mở choàng mắt, nhổm người dậy, xỏ chân vào ủng vừa hỏi:

– Có chuyện gì dấy, đồng chí hạm phó ?

Đê-vi-a-tốp trao cho hạm trưởng bức điện :

« Hãy đến Cu-can Na-vô-lốc đón vợ chồng đồng chí Ra-đốp, đồn trưởng đồn biên phòng, và đưa đến bệnh viện khu vực miền Bắc ngay ».

– Có lẽ ở đồn biên phòng sắp có thêm công dân mới đây, – Đê-vi-a-tốp nói.

– Có thể lắm ! – Pô-li-va-nốp tán thành và thêm : – Tôi còn nhớ dạo nào trên bán đảo đó mới chỉ có ba người... Tôi đã đi lại trên vùng biển Ba-ren này hai mươi tám năm ròng. Đầu tiên, tôi là người dò tìm luồng cá. Đồng chí Đê-vi-a-tốp ạ, con đường tôi trải qua khó khăn hơn đồng chí nhiều... Pô-li-va-nốp nói khi đã bước lên đài chỉ huy.

Chiếc tàu rời khỏi vịnh Giê-lê-đơ-nưi và mở hết tốc lực đi về hướng Cu-can Na-vô-lốc. Liếc nhìn hạm phó, Pô-li-va-nốp thầm nghĩ : « Vài ba năm nữa, Đê-vi-a-tốp sẽ có thể thay thế được mình. Mình sẽ yên chí. Bây giờ mình chỉ nên « dỡ dần » đồng chí ấy in ít thôi. Đồng chí ấy cũng đã có thể tự chỉ huy lấy được phần nào rồi », và với một giọng thân mật bất ngờ Pô-li-va-nốp nói :

– Hãy chỉ huy đi, đồng chí thiếu tá. Tôi đi nghỉ một lát. Trước lúc đến bến độ một tiếng thì thức tôi dậy.

Hai tiếng rưỡi sau, chiếc tàu đã bỏ neo ở vùng Cu-can Na-vô-lốc. Đê-vi-a-tốp hạ lệnh chuẩn bị thả xuồng và chỉ định người chèo.

Khẩu đội trưởng An-đơ-rây Na-goóc-nưi bước lên đài chỉ huy và báo cáo với hạm phó :

– Báo cáo đồng chí thiếu tá, đồng chí cho phép tôi đi chèo xuồng.

– Tối qua đồng chí đã gác rồi kia mà ? – Đê-vi-a-tốp ngạc nhiên hỏi.

– Ở đồn biên phòng tôi có người bạn thân tên là Phô-ma Lô-ba-đơ-nốp đang công tác ở đấy. Chúng tôi là người

đồng hương – cả hai đứa chúng tôi đều ở Ca-si-ra. Chúng tôi cứ tưởng là sẽ được ở cùng với nhau, nhưng ngược lại – tôi ở hạm đội, cậu ta thì lại ở bộ binh. Lâu nay tôi vẫn muốn đến thăm...

– Được, đồng chí hãy báo cáo với chuẩn úy là tôi đã cho phép.

An-đơ-rây dập gót quay đằng sau rất gọn và từ trên dài chỉ huy đi xuống.

« Lẽ ra, sau trận bão như vậy, chàng trai này đến phải nằm liệt thôi, thế mà cậu ta... Rồi cậu ta sẽ trở thành một thủy thủ cừ cho mà xem ». – Đê-vi-a-tốp thầm nghĩ, vừa đưa mắt nhìn theo An-đơ-rây.

Trong vũng Cu-can Na-vô-lốc yên tĩnh.

Khi các thủy binh tàu « Vi-u-ga » rời xuống lên bờ, An-đơ-rây liền hỏi ngay người chiến sĩ biên phòng ra đón họ:

– Đồng chí ơi, Phô-ma Lô-ba-đơ-nốp có ở đồn này không?

Người chiến sĩ biên phòng nhìn anh lính thủy với vẻ tò mò:

– Bạn à? Chả hiểu sao anh ta lại nháy mắt một cái và hỏi ra chiều thân mật.

– Bạn thân – An-đơ-rây gật đầu.

– Cậu thật gặp may: Lô-ba-đơ-nốp ở đồn chúng mình đấy. Cậu ta đang đánh xe ngựa đi đón vợ đồng chí đồn trưởng tới đây. Chị ấy, cậu biết không, đang có mang... sắp tới ngày sinh, mà chỗ chúng mình ở đây thì... Rồi cậu sẽ hiểu.

– Mình biết rồi.

– Hút không? – Người quân nhân biên phòng hỏi và chìa cho An-đơ-rây túi thuốc lá.

– Không, mình không biết hút.

– Hoài của, ở nơi chúng mình thì mời hút là thay cho lời chào đầu tiên đấy. Những người lính chuyền túi thuốc cho nhau, xé mảnh báo, cuốn thành điếu, châm lửa cho

nhau, nhả khói ra và rồi chia tay mà cứ tựa hồ như đã nói với nhau đủ mọi thứ chuyện tâm tình vậy.

Từ sau một đường ngoặt hiện ra một con ngựa dáng nhanh nhẹn. Nó chạy nước kiệu nhỏ, hai vó sau hất lên nhịp nhàng. Chiếc xe ngựa lắc lư, đôi lúc lại nhảy xóc lên trên những ổ gà. Ngồi giữa xe là một người phụ nữ, trùm kín mít cả người trong chiếc áo da lông cừu. Một sĩ quan, mặc áo ca-pốt lên ngồi sát cạnh bên, một tay quàng qua vai người phụ nữ. Người quân nhân đánh xe thì ngồi ở bên kia, anh ta mặc chiếc áo choàng ngắn, đầu đội mũ lông, chân đi ủng da.

Hai người bạn gặp nhau. Họ cũng chẳng ôm hôn nhau được, vì chung quanh có nhiều người. Thoạt đầu, An-đơ-rây chạy lại, định ôm hôn bạn, nhưng Lô-ba-đơ-nốp tỏ vẻ ngại ngùng, dè dặt và chỉ chìa tay ra cho anh bắt.

Họ muốn nói chuyện nhiều nhưng thì giờ ít quá, thành ra chuyện chẳng ra đâu vào đâu cả.

– Này, Phô-ma, cậu thế nào?

– Không có gì lạ cả, vẫn công tác bình thường. Thế còn cậu?

– Như cậu đang thấy mình đây!

– Biền thế nào?

– Chịu được.

– Xvê-ta vẫn biên thư đấy chứ?

An-đơ-rây gật đầu, tỏ vẻ khẳng định.

Đôi lông mày màu hung hung đỏ của Lô-ba-đơ-nốp bạc trắng ra vì tuyết bụi bám vào, những nốt tàn hương thì hình như càng nổi to hơn, lấm tấm dày đặc khắp mặt.

Lô-ba-đơ-nốp xì mũi xuống đất, rồi rút chiếc khăn sạch đã là gấp cẩn thận ra, đưa lên mũi.

– Như thế cho đỡ bẩn khăn, – anh giải thích. – Mình chả giặt lấy mà.

– Ồ, Phô-ma ạ, cậu đến khổ sở vì khôn vặt thôi! An-đơ-rây thở dài và, nghe thấy hiệu lệnh, chạy bổ về phía chiếc xuồng.

– Xa-sa, nhớ hâm sữa cho Lê-nốt-sca nhé! Anh cũng đừng quên ăn cho đúng bữa đấy. Thịt bò gói trong giấy báo, em để dưới bàn ấy! Người phụ nữ từ dưới xuồng nói vọng lên. Giờ chị đã khoác chiếc áo bành-tô màu xanh tươi; còn người sĩ quan thì đứng ở trên bờ, chiếc áo lông cừu vắt ngang tay.

– Mọi việc sẽ đâu vào đấy! Cứ yên tâm, A-nút-sca ạ! Người sĩ quan trả lời và đưa tay cầm lấy chiếc mũ vẫy vẫy tiễn vợ đi. Mặt đồng chí lấm tấm mồ hôi, mấy sợi tóc vàng xẫm dính bết vào trán.

Anh em thủy binh cũng gọi người thiếu phụ là An-nút-sca, như người sĩ quan đã gọi. Họ thu xếp để chị ở trong căn ca-bin của y sĩ Va-rê-nốp. Khi dìu Ra-dô-va bước lên thang vào ca-bin, mọi người mới chú ý nhìn kỹ, quả chị đẹp thật. «Cứ như một con hải âu trắng ấy!» – một người nào đó trong số thủy binh nói, vẻ thân mật và nhiệt tình.

Xuồng được kéo lên và buộc chặt vào giá treo. Đội trưởng thủy binh báo cáo với hạm phó. Pô-li-va-nốp, sau khi nghỉ ngơi, cạo râu và bơm sức nước hoa «síp», đang dựng tỳ ngực vào lan can đài chỉ huy hút thuốc.

– Được, đồng chí đội trưởng nghỉ. – Pô-li-va-nốp gật đầu và hạ lệnh: – Tất cả về vị trí, nhổ neo!

Khắp tàu vang lên lanh lảnh tiếng chuông. Mọi người chiếm lĩnh vị trí của mình theo đúng điều lệnh chiến đấu trên biển. Chiếc trục quay kêu rít lên, kéo theo sợi dây xích buộc neo.

Cũng như mọi lần, trong lúc kéo neo, kỹ sư I-u-cô-lốp đã đứng chờ sẵn cạnh trục neo trên boong tàu. Anh vẫn thích lượm những vật lạ ở bề để làm quà cho con gái như: sao bể, ốc bể, san hô. Những thứ này thường bám vào các mắt xích và khi bị kéo lên đến mặt boong thì rơi xuống và

trở thành « chiến lợi phẩm » của I-u-cô-lốp. Vòng đệm gỗ bao quanh lỗ dây xích thả neo, phả cả hơi khói ra vì bị cọ xát mạnh. Nhưng kia rồi, chiếc mỏ neo được vòi phun nước rửa sạch đã được kéo lên sát mạn mũi tàu. Lá cờ hạ từ trên cột cờ xuống rồi lại được kéo lên trên cột buồm ngang.

Con tàu rời vũng, chậm chạp, từ từ tiến ra cửa vịnh.

An-đơ-rây vẫn có cảm giác như không được hài lòng. Anh đã hình dung cuộc gặp gỡ với Lô-ba-đơ-nốp một cách hoàn toàn khác, nhưng rồi bỗng nhiên họ lại gặp nhau như vậy! Với người quân nhân biên phòng có túi thuốc lá sợi kia thì lại thân mật khác hẳn. Rồi đây thời gian sẽ qua đi, nhưng anh sẽ còn nhớ mãi những quả đồi phủ tuyết lặn vũng bề lăn tăn gợn sóng, ánh toát lên một màu bạc lạnh lẽo, lẫn cả những lời nói sôi nổi, đầy sức sống của con người...

Gió hình như đã chờ sẵn từ sau một mũi đất để trút hết cơn thịnh nộ của mình vào chiếc tàu. Từng nắm tuyết vun vút lao vào lan can đài chỉ huy, và vào boong tàu, hung dữ như những viên đạn ria của người thợ săn bắn ra. Một ngọn sóng lớn đổ ập vào mạn trái làm cho con tàu chao nghiêng hẳn đi.

Trong thời gian tàu bị chao nghiêng, khi mà mỗi giây đồng hồ dường như kéo dài thêm ra một cách khác thường, trên tàu đã xảy ra một việc không may: dây chằng chiếc xe chở thủy lôi bị đứt. Chiếc xe nặng hàng trăm cân đó trượt lăn trên sân boong đằng lái tàu với những tiếng rít ken két rất ghê rợn.

Các thủy binh không hề bối rối, họ lao lại ghé lưng, ghìm chặn cản chiếc xe lại, và người đội trưởng thủy binh đã kịp thời giữ không để cho xe va vào mạn tàu. Ba thủy binh khác ra sức nắm chặt lấy hai bên thành xe, trong khi đó hai người khác xoạc chân, giang tay kìm chiếc xe lại.

Mọi sự đều như bắt đầu từ những phút chốc ấy cả.

Anh lính thủy La-út-skin đang chuẩn bị bàn cho bữa uống trà buổi sáng ở phòng ăn thì khi ấy, bỗng vang lên

một tiếng thét, thoạt đầu nghe tưởng như không còn phải là tiếng của con người... Giữa những tiếng ầm ầm quen thuộc của máy nổ, tiếng thét đó vang lên thật là hết sức bất ngờ...

La-út-skin lao ngay lên boong thượng, chẳng cần cân nhắc xem mình làm như vậy để làm gì, trong khi chỉ mặc có mỗi một chiếc áo lót trắng. Với mấy bước nhảy, anh ta đã vượt qua ba cái cầu thang và xông ngay vào trong buồng lái chẳng xin phép gì cả, rồi vừa hổn hển thở, vừa lắp bắp nói:

– Ở dưới kia... chị phụ nữ!... Chị ấy đang thét lên!... Thét đến ghê gớm!...

Hạm trưởng đã hiểu rõ tâm trạng của người thủy binh. Đồng chí hướng về phía người trợ thủ của mình, bình thản hạ lệnh:

– Đồng chí Đê-vi-a-tốp, đồng chí hãy đi xuống dưới xem thế nào.

Lúc này tiếng kêu thét của người phụ nữ đã vang lên, từng đợt ngắn dều nhau, khắp dãy hành lang ca-bin sĩ quan.

An-nút-sca được cáng đến một căn phòng lớn hơn. Vừa che giấu vẻ bối rối, người y sĩ và hộ lý vừa cố gắng làm tất cả những gì có thể làm được đối với người phụ nữ.

Anh em thủy binh khác không bận các công tác trên tàu, đều im lặng đứng tụ tập ở các cầu thang dẫn vào buồng chỉ huy và lối hành lang, nét mặt ai nấy đều tỏ vẻ lo âu.

Do tàu tròng trành mạnh và cơn bão biển lớn nên hình như đã xảy ra hơi sớm cái việc đáng lẽ phải mấy ngày nữa mới xảy ra.

Hai tiếng đồng hồ đã trôi qua. Một thủy binh, do y sĩ phái đi, miệng tươi cười chạy vội vào trong buồng lái. Sau lời báo cáo ngắn ngủi của anh ta, thiếu tá Đê-vi-a-tốp mở quyển sổ nhật ký trực ban, nhìn và viết:

«Ngày 15 tháng Ba. 9 giờ bốn mươi lăm phút. Vĩ độ 69°30' Bắc – Kinh độ 33°32' Đông».

Đồng chí dừng bút và ngẫm nghĩ xem nên viết thế nào để tránh được những dòng chữ công thức khô khan. Cuối cùng, đồng chí nắn nót viết mấy chữ hoa đậm nét chạy suốt trang giấy với những nét chữ vụng về như chính con người đồng chí:

"MỘT CON NGƯỜI ĐÃ RA ĐỜI"

Dòng chữ như vậy, viết trên quyển sổ nhật ký trực ban của một chiếc tàu chiến, hình như có cái vẻ kỳ dị, nhưng giọng văn vừa trang trọng vừa hùng tráng của nó đã nói lên được tình cảm của toàn thể mọi người trên tàu.

Lại nửa tiếng đồng hồ nữa trôi qua. Phó chính ủy Phu-tô-rốp đi xuống sân boong thượng. Y sĩ từ trong căn phòng lớn bước ra và trước cái nhìn như dò hỏi của Phu-tô-rốp, đã trả lời:

— Con gái. Lớn và khỏe lắm. Thế mà bà mẹ lại nói: tôi đớn chờ một đứa con trai nên đã may sẵn toàn những áo màu xanh nước biển. Bây giờ thì phải may lại một loạt áo mới màu hồng đào kia!

— Có thể vào thăm chị ấy được không?

— Trong phòng mọi thứ đã được thu dọn cả rồi, nhưng... đồng chí thiếu tá ạ, đồng chí hãy chờ cho một lát, tôi vào hỏi «bà chủ» xem đã, — y sĩ mỉm cười và đi về phòng. Một lát sau anh quay lại mời phó chính ủy vào.

Nước da An-nút-sca xanh nhợt đi, nhưng trên gương mặt chị đã rạng rỡ một nụ cười thanh thản hạnh phúc. Cạnh chị là cháu bé gái đang nằm ngoan ngoãn trên hai chiếc ghế bành buộc liền lại với nhau.

— An-nút-sca, chị cũng biết đấy, — phó chính ủy nói, — trong những trường hợp như thế này thì không được dài dòng... Đồng chí hạm trưởng, các sĩ quan, các chuẩn úy và anh em thủy binh trên tàu xin chân thành có lời chúc mừng

chị đã sinh cháu gái. Chúng tôi mong muốn được tặng chị một bó hoa lớn, nhưng rất tiếc là trên tàu lại không có hoa. Bởi vậy, chị An-nút-sca ạ, toàn thể anh em trên tàu này xin tặng chị một món quà nhỏ để ghi lại chút kỷ niệm về con tàu trên đó cháu bé đã ra đời.

Phó chính ủy lấy ở trong túi áo ngoài ra một hình mẫu nhỏ tí xíu của con tàu được khắc chạm rất tinh xảo bằng xương cá voi. Phu-tô-rốp vẫn thường rất lấy làm tự hào về cái hình mẫu này do một người thợ già rất lành nghề về các hình mẫu tàu biển ở Coóc-ga-ê-va Xan-ma đã làm để tặng đồng chí.

An-nút-sca cầm con tàu nhỏ xinh xắn đặt lên tay và mỉm cười cảm ơn.

Các thủy binh do đội trưởng dẫn đầu đã đứng chật cả ở cửa căn phòng lớn. Họ cầm mũ đứng im lặng tựa hồ như trong những phút trang trọng này chính họ đang lĩnh nhận những dải mũ nồi thủy binh vậy.

Đấy, trái tim con người là như vậy: không có những sự gắn bó quyến luyến nó sẽ không thể nào sống nổi.

Sự gắn bó lớn lao nhất, mạnh mẽ nhất của toàn thể cán bộ và chiến sĩ thủy binh tàu « Vi-u-ga » này là chậu hoa hương diệp. Khi đội trưởng thủy binh thoạt tiên mang nó về và đặt lên chiếc bàn trong căn ca-bin của các chuẩn úy, các thủy binh đều gọi chậu hoa vàng úa đó là « anh chàng gầy nhom ». Kỹ sư cơ khí đi vào ca-bin, đứng ngắm chậu hoa căn cỗi đó rồi lắc đầu nói rằng, trong ca-bin này không bao giờ có ánh nắng nên cây hoa sẽ chết héo mất, nếu người ta không tạo ra ánh sáng cho nó. Thế là sau đó, mấy người thợ điện liền tìm một ngọn đèn ba trăm nến, làm một cái chao bằng sắt tây trắng và treo đèn ngay lên trên cây hương diệp. Như vậy là vấn đề ánh sáng đã được giải quyết. Nhưng lại nảy ra một khó khăn mới — vấn đề phân bón. Có một thủy thủ đã đọc trong một quyển lịch bỏ túi nói rằng thuốc lá cũng có thể dùng thay phân bón rất tốt.

Anh em thủy binh bèn để ở trong phòng mình một vỏ đồ hộp, và, mỗi lần hút thuốc họ đều không quên gạt tàn vào đấy... Dần dần, cây hoa được chăm bón và sống lại, bắt đầu trổ hoa. Đối với anh em thủy binh trên tàu chậu hoa hương diệp không hiểu sao đã trở thành một sợi dây thiêng liêng, gắn bó họ với gia đình ở nơi xa...

Rời khỏi phòng lớn, đội trưởng và các thủy binh không ước hẹn với nhau mà đều nhất tề đi về phía căn ca-bin của các chuẩn úy.

– Hãy khoan đã, chờ tôi một lát! – Thượng sĩ Kha-bác-nốp thốt lên và trong nháy mắt đã lao vào trong buồng lái rồi đem đến một tờ giấy màu kẻ vằn rất đẹp.

Đội trưởng lấy tờ giấy bọc chậu hoa lại rồi đưa mắt nhìn quanh, tìm xem có cái gì có thể buộc được.

Thượng sĩ Ba-xốp lấy ở trong hòm ra một chiếc mũ nồi lính thủy, dứt lấy một cái dải và nói:

– Đồng chí đội trưởng, cứ cầm lấy, tôi cũng sắp về làm quân dự bị rồi.

Đội trưởng thủy binh cầm lấy dải mũ, buộc một vòng quanh chậu hoa:

– Này đồng chí Ba-xốp, cháu bé đã sinh ra trên tàu thì chúng ta phải đặt tên cho cháu chứ nhỉ? Kha-bác-nốp nhắc.

– Đồng chí nói đúng lắm, – Ba-xốp vui vẻ hưởng ứng. – Những ai đề nghị đặt tên gì nào?

– Vi-u-ga! Phê-di-a Tu-lu-pốp đề nghị...

– Gì, tên gì? Đội trưởng ngạc nhiên.

– Vi-u-ga cũng là tên con gái đấy chứ, Tu-lu-pốp giải thích, giọng nói không được mạnh dạn lắm.

– Thế thì, Tu-lu-pốp ạ, đề xin cưới luôn Vi-u-ga làm vợ cậu nhé!

– Xvét-la-na, An-đơ-rây nói, mặt đỏ ửng lên.

– Tên gì? Xvét-la-na à? Một cái tên hay đấy, trong sáng lắm. Không ai phản đối chứ?

– Không! Thượng sĩ Ba-xốp trả lời thay cho mọi người.

Hai tay nâng chậu hoa, I-a-xát-nưi dẫn đầu dám thủy binh thong thả đi về phía căn phòng lớn.

Không hiểu tài ăn nói văn hoa, hoạt bát của người đội trưởng này bỗng dưng biến đâu mất cả. Lưỡi đồng chí như bị rụt lại:

– Đây... Thay mặt cho anh em thủy binh trên tàu... đồng chí nói ra một cách khó khăn và trao luôn cho An-nút-sca chậu hoa hương diệp, rồi mới tiếp thêm: Anh em thủy binh và hạ sĩ quan chúng tôi đề nghị đặt tên cho cháu là Xvét-la-na. Phong tục xưa nay là: đứa bé sinh ra trên tàu thì chính mọi người trên tàu đặt tên...

Người thiếu phụ khó mà đỡ nổi chậu hoa khá nặng, vì vậy chị đặt luôn nó trên ngực mình khiến cho những giọt sữa của người mẹ thấm qua làn áo mỏng.

An-nút-sca hết nhìn những khuôn mặt tươi cười của anh em lính thủy, lại đưa mắt nhìn chậu hoa hương diệp. Chị phải gắng gượng lắm mới kìm được những giọt nước mắt đầy ân tình, vừa nhầm đọc dòng chữ mạ vàng in nổi trên dải băng mũ:

«HẢI QUÂN BIÊN PHÒNG»

10

"BÊ - NÔ - NHI"

Đại tá Ô-xtáp Mác-xi-mô-vích Cơ-ra-ma-ren-cô dậy từ sáng sớm. Sau khi đặt ấm đun nước lên bếp điện, đồng chí mở cánh cửa sổ tròn và, theo một thói quen từ ngày còn ở trường quân sự, cầm lấy đôi tạ nhỏ. Dù người đang mệt mỏi, dù hôm trước bị ốm đã phải nằm bẹp dí trên giường, đối với đồng chí mười phút tập thể dục buổi sáng đã trở thành một nhu cầu quen thuộc như việc tắm dưới hương sen hoặc cạo mặt buổi sáng vậy. Hàng ngày đồng chí vẫn cạo mặt, trước hết là vì danh hiệu cao quý của người sĩ quan đòi hỏi ở đồng chí phải có một tư thế chỉnh tề tối thiểu, và hiện nay lại còn vì một lý do nữa là bộ râu của đồng chí đã bắt đầu bạc trắng ra, mà đồng chí thì lại muốn giấu giếm điều đó không những đối với những người xung quanh mà còn đối với ngay cả bản thân mình nữa.

Vừa cạo râu, đồng chí vừa ngắm khuôn mặt mình trong gương. Trước kia, cặp mắt Ô-xtáp Mác-xi-mô-vích trông như rực lửa, giờ đây chúng hình như đã phai nhạt hẳn. Thời gian đã cướp mất ánh mắt rực sáng trẻ trung của đồng chí đi rồi. Bộ tóc mặc dầu vẫn giữ được màu sắc cũ của nó, nhưng cũng đã thưa bớt dần.

— Chà, — Ô-xtáp Mác-xi-mô-vích thở dài — thời gian trôi nhanh quá.

Sau khi xoa nước hoa vào mặt, đồng chí cầm lấy cái chổi quét xà-phòng, hộp dao cạo và đi đến phòng tắm. Từ phòng mình đồng chí đi qua phòng ngủ, rồi sang phòng ăn, bước chân của đồng chí, giống như trong nhà ga, vang dội lên trong căn phòng mà trước đây còn có nhiều người ở. Vợ đồng chí vừa mất hồi đầu năm. Ta-nhi-a, con gái lớn của đồng chí, đã đem lũ con trai của mình đến Viễn-đông với chồng – một quân nhân biên phòng đã thuyên chuyển đến Cu-ri-lư. Cô con gái út, On-ga, thì đang công tác tại xưởng đóng tàu ở Ác-khan-ghen-xcơ. Trước kia, gia đình đồng chí là một gia đình đông đúc, hòa thuận, đầy đủ cả ba đời – có sáu người tất cả, thế mà bây giờ còn lại mỗi mình đồng chí...

– «Nên đổi căn nhà này đi chăng? Ô-xtáp thầm nghĩ. Mình sẽ chỉ giữ một phòng thôi, mình thì cần gì đến cả một căn nhà sang trọng này...».

Đứng bên cửa sổ, đồng chí ngắm nhìn bức tranh toàn cảnh đang mở ra trước mắt mình. Cái thành phố và hải cảng này lớn lên cùng với đồng chí, nó đã lớn lên trông thấy đấy, ngay trước con mắt đồng chí.

Những tiếng còi hiệu trên các tàu lớn, tiếng còi của các tàu kéo và xuồng máy, tiếng gầm gừ của những bộ máy cần trục, tiếng rít khô khan của trục kéo, vọng tới cửa sổ nơi đồng chí đang đứng.

Đồng chí nhìn rõ khắp cảng: hàng chục chiếc tàu của đoàn tàu đánh cá – những chiếc tàu đánh cá bằng lưới rê, những chiếc tàu ướp lạnh có những bộ phận thiết bị nổi sơn màu trắng, những chiếc tàu chở khách thanh lịch đẹp đẽ, và những chiếc tàu «buôn» chuyên chở loại hàng hóa khô gọn.

Ngắm cảnh sinh hoạt của cảng một lúc, Ô-xtáp Mác-xi-mô-vích đi vào phòng ăn và tự soạn lấy bữa điểm tâm.

Đại tá đi đến Bộ tư lệnh thường bao giờ cũng là một trong những người tới sớm nhất. Ở phòng ngoài, cạnh chiếc tủ kính bày các «cúp» giải thưởng, trực nhật đơn vị đứng

nghiêm *báo cáo*. Trên đầu cầu thang tầng gác thứ ba người quân nhân biên phòng đứng gác cạnh lá cờ liền đứng nghiêm, tay cầm khẩu tiểu liên theo kiểu « bồng súng » chào.

Ô-xtáp Mác-xi-mô-vích đi vào phòng làm việc của mình và gọi trực ban tác chiến tới.

Sau khi báo cáo về những diễn biến tình hình đêm qua, trực ban đưa cho đại tá bức điện tín giấy xanh nhạt:

– Báo cáo đại tá, tôi vừa nhận được.

Đại tá cầm lấy bức điện, cho phép người trực ban ra ngoài, và bắt đầu đọc.

« Đã phát hiện thấy ở ô 35 – 41 chiếc tàu buôn Na-uy « Khéc-ke U-le », đi theo hướng Đông Nam. Cách bốn liên về phía biển khơi, cùng hướng song song với nó, là chiếc tàu du lịch « Bê-nô-nhi », không treo cờ nước nào cả ».

Ô-xtáp Mác-xi-mô-vích đứng lên, đi ra khỏi bàn, lấy ở trên giá sách xuống cuốn từ điển Na-uy – Nga, rồi mở tìm những chữ cần thiết.

– « Khéc-ke nghĩa là người đẹp, U-le là tên riêng. Như vậy là « Người đẹp U-le ». Còn « Bê-nô-nhi », nếu như mình không nhớ lầm thì đó là tên một nhân vật trong cuốn tiểu thuyết của Cơ-nút Ham-xun ».

Với tay cầm lấy sợi dây, đại tá kéo bức màn che tấm bản đồ bán đảo Côn-xki, treo sát tường, sau chiếc ghế bành, rồi chuyền chiếc thang ghép lại gần và trèo lên bậc.

Như thường lệ, một ngày công tác bắt đầu một cách đều đặn, yên ổn, nhưng lòng vị đại tá này thì không còn yên tĩnh được nữa. Đồng chí bước xuống thang, lấy ở trong tủ sắt ra mấy tờ giấy bỏ vào cặp cùng với bản báo cáo cuối cùng rồi nhấc ống nói máy điện thoại lên và quay số. Không có tiếng đáp lại. Đại tá lần giở quyển danh bạ để tìm số rồi lại gọi lần nữa. Lần này có tiếng trả lời ngay.

– Xéc-gây Vơ-la-đi-mi-rô-vich, có vấn đề khẩn cấp...

– Ai đấy? Ra-đơ-đôn-nưi hỏi, giọng còn ngái ngủ.

– Cơ-ra-ma-ren-cô đây.

– A, Ô-xtáp Mác-xi-mô-vích đấy à? Giọng nói vang lên đã có vẻ dịu dàng hơn, có chuyện gì mà cậu gọi sớm thế, mình vừa ở trên khu về được một tiếng đấy, sau một phút im lặng, Ra-đơ-đôn-nưi nói tiếp: – Mười lăm phút nữa mình sẽ có mặt ở Cục. Được, đến nhé.

Cả hai người hầu như cùng tới Cục một lúc.

Ra-đơ-đôn-nưi vừa treo chiếc áo ca-pốt vào mắc áo trong phòng làm việc của mình, vừa hỏi:

– Có chuyện gì thế, ông bạn già?

– Có một vài sự việc buộc ta phải cảnh giác đề phòng, Xéc-gây Vơ-la-đi-mi-rô-vích ạ. Hai tuần trước đây, chiếc tuần hạm « Vi-u-ga » của ta có giữ ở khu vực vịnh Va-răng-ghe, về phía Tây bắc quần đảo Ai-nốp-xki, một chiếc thuyền máy Na-uy tên là « Xen », theo nghĩa tiếng Na-uy tức là « Thú biển ». Trên chiếc thuyền cũ kỹ đóng từ năm 1912, với lượng giãn nước là hai mươi tám tấn, có lắp một động cơ kiểu « Bô-lin-đê ». Chủ nhân tàu là An-đô I-en-xen, một ngư dân già, nghèo rớt mùng tơi, chẳng có gì cần thiết mà cũng mua một chiếc áo văn sọc kiểu lính thủy mặc vào. Lão ta thường đi bể với hai đứa con trai, cũng béo và lùn. Mình còn nhớ là, chỉ nguyên trong thời gian mình công tác ở đây thôi, lão đã bị bắt giữ hai lần trong hải phận của ta, và cả hai lần ấy trạm kiểm soát đánh cá đều tha cho hai bố con lão. Họ đánh cá thu bằng loại lưới giăng, họ cũng không gây tác hại gì lớn cho chúng ta, mà lại là dân nghèo, tóm lại lão già khốc lóc, van nài với Xê-mu-cốp, và thế là Xê-mu-cốp đã tha cho lão, thậm chí cũng chẳng bắt phạt gì cả. Lần này lão I-en-xen lại thả lưới đánh cá cấn. Ở nước chúng ta, loại cá này gọi là cá Tri-lim, còn tiếng la-tinh, nếu như tôi không nhớ nhầm, thì gọi là Stơ-rim-xơ. Chiếc thuyền máy của lão I-en-xen liền bị kéo về cảng, và người ta đã làm thủ tục biên bản việc bắt

giữ này. Xê-mu-cốp, ủy nhiệm viên toàn quyền của trạm kiểm soát đánh cá bề, hỏi lão già qua người phiên dịch rằng, lão định làm gì với thứ cá Tri-lim này. Theo như Xê-mu-cốp biết, thì ở thị trường Na-uy loại cá này giá cả không đáng kể lắm, I-en-xen cho biết là, ở trên đảo Vác-đơ của lão ta tại vùng vịnh Hát-xe-nhê-xét có một sĩ quan người Mỹ nào đó vừa mua một biệt thự nghỉ mát. Thậm chí lão già này còn gọi nhà nghỉ mát đó là lâu đài nữa kia chứ. Tên chủ mới của «lâu đài» này mua cá Tri-lim đắt gấp đôi so với giá cá chét ở thị trường Nu-rơ-vô-ghen trong những ngày dễ kiếm ăn nhất. Xê-mu-cốp không tin. Dầu sao đi nữa, cá chét vẫn là loại cá quý nhất trong các loài cá. Có anh chàng ngốc nào mà lại bỏ tiền ra mua cái món ăn rẻ tiền đó với một giá cứa cổ, trừ phi hắn ta là một kẻ giàu nứt đố đổ vách ra. I-en-xen nói rằng người chủ mới của tòa lâu đài đó có lẽ chính là Rốt-sin-đơ (1) đấy. Xê-mu-cốp vẫn không tin. I-en-xen phải phát bực lên mà nói: «Nếu mà ông thoáng trông thấy chiếc tàu du lịch «Bê-nô-nhi» của cái ông người Mỹ kia, thì tự ông sẽ hiểu ông ta là một người như thế nào! Suốt dọc bờ biển này không thấy có một chiếc tàu du lịch nào đẹp và chạy nhanh như vậy đâu». Cuộc nói chuyện đã diễn ra với sự có mặt của Ba-xốp, thiếu tá hạm trưởng tuần hạm «Gơ-rô-da». Bản báo cáo được chuyển từ Coóc-ga-ép Xan-ma đến cho mình, mình đã đọc và có ghi lại một đôi điều. Như cậu biết đấy, Xéc-gây ạ, gần đây trong vùng lân cận với biên giới của ta thấy có khá nhiều các vị sĩ quan Mỹ «về hưu» đến ngụ cư. Chả lẽ những bờ vịnh đầy núi đá hiểm trở của miền Bắc Na-uy với cái thứ khí hậu khắc nghiệt ở Da-pô-li-a-ri-ê lại quá hấp dẫn họ đến thế kia à?

Ra-đơ-đôn-nưi im lặng ghi chép.

---

(1) Rốt-sin-đơ: nhà ngân hàng người Do thái, tổ tiên của một dòng họ tài phiệt nổi tiếng.

– Việc thứ hai là, Cơ-ra-ma-ren-cô nói tiếp, – Xéc-gây Vơ-la-đi-mi-rô-vích ạ, chắc cậu cũng đã biết về tình bạn thân thiết giữa mình và Tru-gu-nốp, thuyền trưởng tàu buôn chạy đường dài ấy. Khoảng gần tuần lễ trước đây, Tru-gu-nốp đã trở về sau một chuyến vượt biển ra nước ngoài. Chả là ông ta đi mua lưới ở Vác-đơ mà. Trong lúc nghỉ giữa hai ván cờ và cùng uống nước chè với nhau...

– Có cả rượu Rum chứ? – Ra-đơ-đôn-nưi mỉm cười hỏi đùa.

– Có anh thuyền trưởng nào ở nước ngoài về mà lại không mang theo vài chai loại rượu đó? Cơ-ra-ma-ren-cô trả lời theo giọng đùa của bạn. Cái chính là Tru-gu-nốp đã kể lại cho mình biết một câu chuyện lý thú. Tàu của ông ta nhận hàng ở cảng Mu-rơ-vô-ghen nên đã nhận một hoa tiêu dẫn đường. Mọi sự đều tốt đẹp, và viên hoa tiêu dẫn họ hết đoạn đường ra cửa biển liền bỏ neo ở đấy. Sau đó họ tiếp tục đi qua ngọn hải đăng phía Tây, rời khỏi Xvi-na và đã vượt ngang qua dãy núi đá Tốp-tê-si-tan thì liền trông thấy chiếc « Bê-nô-nhi » từ trong một vịnh nhỏ cách mỏm Khát-xen-nhê-xét nửa hải lý về phía Nam đi ra. Nếu nhận xét qua vành khung tàu, bộ cột buồm và phần thiết bị nổi, như Tru-gu-nốp nói, thì nó đúng là một chiếc tàu biển loại nhỏ. Trên cột buồm lớn có mấy cái ăng-ten của máy ra-đa. Tàu sơn màu xanh lơ trông giống như một chiếc tàu tuần tiễu nhỏ. Chiếc « Bê-nô-nhi » vượt qua con tàu của ta từ phía mạn phải, lướt ngang qua mũi rồi chuyển sang phía mạn bên trái. Trên sân boong thượng có một thằng cha nào đó đang dùng ống nhòm quan sát tàu của ta và, cùng lúc đó, một thằng khác thì đang chụp ảnh. Người hoa tiêu Na-uy đi trên tàu ta tỏ ra là một anh chàng ưa hài hước. Anh ta thấy Tru-gu-nốp có vẻ chú ý tới chiếc « Bê-nô-nhi » này, liền giải thích: « Chiếc tàu ấy đóng ở Tây-Đức, nó thuộc số những tàu ở một cảng nước Na-uy, nhưng chủ nhân thì lại là một người Mỹ. Thật không hiểu nổi như thế

nào nữa lượng giãn nước của nó là một trăm năm mươi tấn, toàn bộ cột buồm, dây neo, tời trục thì như của một tàu đánh cá, nhưng các ca-bin lại giống y như của một chiếc « y-át » du lịch, và tốc độ lại những hai mươi hải lý ». – « Chủ tàu có phải là người đang cầm ống nhòm đấy không ? » Tru-gu-nốp hỏi. Người hoa tiêu vui vẻ trả lời : « Nguyên là sĩ quan của hạm đội Mỹ đấy. Ông ta được hưởng gia tài liền phục viên, mua một biệt thự nghỉ mát ở Khát-xen-nhê-xét, xây dựng ở trong vịnh một cầu tàu riêng rồi đưa chiếc « Bê-nô-nhi » này từ Ki-le tới ».

– Điều này rất đáng chú ý. Ra-đơ-đôn-nưi nhận xét.

– Và cuối cùng, đây là sự việc thứ ba. Vừa nhận được hồi tám giờ sáng hôm nay, đề nghị cậu đọc xem, Cơ-ra-ma-ren-cô nói và đề bức điện lên bàn.

Đại tá Ra-đơ-đôn-nưi chăm chú đọc bức điện và hỏi bằng một lời nói cụt lủn :

– Kết luận của cậu ?

– Trước khi đi đến kết luận, mình muốn lưu ý cậu tới một điểm nữa : người hoa tiêu Na-uy đó đã nói với Tru-gu-nốp rằng chiếc « Bê-nô-nhi » này được đưa từ Ki-le tới. Cậu còn nhớ chứ, tàu « Gan-xơ Vét-xen » cũng nhận chở thuê hàng từ ở Ki-le. Chẳng lẽ lại không có một mối liên quan qua lại nào giữa chiếc « Bê-nô-nhi » và anh chàng Nhê-pơ-rin-xép mà Slích-tơ đã dự định cho đổ bộ lên dọc bờ vịnh hay sao ?

– Ta hãy tạm cho là...

– Nếu mối liên quan như vậy mà có, chiếc « Bê-nô-nhi » nhất định sẽ phải đi vào trong vịnh Trê-gu-bưi.

– Để làm gì ?

– Để âm mưu tung điệp viên sang một lần thứ ba nữa, cũng có thể chính là tên Lê-mô, một tên mà Nhê-pơ-rin-xép đã có nói đến.

– Cậu đề xuất điều gì nào ? – Ra-đơ-đôn-nưi hỏi.

– Trong trường hợp nếu chiếc « Bê-nô-nhi » đi vào khu vực ranh giới mười hai hải lý của chúng ta thì phải giữ nó lại, và cố tìm mọi cách điều tra xem nó cần cái gì ở đấy.

Ra-đơ-đôn-nưi cầm ống nói lên và gọi tới căng-tin, bảo soạn cho hai suất điểm tâm.

– Mình đã ăn sáng rồi. Cơ-ra-ma-ren-cô nói.

– Nhưng cậu đã lôi mình ra khỏi nhà chẳng kịp ăn uống gì. Ô-xtáp Mác-xi-mô-vích, cậu hãy uống thêm tách trà nữa. – Ra-đơ-đôn-nưi nói và đứng dậy vươn vai rồi đi bách bộ trong phòng. Với một thân hình cao lớn, đẫy đà, dồng chí bước đi những bước dài từ đầu phòng đến cuối phòng.

Chị phục vụ căng-tin bước vào phòng và đặt lên bàn cái khay có ấm chè và mấy ổ bánh mì kẹp giăm-bông xúc-xích.

– Nào, mời cậu! Ra-đơ-đôn-nưi mời đại tá Ô-xtáp. – Các sự việc đều rất đáng chú ý và những kết luận đều đúng đắn cả, mình không phủ nhận đâu. – Ra-đơ-đôn-nưi nói, vừa thong thả nhấm nháp tách nước chè nóng. – Mùa thu này, từ vùng đất mới tới Lý-hải dự định sẽ tiến hành các cuộc thao diễn quân sự của hạm đội miền Bắc. Có áp dụng các loại vũ khí mới, kể cả vũ khí tên lửa. Chúng ta không giấu giếm ai việc này cả. Để bảo đảm an toàn cho các tàu bè đi lại, chúng ta đã cho công bố rộng rãi vấn đề này trên tất cả các báo. Mình nghĩ rằng cái hiện tượng « náo nhiệt » mà chúng ta phát hiện thấy ở biên giới đủ nói lên sự chú ý cao độ của chúng đối với cuộc thao diễn lần này, – Ra-đơ-đôn-nưi cầm chén trà thứ hai. – Có điều là, Ô-xtáp Mác-xim-mô-vích ạ, giả thuyết của cậu theo mình thì không được chắc chắn lắm. – Uống cạn chén trà và ăn hết ổ bánh mì, Ra-đơ-đôn-nưi mới sực nhớ : – Có lẽ mình đã dùng cả tách trà của cậu thì phải?

– Mình đã điểm tâm rồi mà! – Cơ-ra-ma-ren-cô làm yên lòng bạn :

– Này, Ô-xtáp ạ, cậu hãy tự mình xét đoán xem, cứ giả

dụ là chúng ta bắt giữ chiếc « Bê-nô-nhi » lại ở vịnh Trê-gu-bưi. Thế còn lý do?

– Đi vào hải phận của ta!...

– Cái ngài Rốt-sin-đơ đó, như I-en-xen đã gọi, sẽ nói: « Xin lỗi các ông, tôi bị lạc hướng! ». Khá lắm là ta sẽ nhận được tiền phạt của hắn, và rồi hắn sẽ quay lui. Hắn không đánh cá trong vùng biển chúng ta kia mà. Chẳng phát hiện thấy cái gì đáng chê trách trên tàu hắn cả...

– Nhưng lại cần phải giải đáp với đầy đủ sức thuyết phục cho câu hỏi là, hắn đã làm gì trong hải phận của ta?

– « Không làm gì cả, – hắn sẽ nói. – Tôi là một người giàu có, trước đây tôi đã từng là nhà hàng hải, và tôi đã quyết định cho tàu của tôi đi chơi nhân một hôm đẹp trời... » – « Nhưng hóa ra trên biển lại có bão chứ không phải là đẹp trời. Gió cấp 8! » ... « Tôi vốn cũng ưa thích những cảm giác mạnh mẽ! »

– Nhưng cậu biết...

– Mình biết, Ô-xtáp Mác-xim-mô-vích ạ, mà còn biết rất rõ nữa là đằng khác!... Một đôi khi mình còn khẳng định rằng đó là một tên ăn cắp! Nhưng khi chưa bị tóm cổ thì nó còn chưa phải là kẻ cắp đấy thôi. Có khi tự mình còn phải cúi đầu trước nó mà nói: « Xin lỗi, chúng tôi đã nhầm, xin lỗi ông! » Nếu như chúng ta bắt giữ chiếc « Bê-nô-nhi » lại thì chính chúng ta lại tự mình mắc vào một tình thế dại dột kia đấy. Chúng nó đang cần gì ở cái vịnh này? Mình cho rằng chỉ có thể giải đáp câu hỏi này bằng mỗi một cách...

– Cách gì? – Cơ-ra-ma-ren-cô sôi nổi hỏi.

– Mình có một đề nghị, nhưng... Trước hết phải thỉnh thị cấp trên đã – và nhấc ống nói lên, Ra-đơ-đôn-nưi bắt đầu quay số. Đồng chí thiếu tướng, đại tá Ra-đơ-đôn-nưi xin báo cáo. Đề nghị đồng chí cho phép tôi và đại tá Cơ-ra-ma-ren-cô, thủ trưởng bộ đội biên phòng, đến gặp đồng chí.

11

CÁC ĐỒNG CHÍ, ĐẤY LÀ CÔNG VỤ!

Đến mười giờ, khi mũi đất Ga-léc-nưi nằm lại ở phía sau chiếc « Vi-u-ga » và còn độ không quá một tiếng nữa là tới vùng trung tâm miền Bắc, thiếu tá Phu-rô-rốp nét mặt lo lắng bước lên đài chỉ huy và đưa cho hạm trưởng bức điện của ban tham mưu:

« Nếu sức khỏe Ra-đô-va tốt, cho chị ấy lên bộ ở Chi-mô-phê-ép-ca. Đón lên tàu đại úy Cơ-lê-ba-nốp trung úy A-va-cu-mốp, hãy chiếm lĩnh vị trí ở khu vực mũi đất Cơ-ru-tôi. Báo cáo việc thi hành ».

Kinh nghiệm cá nhân phong phú và sự hiểu biết về tình hình biên giới đã gợi cho Pô-li-va-nốp thấy rằng một cuộc thử thách lớn đang chờ đợi đồng chí cùng toàn đội thủy binh trên tàu. Đã xuất hiện cái cảm giác quen thuộc gây ra bởi sự vận động nội tâm, bởi tính cảnh giác sẵn sàng nó thường đến với con người trong khi đón chờ một mối nguy hiểm tuy hãy còn chưa biết rõ nhưng rõ ràng là không thể tránh được. Hạm trưởng hạ lệnh cho tàu rẽ quành theo hướng mới và chỉ thị cho các cán bộ chỉ huy đơn vị tác chiến kiểm tra tỉ mỉ các khẩu pháo và đạn dược.

Để tranh thủ thời gian, người ta không thả neo xuống.

Anh em thủy binh đỡ người thiếu phụ và cháu bé vào

trong chiếc xuồng đang còn treo ở giá và cẩn thận kéo chiếc mui vải bạt trùm lên xuồng cho ấm.

Chiếc xuồng được thận trọng thả xuống nước, và sau nhiều lần vật lộn với những đợt sóng lớn, nhờ những tay chèo điêu luyện, nó cũng đã vào được tới bờ.

Ra đón xuồng tại bến tàu nhỏ ở Chi-mô-phê-ép-ca có ông chủ tịch hội đồng xô-viết trấn, mấy người dân chài, đại úy Ca-lê-ba-nốp và trung úy A-va-cu-mốp – cả hai người đều mặc quân phục hải quân.

Vừa dìu người thiếu phụ lên bến, ông chủ tịch vừa nói:

– Chị sẽ tạm ở nhà tôi độ vài ba ngày. Đồng chí đồn trưởng đồn biên phòng có gọi điện báo cho biết là đang bận việc, và đưa tay nhận chậu hoa của đội trưởng thủy binh trao cho, ông vừa nói thêm, giọng đầy hân hoan – Ô, lại một cháu bé nữa! Đồng chí đồn trưởng quả là con người sung sướng!

Người thiếu phụ bước lên bờ, vẫy tay chào tạm biệt và gào lên:

– Tạm biệt, các bạn thân mến của tôi!...

Một cơn gió giật mạnh đã cuốn đi mất những lời nói đó.

Vừa kéo ghì mái chèo, anh em thủy binh vừa gật đầu mỉm cười chào lại A-nút-sca...

Mọi người còn chưa kịp lắm buộc chiếc xuồng vào giá đề, chưa kịp nhấc bỏ cái thang vào trong tàu, nhưng chiếc « Vi-u-ga » đã mở hết tốc lực, nhằm thẳng hướng mũi đất Cơ-ru-tôi lao tới.

Đại úy Cơ-lê-ba-nốp trao cho hạm trưởng một phong bì gắn xi. Sau khi đọc và quán triệt nội dung của nó, Pô-lê-va-nốp liền mời phó chính ủy và đội trưởng thủy binh lên gặp mình. Điều mà các sĩ quan vừa nói với người đội trưởng thủy binh, được giữ bí mật đối với tất cả mọi người.

Đội trưởng thủy binh I-a-xát-nưi từ trên ca-bin của hạm trưởng đi xuống căn phòng lớn của anh em lính thủy. Đồng chí lặng lẽ đi quanh trên tàu, vừa chú ý quan sát các thủy

binh. I-a-xát-nưi nhìn thấy An-đơ-rây ở cạnh khẩu đại bác. Đồng chí đứng dừng lại bên người khẩu đội trưởng với con mắt nhìn chăm chú như dò xét, rồi, có lẽ đã quyết định xong một vấn đề phức tạp nào đó đang giằn vặt lòng mình, nói:

– An-đơ-rây, cậu về phòng ngủ thay quần áo ngoài và giày. Có tất khô không?

– Báo cáo chuẩn úy, có... An-đơ-rây lấy làm lạ.

– Thay cả tất nữa. Quản lý quân nhu sẽ phát cho cậu bộ quần áo chống bão mới. Rõ chưa?

– Rõ, thưa đồng chí chuẩn úy! An-đơ-rây trả lời càng ngạc nhiên hơn.

– Thi hành đi!

An-đơ-rây cất miếng giẻ lau giá súng đại bác và đúng như điều lệnh, anh chạy đi thi hành mệnh lệnh.

Đội trưởng I-a-xát-nưi còn đứng thêm một lát nữa bên khẩu pháo, chăm chú lắng nghe những bước chân người khẩu đội trưởng lướt lăm băm xuống cầu thang; đồng chí suy nghĩ một lát rồi bắt đầu thong thả đi lên boong thượng gặp phó chính ủy Phu-tô-rốp. Bước vào phòng phó chính ủy, đội trưởng thủy binh I-a-xát-nưi liếc nhìn đồng hồ – thời gian còn vừa đủ! Nét mặt I-a-xát-nưi liền trở nên nghiêm trang và thậm chí còn có vẻ quan trọng nữa. Đặt tấm thẻ Đảng lên bàn, đội trưởng nói:

– Đề nghị đồng chí tạm giữ hộ.

Phu-tô-rốp im lặng giở ra xem rồi bỏ vào trong ô ngăn kéo sắt của chiếc bàn và khóa lại.

– Đồng chí chuẩn úy ạ, – phó chính ủy nói, – tôi cần phải báo trước cho đồng chí biết là đội tác chiến được giao một nhiệm vụ rất quan trọng. Đại úy Cơ-lê-ba-nốp sẽ chỉ huy đội này. Đồng chí Pi-ô-tơ-rơ Mi-khai-lô-vích ạ, sở dĩ cử đồng chí tham gia là vì, để hoàn thành nhiệm vụ một cách thắng lợi cần phải có một thủy thủ thông thuộc đường lối miền bờ biển. Trách nhiệm chúng ta cũng không ngoài

nhiệm vụ phục vụ biên phòng, là phải giúp đỡ các cán bộ làm công tác phản gián. Đồng chí rõ chứ?

– Thưa thiếu tá, rõ.

Cầm chiếc bút chì đang lăn trên bàn, Phu-tu-rốp chuyển sang vấn đề chính:

– Đồng chí định lấy ai vào đội tác chiến đấy?

– Thượng sĩ hạng nhất Kha-ba-nốp và khẩu đội trưởng An-đơ-rây.

– Sao lại là An-đơ-rây? – phó chính ủy tỏ vẻ ngạc nhiên.

– Thưa thiếu tá...

– Sao đồng chí lại chọn khẩu đội trưởng.

– Đồng chí Ghê-ra-xim Rô-đi-ô-nô-vích ạ, tôi đã tính như thế này: con người ta mà càng được ứng phó giải quyết những nhiệm vụ phức tạp bao nhiêu thì tinh thần lại càng trở nên vững mạnh hơn lên bấy nhiêu.

– Tôi không nắm được cái đầu mối liên quan đấy, Phu-tô-rốp nhận xét vừa chống khuỷu tay xuống bàn, hai bàn tay gân guốc thường thấy ở người công nhân, lồng vào với nhau.

– Tuổi trẻ mà được lao vào những khó khăn như vậy thì...

– Nếu như tôi không nhầm thì đồng chí muốn đem An-đơ-rây đi theo mà không giải thích cho cậu ta rõ nhiệm vụ tác chiến thì phải?

– Ghê-ra-xim Rô-đi-ô-nô-vích, đồng chí chắc cũng biết rõ, cậu ta là một thanh niên thẳng thắn, ngay thật, đối với cậu ta hoàn cảnh chiến đấu đó...

– «Hoàn cảnh chiến đấu» là như thế nào vậy? – Phu-tô-rốp nổi cáu lên, hai tay bóp chặt vào nhau đến nỗi các đốt ngón tay trắng bệch ra. Chính ngay cái trường hợp ngẫu nhiên đầu tiên cũng có thể giết chết An-đơ-rây và làm cho công việc hỏng hết. Đồng chí chả chịu suy nghĩ gì về một con người! Cậu ta vốn tin đồng chí, mong muốn

học tập ở đồng chí mọi điều, thậm chí còn bắt chước cả những lề thói của đồng chí nữa kia... Đồng chí có nhận thấy là trong những lúc suy nghĩ, An-đơ-rây cứ lấy lòng bàn tay day đi day lại chiếc mũ vào trán như thế nào không ? Thật hệt như đồng chí vậy thôi. Đối với An-đơ-rây thì đồng chí quả là cái mẫu mực lý tưởng về một thủy thủ và một con người để cho cậu ta sẵn sàng noi theo tất cả mọi điều trong bất kỳ lúc nào, rồi bỗng... Không, đồng chí chắc cũng hiểu là điều đó có thể dẫn tới cái gì rồi ?

– Vậy bây giờ nên như thế nào ? – Sau một lát im lặng, I-a-xát-nưi dè dặt hỏi.

– Cứ lấy Kha-ba-nốp và An-đơ-rây đi, nhưng tôi xin báo trước là phải cùng với cậu ta nghiên cứu nhiệm vụ thật kỹ càng đến từng chi tiết nhỏ nhất đấy! Phải thấy được hết mọi sự để cho không có một trường hợp bất ngờ nào có thể xảy ra cả. Đồng chí rõ chứ?

– Rõ.

– Tôi sẽ báo cáo với đồng chí hạm trưởng, tôi cũng có một đôi điều dự kiến, Phu-tô-rốp nói và mở quyển sổ tay ra.

Giữa khi đó. An-đơ-rây đang cầm tấm ảnh Xvét-la-na và chăm chú ngắm nhìn, dường như mới là lần đầu tiên anh trông thấy vậy. Bức ảnh chụp cô gái đứng trong công viên, gió làm xõa tung mái tóc và dán chặt chiếc sơ-mi cộc tay vào người. Gặp môi dầy dặn hé mở, tựa hồ như đang nói với anh... An-đơ-rây lật mặt sau ra đọc hàng chữ ghi mặc dầu anh đã thuộc lòng:

« An-đơ-ri-u-sa !

Hãy luôn luôn tỏ ra như khi em biết anh nhé!

Xvê-ta »

Nghe thấy tiếng những bước chân nặng nề của đội trưởng trên cầu thang, An-đơ-rây vội giấu tấm ảnh vào trong túi áo bông : anh đã không kịp bỏ nó vào hòm.

I-a-xát-nưi nhìn người khẩu đội trưởng với một vẻ xét nét, bảo anh đặt chân lên ghế, nắn nắn chiếc giày cao cổ và nói:

– Có còn một đôi tất len thứ hai nữa không?

– Còn, – An-đơ-rây đáp.

– Lấy mang vào. Mười phút nữa thì đi đến ca-bin thiếu tá Phu-tô-rốp.

– Rõ, thưa đồng chí chuẩn úy.

Đội trưởng I-a-xát-nưi bỏ đi lên boong thượng.

Chẳng hiểu sao An-đơ-rây bỗng nhớ đến Lô-ba-đơ-nốp, nhớ đến chiếc khăn quàng được là một cách cẩn thận của bạn, nhớ đến cuộc gặp gỡ vừa qua và thầm nghĩ: «Lô-ba-đơ-nốp lúc nào cũng lạnh lùng, đứng dắn và thận trọng thậm chí cả trong tình bạn...».

Song, An-đơ-rây đã tỏ ra quá vội vã với những kết luận.

Giữa những giây phút đó, Lô-ba-đơ-nốp đang liều mạng tiến lên ngược chiều với gió bão và cơn lốc tuyết lạnh buốt, quất phả vào mặt anh. Người rã rời mệt mỏi, nhiều bận ngã xuống lại cố đứng lên, anh lần theo con đường mòn hẹp, chạy ngoằn ngoèo giữa các tảng đá, cõng Mi-sa En-xốp trên lưng mình...

Sau khi cùng thủ trưởng trở về đồn biên phòng, anh chỉ mới kịp ăn qua loa chút ít thì đã phải đi làm nhiệm vụ phụ trách tổ trực ở đài quan sát.

Lô-ba-đơ-nốp và En-xốp kiểm tra lại vũ khí, hất cái túi dựng lương khô và củi đề nhóm bếp ra sau lưng. Cùng đi với họ từ đồn biên phòng còn có Xê-men Tru-ca-ép; anh ta mang kích ra đề kích chiếc xe bị lún ngập trong tuyết cách đài quan sát chừng năm cây số.

Con đường mòn rất khó nhận thấy, khi thì leo lên trên đỉnh núi đá, khi thì đổ tuột xuống dưới thấp tới phía bờ biển. Chạy song song với con đường đó là những hàng cột điện tín, ẩn hiện lờ mờ trong màn tuyết dày đặc. Mặc dầu

vậy, chúng cũng vẫn là những cái mốc chỉ hướng khá tốt đối với các chiến sĩ biên phòng.

Nhiệt độ không khí tụt xuống mười sáu độ dưới không. Ở đây, trên bán đảo này có ấm hơn nhiều so với trên đất liền, nhưng nếu gió ngược thổi mạnh thì thường cũng đến mười sáu độ dưới không. « Món ăn nguội », như lối nói của Lô-ba-dơ-nốp khi anh xem tờ thông báo thời tiết ở tại đồn biên phòng.

Họ đi theo con đường quen thuộc. Cả ba người đều còn trẻ, có sức chịu đựng và khá dầy dạn kinh nghiệm để có thể vượt qua được chặng đường sáu cây số đó mà không cần dừng lại nghỉ. Hai giờ sau họ đã nhìn rõ mái nhà đài quan sát phủ đầy tuyết. Tru-ca-ép bị rét cóng, cho nên trước khi đi tìm chiếc xe bị lún ngập trong tuyết, anh ta quyết định sưởi ấm người đôi chút ở chỗ các đồng chí làm nhiệm vụ quan sát và uống một ca nước chè nóng.

Ba người lấy chổi cần thận phủi hết tuyết bám vào ủng da rồi bước vào trong ngôi nhà được đốt sưởi nóng rực. Sau khi chào hỏi các đồng chí, Lô-ba-dơ-nốp liền gọi dây nói về đồn báo cáo là đã đến đài quan sát được bình yên vô sự, và hiện đã bắt đầu làm nhiệm vụ.

Các chiến sĩ biên phòng được đổi phiên, lên đường về đồn. Gió xuôi chiều thổi thốc vào lưng họ.

En-xốp đổ nước trong thùng vào ấm pha chè và đặt lên chiếc hỏa lò cháy đỏ rực, sau đó anh kiếm rìu và bắt đầu bổ củi. Tru-ca-ép ngồi trước bếp lò, xoa xát hai bàn tay bị cóng lạnh vào nhau. Lô-ba-dơ-nốp thì lên đài quan sát.

Chưa quá mười phút đã thấy xuất hiện chiếc tàu đánh cá « Mu-rôm » trong khu vực quan sát. Nó đang chở nặng hàng từ vịnh Va-ran-ghe đi tới: nhìn tầm nước ngập lườn tàu của nó mà biết được điều đó. Gió thổi mạnh thêm. Giữa những đợt sóng hung dữ, con tàu bị quăng đi quăng lại thật chẳng khác nào một tấm ván mỏng vậy.

« Mu-rôm » là một chiếc tàu đánh cá của ta, thuộc số những tàu ở cảng Muốc-măng. Lô-ba-dơ-nốp biết rõ điều đó lắm, nhưng quy chế công tác đòi hỏi phải báo cáo về tất cả những con tàu đã đi qua trong khu vực quan sát.

Nhờ có chiếc máy không lấy gì làm phức tạp lắm, nhưng lại khá chính xác, nó có cái tên gọi rất kêu là « kẻ chỉ dẫn phương hướng », nên Lô-ba-dơ-nốp xác định được phương vị, khoảng cách, hướng đi của tàu; anh ghi vào trong sổ trực ban:

« Tàu đánh cá « Mu-rôm », phương vị tám mươi nhăm khoảng cách mười liên, hướng đi một trăm bảy mươi nhăm ».

Anh nhắc ống nói, định báo cáo về đồn về chiếc tàu đánh cá, nhưng... không còn liên lạc được nữa.

Thấy Lô-ba-dơ-nốp mặc áo bông và đội mũ, En-xốp hỏi:

– Cậu đi đâu?

– Tìm chỗ dây đứt.

– Đồn sẽ phát hiện ra chỗ đứt và sẽ phái các tổ viên thông tin đi chữa, – En-xốp nói cho anh yên tâm.

– Biết đến bao giờ mới phát hiện ra được..., Lô-ba-dơ-nốp khăng khăng buộc dải mũ.

Thấy vậy, En-xốp liền đứng dậy và bắt đầu mặc sống áo vào.

– Thế cậu thì đi đâu? – Lô-ba-dơ-nốp ngạc nhiên.

– Một mình cậu sẽ không làm nổi đâu. Mà nói chung cũng cần phải đề phòng nhỡ có chuyện gì...

Lô-ba-dơ-nốp hé mở cánh cửa. Một cơn gió lạnh buốt lùa thốc vào trong nhà. Tầm nhìn xa độ năm mươi thước, không hơn. Cột điện thoại gần nhất chỉ thấy được lờ mờ qua màn tuyết dầy gió thổi xoáy tung lên. Đó là cơn lốc tuyết, một hiện tượng rất bình thường đối với mùa này, nhưng nó cũng có thể được thay thế bằng một tiết trời trong sáng, và khi ấy...

« Thế thì sẽ không thể không có đường dây liên lạc được ! » – Lô-ba-đơ-nốp thầm quyết định và, tháo cuộn dây thừng rất dai chắc ở trong tường xuống, nói :

– Thôi được, En-xốp ạ, hai người đi càng tốt Xe-man Tru-gu-nốp, cậu hãy ra đài quan sát và thay tớ cho đến khi bọn mình về.

– Thế còn việc kích xe ? Tru-gu-nốp, người nóng bừng vì được sưởi ấm, nhắc không lấy gì làm kiên quyết lắm.

– Chúng mình sẽ chữa nhanh thôi mà, Lô-ba-đơ-nốp làm yên lòng bạn. Cả hai đứa mình mà bỏ đài đấy đi thì không được, mà không có liên lạc thì tự cậu cũng biết đấy, sẽ như ở đáy giếng ấy !

Hai người bước ra khỏi căn nhà nhỏ bé, và cơn bão tuyết lập tức đã xóa hết những vết chân họ ở ngưỡng cửa.

Một ngọn gió táp hung hãn quạt thốc vào lưng. Lô-ba-đơ-nốp kiểm tra những đường dây điện thoại, anh cũng đưa mắt « ngưỡng thiên » hệt như những lính thông tin vậy. En-xốp đi trước, mở lối tiến lên và xác định phương hướng theo các cột điện thoại. Để khỏi lạc, họ lấy dây thừng buộc vào thắt lưng của nhau. Cái mối liên lạc cồ sơ ấy quả thật là cần thiết. Chỉ mới rời xa người này cách người kia có một đoạn dây kéo thẳng căng ra họ đã không còn nhìn thấy được nhau ở trong cái màn tuyết trắng dày đặc này.

« Mùa xuân ! Cái khung cảnh đầu tiên đang được phô bày ra... » – Lô-ba-đơ-nốp nhớ lại, vừa thầm rủa thậm tệ cái chỗ dây dứt đó. « An-đơ-ri-út-sca ở ngoài biển thế mà lại bớt hơn.

Lúc nào cũng cứ bập bềnh, khoái biết mấy ! Tuy vậy, gặp cơn bão tuyết như thế này thì cũng đừng hòng đi được. Ấy thế mà rồi anh chàng lại được dịp càng dương dương tự đắc lên đấy. Các cô gái ngây thơ chỉ cứ chằm chằm nhìn các chàng thủy binh thôi... » – Lô-ba-đơ-nốp tỏ ý ghen tị, nhưng lập tức anh sảy chân, ngã xuống, trán va mạnh vào một tảng đá.

En-xốp lăn nắm sợi dây, đi lộn trở lại:

– Sao thế, Phô-ma?

– Không sao cả! Lô-ba-dơ-nốp trả lời. Suýt nữa thì hòn đá làm vỡ đầu.

– Lô-ba-dơ-nốp nhỏm dậy và, được ngọn gió thúc sau lưng, tiếp tục tiến lên. Họ đi một cách chậm chạp. Đường dây điện thoại chạy chếch xa con đường mòn. Nó được giăng vắt qua những khe sâu, len lách giữa các vách đá, rồi đột ngột lao lên những quả núi cao. Các cột dây ở đây đều được lèn chặt dưới chân bằng những cái khung gỗ trong bỏ đầy đá. Ở vùng núi đá này không thể nào đào hố chôn cột được.

Đã nửa tiếng đồng hồ trôi đi mà họ không tiến được quá một cây số! Bỗng nhiên, cái màn trắng xoá của cơn lốc tuyết rớt xuống, và họ liền trông thấy vùng mặt trời đỏ tía, vừa rực lóe chói gắt, vừa lấp lánh trên mặt tuyết của các quả núi với những ánh phản chiếu đỏ rực như lửa.

– Phô-ma, trông kìa, tuyệt quá! En-xốp vừa lao đến với Lô-ba-dơ-nốp, vừa kêu lên.

– Cậu vui mừng hơi sớm đấy! – Lô-ba-dơ-nốp vừa càu nhàu vừa đưa mắt nhìn khắp chân trời: – Hãy trông xem, một cơn lốc khác đang đến mới to làm sao kìa...

Từ đằng xa, hầu như ở tận chân trời, ùn lên từng đám mây đen của những cơn bão lốc mới đang băng băng tiến lại phía họ trông rất khủng khiếp.

Không nói với nhau thêm một lời nào, Lô-ba-dơ-nốp và En-xốp vội vàng xuống núi. Ở những nơi nào có thể chạy được thì họ chạy, nhưng đến khi họ tìm thấy chỗ dây đứt thì một cơn lốc tuyết mới như điên cuồng đổ ập xuống người họ.

Chiếc cột dựng ở rìa khe núi đổ xuống dưới sức ép mạnh của cơn bão, hất bật tung cả số đá đè lên, và những sợi dây điện thoại thì sa võng hẳn xuống lòng khe.

– Cậu hãy dò từng sợi một, Lô-ba-dơ-nốp nói với En-xốp. Nếu thấy chỗ đứt thì nối lại thật chắc đấy. Đừng quên cạo sạch hai đầu dây trước khi nối. Rõ chứ?

– Rõ, phải nối thật chắc! – En-xốp nhắc lại, vừa cuộn sợi dây thừng vào quanh thắt lưng.

Một chân dận vào tảng đá hoa cương tròn, Lô-ba-dơ-nốp thận trọng thả dây, dòng En-xốp xuống dưới khe. Chỉ còn không quá ba bốn thước nữa là En-xốp xuống tới dưới đáy, khi ấy Lô-ba-dơ-nốp cảm thấy sợi dây bỗng nhẹ đi.

– Dừng lại. Có lẽ đã đến nơi rồi! En-xốp từ dưới gào tướng lên. Chả nhìn thấy cái quỷ gì... Ngay bây giờ... mình sẽ...

Bỗng Lô-ba-dơ-nốp nghe thấy một tiếng hét, liền theo đó sợi dây bị giật mạnh, rút tụt xuống phía dưới.

– Có chuyện gì thế, En-xốp? Chuyện gì xảy ra thế? Lô-ba-dơ-nốp kêu lên, mình cúi nhìn xuống khe.

Chỉ có tiếng rên rỉ vọng tới tai anh, sau đó là một giọng nói nhỏ, yếu, loáng thoáng nghe thấy:

– Chân... hình như... bị gãy. Tưởng là... nhưng đã bước hụt... mặt đá nhô ra... Ở đây hãy còn chừng bốn thước nữa...

Lô-ba-dơ-nốp cảm thấy sợi dây đã nhẹ hẳn đi.

– Cậu đang làm gì ở đấy, Mi-sa?

– Mình đã tháo thừng buộc người ra rồi... Đang tìm chỗ dây đứt... Mấy lời nói thều thào vọng tới tai Lô-ba-dơ-nốp.

Anh lắng nghe hồi lâu, đoán xem ở dưới đáy khe đang xảy ra sự gì, nhưng ngoài những tiếng lào xào nho nhỏ anh chẳng nghe thấy được gì hơn. Trong khi anh nằm sấp bên miệng khe, cơn bão lốc đã phủ tuyết lên khắp người anh. Anh đã chờ mất bao nhiêu lâu, thật khó mà nói ra được... Ở đây, trên cái tầng cao của quả núi, gió thổi dữ dội đến nỗi mỗi một cơn giật của nó dường như là một ngọn roi quất, buốt cháy da thịt.

– Phô-ma, cậu ở đâu? – Có tiếng En-xốp vang lên gần và rõ hơn, sau đó sợi dây thừng rung động và kéo căng ra.

– Kéo lên được chưa? Lô-ba-dơ-nốp gào xuống.

– Kéo đi... ôi, cẩn thận đấy!...

Ngực áp vào tảng đá hoa cương, Lô-ba-dơ-nốp giáng hết sức kéo sợi dây thừng. Anh biết rõ chiều dài sợi dây thừng chỉ độ mười lăm thước, nhưng lúc này nó hình như không có đoạn cuối nữa...

Nhưng dây, đầu En-xốp đã nhô lên, sau đó En-xốp nhoài người qua miệng khe và cố dứng dậy nhưng lại rên lên, ngã chúi xuống mặt tuyết. Lô-ba-dơ-nốp bò đến chỗ bạn. Mi-sa bậm môi đến chảy máu, âm thầm khóc. Anh lấy làm xấu hổ về sự yếu đuối của mình, nhưng chân đau quá không thể chịu đựng được.

– Một dây... bị... đứt... Mình đã nối một đoạn... En-xốp giải thích một cách khó nhọc.

– Cậu đi được không?

– Không... Cậu... để mình vào đâu đây... để tránh gió... vào một chỗ trũng. Còn cậu thì cứ đi... Gọi dây nói báo về đồn... Sẽ có người được phái đến tìm mình, – En-xốp đề nghị.

– Cậu sẽ chết cóng mất, đồ ngốc ạ, – Lô-ba-dơ-nốp nói, giọng dịu dàng pha lẫn chút thô bạo. – Đây cách chỗ chúng mình chừng hai ki lô mét thôi. Cậu hãy tính xem, bây giờ mà mình đi ngược gió về tới đài thì mất một tiếng. Các cậu ấy đi từ đồn, cũng lại bị ngược gió, thì tối thiểu cũng mất hai tiếng nữa... Không, Mi-sa, mình sẽ không để cậu lại đây đâu. Cậu hãy leo lên lưng mình đi! – Lô-ba-dơ-nốp tỏ vẻ dứt khoát và quỳ chống hai tay ngay bên cạnh En-xốp.

– Cậu làm cái trò gì thế? Điên à? – En-xốp quên cả đau, nổi xung lên.

– Đồng chí En-xốp, leo lên! – Lô-ba-dơ-nốp ra lệnh với cái giọng của người tổ trưởng.

– Phô-ma, cậu hãy nghe mình. Ngược gió thế này, ngay đến một mình cũng không đi nổi, thế mà cậu...

– Đồng chí En-xốp! – Lô-ba-đơ-nốp cất cao giọng, vẻ hăm dọa.

En-xốp vòng hai tay ôm lấy cổ bạn rồi rướn người lên lưng Lô-ba-đơ-nốp.

Lô-ba-đơ-nốp từ từ nhổm dậy lấy đoạn dây buộc chặt En-xốp vào người mình, sau đó anh ngồi xổm xuống, hai tay nhặt hai khẩu tiểu liên và đứng dậy, bước lên phía trước. Tất nhiên là anh đã đánh giá quá cao sức mình. Với cơn gió như thế này, ngay đến một thân một mình cũng khó mà đi được, huống chi lại còn cõng thêm một người bị thương nữa...

Cảm thấy má và mũi mình bị cóng dại đi vì gió lạnh, Lô-ba-đơ-nốp chuyền hai khẩu súng vào một tay, còn tay kia anh đưa lên xoa mặt. Thoạt mới đầu anh cho rằng En-xốp cũng chả nặng là bao nhiêu, nhưng sau khi đi được độ hơn trăm thước, anh mới cảm thấy chân anh không còn đủ sức bước lên nữa.

Bị trượt chân vì giẫm phải những hòn đá phủ băng anh quỳ gối xuống nhưng đứng ngay dậy và lại ngoan cường tiến lên. «Ta cố đi đến cái cột điện thoại sắp tới này rồi sẽ nghỉ chân dăm phút», – anh thầm đặt cho mình một giới hạn, nhưng khi từ trong màn tuyết lờ mờ hiện ra bóng dáng chiếc cột điện thoại tiếp theo thì anh lại lượng tính: «Có lẽ, mình sẽ chịu đựng thêm một trăm thước nữa, sau đó sẽ nghỉ...». Nhưng sau khi đã đi được một trăm bước, anh lại nghĩ: «Giờ thì đến cái cột tiếp theo kia cũng chả còn xa mấy nữa» – và anh cứ tiến lên, tiến lên mãi, không chịu dừng lại.

Khi đã hoàn toàn kiệt sức, chân nam đá chân xiêu như một người say rượu, Lô-ba-đơ-nốp kiên quyết ngồi xuống một phiến đá để nghỉ và để, dù chỉ trong mấy phút, che lấy bộ mặt cho ngọn gió lạnh buốt khỏi quất vào, thì màn

tuyết trắng đã rớt xuống, và ánh nắng chói chang đang đùa rỡn trên những lớp sóng xám xịt. Đài quan sát bây giờ đã ở gần, ngay sát bên cạnh họ. Cái trở ngại gay go nhất đã lùi lại phía sau, nhưng một trở ngại khác đã hoàn toàn thu hút mất tâm trí của Lô-ba-dơ-nốp: một chiếc tàu thủy vận tải lớn của nước ngoài đang chạy song song với dải bờ bể, cách anh chừng hai hải lý.

Quên cả mệt mỏi, Lô-ba-dơ-nốp đã vượt qua khoảng cách còn lại tới đài quan sát hầu như bằng chạy chứ không phải là đi nữa. Ở đây, Tru-ca-ép, vẻ lo lắng, ra đón họ. Sau khi đặt En-xốp nằm lên giường, Lô-ba-dơ-nốp cầm lấy ống nhòm. Anh nhìn thấy rất rõ phần đuôi bên trái của chiếc tàu vận tải, và anh có thể đọc ở đấy những chữ cái tiếng La-tinh sơn màu trắng:

« ... CKE ULE » – Chắc đây là những chữ cuối cùng của tên chiếc tàu đó.

Lô-ba-dơ-nốp nhắc ống nói lên: đường dây liên lạc với đồn biên phòng đã làm việc được rồi!...

12

HƯỚNG ĐI MỘT TRĂM

« Chiến sĩ Lô-ba-dơ-nốp truyền đạt », « Trung sĩ Pê-tơ-rốp nhận » – người trực ban nắn nót viết đoạn kết luận rồi, cầm lấy quyển nhật ký quan sát, chạy tới gặp thủ trưởng đồn biên phòng.

Thượng úy Ra-đốp đọc những điều ghi trong sổ trực ban, dịch nó ra mật mã và, vắn tắt mấy lời: « Cho điện đài truyền đi », đoạn trả lại sổ cho trung sĩ.

Mấy phút sau, nhân viên điện đài trên tàu « Vi-u-ga » đã nhận được bức điện.

Nhấc bỏ cái nắp đậy ống nói ra, Pô-li-va-nốp ra lệnh cho người điều khiển bánh lái:

– Hướng đi một trăm – và gạt cái tay chuông vào chỗ « nhanh nhất ».

Chiếc tàu chạy về phía Đông. Tầm nhìn thấy mới sáng rõ được không bao lâu thì lại bị (trong buổi sáng nay, đây đã là lần thứ mấy rồi) một cơn lốc tuyết dày đặc che khuất. Từng đám bụi tuyết, lạnh buốt như kim châm, gào rít ùa lên đài chỉ huy.

Khi chiếc « Vi-u-ga » chạy tạt qua mũi đất « Tê-ra-xô-vưi », viên sĩ quan trực ban báo cáo:

– Báo cáo đồng chí thiếu tá, mục tiêu đã hiện ra trên màn ảnh ra-đa. Góc hướng đi của nó là sáu mươi độ về phía mạn tàu bên trái, khoảng cách một trăm hai mươi liên

– Xác định hướng đi và tốc độ của mục tiêu! – Hạm trưởng hạ lệnh và cúi nhìn màn ảnh ra-đa.

«Tất nhiên, đây là chiếc «Khéc-le U-le», nhưng thế thì chiếc tàu du lịch đâu?» – đồng chí thầm nghĩ sau khi quan sát mục tiêu và hạ lệnh:

– Báo động chiến đấu!

Tiếng chuông vang lên lanh lảnh. Ai nấy vội vàng chiếm lĩnh vị trí của mình theo đúng như điều lệnh chiến đấu.

– Ý kiến đồng chí thế nào? – Sau một lúc ngừng lặng rất căng, hạm trưởng hỏi Đê-vi-a-tốp.

– Nếu như ta đang gặp phải một địch thủ thông minh và có kinh nghiệm, mà điều này xem ra đúng là như vậy đấy, thì nó sẽ cố gắng không để bị phát hiện ra đâu. Đồng chí có nhớ cái tin bản tham mưu báo cho biết: «Chiếc tàu du lịch không kéo cờ, đang ở cách chiếc tàu vận tải bốn liên về phía bề khơi». Nếu lập luận thật đúng với lô-gích, thì không phải là đi về phía bên trái mạn tàu vận tải mà là đi về phía có gió của chiếc tàu đó mới thật là an toàn.

– Đồng chí muốn nói lên cái gì qua điều đó? Vừa châm lửa vào tẩu, Pô-li-va-nốp vừa hỏi.

– Trên màn ảnh ra-đa, chiếc tàu du lịch không hiện lên, Đê-vi-a-tốp nói tiếp. – Như vậy là, nó vẫn đi như trước, ở phía ngoài bề khơi đối với chiếc tàu vận tải, và lại còn đi sát ngay vào chiếc tàu đó khiến cho đài ra-đa không thể phát hiện được nó kia. Trên màn ảnh ra-đa chiếc tàu du lịch hòa nhập vào với mục tiêu số một.

– Nhưng đang lúc gió Đông – Bắc thổi mạnh như thế này, sóng bể lại lớn nữa, nó có cái nguy cơ là dễ xô phải tàu vận tải lắm.

– Tất nhiên, điều đó rất nguy hiểm, – Đê-vi-a-tốp tán thành. Nhưng theo tôi thì tên thuyền trưởng tàu du lịch lại lý luận như thế này: càng nguy hiểm, càng được nhiều tiền. Hơn nữa, xem ra bọn chúng cũng không phải là tay đi biển tồi đâu.

– Báo cáo đồng chí thiếu tá, trung úy Gô-li-cốp đã tới theo lệnh của đồng chí, – viên chỉ huy đơn vị chiến đấu báo cáo, vẻ hiên ngang, rắn rỏi. Anh ta trẻ, đẹp, vóc người cân đối, về điều này anh ta biết rõ lắm nên vẫn thường công nhiên tự ca ngợi mình, dường như đó là một người ngoài nhận xét chứ không phải là chính mình nữa.

– Đồng chí trung úy, tôi đã giao cho đồng chí nhiệm vụ là, nếu những mục tiêu đang đi theo hướng gió Đông mà xuất hiện thì phải tăng cường theo dõi và báo cáo với chính cá nhân tôi kia mà? Pô-li-va-nốp vừa nói với một vẻ lạnh lùng, vừa một lần nữa lại châm lửa vào chiếc tẩu đã tắt ngấm.

– Thưa thiếu tá, tôi đã báo cáo rồi: mục tiêu số một ở về bên trái, hướng đi sáu mươi. Mục tiêu số hai không thấy...

– Điều đó tôi đã rõ, Pô-li-va-nốp ngắt lời trung úy. – Nhưng nếu chiếc tàu du lịch lợi dụng nhược điểm của ra-đa mà đi theo một hướng song song sát bên cạnh chiếc tàu vận tải?

– Nếu nó đi kế sát với chiếc tàu vận tải, thì trên màn ảnh ra-đa mục tiêu nhỏ sẽ hòa lẫn với mục tiêu lớn.

– Đồng chí trung úy, hãy tăng cường quan sát hơn nữa. Hãy theo dõi khả năng hai mục tiêu tách đôi ra – Pô-li-va-nốp hạ lệnh.

– Rõ! Cho phép tôi đi?

– Đồng chí đi!

Pô-li-va-nốp gọi I-u-cô-lốp. Người kỹ sư cơ khí bước vào đài chỉ huy và báo cáo theo đúng tác phong quân sự. Toàn bộ vóc dáng và cái vẻ bề ngoài của người kỹ sư cơ khí có một cái gì đó giống như một người dân thường. I-u-cô-lốp đã phục vụ gần mười năm trời trên chiến hạm, tinh thần kỷ luật của anh có thể nêu gương cho bất kỳ một sĩ quan nào. Mặc dầu vậy, trong tính tình và cả cách cư xử của anh với các bạn đồng đội và cấp dưới vẫn cứ thấy có một cái gì

đó tạo nên cái cảm giác như vậy. Nguyên nhân của điều ấy có lẽ là sự dịu dàng khác thường trong cách đối xử, xưng hô với mọi người, và cũng có thể là nụ cười, một nụ cười nồng hậu nhưng được đôi chút mỉa mai.

– Đồng chí kỹ sư này, – Pô-li-va-nốp bắt đầu, chúng ta cần phải giữ chiếc tàu du lịch lại, nó là một chiếc tàu đã nổi tiếng chạy nhanh nhất trong vịnh Va-ran-ghe đấy.

– Thưa đồng chí hạm trưởng, chúng tôi sẽ làm tất cả những gì có thể được, – I-u-cô-lốp đáp.

– Hãy chuẩn bị sao cho có thể làm được cả cái không thể làm được nữa. Rõ chứ?

– Rõ.

Hạm trưởng dọc thấy trong cặp mắt I-u-cô-lốp có cái vẻ như muốn dò biết nó vừa mới bùng lóe lên. Song người kỹ sư đã tự kìm lại và không hỏi thêm điều gì nữa.

Gió vẫn thổi mạnh như trước, xua đuổi từng lớp sóng lớn và làm chao nghiêng con tàu từ mạn bên này sang mạn bên kia.

Trong phòng chuẩn úy, chai kem xô-da không nằm yên được một chỗ, lúc thì lăn đến thành mạn bên này, lúc lại lăn sang thành mạn bên kia, nhưng chuẩn úy I-a-xát-nưi không nhận thấy cái tiếng lăn lạo sạo rất đơn điệu và chán ngán của nó.

Chiếc tàu lại nghiêng hẳn về một phía. Chai kem xô-da lăn sang một bên mạn tàu, làm vang lên một âm thanh nghe buồn chán lạ thường. Đội trưởng I-a-xát-nưi nhẩm tính thời gian tàu nghiêng, lượng đoán sức gió và chứng nết của các đợt sóng, sau đó đồng chí vớ lấy cái chai – tàu bắt đầu chao nghiêng sang bên khác – và đút nó xuống dưới đệm giường.

Đã hai giờ trôi qua kể từ lúc con tàu vượt qua mũi Cơ-rư-tôi. Hạm trưởng và hạm phó đều có mặt trên đài chỉ huy.

– Đồng chí hạm trưởng, đồng chí đã quyết định dứt khoát là không khám xét chiếc tàu vận tải? Đê-vi-a-tốp hỏi.

– Đúng, tôi đã quyết định như vậy, Pô-li-va-nốp trả lời và, im lặng một lát, lại thêm: Tôi đã quyết định dứt khoát rồi. Tôi không muốn rơi vào tình trạng xuẩn ngốc đâu. Đồng chí hãy tự xét đoán lấy. Chiếc tàu vận tải đang triệt để tuân theo hướng đi đã được chỉ dẫn trong nghề lái tàu. Hãy trông xem, nó đi đúng theo con lạch đấy chứ. Về danh sách thủy thủ trên chiếc – « Khéc-le U-le » kia thì đồng chí có thể chẳng phải bận tâm nghi ngờ làm gì, nó hoàn toàn hợp lệ kia đấy. Sau khi chọn chiếc tàu vận tải làm một thứ bình phong, bọn chúng đã biết lo tính sao cho khỏi bị nghi ngờ rồi.

– Thế ngộ chiếc « Bê-nô-nhi » nhờ nấp ở bên mạn tàu vận tải mà lẻn được vào trong vịnh Côn-xki thì sao?

– Ngay đến Cô-dơ-ma Pô-rut-cốp cũng đã nói: « Không được ôm lấy cái gì không thể ôm nổi » kia mà. Đê-vi-a-tốp ạ, tôi và đồng chí, chúng ta hãy chịu trách nhiệm về khu vực của mình, – Pô-li-va-nốp nhếch mép cười. – Chúng ta đã được giao phó nhiều đấy, nhưng tàu chúng ta chỉ thực hiện nổi một phần của cái kế hoạch to lớn đã được vạch ra một cách tỉ mỉ.

– Thời tiết xấu lắm, – Đê-vi-a-tốp nhận xét.

– Đẹp trời thì không bao giờ bọn chúng lại cho đồ bộ diệp viên lên đâu.

Trung úy Gơ-li-cốp đi lên đài chỉ huy và báo cáo với vẻ rắn rỏi:

– Báo cáo đồng chí thiếu tá, đến quãng đường tắt Pa-khơ-ta – Na-vô-lô-ca mục tiêu tách ra làm đôi: mục tiêu số một vẫn theo hướng cũ thẳng tiến tới vịnh Côn-xki, mục tiêu số hai thì rẽ về hướng Tây.

– Xuống buồng hoa tiêu! – Chân đã bước đi hạm trưởng mới ra lệnh và từ trên đài chỉ huy đi xuống. Gơ-li-cốp đi

theo sau. Sau khi cúi nhìn xuống bản đồ, Pô-li-va-nốp truyền lên đài chỉ huy: – Hướng đi một trăm tám mươi. Đồng chí hạm phó, hãy hạ lệnh mở hết tốc lực!

Hiểu rõ ý định của hạm trưởng, Đê-vi-a-tốp liền truyền đạt lại hướng đi cho trực ban nhấc bỏ cái nắm dậy ống nói ra:

– Đồng chí kỹ sư, hãy cho chạy hết tất cả sức dự trữ của đồng chí:

I-u-cô-lốp kéo núm lò-xo của bộ máy tiết chế. Chiếc kim đồng hồ đo tốc độ chỉ vào con số vòng quay cao nhất, vừa rung lên rồi từ từ nhích sang phải.

– Vượt quá mức chuẩn bốn mươi vòng quay rồi! – Người đội trưởng đội thợ máy đứng cạnh I-u-cô-lốp khẽ nói.

I-u-cô-lốp bẻ ngoặt cái khoanh tay lái tới hết cỡ của nó. Chiếc kim đồng hồ đo tốc độ nhích sang phải càng chậm chạp hơn, sau đó nó rung rung lên và dừng lại thêm bốn mươi vòng quay nữa!

Lắng nghe tiếng máy chạy, Pô-li-va-nốp thấy được nhịp độ nhanh căng chưa từng thấy của nó. Chiếc tàu rẽ sóng tiến lên, để lại phía sau dải bọt trắng dục ngầu.

– Đồng chí kỹ sư, tăng thêm tốc độ. Thêm tốc độ nữa lên! – Pô-li-va-nốp gào vào ống nói.

I-u-cô-lốp đoán hơn là nghe thấy mệnh lệnh của người chỉ huy: giọng nói đã bị tiếng động cơ chạy rầm rầm át mất.

Chỉ còn lại một khả năng tăng tốc độ cuối cùng, một khả năng hoàn toàn không đáng kể lắm. Viên kỹ sư đi lại xem các máy bơm có áp lực cao. Mấy người thợ máy đang kéo bằng tay từng khoảng quay của cái cần dầy. Các động cơ rú lên ầm ầm kinh khủng đến nỗi tưởng chừng chỉ thêm một chút nữa thôi là màng tai rách tung ra mất. I-u-cô-lốp đi đến gần bảng máy và kiểm tra nhiệt độ của dầu rồi đưa mắt nhìn chiếc đồng hồ ghi tốc độ. Kim đồng hồ chỉ tốc độ từ

từ nhích sang phải – thêm được hai mươi vòng quay nữa. Anh hiểu rằng đó là hai mươi vòng quay tột cùng.

– Trên màn ảnh ra-đa thế nào? – Hạm trưởng hỏi.

– Chúng ta đang tiến đến gần. Mục tiêu ở về bên trái hướng đi sáu mươi. Khoảng cách bốn mươi nhăm liên! – Cô-li-cốp báo cáo.

– Đồng chí hoa tiêu, nơi gặp nhau ở đâu? – Pô-li-va-nốp hỏi.

– Với tốc độ như thế này, nơi gặp nhau ở về phía Tây-Nam dải cát Ô-cu-nê-va mười liên, trên quãng đường tắt qua mũi đất Xu-pơ-rơ-chíp-nưi! – I-đi-u-mốp báo cáo.

– Đồng chí kỹ sư, tăng thêm tốc độ! – Pô-li-va-nốp hét xuống buồng máy, và qua tiếng động cơ đi-ê-den nổ ầm ầm hạm trưởng thoáng nghe thấy:

– Đã tới mức cao nhất rồi!

Ngửi thấy mùi khói ngột ngạt, I-u-cô-lốp liền rời bỏ ống nói, lao ngay đến chỗ bộ máy phân phối nhiên liệu.

Thân tàu rung lên; nó đang phải chịu đựng một sức chấn động mạnh.

– Ở bên trái, theo phía lái tàu, hướng đi sáu mươi, xuất hiện mục tiêu số ba! Khoảng cách một trăm hai mươi liên! – Gô-li-cốp báo cáo.

Hạm trưởng và hạm phó liếc nhìn nhau. Mục tiêu số ba từ đâu tới?

– Tàu «Rư-bắc» đang đi đến Muốc-măng thì phải, – Đê-vi-a-tốp phỏng đoán.

– Có thể lắm, – Pô-li-va-nốp đồng ý và ra lệnh: – Cho biết về sự chuyển động của mục tiêu số ba! Mục tiêu số hai đâu?

– Mục tiêu số hai đang đi trên quãng đường tắt qua đảo Cơ-rát-xnưi, – trung úy Gô-li-cốp báo cáo.

Lại mấy phút nữa trôi qua, và tín hiệu viên trực ban báo cáo:

– Tôi trông thấy mục tiêu ở bên trái hướng đi bốn mươi, khoảng cách ba mươi liên.

Hạm trưởng đưa ống nhòm lên mắt. Chiếc « Bê-nô-nhi » đang lao đi vun vút, mạn tàu hướng vào ngọn sóng. ở hai bên đầu mũi khung tàu tung tóe lên hai lớp sóng lớn sủi ngầu bọt, chúng chạy tới đằng đuôi tàu thì biến thành những lớp sóng cộn, phản dội lại. Pô-li-va-nốp và Dê-vi-a-tốp nhận ra chiếc « Bê-nô-nhi », căn cứ vào những đặc điểm đã nêu rõ trong bức điện của ban tham mưu.

– Báo bằng tín hiệu: « Hãy kéo cờ của anh lên! » – Pô-li-va-nốp hạ lệnh.

Hai lá cờ tín hiệu đã tung bay trên dây kéo. Mấy phút căng thẳng trôi qua. Bỗng chiếc « Bê-nô-nhi » rẽ ngoặt về phía Bắc rồi lao đi, giơ cái đuôi về phía chiếc tàu tuần tiễu.

– Lái sang trái, – Pô-li-va-nốp hạ lệnh.

– Rõ, lái sang trái!

Chiếc tuần hạm nghiêng hẳn về một bên, bắt đầu quành rẽ sang một hướng đi mới.

– Bánh lái đã quay sang trái, con tàu đang băng nhanh về phía trái! – Người điều khiển bánh lái báo cáo.

– Giữ đúng hướng!

– Rõ, giữ đúng hướng... Trên một phần tư (1/4) [1] la-bàn là bốn mươi nhăm độ! – Người điều khiển bánh lái thốt kêu lên mắt vẫn không rời hộp la-bàn.

– Cứ giữ đúng như vậy! – Hạm trưởng hạ lệnh, đồng chí nhắc bỏ cái nắp đậy ống nói và, ngửi thấy một mùi khét lẹt, liền gào lên – Đồng chí kỹ sư, có gì xảy ra ở nơi đồng chí thế?

Qua tiếng động cơ nổ ầm ầm, hạm trưởng nghe được loáng thoáng những lời nói từ phía dưới vọng lên:

---

(1) Tức là một phần tư của vòng tròn = 90°.

– Thưa đồng chí hạm trưởng, không có gì ghê gớm lắm đâu, đó là do dầu của động cơ đi-ê-den đã rớt xuống cái vòng nối dây chuyền động đấy ạ.

– Đồng chí có thể duy trì tốc độ như thế này được bao lâu nữa?

– Không quá mười phút. Nhiệt độ dầu đốt đã tăng vọt lên!

Trong những phút mà chiếc tàu tuần phòng ngoặt rẽ rồi chuyển sang hướng đi mới, chiếc « Bê-nô-nhi » đã bứt lao lên phía trước.

– Giữa khi ấy, màn sương mù xám xịt ở phía trên đầu họ dường như tách đôi ra và, mặc dầu một đợt sóng lớn mới, rất đáng sợ hiện lên ngay gần đấy, vùng mặt trời đã rọi sáng bừng lên, rực rỡ những ánh hào quang của một mùa xuân.

– Kéo cờ « Yên lặng » theo đúng như luật tín hiệu quốc tế và bắn hai phát pháo hiệu xanh! – Pô-li-va-nốp hạ lệnh.

Hình như cùng trong một khoảnh khắc, lá cờ hiệu « tắt máy » đã được kéo lên dây và hai quả pháo xanh lè đã vọt bay lên trên mặt biển, để lại đằng sau một dải khói trắng.

– « Bê-nô-nhi » đã tăng thêm tốc độ.

– Báo cáo thiếu tá! – Trung úy Gô-li-cốp ngắt lời viên sĩ quan chỉ huy pháo trên tàu. – Mục tiêu số ba đi theo hướng đi của mục tiêu số hai, chúng đã hòa lẫn vào với nhau. Khoảng cách hai mươi liên.

– Lắp đạn! Chuẩn bị bắn! – Pô-li-va-nốp gào lên rồi, cầm ống nhòm nhìn mục tiêu số ba, hỏi: – Có nhận ra không, đồng chí hạm phó?!!

Đê-vi-a-tốp nhìn qua ống ngắm của máy xác định phương vị và kêu lên đài chỉ huy:

– Tàu « Vai-gát », người quen cũ của chúng ta!

13

NGƯỜI QUEN CŨ

Ở miền Bắc, tất cả những người đánh cá từ mũi Noóc-cáp tới mũi Xvi-a-tôi đều quen biết thuyền trưởng tàu « Vai-gát ». Các cụ già thường nhắc đến ông ta không khỏi có ý ghen tị: « Véc-gun đã gặp vận may mà! (1) ». Lớp thanh niên ngày nay thì lại không tin vào thời vận; họ nói: « May, rủi là hai chị em ruột! », còn như chiếc « Vai-gát » mà không chịu trở về khi không có cá thì, như vậy, chính Mi-khai-in Gơ-ri-gô-ri-ê-vích là một kiện tướng đánh cá đấy! ».

Và đúng thế thật: kiện tướng! Trong chuyến đi vừa rồi, chiếc « Vai-gát » đánh cá mòi ở một vùng nước nông biển Muốc-măng, lần ấy nó đi đến dải cát Xê-ve-rơ-nai-a. Anh em trên tàu chỉ đánh có ba ngày đêm mà được rất nhiều, không còn chỗ chứa nữa. Tàu liền quay trở về và vào cảng. Thời tiết mát lạnh, từng chùm tuyết rơi xuống mỗi lúc một dày buốt hơn, nhưng các thủy thủ trên tàu vẫn cứ hát vang: họ đã đánh được một mẻ cá lớn! Những con cá mòi rất to, dài hơn hai mươi nhăm phân!

Các thủy thủ giăng lưới ra để phơi cho khô. Tấm lưới cuối cùng phải dùng máy tời để căng, cho nó vắt qua một

(1) Nguyên văn: « Đã uống bia trong cùng một cốc với thần tài ».

cái đòn lăn, thế mà cũng chả giữ hết được những chú cá mòi con mắc vào lưới.

Pơ-rô-khơ Sên-cu-nốp đi lại trên sân boong, vẻ thỏa mãn, cái bụng nhọn nhô ra đằng trước. Gặp ai ông ta cũng xoa xoa hai bàn tay vào nhau, khoe:

— Đấy, hun lưới bằng cây đỗ tùng có tác dụng như vậy đấy! Chính do tay tôi mà! Pơ-rô-khơ Sên-cu-nốp này đã làm thì phải biết nhé!

Chim-ca từ dưới buồng máy leo lên, liếc nhìn thuyền phó và mỉm cười ra vẻ chế nhạo, chả là Sên-cu-nốp đã cấm anh ta không được huýt sáo, ông ta thường nói đó là một cái tật xấu!

Trong buồng lái yên lặng. Véc-gun tay cầm chiếc com-pa đi đến bàn hoa tiêu. Trước mặt ông là tấm bản đồ khu vực đã mở sẵn, vẽ những vùng bề và miền duyên hải.

Màn tuyết đã tan. Ánh nắng lóe lên.

Véc-gun đưa ống nhòm lên mắt. Nhìn khắp chân trời, ông trông thấy một chiếc tàu. Người thuyền trưởng đã xác định ngay lập tức rằng đó là «người chiến sĩ biên phòng», vì hầu hết những tàu tuần tiễu đều giống nhau về hình dáng cả.

«Có phải đó chính là chiếc tàu đã cứu thoát nạn mình khỏi những mỏm đá ở Xvi-a-tôi Rốc không? Giá mà gặp được nhau! Tiếc là đang dông bão, nếu không mình sẽ tiến lại gần hơn nữa. Có lẽ, các chiến sĩ biên phòng cũng sẽ sẵn lòng hạ cố mà tiếp người bạn mới này đấy nhỉ». — Véc-gun nghĩ bụng.

Bỏ tấm kính chắn gió trong buồng lái xuống (nó lốm đốm đầy những bông tuyết đang tan), Véc-gun chăm chú dõi theo chiếc chiến hạm và chợt trông thấy một chiếc tàu du lịch đang phóng như bay.

Véc-gun vốn là một nhà hàng hải cự phách: ông có thể đánh giá con tàu xinh đẹp có sức chạy tốt đó thật đúng với giá trị của nó. Chiếc tàu du lịch đang nhằm thẳng vào chiếc

« Vai-gát » lao tới. Mũi nó ngẩng cao lên trông chẳng khác nào một con hải âu lướt bay trên đầu ngọn sóng.

– Tuyệ... ệt! Véc-gun không kìm được, thốt lên.

Hướng ống nhòm sang phía chiếc tuần hạm Véc-gun nhìn thấy những lá cờ tín hiệu trên cột buồm tàu. Ông đọc và lấy làm lạ.

« Hạ lệnh cho ai dừng lại thế kia? Nếu là cho chiếc tàu du lịch? Nhìn cột buồm và mũi tàu thì không phải là tàu của ta ».

Trong khoảnh khắc đó, ông nhận thấy trên chiếc tuần hạm đang vang lên lệnh báo động chiến đấu. Anh em lính thủy đã cởi áo súng...

Đã có thể nhìn thấy rõ chiếc tuần hạm và chiếc tàu du lịch bằng mắt thường.

Toàn thể các thủy thủ tàu đánh cá đều đứng tụ tập cả đằng mũi tàu. Một thủy thủ trẻ tuổi leo lên đài chỉ huy và nói với thuyền trưởng ngang qua cửa sổ buồng chỉ huy, giọng bồn chồn lo lắng:

– Mi-kha-in Gơ-ri-gô-ri-ê-vích, thế nghĩa là thế nào? Sao ạ? Nhưng cái quân khốn kiếp nó đang chuồn...

Không hiểu sao quyết tâm đã lập tức chín muồi ngay, dường như là không thể nào làm khác đi được. Mở cái bật điện, Véc-gun hạ lệnh qua ống phát thanh:

– Chuẩn bị quăng lưới! – Và, nhấc bỏ cái nắp đậy ống nói ra, ông gào xuống buồng máy: – Chạy hết tốc lực!

Trên chiếc tàu « Vai-gát » chưa bao giờ người ta thi hành mệnh lệnh một cách mau chóng như vậy. Mọi người đổ xô đến mạn tàu bên trái rồi vừa nối buộc tấm lưới này vào tấm lưới nọ, vừa bắt đầu giăng kéo dài ra cả bộ lưới dùng để đánh nổi.

Sên-cu-nốp không thể hiểu ngay được đã có chuyện gì xảy ra ở trên tàu, nhưng khi đã hiểu ra và định cưỡng kháng lại mệnh lệnh thì các thủy thủ liền nhẹ nhàng nhưng rất kiên quyết ấy gạt ông ta về một phía. Giấm phải một con

cá mòi nhỏ, Sên-cu-nốp trượt chân và ngã xuống, nhưng ông ta đã đứng phắt ngay dậy và chạy bổ vào buồng lái. Tay nắm chặt lấy vạt áo Véc-gun, Sên-cu-nốp gào thướng lên:

– Anh đang làm cái gì thế? Đồ kẻ cướp! Người ta sẽ cho anh vào nhà tù vì việc đó mất thôi! Vào nhà tù...!

– Im đi, đồ bần tiện! – Véc-gun thốt ra, và vẫn điềm tĩnh, – xéo đi nào!

– Toàn cảng này chỉ có một cái lưới sợi ca-pơ-rông thôi đấy! Giá những hai vạn đồng pút kia! Người ta sẽ cho anh, kẻ đầu têu phá hoại ngồi tù rũ xương ra! Hãy cho ngừng lại đi, còn chưa muộn đâu!

– Anh là một kẻ đê tiện, ích kỷ! – Véc-gun văng ra trong một lúc giận dữ. – Thật là ích kỷ đến ghê tởm!

Giữa khi đó, chiếc tàu đánh cá nghiêng rạp hẳn về một bên. Sên-cu-nốp bị mất thăng bằng, vấp chân vào nắp hầm tàu ngã ngửa ra sau, đầu va phải thành tàu.

Chiếc tàu du lịch còn cách chiếc tàu đánh cá khoảng mười liên nữa thì, khi đó, một cơn lốc tuyết mới, mạnh khác thường rơi ập xuống. Mặt biển bị phủ kín dưới màn tuyết trắng dày đặc. Chiếc tàu du lịch đã biến mất hút. Nhưng vì đang chuẩn bị đề chặn đón nên Véc-gun đã dựa vào khả năng phán đoán của người đi biển lành nghề nó gần như là bản năng đề dò ra hướng chuyển động của chiếc tàu du lịch và điểm giao chéo với nó.

– Lái sang phải! – Véc-gun hạ lệnh cho người lái và hét lên qua máy phóng thanh: – Quăng lưới xuống!

Chiếc «Vai-gát» thậm chí ngả rạp hẳn một bên mạn đè xuống lớp sóng, vì bánh lái đã bị bẻ ngoặt một cách đột ngột. Chiếc tàu đánh cá vừa quăng lưới xuống, vừa vội vã rời khỏi hướng đi của chiếc tàu du lịch, đề lại phía sau mình cả một bộ lưới đánh nổi bằng sợi ca-pơ-rông rất dai chắc.

Tên thuyền trưởng tàu « Bê-nô-nhi », khi chiếc tàu của hắn mất hắn tốc độ, toàn thân tàu rung chuyển rầm rầm, – đang đứng trong buồng lái.

Tấm lưới sợi ca-pơ-rông của tàu « Vai-gát » đã quấn chặt vào các chân vịt của chiếc tàu du lịch. Đành sẽ phải thả một người thợ lặn xuống phía sau lái và dùng kéo cắt dứt những mảng lưới ra. Hăng-ri Lao-xơn – thuyền trưởng tàu « Bê-nô-nhi » là một kẻ dày dạn từng trải, hắn hiểu ngay rằng ván cờ đã thất bại.

Sau khi thu lượm lên tàu những đoạn lưới còn lại chiếc « Vai-gát » di ngang qua chiếc tuần hạ « Vi-u-ga » cách xa độ vài liên và kéo lên một hồi còi chào. Toàn thể những người đánh cá trên tàu « Vai-gát » đứng tụ tập cả ở một bên mạn. Họ hò hét, vẫy tay, vẫy mũ.

Chiếc tàu tuần phòng chuyển sang chiếc tàu đánh cá bức diện :

« Cảm ơn sự giúp đỡ của các bạn ! » – và, tăng thêm tốc độ, tiến đến gần chiếc tàu du lịch lúc ấy đã kéo lá cờ Na-uy lên đỉnh cột buồm.

Chim-ca phải vất vả lắm mới lôi được Sên-cu-nốp vào tận trong cùng buồng lái và đặt ông ta ngồi dựa lưng vào chiếc bàn con của người hoa tiêu. Người thuyền phó đưa cặp mắt đỏ ngầu nhìn quanh mình một hồi lâu :

– Bộ lưới... đã hỏng mất hết cả rồi ư ? – Ông ta thều thào hỏi, giọng khàn đặc.

– Hãy còn lại được một nửa ! – Anh thợ máy cố làm cho nỗi lòng thuyền phó được dịu bớt.

Sên-cu-nốp vòng hai tay ôm lấy đầu, bắt đầu rên rỉ, người lắc lư đưa đi đưa lại. Sau đó ông ta chống hai tay nhỏm dậy, suýt nữa cuốn theo khỏi bàn cả tấm bản đồ hoa tiêu, rồi đứng hẳn người lên một cách khó nhọc. Sên-cu-nốp đến gặp Véc-gun nói với giọng đe dọa.

– Véc-gun, rồi anh sẽ phải chịu trách nhiệm trước Nhà nước đấy !

Nỗi bực tức của người thuyền trưởng đối với Sên-cu-nốp đã qua đi rồi con người keo kiệt ích kỷ thì có bao giờ chịu nhả ra cái gì?! Vả lại, – Véc-gun vẫn không hòng mong ông ta sẽ trở thành một con người khác được kia mà.

– Cậu biết không, Pô-rô-khơ Xtê-pa-nô-vích, đầu đuôi câu chuyện là như thế này, – Véc-gun nói, vẻ dịu dàng. – Trước đây mình có một người bạn, tên là Đa-va-li-sin. Một bận hai đứa chúng mình cùng đi săn. Mình đi theo vết chân một con gấu nên cứ phải ẩn nấp từ sau cây này sang cây khác, để khỏi làm kinh động con vật. Nhưng Đa-va-li-sin thì lại cứ lững thững bước ngay giữa hai hàng cây. Mình hỏi anh ta: « Sao lại cứ dẫn rượu như vậy hả ông bạn? ». Anh ta nói: « Mình làm nghề lái xe tải đã hơn hai mươi năm nay, đã quá quen với xe pháo rồi, nên mặc dù là đang đi bộ, mình vẫn cứ nơm nớp sợ thùng xe va phải người... ».

– Tôi không hiểu nổi chút nào cái câu chuyện kiểu ngụ ngôn của anh cả! – Sên-cu-nốp hung hăng nói.

– Có gì mà không hiểu! – Véc-gun lấy làm lạ, nhưng cứ giải thích thêm: – Khi nào cậu cảm thấy Nhà nước là của cậu như Đa-va-li-sin có ý thức về cái xe ô-tô vận tải, thì cậu sẽ hiểu câu chuyện ngụ ngôn của mình. Cậu đem Nhà nước ra dọa mình nhưng lại không nhận thức được rằng Nhà nước, ấy chính là mình, là Chim-ca kia kìa, là cậu ta, Véc-gun chỉ tay về phía người điều khiển bánh lái tàu. Tất cả chúng ta đều là Nhà nước. Còn chiếc tàu tuần phòng chính là người canh gác bảo vệ Nhà nước của chúng ta!

HU-GÔ XVEN-XƠN CƯỜI

Trong số những thủy thủ trên tàu « Bê-nô-nhi » không có một người nào mới cả. Những con người này đã quen

với lối đánh bạc, trong đó cuộc đời thường vẫn như là một món tiền đặt vào canh đỏ đen. Thậm chí có bị thua họ vẫn giữ cái vẻ bề ngoài rất phớt tỉnh. Cái phẩm cách của một tay chơi, theo họ, chính là ở chỗ đó.

Chiếc tàu du lịch nhỏ nhẵn không người điều khiển lại dảo nghiêng về một phía tới tận lớp thành chắn sóng. Từng dám tuyết vút rơi xuống bết dứ trên boong tàu, điên cuồng, dữ dội tựa như những quả trái phá nổ làm tung tóe ra những mảnh dạn.

Thuyền trưởng tàu « Bê-nô-nhi », Hăng-ri Lau-sơn, – « ông sếp » như các thủy thủ trên tàu thường gọi, – đi xuống buồng máy. Ở đây, hắn cởi bỏ chiếc áo da lót lượt lông mịn và chiếc áo ngắn bằng da hoàng dương có khóa kéo, rồi, vén tay áo sơ-mi lên, cùng với viên trưởng máy thử xoay bằng tay từng cái trục một. Hai trục cạnh thì không thể nào nhúc nhích được, còn cái trục giữa phải chật vật lắm mới xoay vào được.

– Bằng một động cơ, chúng ta cũng có thể cho chạy với tốc độ mười hải lý giờ, – tên thợ máy báo cáo. – Nhưng cần phải cắt hết những dây rợ mắc vào chân vịt.

– Có lẽ, Tơ-ram-me, – người ta thường gọi người thợ máy như vậy, – anh sẽ làm việc đó chứ? Lau-sơn yêu cầu.

– Không, thưa sếp, nguy hiểm lắm ạ. Có thể bị cảm... – Tơ-ram-me vốn có tính hay hài hước.

– Anh quá nâng cao giá cho mình đấy. Hãy mặc bộ quần áo lặn có bộ phận sưởi điện vào, – Lau-sơn vừa mặc áo khoác vừa nói.

– Làm công việc đó thì ngài thuyền trưởng sẽ cho bao nhiêu ạ? Tơ-ram-me hỏi:

– Năm mươi li-vơ[1].

– Ô, thưa ngài, ngài hãy cử Hu-gô làm vậy, hắn là một thằng bé khỏe như vâm ấy.

---

(1) Li-vơ Xtéc-linh = tiền Anh.

– Trong vở kịch này, Tơ-ram-mê ạ, người nào thủ vai của người ấy chứ. Lấy một trăm li-vơ bây giờ hay là để mười phút nữa thì không được một xu nào! – Lau-sơn chấm dứt, giọng xẵng gắt và đi về phía cầu thang.

Giữa lúc đó, con tàu nghiêng hẳn về phía bên kia, Lau-sơn không kịp nắm lấy hàng tay vịn, nên bị hất bắn ra đằng sau, tới tận chỗ Tơ-ram-me đang đứng.

Đỡ Lau-sơn dậy, người thợ máy nói:

– Thôi được, ngài ạ, ngài có thể trả tôi bằng séc gửi ở ngân hàng Vác-dơ. Ngài cho tôi hai đứa khỏe đến giúp dỡ một tay.

Khi chiếc xuồng của tàu biên phòng từ mạn bên phải chiếc «Bê-nô-nhi» hiện ra thì người thợ lặn đang còn ở

dưới nước. Người ta vội kéo Tơ-ram-me lên boong. Tơ-ram-me lần theo thang đi xuống dưới, và chỉ ở trong buồng này hắn mới tháo bỏ được cái mũ lặn ra.

Lau-sơn hỏi bằng đường dây điện thoại riêng:

– Tơ-ram-me, anh đã kiếm được một trăm li-vơ của tôi một cách lương thiện đấy chứ?

– Tôi đã kiếm ăn một cách lương thiện đáng ra là những hai trăm li-vơ kia. Tôi đã gỡ sạch dây bám ở chân vịt phải và chân vịt giữa. Thưa ngài, xin bảo đảm tốc độ hai mươi hải lý giờ.

– Này, Tơ-ram-me, bọn tuần tiễu biên phòng đang buộc xuồng của chúng vào tàu chúng ta đấy. Mong rằng anh sẽ có một vẻ mặt khá sầu não nhé!

– Rõ, thưa sếp!

Lau-sơn không còn nghe thấy tiếng trả lời, hắn đưa tay vịn vào hàng lan can, vừa đi ra sân cao đằng lái tàu để đón chiếc xuồng đã đến.

An-đơ-rây ngoắc đầu dây cáp vào cái móc ở thân tàu. Đại úy Cơ-lê-ba-nốp, chuẩn úy I-a-xát-nưi và điện đài viên A-va-cu-mốp bước lên boong. Thượng sĩ Kha-ba-nốp ở lại dưới xuồng.

Mở trang đầu cuốn sách hướng dẫn hội thoại ra, Cơ-lê-ba-nốp hỏi:

– Er de di son er Kapitain?(1)

Nụ cười lịch sự biến mất ngay khỏi bộ mặt Lau-sơn, hắn không hiểu câu hỏi.

– Lei er reprecentant for Soviet Union grese vaxt(2) Cơ-lê-ba-nốp nói tiếp, giọng nghiêm trang.

Lại im lặng, trong lúc đó Lau-sơn vừa mỉm cười với vẻ lịch sự vừa khoát tay tỏ vẻ không hiểu.

---

(1) Ông là thuyền trưởng?

(2) Tôi là đại diện bộ đội biên phòng của Liên bang xô-viết.

– Vi-ldi comme met skip documetaire (1)

Cơ-lê-ba-nốp yêu cầu.

Ngài thiếu tá, ngài nói bằng thứ tiếng nước nào thế ? Lau-sơn hỏi bằng tiếng Nga.

– Chính ông đang đi trên con tàu treo cờ Na-uy kia mà ? Cơ-lê-ba-nốp nén giận nói :

– À, chiếc « Bê-nô-nhi » này thuộc số những tàu ở cảng Na-uy. Còn tôi thì lại là người Anh, tên tôi là Hăng-ri Lau-sơn. Rất hân hạnh được làm quen với ngài.

Lần đầu tiên, tôi được gặp những đồng bào của ngài bên sông En-bơ vào năm bốn mươi nhăm. Tôi đã làm việc với người Nga mấy năm trong bộ chỉ huy ở Béc-lin.

Trong khi đại úy nói chuyện với Lau-sơn, chuẩn úy I-a-xát-nưi đưa mắt quan sát khắp sân cao đằng lái tàu, đã nhìn thấy một đôi giày cao-su thợ lặn có lắp quả chì nặng, hãy còn ướt sũng nước. Anh cũng chú ý tới chiếc xuồng con đã được tháo khỏi bao túi vải bạt. Dưới hàng ghế ngồi của người chèo xuồng ở phía trái, thấy có hai chiếc ba-lô đầy căng và hai cái xẻng công binh. Chiếc xuồng con đã được kéo lên, lửng lơ dưới cái mỏ neo trục hàng và sắp sửa được thả xuống nước.

Chuẩn úy I-a-xát-nưi gọi đại úy Cơ-lê-ba-nốp ra một nơi và báo cáo về tất cả những gì đồng chí đã nhìn thấy ở trên sân cao đằng lái tàu.

Sau khi nghe I-a-xát-nưi báo cáo, đại úy Cơ-lê-ba-nốp quay trở lại gặp Lau-sơn, đang đứng chờ đồng chí.

– Phải khóa buồng điện đài lại trong suốt thời gian chiếc « Bê-nô-nhi » ở trong hải phận chúng tôi, – Cơ-lê-ba-nốp nói, có Lau-sơn cùng A-va-cu-mốp đi theo, tiến đến chỗ các thiết bị nổi.

An-đơ-rây bước theo sau họ.

---

(1) Ông cho xem giấy tờ của tàu.

Toán thủy thủ sáu người của chiếc «Bê-nô-nhi» đã tập trung cả ở trên sân cao đằng lái tàu. Kéo cổ áo da lót lông lên, họ đứng hút thuốc và hững hờ theo dõi những sự việc đang diễn ra.

Tuyết rơi nhiều hơn. Màn tuyết trắng phủ kín mít cả chiếc tàu tuần phòng.

Sau khi xem xét buồng điện đài, đại úy Cơ-lê-ba-nốp ha lệnh cho An-đơ-rây ở lại để theo dõi.

Rời buồng điện đài, đội khám tàu chuyền sang buồng máy.

An-đơ-rây còn lại một mình. Hai chân đứng choãng rộng ra để giữ vững thăng bằng, anh chú ý theo dõi hành động của đám thủy thủ trên tàu. Nói rằng chiếc «Bê-nô-nhi» chòng chành thì không đúng lắm. Chiếc tàu nhẹ này đang bị lắc, giống như một con thoi trên máy dệt, nhưng An-đơ-rây không cảm thấy điều đó.

Một thủy thủ rời khỏi đám người đứng trên đó và đi về phía buồng lái. Anh ta dừng lại cách An-đơ-rây mấy bước.

Với tinh thần cảnh giác nhưng tò mò, An-đơ-rây ngắm nhìn con người ở thế giới bên kia, và nhìn nét mặt lộ vẻ can đảm của anh ta.

Người thủy thủ mỉm cười, cúi đầu chào và nói:

– Tôi là Hu-gô Xven-xơn.

An-đơ-rây lặng thinh: anh đang làm nhiệm vụ.

Hu-gô Xven-xơn rút chiếc tẩu thuốc có nắp đậy kiểu Na-uy ra, nhồi thuốc và khéo léo châm lửa ngay trước ngọn gió.

Sau khi xem xét kỹ ba bộ động cơ ở trong buồng máy, I-a-xát-nưi mới báo cho Cơ-lê-ba-nốp tới chỗ tên thợ máy Tơ-ram-me. Hắn ngồi trên chiếc hòm gỗ đựng giẻ trong khi bên cạnh đó, có một chiếc ghế ngồi rất thuận tiện lại bỏ không.

– Đứng dậy! – Cơ-lê-ba-nốp hạ lệnh.

Lau-sơn dịch lại mệnh lệnh của đại úy Cơ-lê-ba-nốp cho Tơ-ram-me. Tên thợ máy miễn cưỡng đứng dậy và tránh sang một bên.

Mở nắp hòm ra, Cơ-lê-ba-nốp trông thấy một chiếc mũ và một chiếc áo lặn hãy còn ướt.

— Ra thế...ế... Hay lắm, I-a-xát-nưi nói giản giọng, — chả lẽ chúng đã kịp?... và, để kiểm tra điều dự đoán mình, đồng chí xoay xoay cái trục chân vịt giữa.

— Chính ông đã nói là, nó không thể chuyển động được kia mà? Cơ-lê-ba-nốp hỏi Lau-sơn và, với một giọng kiên quyết, đòi: Ông hãy cho xem các giấy tờ và danh sách thủy thủ trên tàu.

— Xin mời ông lên ca-bin, Lau-sơn chỉ về phía thang.

— Buồng máy cũng phải khóa lại. Bảo người thợ máy đi lên boong, — Cơ-lê-ba-nốp hạ lệnh.

Lau-sơn dịch lại mệnh lệnh, và Tơ-ram-me khoác chiếc áo vét-tông lên vai rồi đi đến cầu thang.

Đóng kỹ cửa buồng máy xong, chuẩn úy I-a-xát-nưi lên boong sau cùng.

Ca-bin của Lau-sơn không rộng lắm. Lớp gỗ nhẵn bóng bọc chung quanh chân vách cùng bộ bàn ghế bằng gỗ đỏ, đèn trần bóng mờ, những bức rèm bằng lụa che trên các ô cửa sổ con, tất cả như nói lên rằng người ta đã không keo kiệt lắm đối với việc trang hoàng căn ca-bin này.

Sau khi mở cánh cửa nơi để bàn viết, Lau-sơn lôi cái ô kéo bằng sắt, lấy ra tập danh sách thủy thủ rồi đưa cho Cơ-lê-ba-nốp. Danh sách nhóm thủy thủ của chiếc tàu nhỏ này, về mặt thể thức mà nói, đã được ban quản trị cảng Nu-rơ-vô-ghên chứng thực.

Lẽ dĩ nhiên, tên gián điệp được chuẩn bị để tung vào đất liền, nếu như đang còn ở trên chiếc « Bê-nô-nhi » thì nó đã ẩn náu dưới một cái tên bịa đặt nào rồi, song, dẫu sao vẫn cứ phải dựa vào bản danh sách này để tìm hiểu cho rõ tất cả tám cái họ và tên này.

Cơ-lê-ba-nốp có một trí nhớ nghề nghiệp đã được rèn luyện rất tốt. Sau khi đọc qua vài lượt bản danh sách, đồng chí gấp cặp, thầm kiểm tra lại trí nhớ của mình và nói :

– Ông hãy hạ lệnh cho tất cả mọi người tập trung trên sân cao đằng lái tàu và bảo họ hãy sẵn sàng cho xem sổ hàng hải.

Việc đội khám tàu lưu lại lâu trong ca-bin của Lau-sơn làm cho An-đơ-rây lo lắng.

Lại mấy phút nữa trôi qua. Cơn lốc, sau khi điên cuồng trút nốt những nắm tuyết cuối cùng, đã dịu đi. Bầu trời xanh thẳm, cái màu sắc của mùa xuân ló ra.

An-đơ-rây đưa mắt nhìn ra biển và trông thấy chiếc « Vi-u-ga » ở cách đấy khoảng năm sáu liên. Với một tốc độ chậm nhất, vừa duy trì cự ly một cách nghiêm chỉnh, con tàu hiện ra từ đằng phía có gió thổi lại. Nó đang ở đây, bên cạnh bọn họ.

Tín hiệu viên đi lên sàn đèn chiếu của chiếc « Vi-u-ga » và đánh tín hiệu gọi đội khám tàu.

An-đơ-rây hét lên bảo với những thủy thủ đứng ở trên sân cao đằng lái tàu :

– Gọi đại úy ra ! – Nhưng không một ai trong đám thủy thủ chịu nhích rời khỏi chỗ.

« Hoặc là họ không hiểu tiếng Nga, hoặc là tiếng nói của mình bị gió bạt đi », An-đơ-rây nghĩ bụng và liền bắn hai phát tiểu liên lên trời.

Đại úy Cơ-lê-ba-nốp, I-a-xát-nưi và Lau-sơn chạy lao ra nơi súng nổ.

Báo cáo đồng chí chỉ huy, bên tàu đang đánh tín hiệu gọi ta ! An-đơ-rây báo cáo.

Lau-sơn nấp sau cửa ca-bin, còn chuẩn úy I-a-xát-nưi thì leo lên đài chỉ huy đánh tín hiệu trả lời.

Tín hiệu viên trên chiếc « Vi-u-ga » hai tay phát nhanh những lá cờ hiệu truyền đi lời chất vấn của hạm trưởng.

Anh ta đánh vội vã vì đằng phía Đông Bắc có một vệt đen mới của cơn lốc đang lan tới rất nhanh.

Vừa dõi theo tín hiệu viên qua ống nhòm, I-a-xát-nưi vừa đọc tín hiệu.

Hồi ở đơn vị huấn luyện, An-đơ-rây đã nghiên cứu bảng chữ cái tín hiệu, nhưng trong trường hợp đánh với tốc độ nhanh như thế này anh không thể đọc kịp được.

Quan sát boong thượng, An-đơ-rây thấy Lau-sơn khi ấy nấp sau cánh cửa căn ca-bin của mình đang nhìn qua ống nhòm dõi theo tín hiệu.

– Đồng chí chuẩn úy – anh khẽ báo cáo – thuyền trưởng tàu « Bê-nô-nhi » đang theo dõi tín hiệu của ta đấy. Hắn đọc tín hiệu có lẽ cũng không kém đồng chí đâu.

– Tín hiệu đang truyền tới này chính là để cho hắn đấy. – I-a-xát-nưi nhếch mép cười rồi, đáp lại câu hỏi của tuần hạm, đồng chí đánh tín hiệu trả lời:

« Việc chiếc « Bê-nô-nhi » không phục tùng mệnh lệnh bắt dừng tàu lại, đã không được bào chữa bằng một lý lẽ nào. Các giấy tờ chứng chỉ của tàu đều hợp lệ. Chúng tôi đang tiếp tục khám xét ».

Tại đây, trên tàu « Bê-nô-nhi » ánh nắng vẫn còn làm lóa mắt, nhưng chiếc tàu tuần « Vi-u-ga » đã bị bao phủ trong màn tuyết trắng. Chuẩn úy vừa kịp truyền xong những tín hiệu cuối cùng, thì cơn gió đầu tiên với bụi gió và tuyết dã gào rít và tràn lên khắp sân boong tàu.

I-a-xát-nưi đưa mắt nhìn như khích lệ An-đơ-rây rồi từ trên đài chỉ huy chạy nhanh xuống.

Trong khi đại úy dựa theo bản danh sách kiểm tra từng thủy thủ một, chuẩn úy I-a-xát-nưi và A-va-cu-mốp, có Lau-sơn theo sau, khám xét kỹ toàn bộ tàu « Bê-nô-nhi » nhưng không phát hiện thấy điều gì khả nghi cả.

Đại úy Cơ-lê-ba-nốp kết luận việc khám tàu.

– Các ông không đánh cá bất hợp pháp, chúng tôi không phát hiện thấy hàng lậu trên tàu các ông. Việc khám buồng

máy chứng tỏ rằng, các ông có thể đi với tốc độ của tàu mình. Tôi chỉ khẩn thiết đòi tàu « Bê-nô-nhi » phải lập tức rời khỏi hải phận Liên-xô. Nếu ông cần đến biên bản khám tàu...

– Xin cảm ơn ông! Đó chỉ là hình thức thôi. Tôi là chủ chiếc « Bê-nô-nhi » nên không cần phải báo cáo với ai cả. Lau-sơn nói trong khi đưa tiễn đội khám tàu đến bậc thang. Tôi xin cam đoan với ông rằng, hễ người thợ máy của tôi làm cho động cơ nổ chạy được là chiếc « Bê-nô-nhi » sẽ rời ngay khỏi hải phận Liên-xô. Ông đại úy, ông có thể vui lòng cầm hộ ngài chỉ huy tuần hạm của các ông món quà nhỏ của tôi – chai cô-nhắc xứ E-cốt được không?

– Ông là người lịch sự lắm, nhưng hạm trưởng của tôi không uống gì cả, nhất là loại rượu cô-nhắc, Cơ-lê-ba-nốp trả lời với một giọng điệu vô cùng lịch sự như vậy, khi đang đi trên thang để xuống tàu.

Đội trưởng thủy thủ Rai-tơ đưa trả dây neo xuống, Kha-ba-nốp nhận lấy. Chiếc xuồng liền rời khỏi con tàu du lịch « Bê-nô-nhi » xinh đẹp.

Với một linh tính nhạy bén, An-đơ-rây đã đoán ra chiếc « Vi-u-ga » đang dậu ở chỗ nào. Gió Đông Bắc đang thổi, chiếc tàu tuần phòng ở phía hướng gió thổi tới, cách xa bọn họ khoảng chừng năm sáu liên, và chiếc xuồng thì nhằm đúng hướng gió tiến về phía Tây Nam.

Được chuẩn úy hò nhịp khích lệ, Kha-ba-nốp và An-đơ-rây ra sức chèo thật nhanh. Chiếc « Bê-nô-nhi » mờ dần phía sau xuồng họ trong màn tuyết trắng dày đặc, nhưng mãi một hồi lâu gió vẫn còn thoáng đưa tới tai họ những khẩu lệnh vội vã nói bằng một thứ tiếng xa lạ mà họ không hiểu.

Chiếc xuồng mỗi lúc một xa dần con tàu, nó nhằm hướng mỏm Cơ-ru-tơi tiến tới. Chuẩn úy đội trưởng thủy binh thúc giục những tay chèo ráng sức bơi, tựa hồ như đồng chí đang muốn thoát nhanh khỏi một cuộc đuổi bắt vậy.

A-va-cu-mốp lấy ở dưới gầm ghế ngồi ra một túi da lớn đựng điện đài rồi truyền lên không trung:

– Tôi là « tảng băng 1... »

– Tôi là « tảng băng 1... »

Chiếc xuồng đột ngột quay ngoặt, mũi cản ngược ngọn sóng. Các thủy binh lắng tai nghe, giữa những tiếng gió gào rít, vừa cố đoán xem có sự gì đang xảy ra trên chiếc « Bê-nô-nhi ».

– Chẳng lẽ lại nhầm? Chuẩn úy khẽ nói.

– Không nhầm một chút nào cả. Đồng chí chuẩn úy rồi đồng chí sẽ thấy, chúng nó sẽ thả xuồng xuống cho mà xem, – đại úy đáp – Phải mất hàng năm mới có được một cơ hội tốt khác giống như thế này. Mà Lau-sơn lại không phải là một tên ngốc dâu, hắn hiểu rõ điều đó lắm chứ.

– Tôi là « tảng băng 1... » Tôi là « tảng băng 1... » A-va-cu-mốp truyền đi rồi chuyển sang vặn nút nghe nhận của điện dài.

Có tiếng động cơ tàu « Bê-nô-nhi » rú lên, sau đó nó chuyển sang âm thanh nhịp nhàng, dều dặn và dần dần lắng hẳn đi con tàu du lịch nhỏ đã đi về phía Tây Bắc.

Cùng lúc đó, A-va-cu-mốp bắt được những tín hiệu gọi của đài bạn. Đồng chí tập trung lắng nghe, áp chặt hai ống nghe vào tai và báo cáo:

– Báo cáo đại úy, « tảng băng 2 » báo đã phát hiện thấy được một đàn cá cách chúng ta tám liên », về phía Đông Bắc. Họ yêu cầu có biện pháp.

Trên xuồng, tuyệt đối không được động tĩnh! Cơ-lê-ba-nốp hạ lệnh. An-đơ-rây liền hiểu rằng từ trên chiếc « Vi-u-ga » quan sát bằng ra-đa, người ta đã phát hiện thấy chiếc xuồng được thả từ trên tàu « Bê-nô-nhi » xuống.

« Nếu bọn chúng từ trên chiếc « Bê-nô-nhi » cũng dõi theo xuồng chúng ta thì sao nhỉ? » – An-đơ-rây thầm nghĩ.

Lại còn một mối nguy hiểm khác nữa. An-đơ-rây không nghĩ đến, nhưng đại úy Cơ-lê-ba-nốp và chuẩn úy thì cứ

chăm chăm nhìn vào màn tuyết với một vẻ lo lắng mỗi lúc một sâu sắc hơn. Cơn lốc tuyết sẽ có thể bất thần tan đi, và khi đó bọn họ sẽ mặt đối mặt với chiếc xuồng con mà tàu « Bê-nô-nhi » vừa thả xuống.

Báo cáo đại úy, có điện của tuần hạm. A-va-cu-mốp báo cáo « Đàn cá đi theo hướng Tây Nam. Hãy đổi làn sóng. Tăng băng 3 ».

Theo lệnh Cơ-lê-ba-nốp, chiếc xuồng ngoặt rẽ theo hướng Tây Nam. An-đơ-rây và Kha-ba-nốp nhấn mạnh mái chèo.

Khi ngừng gió và sóng cũng đã dịu bớt, An-đơ-rây đưa mắt nhìn quanh và nhận ra những mái sườn dốc dựng đứng của mỏm Cơ-ru-tôi. Chiếc xuồng tiến vào trong vịnh.

A-va-cu-mốp truyền lên không trung những hiệu gọi. Cơ-lê-ba-nốp lần đến phía lái, ngồi xuống chiếc ghế bên cạnh A-va-cu-mốp, đối diện ngay với I-a-xát-nưi và trải tấm bản đồ vịnh biển lên trên đầu gối.

Thấy thế nào đồng chí chuẩn úy – Cơ-lê-ba-nốp hỏi – Chiếc xuồng của « Bê-nô-nhi » sẽ có thể đi về phía nào?

Từ vịnh Tra-na đến vịnh U-gô, chạy dài suốt năm hải lý toàn là những tảng đá dựng đứng, trơ trụi, I-a-xát-nưi đáp, dường như để nói lên thành lời những ý nghĩ của mình. – Với gió Đông Bắc thổi mạnh như thế này thì trong bờ, sóng không dịu đi đâu. Từ vịnh U-gô đến vịnh Gu-dim tình hình cũng không tốt gì hơn. Vị tất chúng đã giám tiến vào vịnh Gu-dim, vì đó là cửa cảng Ghê-oóc-ghi, vốn là một nơi dân cư đông đúc. Chắc chúng sẽ đến vịnh U-gô. Tôi cho rằng xuồng của chúng sẽ đi theo eo biển phía Tây hoặc phía Đông. I-a-xát-nưi chỉ ngón tay lên bản đồ. Chiều dài của vịnh này là sáu hải lý, bờ vịnh dốc thoai thoải, lại có nhiều bụi cây rậm. Một nơi đỗ bộ rất tốt đấy...

Tóm lại, đây là một bài toán có nhiều ẩn số, Cơ-lê-ba-nốp trầm ngâm nói rồi im lặng: lát sau đồng chí hỏi « tảng băng 3 » im lặng à?

A-va-cu-mốp cố hết sức lắng nghe đến nỗi Cơ-lê-ba-nốp phải hỏi lại lần thứ hai.

« Tảng băng 3 » im, nhưng tôi có nhận được những hiệu gọi – nhân viên điện đài trả lời và một lần nữa, lại lấy cả hai lòng bàn tay ép chặt ống nghe vào tai.

Một sự ngừng lại, khắc khoải, dài dằng dặng.

Nấp sau những tảng đá cao của mũi đất để tránh gió, sóng nhỏ khẽ dung đưa, bọn họ ngồi trên xuồng tai lắng nghe bầu không gian chết lặng bao bọc xung quanh. Cái vây của một con cá lớn quấy sục bọt nước, vụt hiện ra rồi lặn ngay xuống dưới làn sóng nhấp nhô. Từ trên đỉnh cao của mũi đất, một hòn đá lớn, gió đã mài nhẵn thín, lăn xuống, vừa kéo theo cả một dống tuyết và rơi đánh « ùm » xuống biển. Những con chim mỏ dẹt hoảng sợ vụt bay lên. Chúng kêu ầm ĩ, lượn vòng trên mặt vịnh rồi lại sà xuống dậu trên các tảng đá. Tuyết vẫn không ngừng rơi.

A-va-cu-mốp giơ tay ra hiệu im lặng và cúi mình trên quyển sổ tay. Cơ-lê-ba-nốp xoay lại kiểu ngồi và bắt đầu đưa mắt nhìn qua vai A-va-cu-mốp, đọc bức điện từ đài quan sát trên bờ chuyền tới: « Đàn cá theo đường vịnh phía Tây đã đi qua ô D-15 ».

– Đồng chí chuẩn úy ạ, những giả thuyết của đồng chí đã thành sự thật rồi đấy. Cơ-lê-ba-nốp nói và lấy bút chì vạch tính đường bề rộng của vịnh U-gô.

Chiếc xuồng của họ rời chỗ nấp và đi về phía Đông Nam.

Một ngọn gió mạnh quạt thốc vào mạn trái xuồng, làm tung lên những bọt sóng và từng nắm tuyết lạnh buốt bắn vào mặt họ. Những bàn tay đã tê dại. Thật không dễ dàng chèo cùng một cặp với Kha-ba-nốp được. Đồng chí vốn sinh ra ngay trên thuyền – bà mẹ đang mồ ướp cá thì trở dạ đẻ Kha-ba-nốp. Và rồi Kha-ba-nốp đã lớn lên trên mặt biển. Lần đầu tiên cầm lấy quản bút để tập viết thì Kha-ba-nốp, là một người dân miền biển chính cống, đã biết sử dụng mái chèo đằng phía lái thuyền rồi. Đồng chí phải chật vật lắm

mới lĩnh hội được những quy tắc sơ đẳng của số học, nhưng những quy luật của biển cả, những dải cát nổi và chìm, những vũng, những mỏm đá ngầm nguy hiểm từ vịnh Mê-đen đến mũi Ga-nhin thì đồng chí lại biết rõ từ lâu.

An-đơ-rây đã mất hẳn ý niệm về thời gian. Nghe tiếng sóng vỗ bờ rì rào, anh quay lại dinh ninh là sẽ trông thấy bờ, nhưng trước mặt chỉ là màn tuyết trắng dày đặc.

Tuy nhiên, tiếng sóng vỗ bờ rì rào mỗi lúc nổi lên rõ hơn.

Từ trong màn tuyết ấy chợt hiện ra hình sáng những khối đá lớn.

Những người chèo xuống ra sức nhấn mạnh mái chèo. Chiếc xuồng nhằm thẳng những khối đá dựng đứng cheo leo lao tới.

Từng đợt sóng từ dưới chân các tảng đá tròn tung lên tận chóp cao, bị đập vỡ tan ra, rơi xuống thành những đám bột trắng xóa.

Khi còn cách dải nước xoáy đội lại không quá chục thước, I-a-xát-nưi bẻ ngoặt ngay bánh lái sang một bên. Chiếc xuồng được những cái nhấn mạnh của các mái chèo, sức đẩy của dòng nước và chiều gió đưa đi, tiến vào trong vịnh giữa những khối đá lớn...

– Quành sang trái! – I-a-xát-nưi gào lên.

Vừa men quanh những khối đá lớn, chiếc xuồng vừa lướt nhanh sát qua dải nước sóng réo lên dữ dội nhất trong vịnh.

– Sang phải!

Và, khi đã đi vòng qua những mỏm đá, chiếc xuồng tiến ra cửa vịnh.

Ở đây yên lặng hơn. Một con sóng lớn bị vỡ tan ra ở khe vịnh. Lướt trên lớp sóng nhỏ, chiếc xuồng tiến lên giữa những dải bờ cao lởm chởm đá.

Mặt trời đã ngả về Tây.

I-a-xát-nưi hô nhịp, và những người chèo xuống lại nhấn mạnh mái chèo.

Lúc này họ không thể trông đợi vào trạm ra-đa đặt trên bờ; những dải bờ cao và quanh co khúc khuỷu đã cản trở việc theo dõi chiếc xuồng địch.

Thật thận trọng, họ đi gần vào bờ, quan sát kỹ qua màn tuyết trắng và chỉ khi đã tin chắc rằng chiếc xuồng của tàu « Bê-nô-nhi » đã vượt xa họ, họ mới tiến lên tới tận chỗ rẽ ngoặt cuối cùng.

Dải bờ đã trở nên thoai thoải, họa hoằn mới thấy lác đác vài ba mỏm đá tròn. Trên các thung lũng hẹp, hiện ra những hàng cây thấp nhỏ, cong queo phủ tuyết.

Và như thường vẫn xảy ra, cuộc du lịch của họ đột nhiên chấm dứt. Xa xa về phía trước mắt, sau một dải đất những tảng đá lởm chởm nhô lên, đôi tai thính của I-a-xát-nưi thoáng nghe thấy tiếng mái chèo vỗ nước. Vừa lắng nghe, người đội trưởng thủy binh vừa giơ tay ra hiệu, sau đó khẽ nói:

– Quành sang trái!

Chiếc xuồng con rẽ ngoặt ngay về một phía. Một khẩu lệnh mới nữa hô tiếp, và, nhân đà đang lao đi, đáy xuồng lún sâu xuống bờ cát.

Sau khi trao đổi ý kiến với I-a-xát-nưi, đại úy Cơ-lê-ba-nốp gọi An-đơ-rây lại:

Đồng chí khẩu đội trưởng, đồng chí hãy từ phía mỏm núi đá này, đại úy chỉ vào cái doi đất lởm chởm đá phía trước mặt, lẻn tới càng gần được chiếc xuồng của chúng bao nhiêu càng tốt bấy nhiêu. Hãy cố phát hiện xem có mấy đứa đổ bộ lên bờ và ý định của chúng ra sao. Hãy nhớ là, một sơ suất nhỏ nhất cũng có thể làm thất bại tất cả chiến dịch đấy.

I-a-xát-nưi giúp An-đơ-rây mặc chiếc áo choàng ngụy trang trắng, sửa chiếc mũ trùm đầu cho ngay ngắn và kiểm tra lại vũ khí.

An-đơ-rây tiến lên. Chừng nào mà giữa anh và chiếc xuồng địch còn có doi đất nhỏ lởm chởm đá chắn ngang thì

còn có thể tiến lên được không cần phải thận trọng nhiều lắm, nhưng khi anh càng tiếp cận những mỏm đá thì sự nguy hiểm lại càng tăng lên.

Tuyết nén cứng chịu đựng được sức nặng của anh, còn những bông tuyết rơi xuống lại lấp hết các vết chân anh để lại. An-đơ-rây nấp trong hàng cây thấp và bắt đầu bò, người nhích lên phía trước.

Trên sườn đoi đất đã có những chỗ tuyết tan, đây đó bắt đầu xuất hiện màu vàng rực của những loại hoa có sức sống dai dẳng – những sứ giả đầu tiên của mùa xuân Bắc-cực.

Lên tới đỉnh cao, An-đơ-rây định sẽ quan sát xem bên kia đoi đất đang có gì xảy ra, nhưng từ sau một khe đá nhìn ra, anh thấy rõ là mình bị ngăn cách với mặt tảng đá đối diện bởi một bãi đất nhỏ, rộng khoảng bảy tám mét Phải chật vật lắm An-đơ-rây mới vượt qua được đoạn đường cuối cùng lún sâu trong tuyết. Trên sườn phía Nam của đoi đất lởm chởm đá, những hàng cây bạch dương thấp nhỏ mọc lên dày đặc. Nhờ vậy mà An-đơ-rây thực hiện được nhiệm vụ một cách dễ dàng. An-đơ-rây trông thấy chiếc xuồng con của tàu «Bê-nô-nhi» đã kéo lên bãi cát. Tên lính thủy tự xưng là Hu-gô Xvên-xơn đang ngồi bệt trên tuyết, lưng dựa vào một phiến đá. Hắn ngậm tẩu, bên cạnh là chiếc ba-lô và một cái xẻng công binh. Người đội trưởng thủy thủ của tàu «Bê-nô-nhi» một người đã đứng tuổi thì ngồi trên mũi xuồng đang thở với vẻ mệt nhọc.

– Thế anh cũng là người vùng này à? Người đội trưởng hỏi bằng tiếng Nga, nhưng với một âm điệu là lạ.

Lúc ở ngoài vịnh, ông có trông thấy cái dấu khắc trên đá không?

– Có.

– Chính tay tôi khắc dấy. Đã bao nhiêu năm qua mà cái dấu khắc đó vẫn còn... Xvên-xơn nói tiếng Nga rất thạo.

Hai người im lặng, lát sau người có tuổi hỏi:

– Anh chính là người Nga. Vậy anh tên là gì nhỉ? Không thấy trả lời, ông ta bèn tu một ngụm rượu rồi, với một vẻ mệt mỏi chán chường, nói tiếp: Này Hu-gô, anh chỉ biết tôi theo tên gọi là Ra-it, nhưng chính tên tôi là Mi-ken... Mi-ken I-an-xơn. Quê tôi ở Ven-pin vùng Ban-tích. Các con tôi đều sinh ra ở đấy... Thằng con lớn của tôi tên là En-ma', năm bốn mươi [1] tôi mang nó chạy ra nước ngoài và... thế là Mi-ken I-an-xơn không còn đứa con trai ấy nữa. Ông ta lại tu thêm một ngụm rượu, khạc nhổ và nói tiếp – Tôi chỉ còn lại một đứa con gái – Béc-ta. Hiện nay nó đang ở Li-en-bác-đơ, chồng nó là thợ điện làm ở nhà máy thủy điện Kê-gun-xcơ. Béc-ta có một đứa con trai, tức là cháu ngoại tôi. Tên nó cũng giống như tôi – Mi-ken. Tôi khao khát được nhìn thấy mặt cháu tôi quá mất thôi... Đến đây ông ta lặng thinh.

Lúc này, Xvên-xơn lên tiếng phá tan sự trầm lặng đó.

– Bố già ạ, tôi với ông không phải đang ở Hét-xen-nhe-xét, bên quầy hàng ăn của lão Bát-xơ đâu! Phải bắt tay vào việc đi thôi!

– Nghỉ một lát nữa đã, tôi mệt lắm, I-an-xơn nói giọng khản đặc, và với tay lấy bình rượu – Hu-gô ạ, tôi với anh như một cặp bò bị đóng vào một cái gióng ấy. Anh còn trẻ, khỏe mạnh. Hu-gô, anh hãy nói rõ sự thật với tôi đi. Tại sao chúng ta lại ở đây, trên cái mảnh đất lạnh lẽo xơ xác này? Đó là cái gì – chính trị ư?

– Ô, chính trị đối với tôi cũng tựa như là chiếc ô che cho con cá mà thôi! Xvên-xơn cười khẩy. – Tôi đã từng sống trong trại tập trung gần Muy-nich, ăn cháo loãng chung một ga-men với một người... Giờ thì hài cốt anh ta có lẽ cũng chẳng còn nữa, nên có thể gọi thẳng tên anh ta ra là Ni-ki-pho Ca-xát-kin. Anh ta biết rất nhiều chuyện, có

(1) Năm 1940, chế độ độc tài phát xít của Un-ma-nit ở Lát-vi-a (LeHonie) bị lật đổ.

thể giải thích được mọi diễn biến trong tâm hồn con người, Ni-ki-pho có lần đã nói với tôi thế này: Xát-sca [1] này – tên tôi chả là A-lếch-xăng mà, trong đời, mày là một thằng cha lãng mạn, rồi mày sẽ phải chết về cái tính lãng mạn ấy của mày cho mà xem. Chính anh ta đã nói ra như vậy đấy. Ni-ki-pho quả đã nhìn thấy tim gan mọi người.

– Cái lãng mạn của anh, người ta dùng nó làm gì được?

– Về điều đó thì, bố già ạ, bố muốn tìm hiểu cũng chả ích gì, – Xvên-xơn đột ngột cắt đứt câu chuyện rồi đứng dậy vươn vai, và vừa ngáp vừa nói. – Phải đi thôi, chúng ta sẽ đi đến Trô-rơ-nai-a Bơ-ra-ma...

« Trô-rơ-nai-a Bơ-ra-ma » An-đơ-rây thầm nhắc và sực nhớ lại tất cả những gì mà đối với anh, nó có liên quan đến cái tên ấy.

Ra-ít lấy chiếc xẻng công binh thứ hai ở dưới gầm ghế ngồi trong xuồng ra. Họ lấy cái bao vải bọc xuồng lại, đặt lên thêm một miếng bạt rồi xúc tuyết phủ lên.

« Như vậy là Hu-gô Xvên-xơn có ý định quay trở lại đây nữa », – An-đơ-rây thầm nghĩ.

Ông già ngồi xồm xuống cạnh chiếc ba-lô của mình và định xỏ tay vào quai đeo nhưng lại đổi ý:

– Xa-sa ạ, ở Trô-rơ-nai-a Bơ-ra-ma tôi chẳng có điều gì đáng phải làm cả. Anh nên quay trở lại, về Hăm-bua đi. Mác-ta đang chờ anh. Chính anh chẳng đã nói là cô ta trẻ và đẹp, cô Mác-ta của anh ấy mà. Nếu anh yêu, anh sẽ hiểu... Xa-sa ạ, trước khi chết, tôi muốn được đặt chân lên mảnh đất quê hương nơi mà tôi đã lớn lên, muốn ôm hôn con gái tôi, muốn bế đứa cháu của tôi... Tôi về đây chính là để một lần cuối được trông thấy đất nước Lét-tô-ni, nghe thấy tiếng mẹ đẻ...

– Bố già ơi, bố tưởng người ta sẽ đón tiếp bố đấy hẳn? – Xvên-xơn hỏi.

---

(1) Tên gọi một cách thân mật của A-lếch-xăng.

– Sẽ dón, Xa-sa, sẽ dón chứ! Tôi về dây không phải như một đứa ăn cắp, mà như một đứa con hư đã trót phá hại mất gia sản: « Con xin cúi đầu nhận tội lỗi trước mẹ, con thật không xứng đáng được gọi là con trai của mẹ ».

Xvên-xơn im lặng, lườm nhìn dò xét ông già một cái rất nhanh.

– Vì mối tình của anh đối Mác-ta, vì hạnh phúc của anh... Hay anh muốn tôi sẽ quỳ gối trước anh...

– Được thôi, bố già ạ, nhưng phải cẩn thận dấy. Từ dây ông cứ nhằm thẳng hướng Nam đi bộ nửa dặm rồi rẽ về phía Đông là tới vịnh Gu-dim, cảng Ghê-ooc-ghi (trước dây vẫn có dường « chuyền vận dọc bờ biển » từ cảng Ghê-ooc-ghi tới Muốc-măng). Ở dây, ông sẽ dáp xe lửa mà về quê. Ông có tiền không?...

Ông già đưa mấy ngón tay run run thít chặt quai ba-lô bước lên vài bước ngập ngừng rồi dứng dừng lại quay trở lại:

– Tôi muốn ôm hôn anh, Xa-sa ạ, và chúc anh có hạnh phúc chân chính. Tôi bao giờ cũng cứ cảm thấy hình như những người đẹp trai dều tàn nhẫn độc ác cả, giờ thì tôi thấy rằng mình dã nhầm...

Xvên-xơn ôm hôn lại và ông già liền đi về phía Nam. Mỗi một bước tiến lên, dáng diệu của ông dã có cái vẻ tin tưởng, vững vàng hơn.

Đề nhìn được rõ hơn con người đã rời bỏ đi. Xvên-xơn leo lên một tảng đá tròn nhẵn dầy rêu, thò tay vào trong lần áo trước ngực và, vung khẩu súng lục lên bóp cò luôn không nhằm dích gì cả. Phát súng bắn không có tiếng nổ. Mi-ken I-an-xơn giật người quay về phía Xvên-xơn, giang hai tay chơi vơi rồi ngã sấp mặt xuống dất.

Cồ họng An-đơ-rây tắc nghẹn lại vì thương xót ông già. Một lần nữa, thoáng nhìn xuống phía dưới, An-đơ-rây không còn tin ở mắt mình nữa: Xvên-xơn dang cười. Đầu

ngặt ra sau, lưng dựa vào tảng đá, Xvên-xơn đang cười vang...

An-đơ-rây nhớ lại: hồi còn bé An-đơ-rây thích đứng sau lưng Vơ-la-đi-mia ngó qua vai xem người anh trai thân yêu vẽ các « nghệ sĩ » nhà hát cho mình. Khi dưới ngọn bút chì lần lượt hiện lên trên mảnh giấy những nhân vật quen thuộc trong các câu chuyện hoang đường, An-đơ-rây cất tiếng cười vang. Những lúc đó, cậu bé An-đơ-rây không thể kiềm chế mình khỏi cười lên được, kiềm chế nỗi vui sướng, vì đã cùng dự phần sáng tạo.

Tại sao Xvên-xơn lại cười?

Một cái chạm khẽ vào chân đã kéo An-đơ-rây trở về với thực tế. Anh bò lùi lại sau theo vết đường cũ của mình trên lớp tuyết sâu và thận trọng ngoảnh lại nhìn. Đó là thượng sĩ Kha-ba-nốp. An-đơ-rây viết mấy chữ lên mảnh giấy con xé trong quyển sổ tay, cuộn đút nó vào nòng súng tiểu liên rồi, duỗi tay, trao cho thượng sĩ.

Khi An-đơ-rây lại nhoài người lên rìa mỏm cao, Xvên-xơn đã không còn ở chỗ vừa rồi nữa. Chiếc mũ lông của hắn thoáng hiện ra đâu đó ở phía Nam, dưới một thung lũng hẹp. Rồi Xvên-xơn quay lại, tay xách chiếc ba-lô của Ra-ít. Hắn nhắc miếng vải bạt lên, vất chiếc ba-lô vào trong xuồng. Sau đó hắn châm lửa vào tầu, khoác chiếc ba-lô của mình lên vai, giở địa bàn ra kiểm tra lại phương hướng, rồi đi về phía Tây.

TRÔ-RƠ-NAI-A BƠ-RA-MA

Họ tìm thấy xác Ra-ít bị lấp vùi trong tuyết ở dưới thung lũng. Ông già mới đi được những bước đầu tiên trên con đường trở về với Tổ quốc thì bị một viên đạn đã kết liễu đời ông.

– Phát đạn trúng vào gáy, Cơ-lê-ba-nốp nói: thủ đoạn chả kém gì những vụ ở rừng Cha-chin-xki và khe Ba-bi cả.

Kha-ba-nốp đi về cảng Ghê-oóc-ghi bằng chiếc xuồng hai chỗ ngồi của tàu «Bê-nô-nhi». Còn chiếc xuồng của tàu «Vi-u-ga» thì được cất giấu trong một khe núi bảo đảm rất kín đáo, chắc chắn.

Sau khi hội ý với chuẩn úy I-a-xát-nưi, đại úy Cơ-lê-ba-nốp đã xác định được rõ thêm cuộc hành trình. Qua những tài liệu đã điều tra trong các vụ «Xác-ma-tốp» và «Bơ-la-gốp» thì thấy rằng các con đường của chúng đều giao chéo, gặp nhau ở Trô-rơ-nai-a Bơ-ra-ma cả. Chính Xvên-xơn cũng đang cố gắng đi tới cái đích đó. Để tránh giẫm phải gót chân Xvên-xơn, đội tác chiến bèn nhằm qua về hướng Nam tiến sâu vào vùng đồng cỏ.

Đi trước là chuẩn úy I-a-xát-nưi (đồng chí vốn thông thuộc suốt cả dải bờ ven vịnh), sau đó đến Cơ-lê-ba-nốp và An-đơ-rây đeo ba-lô. Người đi cuối cùng chuỗi xích này là A-va-cu-mốp, mang điện đài để trong cái túi dết choàng qua vai.

Đồng cỏ khô cằn, chuyển sang những quả gò và đồi lúc nào không biết. Những dống đá lổn nhổn và những hồ nhỏ dưới lòng đất trũng chốc chốc lại hiện ra. Có những hàng bạch dương lùn, thân cây cong queo, chạy theo sườn những quả đồi phía Nam xuống tận ven các bờ hồ nhỏ. Một làn gió Đông Bắc thổi cùng chiều, quạt ngay vào lưng những người bộ hành.

Đại úy Cơ-lê-ba-nốp đi chậm lại và khi An-đơ-rây đã đi tới kịp, đồng chí liền nói:

– Về kết quả trinh sát, An-đơ-rây ạ, đồng chí đã báo cáo được rõ ràng, nhưng tôi muốn biết sau tất cả những gì đồng chí đã trông và nghe thấy trong khi trinh sát, bản thân đồng chí đã rút ra được những kết luận gì?

– Thưa đồng chí đại úy – An-đơ-rây đáp – tôi thấy hình như Xven-sơn đã bị giam trong một trại tù binh của Hít-le đâu gần Muy-ních thì phải. Hắn rất thông thuộc vùng Da-pô-li-a-ri-ê. Có thể là tôi nhầm, nhưng Xven-sơn đã nói hở ra một sự việc trong tiểu sử của hắn, nên theo tôi, ta có thể căn cứ vào đó để xác định xem trước chiến tranh hắn đã sống và làm việc ở đâu.

– Cứ nói mạnh dạn lên, khẩu đội trưởng!

– Xven-sơn đã nói rằng cái « kê-cua » khắc trên núi đá ở ngay cửa vịnh là chính do tay hắn làm nên cách đây đã nhiều năm. Chính hắn đã gọi cái dấu khắc trên vách đá đó là « kê-cua »...

– Ừa, sao đồng chí lại im thế? – Đại úy khích lệ An-đơ-rây.

– « Kê-cua » đó là một danh từ miền biển, rất ít người biết đến. Không phải ai cũng biết gọi là « kê-cua » cả đâu. Đôi khi giọng nói của hắn làm tôi nhớ tới giọng nói của thượng sĩ Kha-ba-nốp. Và lúc ấy thì tôi thấy hình như hắn là người miền biển thì phải. Giá mà biết được ai đã khắc cái dấu đó trên mỏm núi...

Đại úy khẽ huýt sáo.

I-a-xát-nưi quay lại, nhìn thấy một bàn tay Cơ-lê-ba-nốp giơ lên, anh liền dừng lại. A-va-cu-mốp cũng đi tới. Đại úy ngồi ghé xuống tảng đá, lấy cuốn sổ tay ra và thảo một bức điện.

– Đồng chí trung úy, hãy dịch ra mật mã rồi chuyển về Muốc-măng qua « Tảng băng 3 »! – Cơ-lê-ba-nốp hạ lệnh. Nội sáng ngày mai chúng ta sẽ rõ ai đã khắc cái dấu đó trên mỏm núi.

Trong khi A-va-cu-mốp bận rộn với công việc điện dài, thì những người khác đốt còn hơ nóng các hộp thịt.

Chuyền xong bức điện hỏi của Cơ-lê-ba-nốp, điện dài viên liền nhận được lời báo nhận và một bức điện mới.

Từ Muốc-măng người ta đã báo cho biết rằng tàu du lịch «Bê-nô-nhi» đã bị tuần hạm «Bu-ri-a» của ta bắt giữ trong khi đi tắt qua mũi Ma-lô-pơ-ri-mét-nưi» và đã bị áp dẫn về Cảng. Kiểm tra danh sách thủy thủ của tàu thì thấy vắng mặt đội trưởng thủy thủ Ec-mét Ra-ít và thủy thủ Hu-gô Xven-xơn. Trong nhật ký hàng hải có một dòng chữ mới ghi như sau: «5 giờ sáng. Đường tắt qua mũi Vư-xô-ki. Trong khi rẽ sang hướng đi mới đội trưởng Ra-ít và thủy thủ Xven-xơn đã bị sóng cuốn đi mất». Điều ghi trong sổ nhật ký được các thủy thủ trên tàu xác nhận.

– Bọn thủy thủ tàu «Bê-nô-nhi» sẽ xác nhận bất cứ một điều gì cho mà xem. I-a-xát-nưi nhếch mép cười. – Tôi xin cam đoan là trước đây tôi đã có lần gặp tên thợ máy Tơ-ram-me trên chiếc tàu buôn của lão Hát-tsin, một tên buôn lậu, do tôi đã săn được một con thú ở gần mũi Ca-nhin.

– Vô luận thế nào, – đại úy Cơ-lê-ba-nốp ngập ngừng nói, bây giờ chúng cũng đã biết một cách chắc chắn là Ec-nét Ra-ít hay Mi-khen I-an-xơn, như lão ta tự xưng danh, đã bị giết, còn Xven-xơn thì đang cố lẩn mò đến Trô-rơ-nai-a Bơ-ra-ma. Chiến thuật có thay đổi: Bơ-la-gốp không có tên trong danh sách thủy thủ trên tàu; Xven-xơn thì có được ghi trong danh sách nhưng lại đột nhiên chết đi. Nếu ta không dõi theo cuộc đổ bộ, thì thật khó mà đoán ra mưu đồ của chúng.

Khi A-va-cu-mốp ăn xong món thịt hấp, bọn họ lại đi về phía Tây Nam. Mặt trời khuất sau đỉnh núi. Tuyết đã ngừng rơi. Gió lạnh luồn vào trong những chiếc áo mặc ngoài. Có tiếng một con cú – chủ nhân vùng đồng cỏ khô cằn – rúc lên ở một nơi nào đó. Băng trên mặt hồ nứt răng rắc, dưới những bước chân đi lớp tuyết cứng bị vỡ nát, vang lên tiếng lạo xạo nghe rất khó chịu.

Đã trôi qua mất khá nhiều thời gian. Bầu trời tối sầm lại, lác đác vài ngôi sao xuất hiện. Và gió thổi đã dịu bớt. Bắt đầu một sự yên lặng tĩnh mịch đến nỗi An-đơ-rây

nghe thấy cả tiếng những chiếc quai da ba-lô siết kêu rin rít, mặc dầu cái rét ghê gớm đã làm cho chúng co cần lại.

Mãi đến bây giờ An-đơ-rây mới hiểu và đánh giá được đúng sự chăm sóc của I-a-xát-nưi: mặc bộ quần áo chống gió bão, anh hầu như không còn cảm thấy rét mướt gì nữa.

Cố nén mệt, An-đơ-rây đưa mắt nhìn đại úy Cơ-lê-ba-nốp, và anh buông một tiếng thở dài nhẹ nhõm khi thấy đại úy, sau khi lựa chọn được một chỗ nghỉ tốt, đứng dừng lại với vẻ dứt khoát.

– Ta nghỉ lại đây cho đến sáng – đại úy nói rồi tháo dây ba-lô, lôi ra một hộp cà-phê bột và ít bánh bích-quy của lính thủy.

Một ngọn lửa xanh nhờ nhờ bùng cháy.

Sau khi bỏ tuyết vào đầy ấm đun nước, chuẩn úy I-a-xát-nưi bắc lên bếp lửa. An-đơ-rây thì nằm lăn ngay trên tuyết, đầu gối lên ba-lô. Bầu trời đã tối đen hơn, và các vì sao dường như lại càng thêm rực sáng.

Trong khi chờ đợi nước sôi, đại úy Cơ-lê-ba-nốp và chuẩn úy I-a-xát-nưi, dưới ánh đèn pin, chúi đầu trên tấm bản đồ để xác định rõ thêm đường đi. Ngày mai họ sẽ tới chân dãy Trô-rơ-nai-a Bơ-ra-ma.

Lắng nghe những tiếng mạch máu đập mạnh, An-đơ-rây đặt bàn tay lên tim. Ở đây, trong túi áo ngực có tấm ảnh của Xvét-la-na. Cô gái nhìn anh như dò xét, giữa hai hàng lông mày của cô hằn sâu một nếp nhăn có vẻ nghiêm nghị. Giờ đây, ngay cả dòng chữ để đằng sau tấm ảnh cũng không giống như trước – nó không còn cái vẻ chất phác ngây thơ của một thiếu nữ hay nũng nịu nữa. Những lời trong đó đã vang lên một cách nghiêm trang, khe khắt «Anh hãy luôn luôn tỏ ra như trước đây em đã biết về anh». Trong óc An-đơ-rây lại hiện ra chiếc bàn lớn phủ dạ xanh cùng những lời «trao cho đồng chí tấm thẻ đoàn viên Đoàn thanh niên cộng sản Lê-nin Liên-xô...» Anh thấy mình ở đơn vị

huấn luyện. Và đây, anh đang bước ra khỏi hàng và nhận ở tay đồng chí chỉ huy cái dải mũ nồi thủy quân...

« Chúng mình đang đi tới Trô-rơ-nai-a Bơ-ra-ma tới tận cao điểm bốn trăm mười hai, nơi cách đây mười bốn năm anh Vơ-la-đi-mia mình đã hy sinh, An-đơ-rây nghĩ bụng. Tại sao Hu-gô Xven-xơn lại khăng khăng cố lần mò tới cái đỉnh cao lởm chởm đá đó như vậy? Hắn cần cái gì ở đây?

Đội trưởng I-a-xát-nưi đã lôi An-đơ-rây ra khỏi trạng thái miên man suy nghĩ: trước mặt An-đơ-rây là một cái cốc quai men lớn đầy nước chè đặc.

Họ im lặng ăn bữa tối. Hình như mỗi người đều đang cảnh giác lắng nghe sự động tĩnh trong cánh đồng cỏ khô cằn, lắng nghe sự tĩnh mịch ban đêm rất đáng sợ ấy.

An-đơ-rây chui vào cái túi chăn xong, bèn nhắm mắt lại – một làn hơi ấm từ hơi chăn anh tràn lên, tựa hồ như làn sương mù trong ngày nóng bức...

... Một chiếc sà-lan tự hành lớn. Ngọn sóng tung tóe ra hai bên. Vơ-la-đi-mia Na-goóc-nưi đang đứng trên boong sà-lan, hai chân choãi rộng, đầu đội mũ sắt, mình mặc áo mưa, hai tay nắm chắc khẩu tiểu liên đeo dưới cổ. Nhìn thấy An-đơ-rây, Vơ-la-đi-mia nói nghe tưởng như hai người vừa mới chia tay nhau ngày hôm qua: « Khẩu đội trưởng, hãy đứng gác thay tôi, khẩu lệnh « Bơ-ra-ma ». Đáp... « Và đây, An-đơ-rây đang đứng gác. Anh lắng nhìn theo Vơ-la-đi-mia đang dời đi. Khẩu tiểu liên đeo trên vai An-đơ-rây, nòng chúc xuống. Vơ-la-đi-mia dời đi mỗi lúc một xa, cho đến khi chỉ còn là một cái chấm rất khó nhận thấy, nhưng cái chấm đó không biến hẳn đi, mà một lần nữa, nó lại lớn dần lên. Thì đó là một con chim. Một con hải nga lớn, oai vệ và kiêu hãnh. Nó lượn vòng trên tàu, là thấp xuống và liệng cánh dập mạnh vào vai An-đơ-rây, dường như gọi anh đi theo. Nhưng An-đơ-rây đang đứng gác...

Con chim bay vút lên trời và một lần nữa lại là thấp xuống, xòe cánh thúc mạnh vào vai anh...

An-đơ-rây giật mình bừng tỉnh. I-a-xát-nưi đang lay vai đánh thức anh dậy.

Chân trời bừng sáng. Ngày thứ hai của bọn họ trong vùng đồng cỏ khô cằn miền Bắc cực bắt đầu.

Vẫn như cũ, họ đi thành hàng dọc, nối theo nhau tiến thẳng về phía Tây. Mặt trời sưởi ấm với cái nóng dìu dịu của mùa Xuân. Đến giữa trưa thì lớp tuyết cứng đã mỏng đi, vỡ kêu răng rắc và tan ra dưới chân họ. Đồng cỏ như thức dậy sau một giấc ngủ dài. Ở những nơi tuyết vừa tan, những bông hoa cẩm chướng vàng của miền Bắc và hoa anh túc đầu mùa xuân vươn lên, tỏa mùi thơm ngai ngái như mùi cỏ khô.

Đã mấy lần, những con chim da-da bắt gặp đầu tiên vụt bay lên từ dưới chân chuẩn úy I-a-xát-nưi. Những dấu chân chồn mỗi lúc một thấy nhiều hơn.

I-a-xát-nưi lại thay đổi hướng đi: bây giờ họ đi lên phía Bắc.

Theo dự tính của I-a-xát-nưi thì khối đá hoa cương sẽ xuất hiện trên những quả gò thoai thoải phủ tuyết trắng khi nào tới cao điểm 412 chỉ còn cách khoảng hai hải lý nữa.

— Phải thấy là, Xven-xơn có lẽ đã đến trước chúng ta rồi. Cơ-lê-ba-nốp nói — tiến lên nữa là nguy hiểm.

Từ dưới thung lũng hẹp thông mọc lưa thưa, họ đưa mắt quan sát địa thế, thầm chia cắt cả một khoảng rộng chạy tới chân Trô-rơ-nai-a Bơ-ra-ma ra thành những ô tưởng tượng thường thấy trên các bản đồ quân sự.

Mãi gần về chiều, sau khi trao ống nhòm cho Cơ-lê-ba-nốp, chuẩn úy mới nói:

— Đồng chí đại úy, đồng chí hãy chú ý nhìn cái bãi phẳng kia kìa, tôi xin bảo đảm đó là «con người lãng mạn» ấy đấy. I-a-xát-nưi gọi Xven-xơn theo như những điều mà An-đơ-rây đã nói cho biết.

Mắt An-đơ-rây rất tinh, anh chăm chú nhìn theo hướng tay chỉ của chuẩn úy và thấy Xven-xơn đang từ dưới một cái khe hẻm đi lên. Hắn dừng lại, lưng dựa vào vách đá hoa cương, hai chân dận lên một tảng đá lớn. Dưới sức cố gắng của Xven-xơn, tảng đá lung lay rồi lăn rơi ầm ầm xuống, bịt kín lấy cửa khe. Xven-xơn châm lửa vào tẩu, hút, và, bỏ thõng hai chân xuống, ngồi trên rìa một thớt đá bằng phẳng, An-đơ-rây thấy hình như «con người lãng mạn» đang cười.

Dường như để xác minh cho điều đó, đại úy Cơ-lê-ba-nốp đưa ống nhòm cho I-a-xát-nưi rồi nói:

— Không hiểu tại sao cái thằng khốn kiếp ấy lại vui vẻ thế?

Hút xong, Xven-xơn gõ gõ cái tẩu cho sợi thuốc rơi ra và bắt đầu đi xuống.

Thưa đồng chí đại úy, chúng ta sẽ bắt nó ngay bây giờ chứ? — I-a-xát-nưi hỏi.

Không, đồng chí chuẩn úy ạ, bắt nó bây giờ là một sai lầm. Phải bám sát và dõi theo những đầu mối liên lạc của nó. Hắn đi khỏi là ta sẽ đến xem xét cái khe đó ngay.

Theo tôi, có xem cũng chả ích gì: chiếc hòm đã rỗng không mất rồi...

Hòm rỗng không thì chả ai người ta khóa lại làm gì. Ở bên kia kìa, đằng sau cái cao điểm đó — đại úy chỉ vào một mỏm núi thấp, hiện phải có mặt những chiến sĩ biên phòng của thượng úy Ra-đốp. Trong khi chúng ta xem xét cái hang thú ấy, thì bọn họ giắt mũi Xven-xơn dẫn đi.

— «Giắt mũi» là thế nào ạ? An-đơ-rây hỏi:

— Xven-xơn cứ tưởng rằng hắn làm chủ được hành vi của mình, nhưng kỳ thực người ta lại đang giắt mũi hắn. Vùng đồng cỏ này là đất đai của chúng ta, nó phải có chủ nhân của nó chứ!

— Tôi đã hiểu, thưa đồng chí đại úy.

– Đáng lẽ phải chuyền mật hiệu quy ước cho các chiến sĩ biên phòng, nhưng làm như vậy khá nguy hiểm. Khẩu đội trưởng, đồng chí sẽ đi liên lạc vậy, đại úy ra lệnh – Đồng chí hãy men theo thung lũng hẹp này lên tới sườn phía Tây cao điểm, chi đội biên phòng hiện phải ở đấy rồi. Đồng chí sẽ dẫn họ tới cả đây. Rõ chứ?

– Báo cáo đại úy, rõ. Cho phép tôi đi?

– Đồng chí đi đi!

An-đơ-rây khom người lần theo thung lũng hẹp tiến tới dãy núi đá và chừng nào mà lớp tuyết sau không gây trở ngại, tranh thủ bước nhanh về phía Tây. Đến cao điểm chỉ độ nửa hải lý, không nhiều hơn, nhưng khoảng ba mươi phút sau, khi anh đã lần tới sườn phía Tây Bơ-ra-ma, anh không khỏi ngạc nhiên đưa mắt nhìn quanh – một khu rừng bạch dương tuyết phủ dày và không có qua một dấu vết nào của con người. An-đơ-rây đã định quay đi thì bỗng cành bạch dương rung động và một quân nhân biên phòng, dường như từ dưới tuyết chui lên, đã đứng sừng sững trước mặt anh.

– Hạ sĩ Lô-ba-đơ-nốp và Xê-nhít-xkin, người điều khiển chó sục sạo. Phô-ma mỉm cười tự giới thiệu.

Mãi lúc này An-đơ-rây mới nhìn thấy Xê-nhit-xkin và một con chó béc-giê thấp, lông màu xám gio, điểm lấm tấm những chấm hung hung đỏ.

Lần này thì cuộc gặp gỡ bất ngờ giữa anh và Phô-ma Lô-ba-đơ-nốp có vẻ thân mật và chân thành hơn.

– Nó đi đâu rồi?

An-đơ-rây hiểu rằng Phô-ma đang hỏi về Xven-xơn.

– Đi rồi.

– Lâu chưa?

– Chừng ba mươi phút. Bây giờ là mấy giờ.

Lô-ba-đơ-nốp nhìn mặt chữ chiếc đồng hồ quả quít lớn rất quen thuộc với An-đơ-rây và nói:

– Bây giờ mười lăm. Nếu hắn thông thuộc đường lối và là một kẻ giỏi cuốc bộ thì cũng được khá xa rồi.

– Hắn cuốc bộ rất khỏe, mà bắn cũng rất cừ, tóm lại đó là một thằng vào loại « cứng cựa » (1) đấy.

– Chúng mình sẽ bẻ gãy cái cựa cứng của nó đi. Không phải chỉ có tớ và cậu đâu, lúc này đang có rất nhiều con mắt theo riết hắn nữa kia – Lô-ba-đơ-nốp nói, mắt nheo lại với vẻ ranh mãnh.

So với trước đây, mặt Lô-ba-đơ-nốp bây giờ lấm tấm nhiều nốt tàn hương hơn: những nốt lớn, to bằng hạt đậu, chúng như muốn cạnh tranh về màu sắc với nước da nâu của anh.

– Cái thằng ấy, người ngợm nó như thế nào? Chắc ở mồm hắn có một vết sẹo ghi dấu lại những tội phạm thì phải? – Lô-ba-đơ-nốp tò mò hỏi.

– Cậu có tiền đấy không? An-đơ-rây đột nhiên hỏi.

– Có... Năm mươi đồng – Lô-ba-đơ-nốp trả lời, vẻ băn khoăn không hiểu.

– Thế này nhé, nếu hắn mà gặp cậu và có hỏi vay tiền thì cậu sẽ đưa tất cả năm mươi đồng cho hắn. Đưa ngay, không lưỡng lự chút nào đâu! Một anh chàng bảnh trai, cặp mắt trong sáng...

– Cậu nói gì lạ vậy! Lô-ba-đơ-nốp ngạc nhiên.

Trong giọng nói đó chứa đựng biết bao nhiêu ý thân mật suồng sã qua những ký ức hồi thơ ấu, khiến cho An-đơ-rây bất giác nhớ lại những ngày khi mà anh và Phô-ma hai đứa cùng mong đợi thanh lưỡi lê chiến lợi phẩm Vơ-la-đi-mia đã hứa cho...

Theo con đường nhỏ do An-đơ-rây đã mở, các chiến sĩ biên phòng đi đến thung lũng hẹp không phải vất vả lắm. Đại úy đưa bản đồ cho Lô-ba-đơ-nốp, giao nhiệm vụ và

(1) Nguyên văn: một quả hồ đào nhỏ, rắn cứng.

tiểu đội của anh liền xuất phát theo dấu chân con rô nguyên của «con người lãng mạn...».

Các chiến sĩ biên phòng bắt đầu từ phía Nam leo lên Trô-rơ-nai-a Bơ-ra-ma. Họ bám vào những cành bạch dương thấp và đu người lên. Lợi dụng từng cái hõm bé nhất để có thể đặt được bàn chân vào, vừa áp gí toàn thân vào vách đá, họ gắng nhích lên từng thước một. Có lẽ, họ chỉ cần rướn thêm một cái nữa là lên tới đỉnh cao điểm, nhưng trước mặt họ lại chỉ có một khoảnh trống bằng phẳng, một cơ hội để dừng lại nghỉ trong chốc lát.

Một cơn gió lộng, không bị vật gì cản giữ, ào ào thổi lên dữ dội. Nó như muốn giữ kín điều bí mật của đỉnh cao, nên cố tìm mọi cách hất các chiến sĩ biên phòng xuống những mỏm đá nhọn dưới chân núi.

Trong những phút nghỉ ngơi ngắn ngủi, ngực áp vào vách đá, hai tay bám vào những đám rêu đen sẫm mọc lên từ năm ngoái, An-đơ-rây nghĩ đến người anh cả Vơ-la-đi-mia của mình, cách đây đã nhiều năm, cũng đã leo lên chính trên cái sườn đá hoa cương này. Tại đây, không biết ở một chỗ nào đó, anh Vơ-la-đi-mia đã hy sinh trong khi thi hành nghĩa vụ quân sự của mình, và xương thịt của anh có lẽ chim muông đã tha rìa đi hết rồi.

Khi họ leo lên tới đỉnh núi thì mặt trời đã lặn. Trên bầu trời đen kịt ánh lên một làn tia sáng Bắc cực xanh nhờ.

Bọn họ tụt xuống thấp, dưới cái bãi phẳng ở trên đỉnh núi chừng hai thước, ở đấy là một khoảng trống giống như hình tam giác không đều cạnh.

Sau khi xem xét kỹ tảng đá hoa cương đã bịt mất lối vào khe hẻm, I-a-xát-nưi lo ngại nói:

– Không dễ gì mà dầy được tảng đá này đi đâu...

Tảng đá hoa cương không bịt kín hết khe hẻm: hãy còn lại một ngách hẹp nhỏ, tua tủa những cạnh đá sắc nhọn. Cơ-lê-ba-nốp bấm đèn pin, nhưng làn ánh sáng đèn không xuyên qua nổi bức màn tối dày đặc dưới hang.

I-a-xát-nưi buộc đèn bằng một sợi dây thừng và thả xuống. Hang sâu độ hai thước. Đội trưởng cố thử lay tảng đá, nhưng vô hiệu quả.

– Nếu khẩu đội trưởng thử chui lách qua cái kẽ hẹp ấy thì có sao không? – Chuẩn úy hỏi Cơ-lê-ba-nốp.

An-đơ-rây lặng lẽ bước đến miệng khe hẻm. Anh dút đèn pin vào túi quần rồi cố thử lách qua cái kẽ hở, nhưng chiếc áo bông dày xụ đã cản trở anh. An-đơ-rây bèn cởi phăng nó ra cùng với chiếc áo da rồi chui xuống, trên mình chỉ còn lại một chiếc áo lót lính thủy vằn sọc xanh. Hai tay nắm chắc sợi dây thừng, anh từ từ tụt xuống. Khi hai chân đã chạm đáy hang, An-đơ-rây, tay vẫn không rời sợi dây, bấm đèn lên. Trong tầm mắt có thể nhìn bao quát, xung quanh anh chạy dài một vách đá xanh nhờ, có lác đác vài vệt óng ánh mà anh chưa hề thấy bao giờ. Thấy rét run cả người, một cái rét ghê gớm mà không rõ vì đâu, anh bèn kêu vọng lên phía trên:

– Ở dây lạnh buốt như dưới nhà mồ ấy. Đồng chí chuẩn úy, quẳng cho tôi cái áo da.

Mặc xong chiếc áo hãy còn chưa kịp mất đi làn hơi ấm, An-đơ-rây nhặt chiếc đèn ở dưới đất lên và tiến sâu vào trong hang.

Vật đầu tiên mà anh trông thấy là một nửa chiếc mũ có vành bịt tai đã bị mủn, kiểu mũ mà anh chưa trông thấy bao giờ. Trên mũ còn thấy nguyên vẹn bông hoa sắt mâu tự thảo [1] – phiên hiệu của sư đoàn sơn chiến của quân đội Hít-le.

Bên cạnh một vách đá thẳng dựng đứng đỡ lấy vòm mái hang, An-đơ-rây thấy ba bộ xương người, ở sọ hãy còn một ít mảnh da mỏng trông tựa như loại giày da cừu. Bộ quân phục kiểu lạ trên các bộ xương đã bị mủn, nên vừa khẽ động tới nó đã mủn ra ngay. Những hài cốt này hình

(1) Edulwei (Tiếng Đức trong nguyên văn).

như đã bị hơi nổ quăng tung đi, ép gí vào đá. Cũng ở đây còn thấy cả bộ máy kính trắc viễn của pháo binh trên có gắn miếng nhãn hiệu đen, viết bằng tiếng Đức; nó đã bị bóp bẹp và vỡ nát ra không hiểu do một sức mạnh ghê gớm nào. Trong hốc đá, An-đơ-rây nhìn thấy một bộ máy vô tuyến điện, máy cuộn dây điện rối tung, mấy hộp pin khô, một tấm bản đồ địa hình chú thích bằng tiếng Đức, mấy cái vỏ đồ hộp, một chiếc mũ sắt và một chiếc ba-lô lớn, chằng buộc bằng những sợi dây dù. Mở nút dây buộc, An-đơ-rây thấy trong ba-lô có sáu chiếc hộp con bằng gỗ sồi mỏng. Mỗi hộp nặng độ hai cân. An-đơ-rây chăm chú xem xét « không phải là mìn » — anh khẳng định như vậy và, lấy dao nhíp nậy tháo những chiếc đinh vít đã giữ chắc lấy nắp hộp. Trong hộp có một cái máy gì đấy mà anh chưa hề thấy, làm bằng chất nhựa đen, bọc trong lớp vải ni-lông trong suốt. Hình dáng của nó thon thon bầu dục. Phần nhọn, có lẽ là phần dưới của máy, có một cái vòng đằng mũi. Lồng vào cái vòng này là một sợi dây tết mỏng mảnh ở đầu có buộc một mỏ neo chia bằng thép. An-đơ-rây phát hiện thấy ở phần trên của máy một đường khớp nối tạo thành một cái nắp thì phải. Anh liền xoay vặn theo chiều ngược lại với kim đồng hồ. Quả là đúng như vậy. Dưới cái nắp, An-đơ-rây trông thấy một cột chữ số có chia độ và một núm bấm mở máy màu đỏ. Trên núm bấm có một chữ Anh: « START » (1).

An-đơ-rây gói máy lại, mang đến chỗ khe hở và báo cáo về vật tìm thấy. Chiếc máy được dòng kéo lên một cách hết sức thận trọng:

Còn phải xem xét một cái hốc nữa, nó ở tận trong cùng hang. Bấm đèn lên, An-đơ-rây bước né sang bên để tránh một lỗ hõm. Vòm hang ở đây lơ lửng như một mái nhà

(1) Tiếng Anh: mở máy.

uon cong, tròn trặn. Lớp đá xanh nhờ tỏa ra muôn vàn tia óng ánh.

Bỗng làn tia sáng nhỏ hẹp của đèn pin làm nổi bật một chiếc mũ nồi trong bóng tối. Chiếc mũ được gấp đôi lại có buộc một dải băng và treo trên đầu chuôi một thanh lưỡi lê Đức, cắm vào vách đá.

– An-đơ-rây, sao lại im lặng thế? – I-a-xát-nưi hét gọi và cái giọng trầm phát ra từ lồng ngực của đồng chí vang động khắp hang.

Một sự hồi hộp vô duyên cớ đang xâm chiếm An-đơ-rây. Anh cầm lấy chiếc mũ và cảm thấy tay mình run lên. Thời gian đã xóa mất dòng chữ đề trên dải mũ. An-đơ-rây cầm lấy chuôi, thanh lưỡi lê ra; anh nhớ lại: «Hãy nói cho An-đơ-rây-ca biết là con sắp về và sẽ đem cho nó một thanh lưỡi lê chiến lợi phẩm. Phô-ma Lô-ba-đơ-nốp đến chết thèm thôi!».

– An-đơ-rây, sao im lặng thế?! I-a-xát-nưi gào xuống hang.

Trong chiếc mũ có một cái gói được bọc kín bằng một mảnh giấy bản đồ in. Càng hồi hộp hơn, An-đơ-rây thận trọng mở mảnh giấy đã nát mủn... Vật đầu tiên anh nhìn thấy là một mảnh bản đồ Đức – mặt sau có những dòng chữ ghi chép một cách vội vã bằng bút chì, sau đó là hai tấm ảnh. Một tấm ảnh, do một bàn tay không chuyên nghiệp chụp, đã vàng úa đ' vì lâu ngày: hình một cô gái mặc áo choàng lông ngắn, đầu đội mũ có vành bịt tai. Mặt sau tấm ảnh phải chật vật lắm mới đọc nổi: «Vô-lô-đi-a! Cầu mong cho tình yêu của em sưởi ấm và bảo vệ anh. Đa-sa». Bức ảnh thứ hai chụp một nhóm người: một người phụ nữ ngồi trong ghế bành, có đứa con nhỏ đặt trên đùi, bên cạnh là một thanh niên khoảng mười bảy tuổi.

Chính bức ảnh sao phóng to từ tấm ảnh này ra hiện đang treo trong buồng mẹ ở nhà...

An-đơ-rây nghẹn ngào. Nuốt nước mắt một cách khó nhọc, anh kêu thét lên.

Nghe thấy tiếng thét, I-a-xát-nưi nằm xuống, người áp sát vào miệng hang.

– An-đơ-rây, chuyện gì thế? An-đơ-rây vẫn lặng thinh.

Đứng phắt ngay dậy, I-a-xát-nưi, như điên cuồng đẻ người vào tảng đá, ra sức lay, nhưng nó chỉ hơi nhúc nhích rồi vẫn cứ ì ra tại chỗ. Lúc đó đồng chí bèn lách mình vào khoảng kẽ hẹp, giữa vách đá phía trên và tảng đá hoa cương, hai chân dận mạnh vào tảng đá đó. Cơ-lê-ba-nốp và điện đài viên A-va-cu-mốp đến hợp lực với I-a-xát-nưi. Họ gắng hết sức lay đầy theo cùng nhịp cho tới khi tảng đá bật ra lăn ầm ầm xuống phía dưới, vỡ tan vụn thành những mảnh nhỏ.

I-a-xát-nưi tụt xuống hang đầu tiên. Không hỏi han điều gì, đồng chí cầm lấy tấm ảnh trong tay An-đơ-rây.

« An-đơ-ri-ut-sca mới một tuổi – 1938. Ca-si-ra ».

I-a-xát-nưi đọc và lặng lẽ bỏ chiếc mũ trên đầu xuống.

An-đơ-rây mở mảnh bản đồ in ra. Anh vất vả dò đọc dòng chữ bị thời gian xóa mờ.

« Năm trên cái bãi phẳng ở đỉnh Trô-rơ-nai-a Bơ-ra-ma, tôi và An-tôn không ngờ rằng, ở phía dưới chúng tôi ba thước, trong một cái hang sâu, có bọn Đức đang ẩn nấp.

Khi một quả đạn súng cối rơi hú họa trúng ngay phải điện đài, chúng tôi đều kết luận rằng đã làm được tất cả những gì có thể rồi. Liên lạc với chỉ huy sở đã bị gián đoạn, nhưng những viên đạn trái phá đang được câu trúng vào mục tiêu.

9 giờ 38 phút.

Chúng tôi quyết định: phải chiếm lấy cái hang của bọn Hít-le rồi cố thủ ở đấy cho đến khi bộ đội ta tới.

Chúng tôi đã chiếm được hang không phải chiến đấu: bọn Đức chúng đã bỏ chạy từ lâu. Ở đây, khói dày đặc và

ngột ngạt. Trước lúc tháo chạy, bọn chúng đã đốt mất những tài liệu gì đó...

Bọn Hít-le đang tấn công chúng tôi...

Ô-bơ-lê-pi-khin đã làm một cuộc đột kích để cướp súng địch.

Ô-bơ-lê-pi-khin đã không quay trở lại. Vĩnh biệt, An-tôn Ô-bơ-lê-pi-khin...

Những viên đạn cuối cùng.

Có thể, khi nào dấy... » – đến đây lời ghi chép bị đứt loạn.

– « Có thể khi nào dấy... » An-đơ-rây nhắc lại – Cơ-lê-ba-nốp phá tan sự im lặng:

– Nếu bọn Hít-le đã đốt hết những tài liệu lưu trữ, thì ta biết lấy gì để giải thích việc bọn « tông đồ » kế tục chúng lại cứ khăng khăng tìm mọi cách lần mò đến Trô-rơ-nai-a Bơ-ra-ma.

– Thưa đồng chí đại úy, có thể là vì những cái máy tính Gây-ghe-rơ thì phải? Ở đây còn những năm cái kia – I-a-xát-nưi dặt giả thuyết.

– Theo tôi, những cái máy tính Gây-ghe-rơ đã được « Xác-ma-tốp đem để vào hang này. Nhưng điều khó đoán là thế này – tại sao lại chính là ở nơi đây? Trô-rơ-nai-a Bơ-ra-ma có cái gì hấp dẫn chúng đến như vậy? Sau một lát im lặng, Cơ-lê-ba-nốp cất cao giọng: Đồng chí chuẩn úy, bấm đèn lên, chúng ta hãy khảo sát kỹ cái hang này xem.

Đờ dẫn như kẻ mất hồn, An-đơ-rây đứng yên không nhúc nhích bên cạnh cửa hang, mắt nhìn những vì sao lấp lánh ở dưới thấp.

Cơ-lê-ba-nốp và I-a-xát-nưi dò dẫm từng bước một xem xét lòng hang. Đến một chỗ đất hơi mềm, họ bèn cuốc nền đất lên.

« Đây, số đất quặng đã tìm thấy ở đằng sau lần cồ áo mưa của Xác-ma-tốp là do từ nơi này đây, – Cơ-lê-ba-nốp nghĩ bụng, khi chiếc xẻng của đồng chí đụng phải một vật gì rắn cứng, phát ra những tiếng vang lanh canh.

– Đồng chí chuẩn úy, lại đây! An-đơ-rây soi đèn cho chúng tôi! Cơ-lê-ba-nốp hạ lệnh. An-đơ-rây cầm lấy chiếc đèn ở tay đại úy rồi, chập nó vào với đèn của mình rọi hai làn tia sáng vào một hốc đá. Chẳng mấy chốc đã hiện ra một cái mặt phẳng gì đó, có ánh kim loại phản chiếu, rồi sau đó là toàn bộ một chiếc hòm con bằng nhôm, Cơ-lê-ba-nốp nhắc bỏ cái nắp ra.

– Rốt cuộc là thế này! Nó đây rồi, cái di sản của Áp-ve! Một tập phiếu ghi!

Đại úy rút hú họa ở trong hòm ra một tấm phiếu và, vừa lần mò một cách vất vả, vừa đọc lên bản văn tiếng Đức rồi dịch ra:

« Ô-xca Ki-vô-nhên. Biệt danh: Viếc-tơ hay chủ nhân. Sinh năm 1892, ở làng Cơ-rét. Có thù với chính quyền xô-viết bọn bôn-sê-vích đã tịch thu mất của hắn một nhà máy ướp cá, năm chiếc xuồng, một tàu nhỏ cùng tất cả các dụng cụ đồ nghề. Là một tên trung thành, nhưng vô cùng tàn ác, có lẽ, chỉ nên dùng hắn vào việc phá hoại ».

– Còn đây chính là tấm ảnh của chủ nhân, tức Ki-vô-nhên...

A-va-cu-mốp tụt xuống hang và báo cáo:

– Báo cáo đại úy, tôi vừa nhận được điện từ Muốc-măng chuyển qua « Tảng băng 3 »!

Đại úy cầm lấy bức điện đã được dịch ra ở tay nhân viên điện đài đưa và đọc:

« Phúc đáp lời chất vấn của đồng chí, chúng tôi xin báo: những dấu hiệu để phân biệt thấy ở trên vách núi đá vịnh U-gô, là do một đội địa trắc học khắc lên năm ba mươi

chín. Người ta đã thuê các công nhân ở cảng Ghê-ooc-ghi làm việc đó! Chúng tôi đã tìm ra tên họ những người công nhan này qua các bản thanh toán tiền công. Trong số tám người thì hiện đang làm việc ở cảng Ghê-ooc-ghi năm, ở Muốc-măng một, một đã hy sinh tại mặt trận trong thời gian chiến tranh giữ nước, một đã mất tích – Đó là: Côn-da-nốp A-lêch-xăng Pha-dê-ê-vích, sinh năm 1916, vợ là Côn-da-cô-va Gơ-la-phi-ra I-gơ-na-chép-na, hiện đang sống ở cảng Ghê-ooc-ghi».

16

HẮN ĐÁNG GIÁ BAO NHIÊU ?

Những tảng đá tròn từ ngôi nhà Véc-gun nối theo nhau liên tiếp chạy bò xuống phía vịnh như một bức thành xám xịt. Trong các khe đá, những đám rêu mới, xanh mơn mởn đã hiện ra, xuyên qua lớp rêu chết đen sẫm mọc lên từ năm ngoái. Trên một cây bạch dương thấp, nhỏ đơn độc đã thấy nhú lên những búp non. Những mảnh băng do những giọt nước đông lại tạo nên, vắt từ tảng đá này xuống tảng đá khác, tựa hồ như trên những bậc thang gác vậy. Trời đã về chiều. Gơ-ra-phi-ra đang đan một chiếc riềm nệm trải giường bằng sợi trắng, chị vừa nhìn qua cửa sổ vừa hát :

Khi bão táp như con ngựa đen
Chồm dựng ngược vó lên,
Thì anh hãy tưởng nhớ lại
Ngọn lửa cháy âm ỉ
Và đêm tối,
Và những lớp sóng cuồn cuộn.
Cho nỗi khiếp sợ u ám
Bay ra khỏi trái tim anh!
Ôi tình yêu, người chị hiền của ta
Người hãy gửi gắm nụ cười cho bóng đêm!...

Mũi kim móc nhích lên chúi xuống một cách thành thuộc, những mối dăng-ten càng được nối dài thêm.

bên cạnh chân chị rơi buột ra, lào rào sột soạt như có con chuột nhắt đang nghịch dâu đây.

Ngọn hải đăng còn rực cháy,
Sóng nước rì rào,
Tạm biệt em yêu,
Nơi xa nời... –

chị hát lên.

Sên-cu-nhi-kha không gõ cửa, chạy bổ ngay vào trong phòng y như đang bị chó đuổi. Cái « thùng tô-nô » ấy thở hồn hển, đứng dựa lưng vào khung cửa, mãi một hồi lâu mà vẫn chưa lại được hơi sức.

Gơ-la-phi-ra I-gơ-ra-chép-na từ từ cuốn tấm đăng-ten lấy kim gài lại, rồi mở tủ lấy bình rượu mùi, hai cái cốc nhỏ, đặt lên bàn.

– Ôi, Gơ-la-phi-ra I-gơ-ra-chép-na, Sên-cu-nhi-kha bắt đầu nói, vừa thở hắt ra với một vẻ nặng nhọc. Em đến báo cho chị biết một tin mới... mụ ta nốc cạn cốc rượu. Rượu mùi thuộc loại rượu nặng, cất bằng những hột thơm. Sên-cu-nhi-kha uống cạn thẳng một hơi rồi, cũng như Sên-cu-nốp, đảo trợn mắt lên. Sau đó mụ mới bắt đầu trình bày cái tin mới. Sên-cu-nhi-kha vốn là một người đàn bà lắm điều, nói năng lôi thôi, dài dòng. Nếu như có kể chuyện gì, bao giờ mụ cũng bắt đầu từ tận mãi đâu đâu, từ khi khai thiên lập địa rồi mới vào đề câu chuyện chính. Gơ-la-phi-ra biết rõ như vậy, nên chị đã chuẩn bị tinh thần kiên nhẫn để nghe.

– Sự thể là như thế này : con dê ghẻ nhà em dạo này nó cứ lồng lên ấy. Sáng nay nó đã nhá đứt dây buộc và bỏ chạy mất, – cái « thùng tô-nô » đó bắt đầu vào chuyện – Em đã chạy đi tìm chẳng còn thiếu đâu nữa, thôi thì sục sạo khắp cả thị trấn, hai chân mỏi như đến sụn ra mất! Nhưng thôi, ông Pơ-rô-kho Xtê-pha-nô-vích nhà em cũng sắp đi biển trở về – ông ấy hãy đi mà tìm lấy vậy! Chị cũng biết đấy, cái « dò quỷ sứ » ấy xưa nay chả vẫn thích

sữa dê mà! – Mụ ta nhìn với một vẻ xúc động cái bình rượu mùi và thở dài: – Còn em thì có lẽ cũng nên uống thêm một cốc nhỏ nữa cho nó giải cơn mệt đi. – Và thật thế, không có cái «món» đó thì hai con mắt ti hí của mụ ta đã nhắm nghiền lại rồi.

Gơ-la-phi-ra hiểu biết công việc của mình:

– Chị đổ đầy cốc thứ tư cho Sên-cu-nhi-kha.

Mụ ta uống cạn, ngà ngà say và khóc òa lên. Đôi con mắt của mụ thì nhỏ ti hí, nhưng mỗi giọt nước mắt lại to bằng đồng hào ván ấy (1). Mụ khóc, đưa khăn lên lau mắt và nói:

– Em nhìn, nhưng có ánh sáng trên cửa sổ ngôi nhà Côn-đa-cốp và cái khóa cửa thì đã tháo ra khỏi vòng sắt. Em nghĩ, Gơ-la-phi-ra đang dọn dẹp ở trong đó em bèn đi đến gần cửa sổ, nhòm qua khe...

– Thế nào? Gơ-la-phi-ra mím miệng hỏi.

– Em nhìn thấy một người đàn ông đang ngồi, mặt bôi đầy xà phòng, chắc là đang cạo mặt. Cha mẹ ơi, em nhìn hắn ta mới ghê chứ...

– Thôi, bị người ta làm cho phát hoảng lên đấy.

Tim đã thót lại, vì kinh hãi thì cứ nói ra điều gì chính bản thân cũng chẳng biết nữa đâu. Mình đã cho một người ở Muốc-măng thuê nhà đấy. Cứ để cho ông ta ở thôi – Gơ-la-phi-ra điềm đạm nói, chị cởi chiếc khăn quàng ra, khoác lên vai.

– Đề nghị chị hãy nói ra xem! Chị đã nhận cho một người thuê...

– Đằng nào ngôi nhà cũng bỏ trống không, mà người đang đi công tác thì lại không có chỗ ở.

– Đề nghị hãy nói toạc ra xem nào! Và chị đã «chém» thật nặng chứ gì?

---

(1) Nguyên văn: đồng 10 cô-pếch

– Lấy bao nhiêu là tùy mình.

– A thế thì xin chúc chị ăn bữa tối thật sung sướng nhé! Sên-cu-nhi-kha tỏ vẻ phật lòng, và cũng như khi đến, mụ đứng nhồm dậy, vụt một cái đã ở ngoài ngưỡng cửa rồi.

Người như bị sửng sốt, Gơ-la-phi-ra cứ đứng bên cạnh cái lò sưởi đã đốt cháy nóng rực, đợi cho đến khi những tiếng chân bước nặng nề trên cầu thang của Sên-cu-nhi-kha lặng hẳn đi. Sau đó chị lấy tấm áo choàng ngắn trên mắc áo, khoác lên vai, rồi lao xuống bậc cầu thang, cánh cửa phía sau lưng mình thậm chí cũng chẳng đóng lại nữa. Khi đã nện chân rầm rập, hết cả bốn mươi sáu bậc thang, Gơ-la-phi-ra bèn thu hết sức can đảm bỏ áo ra khỏi vai, xỏ tay mặc lại cho tử tế và bước đi một cách thong thả, không hấp tấp vội vã. Chị đi qua dãy nhà trong thị trấn mà không hề ngoảnh lại, không đưa mắt nhìn một ai cả. Chị rẽ về phía thung lũng hẹp, đi vòng qua các kho chứa thì lập tức ngôi nhà của Côn-đa-cốp hiện ngay ra đằng sau một khối đá. Gơ-la-phi-ra bước đi chậm chạp hơn nữa. Chị áp lòng bàn tay sát vào tim – tim đập ghê quá, giá như bỏ bàn tay xuống là nó vỡ tung ra mất thôi!

Hình như có ánh sáng ở cái cửa sổ nhỏ thì phải.

« Nhưng có lẽ là cửa kính phản chiếu lại ánh mặt trời sắp lặn chăng? Không phải, có khói từ trong ống khói dương tuôn ra thành những vòng quẩn quại đen đặc, như vậy là lò sưởi đã được đốt nóng. Cái khóa trên cửa một lần nữa lại không thấy có, – Gơ-la-phi-ra nghĩ bụng có lẽ là như thế này; có một người nào đó vừa cặp bờ, liền trông thấy một ngôi nhà nhỏ xinh xinh và cái chìa khóa để ở ngưỡng cửa, mà trời cũng đã về khuya, liền rẽ vào như một người khách, thắp đèn lên, thấy có củi đã chẻ sẵn để ở cạnh lò, bèn lấy đốt... Mình rõ thật ngốc, mình định lừa dối ai nữa chứ? Từ ở nơi nào tới hòn đảo của ta ở Gu-đim này, lại có một ông khách bất ngờ được nhỉ? « Ý nghĩ ấy làm cho chị nghẹt thở. Gơ-la-phi-ra vượt qua con đường, và với một cái giật mạnh

quen thuộc của người chủ nhà, chị mở cánh cửa ra, đứng sững ngay lại trên ngưỡng cửa.

Xa-sa Côn-đa-cốp đương ngồi trên chiếc ghế dài, mày râu nhẵn nhụi và bảnh bao dẹp đẽ lắm. Anh ta mặc chiếc sơ-mi mà trước đây chính tay chị đã khâu và thêu cho anh trên chiếc xuồng « vì sao nhỏ », khi hai người đi từ xưởng đóng tàu trở về. Có điều bây giờ chiếc sơ-mi đó đã chật so với người anh hoặc đã bị mục đi vì ở trong hòm – dưới hai nách áo thấy có vết rách bục. Xa-sa ngồi trên ghế, nhìn Gơ-la-phi-ra và cười. Anh ấy trước đây thường vẫn như thế, động một tí là cười lên được rồi. Tay Xa-sa cầm cái tẩu óng dài có nắp kiểu Hòa-lan. Trước đây anh ấy không hút thuốc kia.

– Anh đã về... Gơ-la-phi-ra nói từ ngưỡng cửa, nhưng chính môi chị lại run run. – Sao lại lâu đến thế?

– Gơ-la-phi-ra ạ, chẳng có ngọn gió nào thổi cả đâu, nhưng anh cũng đã bị bắt đi nơi xa đấy.

Côn-đa-cốp giơ hai tay về phía Gơ-la-phi-ra. Dường như cũng đã chờ đợi cái phút đó, Gơ-la-phi-ra lao tới ôm chầm lấy anh ta, nhưng lập tức chị né mình tránh sang bên và nhìn với vẻ dò xét vào cặp mắt anh ta, vừa hỏi:

– Anh có thể công khai ra mắt mọi người được chứ. Hay là anh đã bí mật trở về?

– Gơ-la-nhi-a [1] anh hiện ở trong vòng pháp luật em đừng sợ. Hãy nhìn kia – Hộ chiếu được cấp ở voóc-cút đấy, – hắn chỉ tay lên bàn nơi có để các giấy tờ, – giấy chứng nhận phóng thích khỏi trại giam. « Căn cứ vào nơi ở cố định đi về Cảng Ghê-ooc-ghi... » hắn đọc lên. – Em hãy nhìn xem, Gơ-la-phi-a, viết rõ ràng trên giấy trắng mực đen đấy nhé. Anh đã về với em. Ngôi nhà này chính tay anh đã dựng nên kia mà.

(1) Cũng là Gơ-la-phi-ra.

– Ô-lê-séc! Xa-sen-ca. Anh yêu của em, em héo hon vì chờ đợi anh! – Mãi đến bây giờ chị mới nhận thấy trên bộ mặt Côn-da-cốp thời gian đã khắc họa lên không biết bao nhiêu là nét nhăn rồi. Anh biến đi đâu ngần ấy năm trời? Anh đã sống ra sao? Tại sao lại không viết thư?

– Anh sẽ nói, Gơ-la-phi-a, sẽ nói tất cả. Em không cần phải nhắc một lời nào cả, nhưng trước hết... Tâm trạng em bây giờ ra sao – vẫn yêu chứ?

– Vẫn yêu...

– Yêu như trước kia...

– Em có nhớ khi chúng ta rời Ac-khan-ghen-xcơ đi trên chiếc xuồng « Vì sao nhỏ », em đã thề với anh...

– Có nhớ.

– Có nhớ khi em đưa tiễn anh đi tòng quân, em đã thề: « ... Nếu anh đi chiến đấu suốt cả tuổi thanh xuân em vẫn chờ! Nếu người ta sẽ nói rằng anh đã hy sinh – em vẫn chờ! Chừng nào mắt còn nhìn thấy! Chừng nào tim còn đập! Chừng nào trái đất còn dung em... ».

– Chừng nào trái đất còn dung em... – chị nhắc lại như một tiếng vang.

– Có yêu không?

– Có,

– Dù anh đưa đi đâu, em cũng sẽ đi với anh?...

– Em sẽ đi, Ô-lê-séc...

– Gơ-la-nhi-a, bây giờ anh sẽ nói cho em biết sự thật. Bị thương nặng, anh bị bắt làm tù binh. Sau đó chiến tranh kết thúc, anh ở trong một trại giam gần Muy-ních hai năm trời. Gơ-la-nhi-a ạ, anh lúc nào cũng chỉ khao khát trở về với em, nhưng không sao thoát ra được. Ở đây, tại nơi anh ở, người ta nói rằng ai đã bị bắt làm tù binh thì tốt hơn đừng có trở về nhà – nhà tù và cuộc đời lao động khổ sai sẽ chờ đón anh; còn xứ sở nước người tuy nó là một người mẹ ghẻ thật đấy, nhưng cũng không đến nỗi là một tên cai ngục đâu. Anh liền chuồn sang bên

kia đại dương. Anh đã sống ra làm sao, tự em khắc hiểu, sống ở nơi đất khách quê người thì có khác chi một người cầu bơ cầu bất [1]. Song mắt anh đã trông thấy, người dân lao động ở đó tuy có vất vả lo lắng, nhưng cũng không phải dầm mưa dãi nắng cho lắm. Em thì sẽ cứ ngoan ngoãn mà chờ đợi cho vận may nó đến, nhưng đừng có trông đợi, phải đem sức mình ra mà mở cho mình một con đường chứ! Gơ-la-nhi-a, em biết đấy, anh là một người vốn có đầu óc giàu tưởng tượng và sáng kiến, thế mà anh có vật lộn bao nhiêu chăng nữa, cuộc sống vẫn cứ như mặt trăng, khi thì tròn, khi thì khuyết. Anh đã từng chuyên vận gỗ trên sông Goóc-nơ ở bang Môn-ta-na. Đã đi lính cho nước Hông-du-rát. Làm phó chuyên viên máy móc trên một con tàu hôi hám chạy ven bờ biển, đoạn đường Trác-xtôn – Xa-ven-na – Giếc-xôn-vin. Thậm chí anh đã làm cả nghề buôn cá nữa, song cũng chẳng khấm khá giàu có lên được. Nếu nhớ lại tất cả những sự việc anh đã trải qua trong những năm đó và viết lên thì sẽ được một cuốn tiểu thuyết hay đấy, em mà đọc thì sẽ không rời sách ra được đâu. Thời gian và sự phân ly thường làm héo mòn tình yêu, nhưng anh thì cứ mỗi một năm lại càng thêm yêu em. Gơ-la-nhi-a ạ, anh dâm ra buồn bã sầu não. Canh cánh một nỗi sầu não đó thì thật không vượt qua nổi khó khăn đâu. Bỗng một hôm, có một người cũng tựa như chúng ta, một người Nga, đến gặp anh. Anh thật chẳng còn biết nghĩ ra làm sao nữa, do đâu mà người đó lại biết rõ về cuộc đời của anh, nhưng ông ta quả là đã biết rõ tất cả một cách đích xác cặn kẽ. Ông ta nói: «Anh đang muốn sống một cuộc đời như mọi người đang sống đấy, vậy đây là của anh số tiền năm nghìn cua-ron Thụy-điển để ở nhà băng Thụy-điển ở Nu-rô-vô-ghen, còn năm nghìn nữa thì sau

(1) Nguyên văn: Có khác chi ở đại dương; chân cẳng đâm ra yếu mềm, không hoạt động được.

khi anh làm xong công việc sẽ được lĩnh. Món tiền lớn quá. Những món tiền như vậy thật không có một lý do nào để mà nhận cả. Nhưng tự em khắc biết đấy, bơi trên con sông nào thì uống nước con sông đó. Anh đã đồng ý. Thời gian đó anh đang sống ở Phi-châu, tại nước Công-gô. Anh làm người giám thị ở khu mỏ Ô Ca-tan-ga. Một cuộc sống đúng là của giống chó má và làm việc thì cứ như súc vật, chứ không còn ra con người nữa! Anh vừa ký tên vào hợp đồng là người ta đã cho anh lên máy bay và đưa về Hăm-bua ngay.

Này ở đây... Gơ-la-nhi-a, em đã khóa cửa lại chưa? – Côn-da-cốp hỏi.

– Em không nhớ, anh Xa-sa ạ! Em ra xem ngay đây, vừa nói, Gơ-la-phi-ra vừa đứng nhổm dậy khỏi ghế.

– Không, em cứ ngồi, anh đi xem lấy vậy.

Côn-da-cốp đứng ở ngưỡng cửa lắng nghe, hắn mở cánh cửa, bước ra ngoài, nhìn khắp mọi vật chung quanh rồi quay trở vào và gài móc cửa lại.

– Điều anh sắp nói với em đây, anh chưa hề nói cho một ai biết cả – Côn-da-cốp bắt đầu và hạ thấp cái bấc đèn đến mức suýt nữa thì ngọn đèn tắt ngấm – Khi đã tối thì dường như không có ai nghe vụng cả, nhưng nếu có ánh sáng thì cả đến bức vách cũng có tai mà nghe kia đấy!

Hắn đi đến gần chiếc ghế dài, sờ tìm hai bàn tay nóng hổi của Gơ-la-phi-ra và ôm ghì lấy chị.

– Gơ-la-nhi-a ạ, người ta chở anh bằng máy bay đưa đến Hăm-bua, một thành phố lớn có hải cảng. Ban đêm người ta cho anh lên ô-tô và dẫn đi rất lâu đến một nơi nào đó. Anh bắt đầu sống trong một căn buồng riêng biệt. Người ta cho anh ăn uống y như kiểu vỗ lợn cho chóng béo, cho anh học lướt qua các môn khoa học đến nhừ cả người. Anh không lên cân được, đúng là đâm gầy sút đi.

– Xa-nhi-a [1], thế người ta đã dạy cho anh học những cái gì? – Gơ-la-phi-ra lấy làm lạ.

– Dạy cho học về đủ mọi loại khoa học của sự khôn ngoan sáng suốt.

– Em không hiểu nổi, anh Xa-nhi-a ạ. Có phải ở đó người ta đã dạy anh cách biến ngày thành đêm? Anh đã hạ thấp bấc đèn xuống, mà ánh sáng thì lại cần thiết cho con người như không khí vậy. Mọi sinh vật đều hướng về phía mặt trời cả kia mà.

– Cây cối thì vươn lên tìm mặt trời, nhưng con người thì tìm hạnh phúc!

– Vậy, Xa-nhi-a, thứ hạnh phúc đen tối của anh là ở đâu?

– Gơ-la-nhi-a, em là nguồn hạnh phúc của anh.

– Với anh, với anh...?

– Anh đã thấy đủ nhiều rồi cái thứ hạnh phúc thanh bạch nghèo khổ lẫn cả cái thứ tình yêu bữa rau bữa cháo ấy. Em và anh chúng ta sẽ sống ở Nu-rơ-vô-ghên. Chúng ta sẽ mua chiếc xuồng máy « Vì sao nhỏ » để kỷ niệm chiếc xuồng đó, chiếc xuồng ở Ac-khan-ghen-xcơ. Chúng ta sẽ đi đến nơi đánh cá của mình...

– Chẳng lẽ anh và em, chúng ta lại là những kẻ nghèo khổ sao? Nếu mà em sẽ làm công việc mồ ướp cá, thì không ai sánh kịp được em đâu. Xa-nhi-a, trong suốt cả hợp tác xã, anh vốn là một chuyên viên cơ khí giỏi nhất...

– Em muốn nai lưng ra mà làm ư?

– Bạch nữ không ướp bằng mồ hôi thì ăn sẽ thấy nhạt!

– Anh mời em đi chơi hội, thế mà em thì lại không rút được chân ra khỏi cái đời sống buồn chán ấy. Anh mời em đi tới hạnh phúc...

Anh mời một cách dễ dàng như mời đến rạp chiếu bóng không bằng.

---

(1) Cũng là Xa-sa, gọi một cách âu yếm.

– Tại sao lại dễ dàng ? Mới chỉ làm xong được có một nửa công việc thôi. Còn cần phải đạt được hạnh phúc nữa kia.

– Xa-nhi-a, đó là thứ hạnh phúc xa lạ...

– Tại sao lại xa lạ ?

– Một thứ hạnh phúc không phải là của chúng ta, không phải là của người Nga. Chính anh chẳng đã gọi nơi đất khách quê người là một bà mẹ ghẻ, thế mà anh lại định đem em đi, cho em xa khỏi bà mẹ đẻ thân yêu.

– Điều thứ nhất là ở nước ngoài người ta cúi rạp mình trước túi tiền của người khác, thứ hai là người ta khoe khoang hợm hĩnh về túi tiền của mình. Tiền thì ở đâu nó cũng vẫn là tiền, cả đồng rúp lẫn đồng cua-ron Thụy-điển cũng vậy thôi.

– Xa-nhi-a, vì lẽ gì mà người ta lại trao cho anh những cua-ron Thụy-điển ?

– Anh sẽ kể lại với em tất cả. Không có sự giúp đỡ của em, một mình anh không làm nổi đâu. Ngay cả em, để có thể cùng anh đi đến Nu-rơ-vô-ghên, em cũng cần phải phát huy hết năng lực của mình, phải tỏ ra xứng đáng với sự tín nhiệm. Gơ-la-nhi-a ạ, anh đã bảo lĩnh cho em đấy. Ở đấy người ta đã hỏi anh : « Đã qua nhiều năm... », họ nghi ngờ mà, nhưng anh đã trả lời họ : « Con người ở đấy không thay lòng đổi dạ đâu ! » – như em thấy đấy, anh đã không nhầm. Khoan đã, Gơ-la-nhi-a, anh nhìn qua cửa sổ xem liệu có ai nghe vụng không, hắn đi đến gần cửa sổ, vén rèm lên và áp trán vào kính cửa.

Chiếc lò nhỏ đang cháy đỏ rực. Những hòn than hồng rọi sáng qua những kẽ hở của tấm cửa đóng không khít. Đầu óc Gơ-la-phi-ra bốc nóng bừng bừng, nhưng thân thể thì ớn lạnh rung lên. Chị trùm khăn quàng thật kín chặt, dựa người vào tường, gáy gối lên cái khóa hãm lạnh toát của khẩu súng Béc-đan treo trên tường.

– Trong cái thung lũng hẹp ở nơi đây tốt thật, ngay đến tiếng chó sủa cũng không nghe thấy nữa, Côn-đa-cốp vừa nói vừa sửa lại bức rèm – Gơ-la-nhi-a, điều anh sẽ nói với em, phải giữ tuyệt mật. Không được vì tình bạn lẫn vì sự tra tấn mà hở ra tí gì với một ai cả. Nếu người ta có dùng kìm kẹp để moi lời của em, cũng cứ im lặng. Anh không có ai thân yêu hơn em cả, song nếu em nói ra một lời với một người nào đó, anh sẽ giết em ngay không thương xót đâu. Em hãy nhớ lấy.

Côn-đa-cốp châm lửa vào tẩu, rồi vừa nhả khói thuốc vừa đi đi lại lại ở khoảng giữa chiếc ghế dài và ô cửa sổ.

– Mùa thu này ở biển Ca-ra, – hắn nói – sẽ có những cuộc diễn tập lớn của hạm đội miền Bắc. Những cuộc thao diễn đó được các ông chủ chúng ta hết sức quan tâm. Gơ-la-sa anh sẽ dưa tiền cho em, em mua lấy một chiếc xuồng có động cơ treo. Ở cảng Ghê-ooc-ghi, mọi người đều có thể nhìn thấy đấy. Nếu em cho làm như thế là liều lĩnh thì chúng ta đi mua xuồng hoặc ca-nô ở Muốc-măng vậy. Em sẽ xin thôi việc ở hợp tác xã bắt đầu kể từ sáng mai, hãy nói: chồng tôi đã từ trại giam trở về, chúng tôi bây giờ dọn đến Côi-đa ở.

Tẩu thuốc của Côn-đa-cốp đã tắt, hắn ngồi xổm xuống trước bếp lò, lấy miếng vỏ bào gấp ra một hòn than nhỏ, bỏ vào tẩu châm hút. Một làn ánh sáng đỏ hồng hắt lên bộ mặt hắn, làm nổi rõ vết nhăn phía trên lông mày và đường vạch thẳng ngang của cái miệng.

Dải bờ phía Tây đảo Gu-đim đến đầu phía Bắc vừa dốc vừa lởm chởm đá. Nhưng các chiến sĩ bộ đội biên phòng đã nghiên cứu kỹ khu vực của mình. Ở giữa những sườn núi cheo leo, khó mà vượt qua được, có một cái vịnh nhỏ, cái lắc-ta, như ở địa phương đây người ta vẫn thường gọi. Chiếc xuồng nhỏ tiến vào trong lắc-ta một cách yên ổn, thuận lợi và bọn họ liền đổ bộ lên các bãi đá ven bờ. Đồn trưởng đồn biên phòng đi trước, đồng chí vốn biết rõ cái

gọi là «ngôi nhà nhỏ xinh xinh» của Côn-đa-cốp và các con đường hẻm mà đội tuần tiễu thường đi qua. Ở phía Tây có một eo đất nối liền hai phần Bắc và Nam hòn đảo lại với nhau. Đến đây, con chó béc-giê At-xtơ-ra bắt đầu biểu lộ những dấu hiệu bồn chồn. Lớp lông trên gáy nó dựng ngược lên, vừa gầm gừ với vẻ dữ tợn, nó vừa lần theo dấu chân một lần nữa và dẫn đi về phía Đông.

Bọn họ đi qua những ngôi nhà đầu tiên của thị trấn, rẽ xuống cái thung lũng hẹp. Men quanh những kho chứa. Ngôi nhà lớn của Côn-đa-cốp hiện ra. Trên cửa sổ không thấy có ánh sáng.

– Em hiểu chứ, Gơ-la-nhi-a? – Côn-đa-cốp hỏi, mắt vẫn không rời những hòn than đỏ rực.

– Chiến tranh... – Gơ-la-phi-ra nói, không ra hỏi mà cũng không ra nhận.

– Mà dù có xảy ra chiến tranh chăng nữa, chúng ta, chúng ta cũng chẳng làm sao cả đâu! Côn-đa-cốp ngoái cổ lại, nói qua vai.

– Anh và em chúng ta chẳng làm sao cả ư? Chúng ta sẽ bỏ đến Nu-rơ-vô-ghên chứ gì?... Ở nước ngoài trái tim anh nó đã trở nên rắn đanh lại, hơn nữa, chính những đồng cua-ron ấy nó đã quấn lấy chân anh... Xa-nhi-a, anh hãy đi mà đầu thú ít ra là với Tô-nhi-a Khu-đi-a-cô-va, chị ấy hiện nay là chủ tịch đấy. Gươm đao cũng không nỡ băm chém một cái đầu biết thú tội ra đâu.

– Đi mà đầu thú thì người ta sẽ tặng cho khoảng mười năm tù, Côn-đa-cốp cười khẩy.

– Xa-nhi-a, em đã chờ anh một thời gian lâu rồi, thì em sẽ còn chờ đợi thêm...

– Gơ-la-sa ạ, năm tháng cứ trôi đi vùn vụt. Anh đã hơn bốn chục tuổi đầu rồi, thế mà anh cứ tưởng như chưa được sống ấy.

– Sống một cuộc đời ngắn ngủi như một con người trong sạch còn hơn sống một cuộc đời dài mà như một kẻ đốn mạt!

Côn-da-cốp đi đến sát bên chị, đặt một đầu gối lên ghế, nắm lấy hai cánh tay Gơ-la-phi-ra, bóp chặt đến đau nhức lên.

– Em có hiểu em nói cái gì không?

– Em hiểu chứ. Côn-da-cốp, anh đã làm thuê cho ai?

– Gơ-la-phi-ra, – hắn nói, giọng khàn đặc lại, anh biết em là người ăn nói giỏi lắm mà. Em hãy để dành những lời lẽ « tế nhị » của mình cho những tối liên hoan. Anh hỏi em một lần cuối cùng: em có ra đi với anh không?

– Không, em không đi. Anh cũng sẽ chẳng gặp thuận buồm xuôi gió...

Có tiếng chó dữ sủa. Côn-đa-cốp lao tới cửa, lắng nghe.

– Hình như...

Gơ-la-phi-ra đến gần bàn, vặn ngọn bấc đèn. Nó bùng cháy lên một cách mau chóng, vừa nổ lép bép và phát ra những tia sáng ngời. Ánh sáng xua đuổi bóng tối trong các góc nhà.

Chỉ đến lúc này, Côn-da-cốp mới nhìn thấy khẩu Béc-đan trong tay Gơ-la-phi-ra. Bị sặc cười, hắn ngồi tạm xuống ngưỡng cửa và nói ra một cách khó khăn:

– Em làm cho anh cười vỡ bụng ra mất, Gơ-la-nhi-a ạ... Việc gì em phải giơ súng ra như vậy?

– Xa-nhi-a, em đã chờ đợi anh trong bao nhiêu lâu. Em đã nhiều lần khóc, gối đầm nước mắt. Để cho người thân yêu của mình phải lang thang điêu đứng hết nhà tù này đến nhà tù khác, thì thà rằng chính tay em... – người phụ nữ nâng khẩu súng lên.

Lòng tin vào tình yêu của Gơ-la-phi-ra mạnh đến nỗi Côn-da-nốp đang cười rung chuyển cả người lên mà vẫn cứ nói:

– Nhưng khẩu súng đó, Gơ-la-sa ạ, cũng chẳng bắn được đâu... gỉ đã ăn mòn hộp cơ bầm, mọt đã đục ruỗng hết báng súng rồi kia mà.

Có súng dập vào cái nấc làm vang lên một tiếng tách khô khan.

Đại úy Cơ-lê-ba-nốp biết Xvên-xơn có súng lục. Vì không muốn thế mạng một ai trong những người của mình nên đồng chí đích thân đến gần cánh cửa và lắng nghe. Chợt ở cửa sổ bừng sáng rực, và có một tiếng cười đàn ông to và hồn nhiên, vang tới tai Cơ-lê-ba-nốp. Đại úy thận trọng kéo cái tay nắm cửa, nhưng cánh cửa đã khóa trái ở bên trong, không chịu mở ra. Quyết dùng sức giật mạnh để bật rời cánh cửa ra, đồng chí bám chắc cả hai bàn tay vào nắm cửa. Trong phút chốc đó vang lên một tiếng súng nổ inh tai, tiếng rên rỉ và tiếng thân người đổ. Ánh sáng trong cửa sổ tắt ngấm. Điều khó hiểu hơn nữa là sự yên lặng, kế tiếp theo sau phát súng nổ Cơ-lê-ba-nốp dùng sức lực đẩy bật cánh cửa, nhưng không có kết quả.

— Báo cáo đồng chí đại úy, đồng chí cho phép? Người chuẩn úy khẽ nói rồi, dè một vai vào cửa, giật thật mạnh cái tay nắm về phía mình một cái.

Cánh cửa mở toang ra.

Sau khi bật đèn pin lên, cả hai người, đại úy và chuẩn úy bước qua ngưỡng cửa và suýt nữa thì xô phải Xvên-xơn. Hắn đang ngồi trên sàn nhà, hai tay vòng ôm lấy đầu gối.

Có một cảm giác thèm muốn được quay lại phía sau để có thể nhìn xem cái mà cặp mắt hắn đang hướng chăm chắm vào là cái gì, nhưng không được quay lưng về phía Xvên-xơn, hắn bắn nhanh và bắn rất trúng.

Hoàn toàn thờ ơ với số phận của mình, hắn để cho người ta tước khí giới và trói hai tay lại.

Khi An-đơ-rây Na-goóc-nưi quấn xong cuối đoạn dây vào cổ tay Xvên-xơn, dẫn hắn ra khỏi nhà, đại úy liền rọi tia đèn vào trong cùng gian buồng.

Người phụ nữ nằm trên sàn nhà, đầu đặt đối hướng vào lò sưởi, hai bàn tay dầm máu che kín mặt. Lăn lóc bên cạnh chị là cái báng súng vỡ của khẩu Béc-đan và một bộ

phận cơ bắm. Nòng súng phình toác và đứt rời, còn thân súng thì đã bị sức nổ hất bắn ra một góc xa của gian buồng.

Người phụ nữ nằm bất tỉnh nhân sự. Đôi môi khô héo mấp máy nhưng Gơ-la-phi-ra muốn nói ra điều gì thì thật Cơ-lê-ba-nốp cũng chẳng hiểu nổi.

Sau khi hỏi được tin báo «dẹp trời» để xuất phát, chiếc «Pi-gơ-vin» – một chiếc xuồng nhỏ của thủ trưởng trạm đánh cá bằng phương tiện có động cơ – liền rời khỏi cảng Ghê-oóc-ghi. Đứng trên boong xuồng là chuẩn úy I-a-xát-nưi và khẩu đội trưởng An-đơ-rây, họ đều đang trở về với con tàu của mình.

Chiếc xuồng đi theo con lạch hẹp ở giữa các đảo Gu-đim và Cơ-rat-xnưi. Một cơn gió bốc mạnh, làm ngắt đoạn cả hơi thở, xua đuổi từng dám tuyết lạnh buốt trên mặt bể. Chiếc xuồng chạy ngược chiều gió, lẫn mình vào trong các con sóng.

Đứng bên cạnh chuẩn úy, An-đơ-rây cảm thấy vai chuẩn úy chạm vào vai mình.

– Thời tiết mát mẻ lắm, – người đội trưởng thủy binh nói – ngoài đại dương đang có bão. Chúng ta mà ra khỏi vịnh thì sẽ thấy lắc chòng chành phải biết đấy.

Từng đợt sóng hung hãn dồ ập vào khung mũi xuồng rồi vừa chạy tán loạn trên sân boong, vừa chảy qua những lỗ thoát nước rơi xuống biển. Trên trời, những đám mây xám là là bay qua, hòa lẫn vào màn tuyết trắng.

Toàn thân An-đơ-rây đau nhừ vì mệt mỏi và vì tình trạng căng thẳng của thần kinh mà anh cảm thấy trong những ngày gần đây. Quay mặt cho gió lạnh tạt vào, vừa cảm thấy ở trên môi cái vị mằn mặn của biển cả, mặc dù điều đó nó có cái vẻ kỳ dị thế nào chăng nữa, anh vừa cảm thấy sức lực của mình như được tăng dồi dào thêm lên. An-đơ-rây liền hiểu rằng trong suốt thời gian ở đấy, trong các bãi cỏ cằn và ở giữa những tảng đá, anh đã bị thiếu

mất cái thứ gió đó, thiếu mất những cái châm chích buốt lạnh của nó và thiếu mất cái boong tàu cứ luôn luôn dập dềnh.

Ngọn đèn hiệu vàng óng của chiếc « Vi-u-ga » chợt hiện ra và lập tức lần mất ngay đi. Sau đó, tất cả các ngọn đèn hiệu đề phân biệt của chiếc tàu đều lóe ra một cách cùng bất chợt như vậy. An-đơ-rây trông thấy chiếc « Vi-u-ga » dựng mũi sừng sững trên đầu ngọn sóng. Anh nhìn cái dáng kiêu hãnh của con tàu và cảm thấy một niềm hân hoan bồi hồi hình như nó đã quen thuộc với tất cả những ai sau một thời gian dài đi vắng nay mới quay trở về nhà mình.

17

ĐOẠN KẾT MÀ CŨNG CÓ THỂ GỌI LÀ ĐOẠN MỞ ĐẦU

Na-goóc-nai-a đợi chồng ở một phố bàn « trạm vận chuyền ». Chả là An-đơ-rây đã đi hỏi xem khi nào thì sẽ có xuồng từ Coóc-ga-ê-va Xan-ma tới.

Từ nơi đây, ở phố Tu-rit-xtốp, mở ra cái hoàn cảnh rộng lớn của thành phố và vịnh biển.

Cái hải cảng này của miền Bắc hoàn toàn không giống những thành phố mà trước đây chị đã thấy. Ở đây chỉ cảm thấy một sức mạnh to lớn rất độc đáo. Cảnh mặt trời mọc trên các quả đồi màu đỏ rực như ngọc tía, những khối nhà mới, những viễn ảnh rõ nét của các đường phố, con tàu thủy chạy bằng hơi nóng, chở hành khách trên vịnh, lóe sáng lên vì những bộ phận thiết bị nồi sơn màu trắng, một rừng cột buồm của đoàn tàu đánh cá, những tiếng ồn ào của một thành phố lớn và hải cảng — tất cả, tất cả đối với Xvét-na dường như đang tham gia một cách trang trọng vào cuộc sống mới, to lớn của hai vợ chồng chị.

An-đơ-rây Na-goóc-nưi ở trong « trạm vận chuyền » đi ra cùng với một sĩ quan cao lớn, vai rộng.

— Xvê-ta, em hãy làm quen đi, đây là trung úy I-a-xát-nưi! An-đơ-rây giới thiệu.

— Ra chị là thế này đây... — I-a-xát-nưi nói và giữ lấy bàn tay Xvét-la-na ở trong lòng bàn tay to lớn của mình.

– Tôi đã hình dung anh khác kia – Xvét-la-na nghiêng đầu ngắm nhìn I-a-xát-nưi một cách chăm chú và thân mật – An-đơ-rây không nói cho tôi biết anh để râu và ria mép...

– Tôi cũng mới để râu ít lâu nay thôi, cho nó dứng dắn con người một chút. Dẫu sao thì cũng là một anh trưởng trạm chuyền vận, phải cho nó ra mẽ con người chứ! Còn chị, Xvét-la-na, chị vẫn không thay đổi tí gì cả. Vẫn cứ dúng như trong ảnh mà tôi đã được biết đấy. Tiếc rằng anh chị vội vã quá, lẽ ra hai người phải ở lại đằng chỗ tôi ít bữa mới phải. Có đúng không nào? Phơ-rê-xi-a hẳn sẽ buồn...

– An-đơ-ri-u-sa phải đến phân đội...

– Tôi hiểu, tôi hiểu, công tác... An-đơ-rây Va-xi-li-ê-vích, có lẽ cậu cần một chiếc xe? Cậu dừng ngại ngùng gì cả.

– Không, cảm ơn, chúng mình đi bộ đến nhà ga cũng được, An-đơ-rây từ chối – chúng mình đến nhận hành lý ở phòng gửi rồi lên tắc-xi « chuyền vận dọc theo bờ biển ».

– Thôi, mong rằng chúng ta sẽ chóng được gặp nhau!

– Sẽ chóng được gặp nhau!

Khoác lấy cánh tay nhau, An-đơ-rây và Xvê-ta đã đi theo dường phố Tu-rít-xtốp xuống phía dưới, phía trung tâm, nhưng trung úy I-a-xát-nưi vẫn còn đứng nhìn theo họ mãi.

Trong phòng đợi nhà ga vắng tanh: mọi người đã bắt đầu lên chuyến tàu tốc hành Muốc-măng – Mát-scơ-va.

Trên một chiếc đi-văng có một người phụ nữ trẻ đẹp đang ngồi giữa vô số những va-li, những hộp mũ, những cái lẵng đề đồ ăn nguội. Một con mèo xám con, lông mượt óng đang ngủ trên đầu gối chị ta. Ngồi trên một chiếc đi-văng khác là một người phụ nữ mặc áo bành-tô da, bên cạnh có hai em gái nhỏ ăn mặc giống nhau.

– Theo như anh dự tính thì chừng bốn mươi phút nữa sẽ có xuồng máy, – An-đơ-rây nói – Xvê-ta, em đợi anh ở đây, anh đi lấy va-li nhé.

– An-đơ-ri-u-sa, anh đừng mang một mình. Anh muốn em giúp một tay không?

– Không, Xvê-ta, anh không muốn thế. Anh sẽ mượn một công nhân khuân vác – An-đơ-rây đi ra.

– Chồng phỏng? – Người phụ nữ ôm con mèo con trong tay, hỏi.

– Vâng.

– Đi lên miền Bắc? – Chị ta hỏi ra vẻ ái ngại.

– Lên miền Bắc! Xvét-la-na đáp.

– Còn tôi, chị bạn thân mến ạ, thì lại từ miền Bắc xuống miền Nam. Tôi đã chán ngấy những cái lạ kỳ của Bắc-cực, những « trái tim tê dại vì băng giá ». Xin lỗi, tôi không muốn làm phật lòng chị đâu, nhưng tất cả những cái đó thì chỉ để cho các cô gái ngây thơ...

Một sĩ quan chạy vào phòng đợi. Những đám sương băng đầu tiên đã rơi, thế mà người sĩ quan lại nóng bức cả người lên. Ông ta bỏ chiếc mũ lưỡi trai xuống và lau vầng trán ướt đẫm mồ hôi.

– Ra-ê-sơ-va, anh đã chạy đi báo trước rồi, cứ yên trí, chỗ ngồi ghế mềm ở từng dưới đã được dành cho em. Từ năm đến mười phút nữa sẽ có vé, – người sĩ quan nói với người phụ nữ ngồi bên cạnh Xvét-la-na và đi ra một cách cũng vội vã như khi vào.

– Chồng chị được thuyên chuyển xuống miền Nam ư, Xvét-la-na hỏi:

– Không, chị bạn thân mến ạ, có chúng tôi đi chuyển thôi, – Tôi và con Cu-ca tơ mịn này: xin hãy làm quen, người phụ nữ nhấc một bàn chân con mèo lên. Con vật ngáp và vươn dài mình – Tên họ tôi là Cơ-li-am, Ra-ri-xa Cơ-li-am. Chúng tôi đi chuyển xuống miền Nam, còn chồng tôi vẫn ở lại trên hòn đảo đá nhỏ xíu của mình, bề dài của nó độ ba trăm bước, rộng hai trăm, chung quanh là nước và ở trên mặt cũng là nước...

– Chị để chồng lại một mình ư? Xvét-la-na ngạc nhiên.

– Tôi chưa hề bao giờ bị mê hoặc vì cái thứ tinh thần dũng cảm nào cả, – chị ta rút trong túi ra một dải băng to màu hồng và bắt đầu thắt cho Cu-ca một cái nơ.

– Khi chị đã quyết định gắn chặt số phận của mình với cuộc đời một sĩ quan, chị đã biết là mình sẽ phải san sẻ với người đó không những chỉ có niềm vui mà còn cả những khó khăn gian khổ của cuộc sống nữa chứ! Giọng Xvét-la-na run lên vì cơn giận bị kìm nén lại.

– Chị bạn thân mến ạ, rồi với thời gian chị sẽ hiểu rõ: sống với người yêu trong căn lều mà cứ như ở thiên đường, nếu có được đầy đủ tiện nghi kia.

– Này, chắc chị cũng biết rồi đấy, đó chẳng qua là một thói dê hèn mà thôi! – Không dừng được nữa, người phụ nữ mặc áo bành-tô ngồi cuối ghế nói xen vào – chị không biết xấu hổ hay sao?!

Chồng Ra-i-xa bước vào cùng với một công nhân khuân vác ông ta đã nghe thấy câu nói cuối cùng của bà vợ.

– Biết làm thế nào được, Ra-ê-sơ-ca không chịu được khí hậu miền Bắc. Ra-ê-sơ-ca cứ luôn luôn bị nhức đầu, anh ta nói vẻ thanh minh và quay sang anh công nhân khuân vác: – đây những va-li này.

Vừa ôm ghì con mèo con vào ngực, Ra-i-xa vừa điềm lại hành lý và với một vẻ tôn nghiêm bị xúc phạm bước ra theo chồng và anh công nhân khuân vác.

– Chúng ta hãy làm quen nhau, tên họ tôi là Ra-dô-va, người phụ nữ chìa tay cho Xvét-la-na bắt – chị mới lần đầu đến Da-pô-li-a-ri-ê? Ra-dô-va hỏi.

– Vâng, lần đầu. Nhà tôi trước đã công tác ở đây.

Người phụ nữ này dễ gây được cảm tình một cách kỳ lạ.

– Xin giới thiệu, đây là các con gái tôi: cháu lớn Lê-na, cháu nhỏ Xvét-la-na.

– Tên tôi cũng là Xvét-la-na. Xvê-ta, cháu sống ở vùng này lâu chưa? – Chị hỏi cô gái nhỏ.

– Cháu vẫn sống ở đây từ lâu – em gái trả lời... cháu sinh ra trên một chiến hạm ạ.

– Thật thế à? – Xvét-la-na hỏi. Trong ký ức của chị thoáng lên một cái gì đó quen quen, đã có từ lâu.

– Thật ạ, – Ra-đô-va trả lời thay cho con gái.

Tên cháu là do anh em thủy binh trên tàu đặt cho.

– Cháu lên sáu?

– Vâng, lên sáu. Do đâu mà chị lại biết? Ra-đô-va lấy làm lạ.

– Tên chị là An-na! Anh em thủy binh đã tặng chị một chậu hoa hương diệp nhỏ, gói buộc bằng một cái dải mũ nồi: thủy quân.

– Hoàn toàn đúng...

– Tên đặt cho cháu gái do khẩu đội trưởng An-đơ-rây Na-goóc-nưi đề nghị, đó là tên tôi. Khi ấy chúng tôi còn chưa lấy nhau. Anh ấy kia kìa! An-đơ-ri-u-sa, lại đây anh!

An-đơ-rây và một người công nhân mang mấy chiếc va-li vào.

– Đồng chí trung úy ạ, tôi chất hành lý xong là đến tìm đồng chí ngay đấy, – người công nhân khuân vác báo trước và đi ra khỏi gian phòng.

– Có chuyện gì thế, Xvê-ta?

– Anh hãy làm quen đi, An-đơ-rây, đây là An-na Ra-đô-va (1). Anh còn nhớ chứ, anh đã kể cho em nghe «Con hải âu trắng», «Cây hương diệp!» Em gái mà anh lấy tên em đặt cho ấy mà! Em ấyđây,bây giờ nhớn lắm, Xvét-la-na đấy...

– Chúng ta là những người quen cũ, – An-đơ-rây vừa chào vừa nói – Có phải là An-na...

– Mi-khai-lốp-na – chị nhắc.

– An-na Mi-khai-lốp-na (2) – An-đơ-rây nói xong và hỏi – Anh ấy hãy còn đóng ở tại đồn biên phòng cũ?

---

(1) (2) Người phụ nữ Nga đã lấy chồng thì lấy họ của chồng thay cho họ nhà mình, như An-na Ra-đô-va là tên gọi của An-na cộng với tên họ nhà chồng. Còn An-na Mi-khai-lốp-na là tên gọi riêng bản thân và tên gọi theo tên cha; gọi theo cách này là để tỏ lòng tôn trọng. Chú ý đây cũng vẫn là một người cả thôi, tuy có hai cách gọi tên khác nhau.

– Nhà tôi đã được thuyên chuyển hơn năm nay rồi. Chúng tôi sống tám năm trời tại một đồn biên phòng. Khi chúng tôi dời đi, tôi đã vì lưu luyến mà gào khóc lên như một mụ rồ dại ấy: Chị đừng có tin lời cái con búp-bê Cơ-li-am ấy! – An-na quay nói với Xvét-la-na. – Tôi sống ở Da-pô-li-a-ri-ê hơn mười năm rồi, thế mà tôi chính là người ở miền Nam, ở Cơ-rát-xnô-da lên. Tôi đã tốt nghiệp trường chuyên nghiệp trung cấp về khoa xây dựng ở Sta-vơ-rô-pôn. Tôi đã đến đồn biên phòng cùng với nhà tôi. Hồi đó chỉ có một căn nhà lợp ván xiêu vẹo cho tất cả mọi người, một nhà bếp và một buồng tắm không có lò đốt. Tất nhiên, không có một công việc gì đã được bố trí trước cho một nhà kỹ thuật xây dựng cả. Nhưng tôi đã quyết định như thế này: nếu một người đã không lẩn tránh lao động thì khắc có công việc cho người đó. Và đã có công việc thật. Sau hai năm chúng tôi đã xây được một cái đồn rất đẹp – một tòa lâu đài hoa đấy! Địa phương đây, khí hậu lành mạnh. Mùa hè năm nay mấy mẹ con tôi đi Cơ-rat-xnô-da và nghỉ ở nhà bà ngoại, các cháu đều bị cúm, tôi thì bị viêm họng. Còn ở đây, ở Da-pô-li-a-ri-ê gia đình chúng tôi chẳng có ai ốm đau gì cả. Không khí trong sạch, bồi dưỡng thêm cho sức khỏe. Đã hít thở thì thở mãi không biết chán đâu!

– Thế thượng úy Ra-đốp bây giờ ở đâu? – An-đơ-rây hỏi.

– Đại úy Ra-đốp, – An-na Mi-khai-lốp-na chữa lại cho anh – Trên ngọn Gu-đim...

– Ở cảng Ghê-oóc-ghi ư?

– Vâng, ở cảng. Mấy mẹ con chúng tôi đang đợi đấy. Chiếc tàu đánh cá «Bac-li-sơ» đã về để lấy dụng cụ câu cá, thuyền trưởng tàu đó có hứa lượt quay trở ra sẽ cho chúng tôi đi theo. Với chuyến đi thì không hám đâu, nhưng mà đã lâu mẹ con chúng tôi chỉ buồn nhớ Ra-đốp và anh

em ở đấy thôi, – An-na Mi-khai-lốp-na thú nhận một cách cởi mở.

– Tôi có những hồi ức thú vị gắn bó với Cảng Ghê-oóc-ghi đấy, – An-đơ-rây mỉm cười – Hãy nói xem, An-na Mi-khai-lốp-na, chị có biết Gơ-la-phi-ra Côn-đa-cô-va không nhỉ?

– Côn-đa-cô-va... Côn-đa-cô-va... – An-na Mi-khai-lốp-na cố nhớ lại – Không, tôi không biết đâu. Có Gơ-la-phi-ra Véc-gun thì ở cảng chúng tôi ai ai cũng biết...

– Một phụ nữ đẹp, người cao lớn? Bây giờ chị ấy phải gần bốn mươi tuổi rồi!

– Phải, một phụ nữ người cao lớn gần bốn mươi tuổi nhưng không thể gọi là người đẹp được. Mặt Gơ-la-phi-ra Véc-gun bị một vết bỏng thuốc súng làm cho méo mó xấu xí và điểm lấm tấm đầy những nốt xanh li ti như nốt trở ấy. Chồng Gơ-la-phi-ra là thuyền trưởng một tàu đánh cá bằng loại lưới đánh nổi. Bao giờ chúng tôi cũng được biết tin con tàu trở về một hồi lâu trước khi nó cập bến Cảng. Gơ-la-phi-ra đi ra đón chồng. Chiếc « Vai-gát » đi vào vịnh thường rúc một hồi còi báo hiệu phải lắng tai lắm mới nghe thấy. Họ là một cặp vợ chồng rất yêu thương nhau, một cặp có một mối tình làm xúc động lòng người khác.

Người công nhân khuân vác đi vào.

– Thưa đồng chí trung úy, tôi đã thuê tắc-xi cho đồng chí.

– Chúng tôi đi ngay đây, – An-đơ-rây trả lời anh ta rồi cáo từ Ra-đô-va: – An-na Mi-khai-lốp-na, mong rằng chóng được gặp lại chị. Hễ có dịp rẽ vào Cảng Ghê-oóc-ghi, tôi sẽ là khách của chị ấy. Tạm biệt đứa con dỡ đầu nhé! – Anh bế em gái nhỏ lên tay và hôn.

– Khi nào anh ấy đi công tác ra khơi, mời chị hãy đến chỗ tôi chơi đấy nhé! An-na Mi-khai-lốp-na mời Xvét-la-na. – Chúng tôi sẽ đợi!...

– Rất vui lòng, An-na Mi-khai-lốp-na, những năm học đã bắt đầu, tôi dạy văn học Nga.

– Thế thì hãy đến trong thời gian nghỉ đông vậy.

Hai người phụ nữ từ biệt nhau.

Sau khi luồn dây da qua những quai cầm của mấy chiếc va-li, người công nhân khuân vác hất mớ hành lý lên vai và từ trong gian buồng đi theo An-đơ-rây ra ngoài.

Một giờ sau, chiếc xuồng máy có tốc độ nhanh đã chạy trên vịnh Côn-xki, nhằm thẳng hướng Bắc lao tới. Vợ chồng An-đơ-rây ngồi trong buồng lái.

Các đài quan sát hỏi họ bằng những luồng ánh sáng đèn chiếu « Đồng chí là ai? Từ ở đâu đến? Đi đâu? » Và chiếc xuồng máy liền trả lời các đài bằng những làn ánh sáng rực...

– Nhưng chúng ta trả lời thế nào? Xvét-la-na hỏi.

Với một giọng nhỏ khẽ, đề chuẩn úy đứng trước guồng lái khỏi nghe thấy, An-đơ-rây nói:

– Chúng ta trả lời « Chúng tôi đang đi đến Coóc-ga-ê-va Xan-ma! Có Xvét-la-na ở trên xuồng chúng tôi! Người phụ nữ nhỏ nhắn và kiên quyết này mang nặng một tấm lòng yêu mến lớn, nồng cháy đối với biển lạnh! ».

Khi chiếc xuồng quanh rẽ về phía những tín hiệu của đảo Coóc-ga, An-đơ-rây cảm động nói:

– Đây, Xvê-ta, chúng ta đang ở nhà...

Xvét-la-na từ trong buồng lái đi ra boong và đưa tay nắm lấy hàng tay vịn, vừa nhìn say đắm vào dải bờ ở gần. Trước mặt chị, và bên phải, chồng chất lồn nhồn những tảng đá đen giống in hệt nhau và những quả đồi phủ dưới lớp rêu mùa thu, đã ngả sang màu vàng. Không có một dấu hiệu nào là nơi có người ở cả. Chiếc xuồng một lần nữa lại quanh rẽ về hướng Bắc. Có cảm tưởng như họ sắp đâm sầm ngay vào dải bờ dựng đứng, lởm chởm đá, nhưng đây những tảng đá đang né tránh ra, và Xvét-la-na liền nhìn thấy một eo biển hẹp. Một ngọn lửa nhỏ xanh nhấp nháy, tắt và một lần nữa lại nhấp nháy. Coóc-ga-ê-va Xan-ma mở ra trước mắt Xvét-la-na một cách đột ngột, tựa hồ

như nó ở dưới đáy bể nổi lên. Ở phía trái, cạnh cầu tàu có một kỳ hạm lớn đang đậu xa hơn nữa là hai chiếc tuần hạm cỡ nhỏ, quá về phía Bắc một chút là một chiếc tàu kéo.

— Nhìn kìa, An-đơ-rây, nhìn xem kìa, một đàn cừu trắng!

— Đâu? — An-đơ-rây ngạc nhiên.

— Anh trông, kia kìa, ngay trên đỉnh đồi ấy! — Xvét-la-na chỉ tay.

— Đó là những chiếc áo ngoài của anh em thủy binh đem căng ra trên những cây bạch dương con đấy chứ An-đơ-rây mỉm cười.

— Em không hiểu...

— Anh em thủy binh giặt những chiếc sơ-mi vải mặc ngoài rồi giăng chúng ra trên dám cây bạch dương để phơi cho khô đấy.

Chiếc xuồng đã được neo buộc cạnh cầu tàu cũ.

Ra đón họ là thiếu tá Cô-nô-bai-nhi-cốp, trực ban của căn cứ. Đồng chí không quen biết An-đơ-rây Na-goóc-nưi vì vậy mà cuộc đón tiếp hình như đã không được như ý mong muốn.

— Báo cáo đồng chí thiếu tá, trung úy An-đơ-rây Na-goóc-nưi đã tới phân đội để công tác! — An-đơ-rây báo cáo.

— Xin chào mừng đồng chí đã tới! — Thiếu tá vừa bắt tay An-đơ-rây vừa đáp — Vợ đồng chí?

— Na-goóc-nai-a! Xvét-la-na tự giới thiệu.

— Anh em lính thủy sẽ giúp đỡ việc mang hành lý vào trong ngôi nhà của những người mới đến. Thượng tá có thể tiếp đồng chí, thượng tá hiện đang ở Ban tham mưu.

Giữa lúc đó một chiếc xuồng lớn, đáy bằng đang cập bến đã thu hút mất sự chú ý của người sĩ quan trực ban.

Bọn họ, có hai người lính thủy kèm theo, đi trên một cầu tàu hẹp dài tới ngôi nhà dành cho những người mới đến.

An-đơ-rây cạo mặt và sửa sang lại tư thế con người cho chỉnh tề. Nghĩ đến cuộc gặp gỡ sắp tới với đồng chí chỉ huy, anh cảm thấy xao xuyến hồi hộp trong lòng. Một người lính thủy cầm khẩu súng cac-bin trong tay đang đứng gác ở ban tham mưu. Ngày trước đây chính anh, khẩu đội trưởng An-đơ-rây Na-goóc-nưi đã từng đứng gác ở chỗ này... Vẫn cái cầu thang gỗ như trước đây, kêu cót ca cót két. Cánh cửa cuối cùng ở bên phải, một cánh cửa bọc da giả màu đen. Sau khi gõ cửa, anh nghe thấy một giọng quen thuộc: «Cứ vào!». Và đây, trung úy An-đơ-rây mở cánh cửa mà lần cuối cùng, cách đây năm năm anh đã từ trong đó đi ra hắn còn là một người khẩu đội trưởng.

Thượng tá đứng dậy bước ra đón anh. Thời gian đã không được phản ánh lên khuôn mặt đôn hậu của đồng chí, trừ có hai bên thái dương đã bắt đầu bạc trắng.

— Báo cáo đồng chí Thượng tá, trung úy An-đơ-rây Na-goóc-nưi! Tôi xin tự giới thiệu nhân dịp được bổ nhiệm chức vụ, — An-đơ-rây báo cáo.

— Xin chúc mừng đồng chí đã tốt nghiệp trường hải quân — người chỉ huy nói một cách nhiệt tình và chìa tay ra bắt.

Cuộc nói chuyện diễn ra thân mật và kéo dài cho đến khi thượng tá ngừng nói, nhìn đồng hồ:

— Đồng chí trung úy, chúng ta ra bến tàu đi. Đúng mười hai giờ chúng ta sẽ đưa tiễn trung tá Pô-li-va-nốp. I-van Ac-xen-chi-ê-vích được rút về làm sĩ quan dự bị. Thật tiếc phải chia tay với đồng chí ấy. Một thủy thủ ưu tú, và một người có tâm hồn khác thường...

Khi hai người đi tới gần cái cầu nổi, các sĩ quan, các chuẩn úy và anh em lính thủy thuộc các đoàn thủy binh trên các tàu đang đậu gần bến cầu, đều đã đứng thành đội ngũ. Ở bên phía trái có đội nhạc kèn, xếp đằng cuối hàng một đội hình vuông.

Pô-li-va-nốp đứng trước hàng quân.

Thủ trưởng phòng chính trị mở cặp da có địa chỉ in nổi bằng chữ vàng và đọc :

« TẶNG THƯỞNG TRUNG TÁ PÔ-LI-VA-NỐP I-VAN ÁC-XEN-CHI-Ê-VÍCH : VÌ ĐÃ PHỤC VỤ LÂU NĂM KHÔNG PHẠM KHUYẾT ĐIỂM TRONG QUÂN ĐỘI XÔ-VIẾT VÀ TRONG CÁC BỘ ĐỘI BIÊN PHÒNG MIỀN BẮC VÌ ĐÃ HOÀN THÀNH MỘT CÁCH GƯƠNG MẪU NGHĨA VỤ QUÂN SỰ VÀ CHỨC TRÁCH CỦA MÌNH NHẰM BẢO VỆ NHỮNG BIÊN GIỚI QUỐC GIA CỦA LIÊN BANG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA XÔ-VIẾT »

Đội kèn thổi vang một bài nhạc chúc mừng ngắn và trang nghiêm. Những âm thanh kèn đồng từ mặt nước dội lên, bay đi khắp vịnh.

Những lời phát biểu đều giản dị, và cảm động. Tất cả mọi người — từ người lính thủy đến cấp chỉ huy — đều yêu mến người chiến sĩ hải quân kỳ cựu, nên khi chia tay với đồng chí, họ đều tỏ lộ sự luyến tiếc một cách chân thành.

Thiếu tá hạm trưởng Đê-vi-a-tốp thay mặt cho các sĩ quan trên chiếc « Vi-u-ga » phát biểu ý kiến. Đồng chí quá xúc động đến nỗi chưa nói hết lời đã ôm chầm lấy Pô-li-va-nốp và hai người theo phong tục Nga hôn nhau ba lần.

Đội trưởng thủy binh Kha-ba-nốp, theo sự ủy nhiệm của các chuẩn úy và anh em lính thủy trên chiếc « Vi-u-ga » đọc bài phát biểu ngắn. Đồng chí trao tặng I-van Ac-xen-chi-ê-vích một món quà nhỏ : hình mẫu chiếc « Vi-u-ga » chiếc tàu mà Pô-li-va-nốp đã chỉ huy tám năm trời — do anh em lính thủy làm.

Một sự kiện hoàn toàn bất ngờ là sự xuất hiện của thuyền trưởng tàu đánh cá « Vai-gát ». Véc-gun nói :

– I-van Ac-xen-chi-ê-vích ! Chúng tôi quý trọng và yêu mến đồng chí. Chúng tôi không muốn hạm trưởng Pô-li-va-nốp từ giã biển Ba-ren. Vì vậy anh em thủy thủ ở cảng đã quyết nghị : đổi tên các tàu tiên tiến « Vai-gát » của đoàn tàu đánh cá thành chiếc tàu « I-van Pô-li-va-nốp » !

Pô-li-va-nốp cố kìm giữ giọt nước mắt đã dâng lên khóe mắt, vừa bước lên thang chiếc tàu kéo.

Bộ máy hơi nước bắt đầu chạy ầm ầm. Chiếc tàu kéo mũi bè buông trả dây quăng, quay trở mũi rồi chầm chậm, với một chuyển động nhỏ nhất, tiến về phía lối đi ra khỏi vịnh.

Pô-li-va-nốp đứng trên boong, người dựa vào ụ nổi.

Đội nhạc kèn thổi bài hành khúc của các chiến sĩ hải quân biên phòng.

Chiếc còi trên tàu kéo phả ra một làn hơi trắng như chùm lông rồi thét rầm lên. Còi trên kỳ hạm bèn trả lời : những chiếc tuần hạm, xuồng máy và xuồng liên lạc « con Nhạn » đều rúc còi hiệu. Những tiếng còi vang lên trầm trầm và gào thét bằng đủ các giọng điệu khác nhau. Quả pháo hiệu đầu tiên từ ở chiếc « Vi-u-ga » bay vọt lên, sau đó là những loạt súng tín hiệu từ khắp các chiến hạm đáp lại.

Chậm chạp, dưới vòm trời đầy sao lấp lánh muôn màu sắc, chiếc tàu kéo rời đi mỗi lúc một xa hơn, xa hơn nữa. Những tiếng còi ngắn, nghe như thánh thót, im bặt. Bắt đầu một sự yên lặng trang trọng và, có lẽ, hơi buồn bã.

An-đơ-rây như bừng tỉnh khi Đê-vi-a-tốp khoác lấy cánh tay anh, dẫn đi về phía một chiếc tàu.

– An-đơ-rây, tôi chúc mừng đồng chí đã tốt nghiệp trường hải quân. Tôi không biết liệu có thay thế nổi Pô-li-va-nốp để giúp đỡ đồng chí không, nhưng tôi xin hứa là trước đây Pô-li-va-nốp đối với tôi như thế nào thì nay

tôi cũng sẽ cố gắng làm như thế đối với đồng chí. Một giờ nữa chúng ta sẽ ra bể, đồng chí cần phải có mặt trên tàu.

Khi An-đơ-rây trở về ngôi nhà của những người mới đến, căn buồng dành cho vợ chồng anh, nhờ có những cố gắng của Xvét-la-na, đã biến dạng hẳn đi, nó đã có cái vẻ êm ấm, có thể ở được lắm rồi.

Trên bàn, cà-phê trong cái ấm pha đun bằng điện đương sôi lên, kêu ùng ọc với một vẻ rộn ràng, vừa phụt từ ở trong lòng « suối phun nóng » ra một tia nước sền sệt. Sau khi mặc phủ lên áo dài một tấm yếm thêu đăng-ten, Xvét-la-na bày thức ăn lên bàn.

Chị nhổm người trên mũi giày, ôm lấy anh :

— An-đơ-rây-ca, chúng ta sẽ uống cà-phê ngay bây giờ.

An-đơ-rây nhìn đồng hồ. Không còn thì giờ để uống cà-phê, cần phải chuẩn bị hành lý nữa kia. Anh lặng lẽ tắt dòng điện đun ấm cà-phê và kéo Xvét-la-na ngồi xuống đi-văng bên cạnh mình :

— Anh và em, Xvê-ta ạ, chúng ta đã nói nhiều về đề tài này... Em nhớ chứ — không được mè nheo ! Mười phút chuẩn bị và hai mươi phút nữa thì anh lên đường. Mười ba giờ anh đi ra bể.

Mặt Xvét-la-na sa sầm lại, nhưng thoáng qua giây lát đã trấn tĩnh ngay được, chị liền nhảy lên ghế, nhắc chiếc va-li trên tủ xuống và vừa xếp quần áo vừa nói :

— Anh biết đấy, An-đơ-rây-ca, như thế càng tốt nữa là đằng khác. Cả cuộc đời chúng ta sẽ gồm những cuộc gặp gỡ và tạm biệt vậy. Em xin hứa với anh là, mỗi cuộc gặp gỡ mới em sẽ càng yêu anh nhiều hơn, nhiều hơn...

An-đơ-rây dề nghị đừng theo tiễn anh.

Khi An-đơ-rây leo lên thang tàu, người trực nhật hô khẩu lệnh :

— Nghiêm.

— Nghỉ ! — Anh đáp lại và bước lên boong con tàu của mình.

Trực nhật tầng dưới hiện ra theo tiếng chuông gọi :

– Báo cáo đồng chí trung úy, đồng chí ra lệnh báo cáo như thế nào về đồng chí ?

– Báo cáo với hạm trưởng : trung úy An-đơ-rây đã đến để công tác.

Phó chính ủy Gơ-ri-gô-ri-ép tiếp anh. Phu-tô-rốp hiện đang ở Mát-scơ-va, học trong Viện hàn lâm quân sự mang tên Lê-nin. Nghe nói rằng sau khi tốt nghiệp Viện hàn lâm Phu-tô-rốp sẽ được bổ nhiệm làm thủ trưởng phòng chính trị hạm đội.

– Đồng chí trung úy, chúng ta bây giờ đi cảnh vệ đường biên giới quốc gia của Liên bang cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô-viết – phó chính ủy nói. – Nhưng trước tiên chúng ta sẽ đề đồng chí thủ trưởng mới của đồn biên phòng lên bờ ở vịnh Ban-sai-a Pê-rê-cát-nai-a, đồng chí ấy sẽ đến bây giờ.

Tiếng chuông báo vang lên.

– Tôi nghĩ rằng đó là đồng chí ấy đấy. Đồng chí hãy thu xếp để đồng chí ấy ở trong ca-bin của mình trong thời gian đi qua đó.

An-đơ-rây đi ra cái sân cao đằng lái tàu.

Một thượng úy tay xách va-li đang lanh lẹ chạy lên thang tàu – đó chính là Phô-ma Lô-ba-đơ-nốp.

Tiếng chuông vang lên lanh lảnh.

Đội trưởng thủy binh Kha-ba-nốp hô khẩu lệnh :

– Quan sát viên trên sân cao đằng mũi tàu, về vị trí ! Quan sát viên trên sân cao đằng lái tàu, về vị trí ! Nhổ neo.

Con tàu bắt đầu rời khỏi cầu tàu.

Từ trên cái cầu nổi cũ, Xvét-la-na đứng nhìn theo con tàu.

Những lá cờ chúc điều tốt lành tung bay trên dây kéo của chiếc « Gơ-rô-da », đang đậu ở cạnh cầu tàu.

Chiếc « Vi-u-ga », rẽ quành, từ từ tiến vào eo biển biến mất sau dải bờ lởm chởm đá của mỏm Cuốc-ga.

Xvét-la-na đến trường học.

Trên cửa ra vào trường học bảy năm, treo một khẩu hi bằng vải đỏ:

"THÂN ÁI ĐÓN CHÀO CÁC EM"

Khẩu hiệu được viết lên cho các em học sinh lớp một là đầu tiên mặc bộ đồng phục nhà trường, nhưng điều chú mừng tốt lành đó Xvét-la-na cũng cứ nhận một cách chín đáng cho ngay cả bản thân mình nữa.

In 30.150c. khổ 13×19, tại Nhà in Lao động, Hà-nội. Số in 060. Số X.B. 29/VH. Xong ngày 30-10-72. Nộp lưu chiểu tháng 10-72.